

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

**YẾU ĐIỂM
GIÁO LÝ
ĐẠI ĐẠO**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

(Những điểm trọng yếu trong Giáo Lý Đại Đạo)

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

**YẾU ĐIỂM
GIÁO LÝ
ĐẠI ĐẠO**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

2006

Mục lục

LỜI TỰA..... ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

CHƯƠNG 1. CAO ĐÀI VÀ ĐẠI ĐẠO 15

MỤC 1. TỔNG QUAN VỀ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ..... 17

MỤC 2. CAO ĐÀI..... 23

1. ĐỊNH NGHĨA..... 23

2. CAO ĐÀI LÀ VŨ TRỤ 24

3. CAO ĐÀI LÀ CON NGƯỜI..... 26

4. CAO ĐÀI LÀ NHÂN SINH 27

5. CAO ĐÀI LÀ TÔN GIÁO..... 29

6. CAO ĐÀI LÀ ĐẠI ĐẠO 30

7. CAO ĐÀI LÀ DANH XƯNG CỦA THƯỢNG ĐẾ TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ..... 32

8. CAO ĐÀI NỘI TẠI 36

9. KẾT LUẬN..... 37

MỤC 3. THIÊN NHÂN 39

1. TỔNG QUÁT 39

1.1. Thánh giáo dạy về Thiên Nhân..... 40

1.2. Tóm tắt Thánh Ý về Thiên Nhân 42

1.3. Dịch nghĩa bài thơ dạy về Thiên Nhân của Đức Chí Tôn 43

2. THIÊN NHÂN LÀ BẢN THỂ VŨ TRỤ 44

2.1. Thiên Nhân là Đạo, là Vô Cực – Thái Cực 44

2.2. Thiên Nhân là Thiên Tâm, là Thượng Đế..... 47

3. THIÊN NHÃN LÀ BẢN THỂ CỦA CON NGƯỜI	49
3.1. <i>Thiên Nhãn là Hoàng Cực</i>	49
3.2. <i>Thiên Nhãn là Chơn Tâm</i>	52
4. THIÊN NHÃN LÀ TÂN PHÁP CAO ĐÀI.....	55
4.1. <i>Ngoại quán</i>	56
4.2. <i>Nội quán</i>	57
5. KẾT LUẬN.....	59
MỤC 4. QUYỀN PHÁP	61
1. Ý NGHĨA TỔNG QUÁT CỦA QUYỀN PHÁP.....	61
1.1. <i>Định nghĩa</i>	61
1.2. <i>Những đặc điểm của Quyền Pháp</i>	63
2. QUYỀN PHÁP CAO ĐÀI TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ.....	64
2.1. <i>Vai trò Quyền Pháp của đạo Cao Đài</i>	64
2.2. <i>Sự thiết lập Quyền Pháp trong Hội Thánh Cao Đài</i>	67
3. QUYỀN PHÁP CỦA NGƯỜI SỨ MẠNG	70
4. KẾT LUẬN.....	72
CHƯƠNG 2. VŨ TRỤ	75
MỤC 1. TỔNG QUAN VỀ VŨ TRỤ LUẬN ĐẠI ĐẠO	77
1. NGUỒN GỐC VŨ TRỤ	77
1.1. <i>Khái niệm về vũ trụ</i>	78
1.2. <i>Bản Thể Vũ Trụ</i>	79
1.3. <i>Cơ nguyên sinh hóa vũ trụ</i>	81
1.4. <i>Đại Linh Quang - Tiểu Linh Quang. Thượng Đế Vô Ngã - Thượng Đế Hữu Ngã</i>	83
2. SỰ VẬN ĐỘNG VÀ BIẾN HÓA CỦA VŨ TRỤ.....	85
2.1. <i>Quy luật Âm Dương tương tác</i>	85
2.2. <i>Quy luật tuần hoàn quy nguyên</i>	85
3. VŨ TRỤ TÂM LINH	86
4. SỰ TIẾN HÓA CỦA VŨ TRỤ	87
5. KẾT LUẬN.....	91

MỤC 2. ĐẠO – THƯỢNG ĐẾ.....	93
1. ĐẠO	93
1.1. <i>Nhất Thể biến sinh Tam Cực</i>	<i>93</i>
1.2. <i>Tam Cực biến sinh vạn pháp.....</i>	<i>99</i>
1.3. <i>Vạn pháp trở về Nhất Thể.....</i>	<i>100</i>
2. THƯỢNG ĐẾ.....	101
2.1. <i>Thượng Đế Vô Ngã.....</i>	<i>102</i>
2.2. <i>Thượng Đế Hữu Ngã</i>	<i>104</i>
3. KẾT LUẬN.....	106
MỤC 3. NGUYÊN LÝ THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ..	109
1. TƯƠNG ĐỒNG – TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC PHẠM TRÙ THIÊN ĐỊA VÀ VẠN VẬT	109
2. TƯƠNG ĐỒNG – TƯƠNG QUAN GIỮA THIÊN ĐỊA VÀ CON NGƯỜI.....	111
3. TƯƠNG ĐỒNG – TƯƠNG QUAN GIỮA CON NGƯỜI VÀ VẠN VẬT, GIỮA CON NGƯỜI VÀ CON NGƯỜI	113
3.1. <i>Con người và vạn vật.....</i>	<i>113</i>
3.2. <i>Con người và con người</i>	<i>114</i>
4. Ý NGHĨA CỦA NGUYÊN LÝ THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ	116
MỤC 4. NGUYÊN LÝ NHẤT TÁN VẠN – VẠN QUY NHẤT	119
1. NHẤT TÁN VẠN.....	119
1.1. <i>Định nghĩa</i>	<i>119</i>
1.2. <i>Các định luật</i>	<i>120</i>
3. VẠN QUY NHẤT.....	124
3.1. <i>Định nghĩa</i>	<i>124</i>
3.2. <i>Các định luật</i>	<i>125</i>
4. KẾT LUẬN.....	128
CHƯƠNG 3. CON NGƯỜI.....	129
MỤC 1. TỔNG QUAN VỀ CON NGƯỜI	131
1. ĐỊNH NGHĨA VỀ CON NGƯỜI	132

2. CƠ CẤU TIỂU VŨ TRỤ CỦA CON NGƯỜI	132
3. PHẠM VI CỦA CON NGƯỜI.....	134
3.1. Nguyên Nhân và Hóa Nhân	134
3.2. Bản vị của con người.....	135
4. QUYỀN NĂNG CON NGƯỜI	136
5. SỨ MẠNG CON NGƯỜI.....	137
6. KẾT LUẬN.....	139
MỤC 2. TAM TÀI ĐỒNG ĐẲNG	141
1. ĐỊNH NGHĨA.....	141
1.1. Tam Tài là gì?.....	141
1.2. Tam Tài đồng đẳng là gì?.....	142
2. CON NGƯỜI TRONG TAM TÀI ĐỒNG ĐẲNG	143
2.1. Con Người đồng đẳng với Trời Đất về cội nguồn.....	144
2.2. Con Người đồng đẳng với Trời Đất về cấu tạo	145
2.3. Con Người đồng đẳng với Trời Đất về bản vị.. ..	146
2.4. Con Người đồng đẳng với Trời Đất về quyền năng.....	147
2.5. Con Người đồng đẳng với Trời Đất về sứ mạng.....	148
3. KẾT LUẬN.....	150
MỤC 3. SỨ MẠNG VI NHÂN	151
1. GIAI ĐOẠN RA ĐI – ĐEM ĐẠI ĐẠO LẬP ĐỒI.....	152
1.1. Đối với bản thân	152
1.2. Đối với tha nhân	153
2. GIAI ĐOẠN TRỞ VỀ VỚI ĐẠI ĐẠO	155
2.1. Đối với bản thân	155
2.2. Đối với tha nhân	156
3. KẾT LUẬN.....	158
MỤC 4. THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT	159
1. ĐỊNH NGHĨA.....	159
2. CON NGƯỜI HIỆP NHẤT VỚI THƯỢNG ĐẾ VÔ NGÃ	160
2.1. Sự hiệp nhất với Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại.....	160
2.2. Sự hiệp nhất với Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại	161
3. CON NGƯỜI HIỆP NHẤT VỚI THƯỢNG ĐẾ HỮU NGÃ..	163

3.1. Sự hiệp nhất với Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại	163
3.2. Sự hiệp nhất với Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại	165
4. KẾT LUẬN.....	167

CHƯƠNG 4. NHÂN SINH 169

MỤC 1. TỔNG QUAN VỀ NHÂN SINH LUẬN ĐẠI ĐẠO 171

1. NHẬN ĐỊNH VỀ CUỘC ĐỜI VÀ KIẾP SỐNG CON NGƯỜI	171
2. GIẢI PHÁP CHO CÔNG CUỘC CHẤN HUNG TOÀN DIỆN XÃ HỘI.....	174
2.1. Phục hồi Nhân Bản.....	174
2.2. Tạo thế nhân hòa	174
2.3. Xây dựng xã hội đại đồng.....	175
3. KẾT LUẬN.....	175

MỤC 2. NHÂN BẢN..... 177

1. ĐỊNH NGHĨA.....	177
2. CÁC GIAI ĐOẠN CHỨNG NGHIỆM NHÂN BẢN	178
2.1. Giai đoạn 1: Nhân bản qua đời sống gia đình.	178
2.2. Giai đoạn 2: Nhân bản qua đời sống xã hội	179
2.3. Giai đoạn 3: Nhân bản qua đời sống nhân loại	182
2.4. Nhân bản qua mọi không gian và thời gian	183
3. CON ĐƯỜNG PHỤC HỒI NHÂN BẢN.....	184
3.1. Tại sao phải phục hồi nhân bản?	184
3.2. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là con đường phục hồi nhân bản	185
4. DÂN TỘC VIỆT NAM VỚI SỨ MẠNG PHỤC HỒI NHÂN BẢN.....	186
5. KẾT LUẬN.....	190

MỤC 3. NHÂN HÒA..... 191

1. Ý NGHĨA NHÂN HÒA TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ	192
2. BA YẾU TỐ CỦA NHÂN HÒA	193
2.1. Nhân bản, yếu tố cơ bản nhất.....	194

2.2. <i>An lạc, yếu tố hướng về một đời sống bình an, vui sướng về vật chất lẫn tinh thần.....</i>	195
2.3. <i>Tiến bộ, yếu tố thúc đẩy cuộc sống phát huy về vật chất lẫn tinh thần.....</i>	196
3. ĐƯỜNG LỐI VÀ PHƯƠNG CÁCH THỰC HIỆN NHÂN HÒA	196
MỤC 4. ĐẠI ĐỒNG	199
1. Ý NGHĨA CỦA MỤC TIÊU ĐẠI ĐỒNG.....	200
2.1. <i>Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã vạch ra một đường hướng đại đồng trong cội nguồn nhân loại.....</i>	200
2.2. <i>Đại đồng không đòi hỏi sự rập khuôn của mọi hình thức văn minh văn hóa hay tư tưởng của loài người.....</i>	201
2.3. <i>Đại đồng là mục tiêu của sứ mạng vi nhân.....</i>	201
2. ĐẶC ĐIỂM CỦA XÃ HỘI ĐẠI ĐỒNG VÀ CON NGƯỜI ĐẠI ĐỒNG	202
2.1. <i>Xã hội đại đồng.....</i>	202
2.2. <i>Con người đại đồng.....</i>	205
3. THỰC HIỆN ĐẠI ĐỒNG NHÂN LOẠI	205
3.1. <i>Phương cách.....</i>	205
3.2. <i>Tiến trình thực hiện</i>	206
4. KẾT LUẬN.....	209
CHƯƠNG 5. PHẢN BỔN HOÀN NGUYÊN	211
MỤC 1. TỔNG QUAN VỀ CON ĐƯỜNG PHẢN BỔN HOÀN NGUYÊN	213
1. HÀNH TRÌNH QUY NGUYÊN.....	213
1.1. <i>Quy Nguyên là Quy Tâm</i>	213
1.2. <i>Các chặng đường quy Nguyên.....</i>	214
2. PHƯƠNG PHÁP QUY NGUYÊN	216
2.1. <i>Tâm là căn cơ để quay về Bản Nguyên</i>	216
2.2. <i>Phải dụng tâm để chủ sử toàn diện con người.</i>	216
2.3. <i>Phá chấp để đạt được thiên địa chi tâm</i>	217

2.4. Tam Công	218
3. KẾT LUẬN.....	220
MỤC 2. SỨ MẠNG ĐẠI THỪA.....	221
1. Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA SỨ MẠNG ĐẠI THỪA.....	221
2. MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA SỨ MẠNG ĐẠI THỪA.....	223
2.1. Cứu độ toàn diện và cứu độ toàn thể.....	223
2.2. Xây dựng nền tảng giáo lý nhằm thực hiện bản thể đại đồng nhân loại.....	224
2.3. Giải pháp của sứ mạng đại thừa	225
4. NGƯỜI SỨ MẠNG ĐẠI THỪA	228
4.1. Người sứ mạng đại thừa là Con Người Đại Đạo.....	228
4.2. Người sứ mạng đại thừa là người thực hành thiên đạo	230
4.3. Người sứ mạng đại thừa là thiên sứ, là người của thiên cơ	231
5. KẾT LUẬN.....	231
MỤC 3. TÁNH MẠNG SONG TU	233
1. TÁNH.....	234
1.1. Nguyên Tánh.....	234
1.2. Phạm tánh.....	235
2. MẠNG.....	235
2.1. Chơn Mạng.....	235
2.2. Thân mạng.....	236
3. TÁNH MẠNG SONG TU.....	236
3.1. Tu tánh.....	237
3.2. Tu mạng.....	237
3.3. Tánh mạng song tu và con đường phản Bỏ hoàn Nguyên	238
4. KẾT LUẬN.....	239
MỤC 4. ĐẠO PHÁP TỔNG QUÁT	241
1. TỔNG QUAN VỀ ĐẠO PHÁP.....	241
2. ĐỊNH NGHĨA.....	242

3. ĐẠO PHÁP VÀ VỮ TRỤ.....	243
4. ĐẠO PHÁP VÀ CON NGƯỜI	243
4.1. <i>Đạo pháp là nấc thang tiến hóa của vạn loại ..</i>	244
4.2. <i>Đạo pháp là con đường quy tâm</i>	245
4.3. <i>Đạo pháp là con đường bảo thân.....</i>	247
5. NHỮNG ĐIỀU KIỆN KHI VÀO ĐẠO PHÁP.....	248
6. NHỮNG NẤC THANG ĐẠO PHÁP	251
7. ÍCH LỢI CỦA ĐẠO PHÁP	253
8. KẾT LUẬN.....	254
TỔNG LUẬN	255
TÀI LIỆU THAM KHẢO	259

CHƯƠNG 1. CAO ĐÀI VÀ ĐẠI ĐẠO

MỤC 1. TỔNG QUAN VỀ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

MỤC 2. CAO ĐÀI

MỤC 3. THIÊN NHÃN

MỤC 4. QUYỀN PHÁP

MỤC 1.

TỔNG QUAN VỀ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là đại cuộc cứu độ nhân loại bằng chánh pháp Đại Đạo do Thượng Đế thiết lập vào thời kỳ hạ nguon này.

Năm Bính Dần 1926, Đức Chí Tôn sáng lập đạo Cao Đài để khai minh Đại Đạo, tức là dùng một tôn giáo, ứng dụng những quy luật của vũ trụ hay thiên lý, thiên cơ, hầu phổ độ chúng sanh.

Thiên cơ là sự vận hành tuần hoàn của Đạo theo luật tuần hoàn “chu nhi phục thi” mà Tam kỳ phổ độ ứng với thời sau cùng của cuộc phục thi quy nguyên.

Quy nguyên hay hoàn nguyên là cứu cánh tiến hóa của chúng sanh trong quá trình bảo tồn và thăng tiến tâm linh. Chánh pháp Đại Đạo có mục đích giác ngộ con người về cơ quy nguyên để bước vào con đường giải thoát, tức Đại Đạo, bằng những điều kiện tự hữu của một chủ thể Tiểu Linh Quang tiến hóa và những đặc ân của Thượng Đế trong thời Tam kỳ phổ độ.

Tuy cơ cứu độ do đức hạo sanh của Thượng Đế mở ra, nhưng nhất nhất đều dựa vào những nguyên lý tự nhiên và đương nhiên của Càn Khôn vũ trụ.

TỔNG QUAN VỀ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Trước nhất là nguyên lý **Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể**, mà qua đó, giáo lý Đại Đạo nêu lên một Đại bản thể Đại Linh Quang là nguồn gốc phóng phát vô vàn Tiểu Linh Quang đồng thể, những hạt giống tâm linh được gieo vào cơ tiến hóa của vạn vật.

Chính nhờ có mối tương quan **Đại Linh Quang – Tiểu Linh Quang** mà vạn vật luôn luôn được hấp dẫn, thúc đẩy và có khả năng tiến hóa trở nên một chủ thể hoàn thiện.

Trên đường tiến hóa, đạt đến địa vị làm người là đã trở nên một chủ thể tối linh trong vạn vật, có khả năng tương cảm tương ứng với Thượng Đế Đại Linh Quang, có quyền năng góp phần cùng Tạo Hóa tạo dựng, dưỡng dục quần sanh. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy:

*“Trời với người tuy hai mà một,
Mấy Trời ban, then chốt do người;
Linh Quang trong sạch tốt tươi,
Trước trần ô nhiễm, ra người phạm phu.”¹*

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*“Nên Đạo nên người tự bấy lâu,
Phải lo tìm lại chốn nguồn đầu;
Thiên nhơn hiệp nhứt đều do ở,
Tâm của chính người biết nhiếp thâu.”²*

Do đó giáo lý Đại Đạo chấp nhận quan niệm “Tam tài đồng đẳng”.

Trên cơ sở **Trời Người đồng nhất** và **Tam tài đồng đẳng**, con người đương nhiên có sứ mạng làm người rất cao quý. Chính thế gian là môi trường lập công bồi đức và rèn luyện

¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-07 Quý Sửu (13-08-1973); Thánh Giáo Nguyên Bản.

² Đức Quan Âm Bồ Tát; Minh Đức Tu Viện, Ngọ thời, 13-01 Ất Mão (23-02-1975); Thánh Giáo Nguyên Bản.

để con người có thể tiến hóa ngày càng cao cho đến khi thoát khỏi luân hồi, vào hàng thượng đẳng thiêng liêng. Đó là **sứ mạng vi nhân** mà mỗi người phải hoàn thành giữa gia đình, xã hội, dân tộc và đồng loại:

“Sứ mạng cao cả được đặt định cho loài thượng đẳng chúng sinh ở cõi này là sứ mạng vi nhân, được thay Trời mà quản cai muôn vật trong luật tắc sinh hóa, và có đủ quyền năng tự giải thoát để tiến hóa.”³

Trong Tam kỳ phổ độ, những bậc nguyên nhân được Đức Chí Tôn ban trao **quyền pháp** còn thọ nhận sứ mạng trọng đại hơn nữa, đó là **sứ mạng đại thừa** hay “thể thiên hành hóa” cứu độ nhân sanh.

Nhằm cứu độ nhân loại một cách toàn diện, Đức Chí Tôn dùng tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên, ngũ chi phục nhứt” để lập thành chánh pháp Đại Đạo. Ấy là quy nguyên Tam giáo, Ngũ chi để có đủ quyền pháp thực hiện mục đích “Thế đạo đại đồng, thiên đạo giải thoát”.

Trên mục tiêu “Thế đạo đại đồng”, giáo lý Đại Đạo chủ trương phục hồi **nhân bản**, tạo **thế nhân hòa**. Vì chỉ khi nào mỗi người quay lại sống đúng cương vị con người đích thực với đầy đủ nhân tính và thương yêu, tôn trọng mọi người, đối xử xứng đáng với nhân vị của họ, thế gian mới trở nên đời thánh đức hay **thế giới đại đồng**:

“Nhân bản có sáng chói, con người mới cảm thấy mình là con người.”⁴

Trên mục tiêu “Thiên đạo giải thoát”, Đức Chí Tôn ban trao Tân pháp Cao Đài, dùng pháp môn **tánh mạng song**

³ Đức Đông Phương Chương Quán; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hội thời, 01-01 Quý Hợi (13-01-1983); Thánh Giáo Nguyên Bản.

⁴ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tý thời, 14 rạng 15-02 Canh Tuất (21-03-1970); Thánh Giáo Nguyên Bản.

TỔNG QUAN VỀ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

tu độ dẫn các hàng môn đệ cầu đạo giải thoát. Đây là những người bước vào Thiên đạo. Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Thiên đạo là **Thiên đạo đại thừa**, tức hành giả phải song hành “tự độ – độ tha”, có nghĩa muốn thực hành thiên đạo thành công đắc quả, phải nhận lãnh sứ mạng tận độ chúng sanh:

*“Thiên Đạo trường lưu khắp vạn loài,
Chuyển cơ tiến hóa nhiệm màu thay;
Đại Thừa sứ mạng hành thiên đạo,
Nào quản hề đông nẻo dặm dài.”⁵*

Điểm đặc biệt của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là thể **Thiên nhân hiệp nhất**. Chính Đức Chí Tôn nắm giữ chánh pháp và đặt quyền pháp vào cơ đạo, đồng thời, ban trao quyền pháp cho hàng sứ mạng hầu thực hiện mục tiêu phổ độ. Quyền pháp mở đầu đại cuộc khai minh Đại Đạo là tôn giáo Cao Đài:

“Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể Đạo Cứu Thế trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.”⁶

Quyền pháp chính là cái gạch nối giữa “Thiên” và “Nhân” để lập thành thể pháp vận hành Thiên lý, chuyển cơ quy nguyên phục nhứt đến vạn giáo, vạn linh.

Tổng quát, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là đại cuộc hi hữu của thiên cơ nhằm kết thúc một chu kỳ lịch sử của thế giới nhân

⁵ Đức Đông Lâm Tiên Trưởng; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-10 Đinh Tỵ (25-11-1977); Thánh Giáo Nguyên Bản.

⁶ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, Tý thời, 01-01 Kỷ Dậu (16-02-1969); Thánh Giáo Nguyên Bản.

loại đã trải qua Thượng nguồn, Trung nguồn, đến Hạ nguồn.

Hi hữu, vì Đức Chí Tôn đang xoay chuyển đề cuộc phân hóa của vạn giáo và vạn sanh được quy nhất về Đại Đạo do chính Ngài làm chủ, đồng thời thanh lọc, tuyển chọn những đối tượng tiến hóa để xây dựng đời Thượng nguồn mới. Đó là nguyên lý **Nhất tán vạn – vạn quy nhất** của Đạo.

Hi hữu hơn nữa là cuộc vận chuyển phản bản hoàn nguyên này tuy do Thượng Đế định đoạt nhưng lại xoay quanh cái trục càn khôn nối liền hai trung tâm quyền pháp là **Thái Cực Thánh Hoàng** và **ngôi Hoàng Cực** của vạn linh:

*“Hoàng Cực tức là ngôi Trung Hòa giữa Thiên Địa vạn vật vậy. (...) Đời có được an bình, có lập được Thượng Nguồn Thánh Đức, là chính mỗi con người phải nhận chân một Di Lạc thực sự ở con người. Từ bi, bác ái, công bình, chánh trực, đại đồng, năm căn bản này sẽ thị hiện Di Lạc Thiên Tôn. Nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, đó là ngôi Hoàng Cực.”*⁷

Đó là vạn linh hiệp với Chí linh, mới hoàn thành cơ đạo.

Thế nên, Đại Đạo được biểu trưng bằng **Thiên Nhân** là Ngôi Nhứt nguyên chủ tể, có thần lực sáng soi, hiệp nhứt với **chân tâm** con người tịnh khiết hầu đưa chúng sanh vào cuộc tái tạo dinh hoàn.

Vì vậy, hai chữ **Cao Đài** vừa có nghĩa là trung tâm vũ trụ, vừa là thang tiến hóa của vạn sanh, vừa là Chân lý vĩnh cửu để tất cả quy về, viên thành trong Đại Bản Thễ tức Thượng Đế Chí Tôn, mà chỉ trong cơ cứu độ kỳ ba, là cơ hội ngàn năm một thuở, Cao Đài thị hiện để lập thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

⁷ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thiền Điện, 07-04 Canh Tuất (11-05-1970); Thánh Giáo Nguyên Bản.

TỔNG QUAN VỀ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

MỤC 2. CAO ĐÀI

Trong thời kỳ cứu độ lần thứ ba, Đức Chí Tôn Thượng Đế chọn danh từ **Cao Đài** làm danh xưng của Ngài và làm danh hiệu của nền đạo mới do Ngài trực tiếp khai mở. Vậy Cao Đài là gì?

1. ĐỊNH NGHĨA

Danh từ “Cao Đài” được kết hợp bởi hai từ đơn – “Cao” và “Đài” – với những nội dung được tổng quát hóa như sau:

“**Đài**” là một danh từ, được dùng để chỉ một cấu trúc có thứ bậc, bao gồm nhiều tầng lớp và cấp độ; mỗi tầng lớp (cấp độ) đóng một vai trò xác định để hình thành và duy trì sự hiện hữu của toàn bộ cấu trúc: “tầng dưới” làm nền tảng cho “tầng trên”, “tầng trên” phát huy tác dụng của “tầng dưới”.

“**Cao**” là một tính từ, vừa được dùng để chỉ về *lượng*, nhằm nhấn mạnh sự vô cùng, vô tận trong những thứ bậc kiến thiết nên cấu trúc ấy; vừa được dùng để chỉ về *phẩm*, nhằm suy tôn hoặc tạo lập giá trị của cấu trúc ấy.

Do đó, **Cao Đài** là một cấu trúc vô hạn mang tính chất thứ bậc và chứa đựng một giá trị to lớn đối với con người.

Trong định nghĩa này, **Đài** đề cập đến khách quan tính của Trời Đất, **Cao** hàm ngụ chủ thể tính ở con người; nên Cao Đài là cấu trúc được tạo thành bởi sự phối hợp giữa con người và Trời Đất. Sự phối hợp này được thực hiện bởi một nguyên lý – mà giáo lý Đại Đạo gọi là Thiên Nhân hiệp

nhất – và được Thượng Đế sử dụng trong thời hạ nguơn mặt kiếp như một chìa khóa để cứu độ vạn linh:

*“Cao Đài – chỗ Thiên Nhơn hiệp nhất,
Tả danh, hầu cứu vớt vạn linh;
Trong cơn thay xác đổi hình,
Hạ Nguơn mặt kiếp phục sanh tánh lành.”*⁸

Nếu diễn tả qua một hình ảnh trực quan hơn, Cao Đài là một chiếc đài cao có vô số tầng. Càng bước lên những tầng cao hơn, tầm nhìn của con người càng được rộng mở, nhận thức của con người càng được giải thoát ra khỏi những giới hạn chật hẹp của định kiến để thông đạt chân lý của vũ trụ, vạn vật, cũng như chứng nghiệm được chân lý trong chính bản thân mình:

*“Cao Đài là cái đài cao,
Vượt lên tất cả đôn rào ngăn che.
Thấy tỏ rõ mà nghe thấu suốt,
Có gì đâu hạn cuộc được ta;
Ngoài trời, Thượng Đế bao la,
Trong lòng vạn tượng cũng là Chí Tôn.”*⁹

2. CAO ĐÀI LÀ VŨ TRỤ

Định nghĩa tổng quát trên đây, khi được đặt vào ngữ cảnh của vũ trụ, sẽ bộc lộ một ý nghĩa cụ thể hơn: Cao Đài là vũ trụ, một vũ trụ hiện hữu trong sự tương hiệp giữa Thượng Đế, con người và vạn vật. Trong ngữ cảnh này, giáo lý Đại Đạo giải thích:

*“Cao thị Thiên cao chưởng vạn loài,
Đài vi Địa hậu dưỡng vô nhai;”*¹⁰

⁸ Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 01-03 Bính Ngọ (22-03-1966); Thánh Giáo Nguyên Bản.

⁹ Đức Quảng Đức Chơn Tiên; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 07-06 Tân Dậu (08-07-1981); Thánh Giáo Nguyên Bản.

nghĩa là: Cao là **cái cao cả** của Trời để sáng tạo nên tất cả, bao gồm mọi sự vật, mọi hiện tượng; Đài là **cái sâu dày** của Đất để nuôi dưỡng tất cả, không giới hạn một vật nào, không bỏ sót một vật nào.

Theo đó, “Cao” có nghĩa là cái cao cả vô tận vô cùng của Trời, mà “Trời” ở đây lại có nghĩa là **tâm linh**, nên “Cao” là sự cao cả của tâm linh. Còn “Đài” có nghĩa là cái sâu dày vô tận vô cùng của Đất, mà “Đất” ở đây lại có nghĩa là **vật chất**, nên “Đài” là sự sâu dày của vật chất. Kết hợp lại, nội dung của phạm trù “Cao Đài” bao hàm cả Trời Đất – hay còn gọi là Thiên Địa, Càn Khôn – là hai tác năng vô hình, được hình thể hóa thành vũ trụ. Sự hình thể hóa này được Đạo Học Chỉ Nam xác nhận:

“Vũ trụ là hình thể của Trời Đất.”¹¹

Vì là hình thể của Trời Đất, vũ trụ cũng là hình thể của Cao Đài. Cao Đài vừa là bản thiết kế của vũ trụ, vừa là nguồn vật liệu để xây dựng vũ trụ. Nói khác đi, Cao Đài là nguyên lý của vũ trụ: nếu không có nguyên lý ấy, vũ trụ không thể được sáng tạo; mà giả sử có được sáng tạo, vũ trụ vẫn không thể được bảo tồn. Do đó, *nếu không có Cao Đài như một linh hồn, thì không thể có vũ trụ như một thể xác*. Và vì lẽ đó:

“Cao Đài là Tâm của vũ trụ.”¹²

Vì Cao Đài là tâm, là cái cốt yếu của vũ trụ, nên **Cao Đài là vũ trụ**. Như vậy, vũ trụ là một chiếc đài cao, được thiết kế

¹⁰ Đức Trần Hưng Đạo; Bát Nhã Thiên Đường, Ngọ thời, 29-01 Đinh Tỵ (18-03-1977); Thánh Giáo Nguyên Bản.

¹¹ Đạo Học Chỉ Nam, chương 1, tiết 4, mục 1.

¹² Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hợi thời, 29-08 Quý Hợi (05-10-1983); Thánh Giáo Nguyên Bản.

bởi những ý tưởng sáng tạo của tâm linh và được dựng xây từ nguồn vật liệu của vật chất.

3. CAO ĐÀI LÀ CON NGƯỜI

Cũng như chính bản thân vũ trụ, mỗi tạo vật trong vũ trụ – trong đó có con người – đều được kiến tạo theo mô hình “chiếc đài cao” mà chính cấu trúc vô hạn của vật chất là một minh chứng. Tuy nhiên, Cao-Đài-nơi-vạn-vật là một cơ cấu đã được hình thành, hiện diện như một định mạng bất di bất dịch mà vạn vật không thể tự mình thay đổi được; còn Cao-Đài-nơi-con-người là một vũ trụ đang được xây dựng.

Nhưng cái Cao Đài mà mỗi cá nhân phải tự xây dựng lấy, là gì? “*Cao Đài chẳng khá ở ngoài tâm.*”¹³ Nghĩa là, Cao Đài ấy chính là *tâm* của cá nhân đó.

*“Tâm người là một Cao Đài,
Là tiểu Thiên Địa, Tam Tài chí linh.”*¹⁴

Tâm của con người một chiếc đài có vô số tầng, mà mỗi tầng chính là một bậc thang tiến hóa trong tiềm thể. Sự khác biệt giữa những trình độ tiến hóa đó không nằm ở bất cứ một tha lực hay một điều kiện ngoại tại nào, mà chỉ nằm ở khả năng phản tỉnh của chính mỗi cá nhân mà thôi.

Nhưng với cấu trúc nhiều tầng trong không-thời gian của cơ tiến hóa, thì *tâm* của mỗi cá nhân chỉ mới là một chiếc đài (và chiếc đài ấy chính là cơ tiến hóa nội tại trong tiểu vũ trụ của từng con người.) Chiếc đài ấy có *cao* hay không, nghĩa là có vươn được lên đến những nấc thang Thần, Thánh, Tiên, Phật trong guồng máy tiến hóa hay không, đó

¹³ Đức Cao Triều Phát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-10 Kỷ Mùi (04-12-1979); Thánh Giáo Nguyên Bản.

¹⁴ Đức Quan Âm Bồ Tát; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 03-09 Giáp Dần (17-10-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

là do từng cá nhân tự quyết định. Và Tạo Hóa – tức là Đức Chí Tôn Thượng Đế – đã ban cho con người đủ quyền tự do để quyết định, cũng như đủ quyền năng để thực hành quyết định của mình.

Như vậy, ***Cao Đài cũng chính là con người***. Mỗi cá nhân con người là một đồng tác giả với Thượng Đế trong việc kiến tạo nên Cao Đài nội tại nơi chính bản thân mình. Mặc dù Thượng Đế đã tạo ra tầm kích hùng vĩ của chiếc đài cao ấy qua cơ cấu tiêu vũ trụ của mỗi cá nhân, nhưng những giá trị nhân sinh của chiếc đài cao ấy đều do chính cá nhân ấy tự thiết lập qua cách sống của mình.

4. CAO ĐÀI LÀ NHÂN SINH

Nhân sinh là đời sống cộng đồng của nhân loại, được thể hiện ở nhiều quy mô khác nhau: gia đình, dân tộc, quốc gia, khu vực địa lý, thế giới nhân loại,... Dù ở bất kỳ quy mô nào, một xã hội cũng chỉ có thể tồn tại trong trật tự, kỷ cương của chính nó: gia đình phải có nề nếp của gia đình, đoàn thể phải có trật tự của đoàn thể, quốc gia phải có kỷ cương của quốc gia,...

Trật tự kỷ cương xã hội được hiện thực hóa qua tổ chức xã hội. Mọi xã hội có tổ chức đều là một hệ thống thứ bậc với ba giai tầng tiêu biểu: tầng trên cùng là thành phần lãnh đạo, tầng giữa là thành phần quản lý, tầng dưới là các thành viên. *Mỗi xã hội có tổ chức đều là một chiếc đài, nhưng chưa phải là một chiếc đài cao*. Thật vậy, chiếc đài này tuy có thể đạt một chiều cao nào đó về khả năng tự duy trì bằng quyền lực, nhưng chưa hẳn đã cao về giá trị nhân văn nếu thiếu một yếu tố căn bản.

Yếu tố căn bản ấy là gì? Đức Thượng Đế dạy:

*“Tâm chí thành và sứ mạng hòa hiệp của các con là Cao Đài.”*¹⁵

Mỗi cá nhân con người vốn là một Cao Đài trong vũ trụ. Nhưng nếu không có sự hòa hiệp với nhau giữa những chiếc đài cao nơi từng cá nhân, thì không thể tạo thành chiếc đài cao của xã hội; khi đó, dù xã hội có vận động theo chiều hướng nào và có phát triển đến đâu, thì cũng chỉ là một hệ thống giai cấp với những phân tranh để tự hủy diệt.

Tuy nhiên, nếu chỉ có sự hòa hiệp thì cũng chưa đủ, mà sự hòa hiệp ấy còn phải được thực hiện bởi một tấm lòng *chí thành*. Nói khác đi, phải đặt quyết tâm và nỗ lực để thực hiện sứ mạng hòa hiệp lên trên tất cả, thì *sự liên kết giữa những cá nhân mới tạo thành một xã hội vững chắc và sự liên kết giữa các xã hội mới tạo thành một nhân loại trường tồn*.

Như vậy, xã hội tự nó chỉ mới là một chiếc đài. Chiếc đài ấy chỉ có thể đạt đến một chiều cao nhân bản tính khi con người mang hết tâm thành của mình ra mà thực hiện sự hòa ái với đồng loại. Nếu được như vậy, thì mỗi xã hội sẽ thật sự là một Cao Đài. Những Cao-Đài-xã-hội này được hiệp nhất từ những Cao-Đài-cá-nhân, và đến lượt mình, Cao-Đài-xã-hội lại trở thành những thành phần, những cấu tử, những phân tầng khác nhau của Cao-Đài-nhân-loại, nghĩa là của một tòa Cao Đài rộng lớn hơn, tòa Cao Đài của toàn thể nhân sinh.

Trong ý nghĩa đó, Cao Đài cũng chính là nhân sinh.

Và trong một xã hội nhân sinh được tạo dựng theo đúng mô hình Cao Đài như vậy – ở bất kỳ quy mô lớn nhỏ nào – thì trật tự kỷ cương chính là sơ đồ kiến trúc của xã hội đó. Sơ

¹⁵ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-10 Quý Sửu (09-11-1973); Thánh Giáo Nguyên Bản.

đó thiết lập tương quan giữa các *trách nhiệm cá nhân tính* và các *mục tiêu xã hội tính*. Nhờ đó, con người không còn là một cá nhân mà trở thành một chức năng trong cộng đồng, một bồn phen trong xã hội, một sứ mạng trong nhân loại để thực hiện những mục tiêu chung của tập thể; và xã hội cũng không còn là một hệ thống giai cấp, mà trở thành một môi trường tiến hóa sống động để phát huy những khả năng tốt đẹp cũng như những sở dụng thiêng liêng của con người.

5. CAO ĐÀI LÀ TÔN GIÁO

Nguyên lý của “chiếc đài cao” đã xuất hiện trong khắp các tín ngưỡng thuộc mọi nền văn minh Đông Tây kim cổ, và đã được biểu tượng hóa trong kiến trúc của mọi tôn giáo. Các kim tự tháp của các tôn giáo cổ đại tại Ai cập và Pérou, những ngọn tháp nhiều tầng của các đền thờ Hindu, những ngọn tháp của các chùa Phật giáo, những tháp chuông của các nhà thờ Thiên Chúa giáo, những ngọn tháp của các đền thờ Hồi giáo,... đều là những cách thức biểu hiện khác nhau của cùng một chiếc đài cao trong khát vọng hướng thượng của nhân loại.

Rõ ràng, mỗi tôn giáo đều không giấu được khuynh hướng tự bảo tồn lấy *hình thể cao đài* trong kiến trúc của mình. Những chiếc đài cao ấy được mỗi tôn giáo dùng để biểu thị cho *tâm kích to lớn và giá trị cao cả của công cuộc cứu thế mà tôn giáo ấy hoằng hóa nơi thế gian*.

Tôn giáo là một hình thái đặc biệt của cộng đồng nhân sinh. Nhưng không chỉ đơn thuần là thừa hưởng hay phát triển cấu trúc Cao Đài của nhân sinh, tôn giáo còn mô phỏng cấu trúc Cao Đài của vũ trụ, và hơn nữa, kết hợp cả hai cấu trúc đó – Cao Đài vũ trụ và Cao Đài nhân sinh – để phát huy

những tiềm năng trong cấu trúc Cao Đài của con người. Với ý nghĩa đó, ***mỗi tôn giáo là một Cao Đài***.

Cao Đài nơi mỗi tôn giáo là Cao Đài của những bản sắc văn hóa dị biệt. Đó là cái Cao Đài đã tạo thành văn minh nhân loại cho đến ngày nay, bao gồm mọi lĩnh vực từ vật chất đến tâm linh. Điều đáng tiếc là sự dị biệt của những màu sắc tôn giáo rất phong phú ấy đã bị ngộ nhận như là sự mâu thuẫn, và bị biến thành một trong những duyên cớ để nhân loại tự phân hóa. Hậu quả của sự ngộ nhận này là các tôn giáo tự phủ định lấy bản chất Cao Đài vốn có trong tinh thần căn bản của chính mình. Bởi vậy, ngay sau khi những nhiệm vụ lịch sử của các tôn giáo thuộc Nhất Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ hoàn tất, thì một bài toán mới lập tức phát sinh ở những bước phát triển tiếp theo của văn minh nhân loại: nhân loại đang cần một Cao Đài phổ quát để xây dựng một thế giới thái bình và đại đồng.

Và giờ đây, cái Cao Đài phổ quát ấy đã thật sự xuất hiện trên hành tinh của chúng ta: tại Việt nam, đạo Cao Đài, tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đã được chính Đức Chí Tôn Thượng Đế trực tiếp khai mở để mang đến một giải pháp cho việc khôi phục bản thể đại đồng nhân loại.

6. CAO ĐÀI LÀ ĐẠI ĐẠO

Hai chữ “Cao Đài” chỉ thật sự bắt đầu được phổ biến trong nhân loại kể từ khi đạo Cao Đài ra đời. Mặc dù trong giai đoạn khởi đầu của mình, đạo Cao Đài hiện diện trên thế gian như một tôn giáo, nhưng thực chất, đó không phải là một tôn giáo theo ý nghĩa thông thường của danh từ này, mà đó chính là Đại Đạo, nghĩa là con đường tiến hóa tất yếu của vạn linh từ xưa đến nay trên địa cầu:

*“Người vẫn tưởng Cao Đài – tôn giáo,
Nào hay đâu Đại Đạo hoằng dương;*

*Gồm râu trăm nẻo ngàn đường,
Tam nguồn chuyển thể định phương phục hoàn.*

*Mở trí tuệ soi dàng thiên lý,
Định tâm hồn coi kỹ cơ Trời;
Một vòng luân chuyển ai ơi,
Cổ kim nhưt mạch Đạo Trời hóa sanh.”¹⁶*

Nhờ việc mượn hình tượng của một tôn giáo, đạo Cao Đài đã dung hòa được những tư tưởng căn bản cũng như đã tổng hợp được những tinh ba trong chân truyền của vạn giáo. Thông qua một cơ cấu hữu hình là *nền tổ chức Đại Đạo*, những yếu tố căn bản và tinh túy của vạn giáo được hệ thống hóa thành Tam Giáo Đạo. Nhìn vào đó, nhân loại vừa có thể hiểu được bản chất của tam giáo đông phương (Thích giáo, Lão giáo, Khổng giáo), vừa có thể thấy được rằng vạn giáo trên thế gian là đồng nhất lý, vì cả tam giáo đông phương lẫn vạn giáo trên thế giới đều là hai phương diện khác nhau của Tam Giáo Đạo trong Đại Đạo.

Hình tượng tôn giáo của đạo Cao Đài là một sự chuẩn bị cho nhân loại về mặt nhận thức để lịch sử văn minh nhân loại có thể chuyển sang giai đoạn thánh đức hóa toàn thể giới:

“Thầy sắp đặt một thực tướng Tam Giáo cho các con hiểu rõ vạn giáo trên thế gian đồng nhất lý, ngõ hầu lập đời Thánh Đức sau hội Long Hoa.”¹⁷

Thế nên, dù mang hình tượng của một tôn giáo, sự hiện hữu của đạo Cao Đài vẫn không phải là sự hiện hữu của một tôn

¹⁶ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thánh Đức Thiền Điện, Tuất thời, 07-03 Giáp Dần (30-03-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

¹⁷ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-09 Canh Tuất (29-10-1970); Thánh Giáo Nguyên Bản.

giáo. Đạo Cao Đài là một tác nhân quy hiệp vạn giáo, hâu tạo một sức mạnh tinh thần thúc đẩy mọi tổ chức nhân sinh đạt được những tiến bộ mang tính chất nhân bản, sao cho mỗi tổ chức đều tự khẳng định được địa vị cao quý của mình trong một nền văn minh đại đồng:

*“Đạo Cao Đài không phải thiết lập thêm một tôn giáo, mà là cố gắng sao các tôn giáo hiệp làm một. Chẳng những tạo cho tổ chức nơi mình một địa vị, mà làm cho tất cả các tổ chức thành một địa vị cao quý ở cõi đời này và nơi Thiên quốc, Niết Bàn.”*¹⁸

Nếu muốn nói rằng đạo Cao Đài là một tôn giáo, thì đó chỉ có thể là tôn giáo truyền bá lý nhất nguyên của vũ trụ, tính nhất thể của vạn vật, và sự đại đồng của nhân loại. Đó là tôn giáo suy tôn Thượng Đế thông qua những giá trị cao quý của con người. Đó cũng là tôn giáo hiện thực hóa sứ mạng của vạn giáo bằng cách tạo thể nhân hòa giữa vạn giáo.

Sự hiện hữu qua hình tướng tôn giáo Cao Đài của Đại Đạo trong thời Tam Kỳ Phổ Độ là nhằm phát vào vũ trụ và nhân sinh một thông điệp để nhắc mỗi cá nhân nơi thế gian này nhớ rằng mình chính là một Cao Đài giữa nhân loại, để nhắc mỗi chơn linh còn lưu lạc trong lục đạo luân hồi nhớ rằng mình vẫn là một Cao Đài giữa Thiên Địa, và để nhắc mỗi tôn giáo trên địa cầu này nhớ rằng mình vốn là một Cao Đài trong sứ mạng cứu độ toàn linh của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

7. CAO ĐÀI LÀ DANH XƯNG CỦA THƯỢNG ĐẾ TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Trong cơ cứu thể lần thứ ba, Đức Thượng Đế xưng danh là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát. Việc sử dụng

¹⁸ Đạo Học Chỉ Nam, chương 2, tiết 4, mục 1.

danh xưng này của Thượng Đế còn có tác dụng trùng hưng Tam Giáo Đạo hầu cứu rỗi toàn linh:

“Thầy khai Đạo [trong] kỳ hạ nguơn này là đúng theo vận số tam nguơn, sẽ trở về thượng nguơn phản cổ; thế nên, Thầy tá danh Cao Đài Tiên Ông, khai Tam Kỳ Đại Đạo, cốt là để trùng hưng Tam Giáo cho lý đạo được siêu mầu mới có thể độ toàn linh sanh chúng.”¹⁹

Vậy danh xưng này chứa đựng ý nghĩa gì?

“Cao Đài” – một khái niệm có nguồn gốc sâu xa từ Thánh Đạo – là một phạm trù rộng lớn, bao hàm toàn thể vũ trụ, vạn vật, con người, và bao gồm mọi mức độ xã hội nhân sinh, trong đó có các tôn giáo. Cao Đài cũng chính là chỗ cao quý nhất trong mỗi chúng sinh; chỗ đó chính là Thánh Thể, là Phật Tính, là Thượng Đế Tính, vốn là một bản thể tiềm ẩn bên trong mỗi người, mỗi vật trong vũ trụ.

“Tiên Ông” – một hình tượng có nguồn gốc từ Tiên Đạo – được dùng để biểu trưng cho một đạo quả cao trọng mà mỗi con người đều có thể đạt được bằng những nỗ lực tu học của chính bản thân mình. Đạo quả đó đã được mỗi tôn giáo đề cập đến bằng những ngôn từ khác nhau, nhưng cùng để chỉ một kết quả cuối cùng duy nhất khi con người trở về đến nguồn cội thiêng liêng của mình.

“Cao Đài Tiên Ông” có nghĩa là *ông tiên của toàn thể vũ trụ, của tất cả mọi người, của tất cả mọi tôn giáo*. Ông Tiên đó vốn sẵn tiềm ẩn nằm trong mỗi người, mỗi vật. Và sự tiến hóa của mỗi vật trong vũ trụ, cũng như của mỗi cá nhân trong nhân loại chính là những giai đoạn khác nhau trong một hành trình duy nhất để “đánh thức” Ông Tiên đó,

¹⁹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 15-10 Quý Mão (30-11-1963); Thánh Giáo Nguyên Bản.

hay nói bằng một ngôn từ khác, để chuyển đạo quả trong chính mình từ một tiềm thể sang hiện thể.

“Đại Bồ Tát” – một danh từ có nguồn gốc từ Phật Đạo – có nghĩa là *người dẫn thân vào cõi thế để cứu độ toàn thể chúng sinh*, không chỉ cứu độ riêng cho nhân loại, mà cứu độ tất cả sinh linh trong vũ trụ.

“Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát” có nghĩa là *người tự cứu độ lấy mình* bằng cách tự nỗ lực để làm thức tỉnh Phật Tính nội tại của chính mình, tự tu tiên để kiến tạo Thánh Thể trong chính bản thân mình, và sau đó, *mang kết quả tu chứng của mình ra để cứu độ vạn linh*.

“Ma Ha Tát” – là một tính từ có nguồn gốc Phật Đạo – có nghĩa là to lớn, sâu rộng về cả không gian lẫn thời gian. Đó là tính chất của Cao Đài, để chỉ rằng Cao Đài là cái tự hữu và hằng hữu trong vũ trụ và vạn vật một cách bẩm sinh và nội tại.

“Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” có nghĩa là Đấng tự hữu và hằng hữu khắp không gian và thời gian, cả bên trong lẫn bên ngoài vũ trụ vạn vật; Đấng ấy là Đấng cứu độ muôn đời của vạn linh.

Trong ý nghĩa đó, những danh từ “Cao Đài”, “Cao Đài Tiên Ông”, “Cao Đài Bồ Tát”, “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” đã được sử dụng như là danh xưng của Đức Thượng Đế khi Ngài đến mở đạo tại Việt nam để cứu rỗi nhân loại trong thời hạ nguon mặt kiếp.

Cũng trong ý nghĩa vừa nêu, Cao Đài là một danh từ chung hơn là danh từ riêng. Danh từ này đóng vai trò như một ấn tín thiêng liêng của Đức Chí Tôn Thượng Đế. Các bậc Giáo Tổ của các thời kỳ cứu độ trước đây, khi giáng cơ trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, vẫn mang theo ấn tín này, đặc biệt là trong những trường hợp cần dẫn dắt những môn đệ

hữu duyên trong tôn giáo của mình trở về với Đại Đạo trong Tam Kỳ Phổ Độ.

Thật vậy, vào thời khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, các Đấng Thiêng Liêng như Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, Đức Thích Ca Như Lai, Đức Thái Thượng Lão Quân,... đã không ít lần giáng cơ bằng danh xưng Cao Đài.²⁰

Về sau này, các Đấng Thiêng Liêng như Đức Chúa Jêsus, Đức Phật Thích Ca cũng vẫn không ít lần giáng cơ với danh xưng Cao Đài.²¹

²⁰ Tài liệu tham khảo cho đoạn này:

- Đàn cơ tại Vĩnh Nguyên Tự, 07 Avril 1926; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.14: *“Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giáo đạo Nam Phương. Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã, Thích Ca Mâu Ni thị Ngã, Thái Thượng Nguơn Thi thị Ngã; kim viết Cao Đài.”*
- Đàn cơ tại Hội Phước Tự (Cần Giuộc), 05-04 Bính Dần (Samedi 05 Juin 1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.21: *“Thích Ca Như Lai thị Ngã, dục cứu chúng sanh, tá danh Cao Đài Đại Bồ Tát.”*
- Đàn cơ tại Chùa Giác Hải, 15-08 Bính Dần (21-09-1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.2, tr.10: *“Thích Ca Mâu Ni Phật viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, chuyển Phật giáo Nam Phương.”*
- Đàn cơ tại Phước Linh Tự, 15-09 Bính Dần (24-10-1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.52: *“Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giáo đạo Nam Phương.”*

²¹ Tài liệu tham khảo cho đoạn này:

- Đức Jêsus Christ; Huân Cung Đàn (Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất), 06-11 Mậu Thân (25-12-1968); Đạo Lý, số 37, tr.06: *“Gia Tô Giáo Chủ, tá danh Cao Đài.”*
- Đức Gia Tô Giáo Chủ; Huân Cung Đàn (Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất), Ngọ thời, 29-02 Mậu Thân (27-03-1968); Kinh Bình Minh đệ nhất, tr.22:

*“Ngã tá danh Cao Đài độ chúng,
Tùng Thiên Cơ sử dụng thi hành (...).”*
- Đức Thích Ca Như Lai; Văn Phòng Đại Đạo, 06-08 Canh Tuất (06-09-1970); Kinh Bình Minh đệ tam, tr.38:

*“Thích Ca thị Ngã – Cao Đài
Cao Đài thị Ngã, đổi thay danh từ.”*

Những sự kiện như vậy củng cố cho kết luận ở tiết trước: Cao Đài là Đại Đạo.

Giáo lý Đại Đạo luôn nhấn mạnh rằng, danh xưng *Cao Đài* chỉ là một *tá danh* (nghĩa là danh xưng tạm mượn) của Đức Chí Tôn Thượng Đế. Tại sao cần nhấn mạnh như vậy? Thượng Đế vốn là một Đấng Vô Danh, và mãi mãi Ngài là Đấng không-cần-xung-danh. Nhưng trong thời kỳ phổ độ lần thứ ba này, danh xưng “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” mà Ngài mang đến thế gian chính là để *tuyên xưng cho phẩm vị thiêng liêng của con người trong Trời Đất*. Sự tuyên xưng ấy nói rằng: bản thể của mỗi con người chính là một Đấng Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Vậy, sự xưng danh này không phải là một sự tự xưng về tầm vóc của Thượng Đế, mà là một tuyên ngôn về thiêng liêng vị của con người, tức là phẩm vị cao trọng mà con người tất yếu phải đạt được nếu tri hành trọn vẹn chánh pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

8. CAO ĐÀI NỘI TẠI

Đời sống của mỗi con người phải là một công cuộc kiến tạo chiếc đài cao trong chính mình, nếu không, con người không có cách nào để tự chứng minh rằng mình là một con người trong vũ trụ. Vì đó là chiếc đài cao trong chính bản thân mỗi con người – chứ không phải là một tha thể ngoại tại nào – nên chiếc đài cao ấy được giáo lý Đại Đạo gọi là ***Cao Đài nội tại***.

Quyền năng kiến tạo Cao Đài nội tại là một tiềm năng bẩm sinh nơi con người; quyền năng ấy cũng là điểm khác biệt duy nhất giữa con người và vạn vật. Không sử dụng được quyền năng ấy, con người có thể bị thoái hóa xuống hàng

vạn vật, và điều đó có nghĩa là con người tự tước bỏ quyền năng thiêng liêng ấy của mình.

Đối với con người, xây dựng Cao Đài nội tại phải là mục đích cứu cánh của cả kiếp sống, vì chỉ có cách đó thôi, con người mới có thể hiện hữu trong vũ trụ như là con người. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*“Phải quyết tâm xây đắp cho mình một tòa Cao Đài nội tại uy nghi trang trọng để ở hẳn vào đó, lấy đó làm ngôi vĩnh cửu trường tồn, sẽ vượt hẳn qua mọi dông bão nắng mưa.”*²²

9. KẾT LUẬN

Khi nào hai chữ “Cao Đài” không còn được quan niệm một cách chật hẹp như là những gì chỉ liên quan đến tôn giáo Cao Đài, khi đó phạm trù Cao Đài mới bộc lộ ý nghĩa thật sự của mình.²³

Hiện hữu – của Thượng Đế và con người, của vũ trụ và vạn vật, của tự nhiên và xã hội – là Cao Đài. Và cũng thế, Cao Đài là hiện hữu, theo nghĩa là nguyên lý và cơ cấu của hiện hữu.

Về nội dung, Cao Đài là một phạm trù đạo lý phổ quát, bao hàm toàn thể Thiên Địa vạn vật, trong đó có Thượng Đế và con người; nhưng về ứng dụng, phạm trù đó không dành cho vạn vật, cũng không dành cho Thượng Đế, mà *dành riêng cho con người*. Đức Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng mượn phạm trù này trong cơ cấu thể lần thứ ba để làm phương tiện cách tân nhận thức và hành động của con

²² Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 14-03 Mậu Ngọ (20-04-1978); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²³ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất Thời, 15-01 Giáp Dần (06-02-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản: “Cao Đài không là cao đài, đó chính thị là Cao Đài.”

người. Do đó, phạm trù này chỉ phát huy tác dụng khi con người sống với nó bằng nhận thức và hành động của mình qua thể Thiên Nhân hiệp nhất.

Trong thời gian, Cao Đài là chuyển viễn hành của Linh Quang để tạo lập thiêng liêng vị. Trong không gian, Cao Đài là tiếng gọi trở về cội nguồn, trở về quê xưa vị cũ đối với tất cả Tiêu Linh Quang còn đang dang dở bước hành trình:

“Ai chưa xây đắp Cao Đài thì hãy xây đắp, ai chưa tìm thấy Cao Đài thì hãy tìm thấy, ai chưa gõ cửa Cao Đài thì hãy gõ cửa, vì Cao Đài là Tâm của vũ trụ, là Thần, là Gốc của con người.”²⁴

Và cuối cùng, không chỉ là tiếng gọi vạn linh hồi đầu hướng thiện, Cao Đài là một tân pháp của Đại Đạo trong thời Tam Kỳ Phổ Độ để dẫn dắt cho vạn linh đạt được đến điểm cuối cùng của cuộc hành trình phục nguyên là hiệp nhất với Thượng Đế.

²⁴ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hội thời, 29-08 Quý Hợi (05-10-1983); Thánh Giáo Nguyên Bản.

MỤC 3.

THIÊN NHÃN

1. TỔNG QUÁT

Mỗi tôn giáo ra đời đều gắn liền với vị Giáo chủ khai sáng. Và để tôn vinh vị giáo chủ cũng như giáo lý của tôn giáo mình, các chức sắc và tín đồ đã tôn thờ vị giáo chủ theo nghi thức đặc biệt nhất, trang trọng nhất.

Riêng đối với Đạo Cao Đài, Giáo chủ là Đấng Thượng Đế vô hình vô vi, đã giáng trần khai minh Đại Đạo qua huyền cơ diệu bút. Đã là vô hình, thì Ngài không thể có hình tượng để thờ phượng; tuy nhiên, vì lòng tín ngưỡng, tha thiết của nhân sanh – luôn hướng về Đấng Cao Đài, muốn tìm biểu tượng tôn thờ Ngài – nên Đức Cao Đài đã hai lần thị hiện “Thiên Nhãn” cho đệ tử đầu tiên của Ngài là ông Ngô Văn Chiêu, và đã dạy dùng biểu tượng Thiên Nhãn để thờ Ngài.

Thiên Nhãn là một mắt trái đang mở, soi sáng giữa Càn khôn vũ trụ. Thiên Nhãn chứa đựng lý cao sâu huyền nhiệm của vũ trụ và nhân sinh, nên đầu Đức Cao Đài và chư Phật, Tiên đã hé mở thiên cơ qua Thánh giáo kể từ ngày Khai Đạo cho đến nay, nhưng quả thật Thiên Nhãn

vẫn là một công án mà hàng chức sắc, tín đồ Cao Đài luôn suy gẫm để tìm bí pháp tu hành.

1.1. Thánh giáo dạy về Thiên Nhân

1.1.1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển

“Chưa phải hồi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh Tượng Con Mắt mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh.

*Nhân thị chủ Tâm
Lưỡng quang chủ tế
Quang thị Thần
Thần thị Thiên
Thiên giả Ngã dã*

*Thần là khiếm khuyết của cơ mẫu nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này duy Thầy cho **Thần** hiệp Tinh Khí, đặng hiệp đủ Tam Bửu, là cơ mẫu nhiệm siêu phàm nhập thánh.*

*(...) Thầy đến đặng **huân nguyên Chơn Thần** cho các con đắc Đạo. Con hiểu: **Thần cư tại Nhân**. Bố trí cho chư đạo hữu con hiểu rõ. **Nguồn cội Tiên Phật** do yếu nhiệm là tại đó”²⁵*

1.1.2. Đại Thừa Chơn Giáo

*“Tại sao Thầy lại biểu các con tạo ra **Thánh Nhân** mà thờ, không dạy thờ hình tượng như các tôn giáo khác?*

*Các con phải biết rằng Trời là **Lý**, thì **Lý** ấy rất thông linh, bao quát cả Càn Khôn thế giới. Thầy đâu phải có xác phàm như các con mà tạo hình thể như các con, nên chỉ thờ **Thiên Nhân** là thờ **Thầy**.*

Tại sao Thiên Nhân là Thầy? Thầy có dạy trước:

²⁵ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 25 Février 1926; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.12.

*Nhân thị chủ Tâm.
 Lưỡng quang chủ tế
 Quang thị Thần
 Thần thị Thiên
 Thiên giả Ngã dã*

Nhân là trái tim của con người. Trái tim ấy là TẠO HÓA, tức là Thần; mà THẦN là cái LÝ HƯ VÔ. Lý Hư Vô ấy là TRỜI vậy.

Người tu hành chừng nào luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hườn hư, luyện hư hườn vô, thì Huyền Quang Nhất Khiếu ấy mới mở hóa ra.

Huyền Quan Nhất Khiếu ấy là chi? Là THIÊN NHÃN vậy. Nó ở ngay Nê Hườn Cung, gom trọn chơn dương chánh đạo.

Hai con mắt của các con là nhục nhãn, tức là âm với dương; thì cũng như Thái Cực là Thiên Nhân, còn lưỡng quang là nhật nguyệt hằng soi sáng khắp Càn Khôn, cứ tuần hườn mãi, hết ngày đến đêm, hết đêm kế ngày, không bao giờ dứt sự hành tàng của Tạo Hóa”²⁶

1.1.3. Thánh Giáo Sư Tập (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo)

Đức Đông Phương Lão Tổ đã dạy:

“Thiên Nhân tức là Thiên Tâm của con người. Hai ánh sáng tức là âm dương làm chủ tế. Đó là lưỡng nguyên trong lý nhất nguyên. Âm Dương phối hợp là THẦN, tức thị lưỡng nguyên trở lại nhất nguyên.

²⁶ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20-09 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 46 “Cách thờ phượng”, tr.432.

*Nhất nguyên là chủ thể. **Thần** là Trời, là **Chí Tôn Thượng Đế** ở trong con người của ta.”²⁷*

Đức Thích Ca Như Lai dạy:

“Đại Đạo không có lãnh vực, biên giới, phạm vi. Tôn giáo là một danh từ dùng để nêu cao triết thuyết của một lý siêu mẫu trong đạo lý. Nếu còn lãnh vực, còn biên giới, còn ta người, còn sai biệt, là không phải Đạo, cũng không phải Như Lai Bản Thể. Cao Đài, hay Thiên Nhân trên kia²⁸, không có biểu thị cho một hình tượng tôn giáo, mà cốt mặt khải với nhân loại rằng: Hãy trở về chỗ Cao Đài của nhân loại sẵn có, trở về cái Trí Bát Nhã – để đắc Ba La Mật, để đáo bỉ ngạn – tức là Thiên Nhân, Thiên Tâm, hay Phật Tánh. Nếu con người giác ngộ đến đó, tức là con người Thánh Nhân của Phật Pháp đã hiện bóng Cao Đài vô lượng vô biên.”²⁹

Đức Bát Nhã Thiên Sư nói:

*“Muốn đạt chỗ sâu kín nhiệm mầu kia không thể lấy cái trí hạn hẹp cạn cợt của con người mà thấy được, mà cần có **Con Mắt Bát Nhã mới suốt tận pháp giới Hư Không**.”³⁰*

1.2. Tóm tắt Thánh Ý về Thiên Nhân

Qua những đoạn Thánh giáo trên có thể tóm tắt Thánh Ý dạy về Thiên Nhân như sau:

Thờ Thiên Nhân là thờ Đấng Tạo Hóa;

Thiên Nhân là Đức Cao Đài, tức là Thầy;

²⁷ Đức Đông Phương Chương Quân; Vĩnh Nguyên Tự, Tý thời, 28 rạng 29-01 Giáp Dần (19-02-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁸ Trong ngữ cảnh của đoạn Thánh giáo, “Trên kia” có nghĩa là trên Thiên bàn (bàn thờ Thượng Đế).

²⁹ Đức Thích Ca Như Lai; Trúc Lâm Thiên Điện, Ngọ thời, 18-07 Quý Sửu (16-08-1973); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³⁰ Đức Bát Nhã Thiên Sư; Bát Nhã Thiên Đường, 29-05 Bính Thìn (26-06-1976); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Thiên Nhãn là Lý Hư Vô;
 Thiên Nhãn là Lý Thái Cực;
 Thiên Nhãn là Thần;
 Thiên Nhãn là Huyền Quan Nhứt Khiếu;
 Thiên Nhãn là Thiên Tâm, là Phật Tánh, là Trí Bát Nhã;
 Thiên Nhãn là con mắt Bát Nhã.

Trong những phạm vi có thể áp dụng được định luật toán học,

Nếu $A = B$,
 và $B = C$,
 thì $A = C$;

ta sẽ có muôn ngàn tên khác nhau để chỉ Thiên Nhãn.

Ví dụ 1:

Thiên Nhãn = Thái Cực,
 Thái Cực = Cốc Thần,
 Vậy, Thiên Nhãn = Cốc Thần.

Ví dụ 2:

Thiên Nhãn = Bát Nhã,
 Bát Nhã = Diệu Quan Sát Trí,
 Vậy, Thiên Nhãn = Diệu Quan Sát Trí.

1.3. Dịch nghĩa bài thơ dạy về Thiên Nhãn của Đức Chí Tôn

*“Nhãn thị chủ Tâm
 Lương Quang chủ tế
 Quang thị Thần
 Thần thị Thiên
 Thiên giả Ngã dã.”*

Kết hợp những Thánh Ý dạy về Thiên Nhãn, bài thơ trên có thể được dịch nghĩa như sau:

Thiên Nhãn là Thiên Tâm (Trái tim Tạo Hóa):

*“Nhãn” là do Thiên Tâm chủ sử
Là cội nguồn của hai thể Tịch Chiếu³¹
Quang là Thần
Thần là Trời
Trời là Ta vậy.*

Thiên Nhãn là Thái Cực:

*“Nhãn” là do Thái Cực chủ sử
Là Vua của hai nguồn sáng Âm Dương
Nguồn sáng là Thần
Thần là Trời
Trời là Ta vậy.*

Như vậy Thiên Nhãn là bản thể vũ trụ và con người.

2. THIÊN NHÃN LÀ BẢN THỂ VŨ TRỤ

2.1. Thiên Nhãn là Đạo, là Vô Cực – Thái Cực

Khi chưa phân Trời Đất, trong khoảng không gian mịt mịt mờ mờ chỉ có một khí Hồng Mong khinh thanh lưu hành tỏa khắp.

Không gian huyền huyền lặng lẽ ấy là Vô Cực. Vô Cực là không đầu, không đuôi, không hình, không tình, không danh. Thánh Nhơn xưa tạm gọi là Đạo.

Trong không gian Vô Cực chỉ có một Khí Hồng Mong (là khí còn lộn lạo, chưa phân biệt Âm, Dương) hay Tiên

³¹ Tịch: vắng lặng; Chiếu: sáng soi. Đức Bát Nhã Thiên Sư, Minh Lý Thánh Hội, 29-10 Bính Thìn (19-12-1976): “Tự do là thể Đạo, là Ngôi Vô Cực, căn cốt của Đất Trời. Học Đạo, tu Đạo, căn cứ vào đó mà hành trì. Theo Dịch Lý mà suy ra: Vô Cực là Tịch, Thái Cực là Chiếu. Tịch Chiếu Nhất Như. Tịch không ngoài Chiếu, Chiếu không ngoài Tịch. Tịch Chiếu là thể của Tâm.” Thánh Giáo Nguyên Bản.

Thiên Hư Vô Chi Khí (là Khí có trước khi phân Trời Đất, gọi là Khí Tiên Thiên).

“Khí Hư Vô lại phát hiện một vòng Đại Quang Minh là Thái Cực, đó kêu rằng Vô Cực một vòng O sanh Thái Cực (không mà có).”³²

Vòng **Đại Quang Minh Thái Cực** trong thuở Hồng Mông đó chính là nguồn sáng Đại Linh Quang, là Chơn Thần, là **Thiên Nhãn** sáng soi càn khôn vũ trụ:

*“Khí Hư Vô tạo **Ngôi Thái Cực**,
Tức là ngôi **Độc Nhứt quang minh**,
Vô vi, vô ảnh, vô hình,
Thần thông quảng đại chí linh diệu huyền.”³³*

Vòng Hư Vô (tức vòng Đại Quang Minh, do Vô Cực biến sanh) có tượng một tâm điểm gọi là **Cơ**. Cơ là cái mạnh động đầu tiên của Lý Thái Cực trong lòng Vô Cực, trong đó Âm Dương, Thần Khí còn ôm ấp chưa phân, trong lặng lẽ (Vô Cực – Tịch) mà vẫn thấy, biết rõ ràng (Thái Cực – Chiếu), nên mới nói: *“động (Thái Cực) mà chưa động (Vô Cực) tịnh (Vô Cực) mà không phải tịnh (Thái Cực)”*.³⁴

Vô Cực khi động là Thái Cực. Thái Cực khi tịnh là Vô Cực. Vô Cực – Thái Cực là hai mặt của Bản Thể Đạo.

Vô Cực lặng lẽ là bản thể tịnh của Thái Cực. Thái Cực chiếu soi là bản thể động của Vô Cực.

³² Đức Đại Đức Cao Tiên; 03-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), tr.274. Xin lưu ý: khi nói “Vô Cực **sanh** Thái Cực”, thì chữ “**sanh**” ở đây có nghĩa là một biến chuyển trong **chu trình chuyển hóa** giữa Tam Cực (Vô Cực, Thái Cực, Hoàng Cực). Xin tham khảo thêm bài “Đạo – Thượng Đế” (Nhất thể biến sinh Tam Cực), ở mục 2, chương 2 của quyển sách này.

³³ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), tr.436.

³⁴ Đức Bát Nhã Thiền Sư; 24-11 Ất Mão (22-12-1975); Thánh Giáo Nguyên Bồn.

Vậy Vô Cực bao quanh Thiên Nhân là bản thể thanh tịnh, lặng lẽ của Thái Cực. Thái Cực là Thiên Nhân soi sáng giữa vũ trụ bao la, là bản thể động của Vô Cực. Đức Mẹ Diêu Trì có dạy:

*“Hỡi con! Nơi đâu có Thánh Thể của Thầy (Thái Cực) là đã có Mẹ bao vòng trong và ngoài ngôi Thánh Thể ấy, vì Mẹ là Vô Cực Vô Vi...”*³⁵

Gọi Vô Cực, Thái Cực, động tịnh, ẩn hiện, trong ngoài, thật ra chỉ là một Khí Tiên Thiên Hư Vô lưu hành:

*“CƠ, tức là **khí Tiên Thiên** tịnh cực mạnh động.*

Khí mạnh động là khí cơ...

Vân xoay vô tận, sanh hóa khôn cùng.

Nhưng chỗ không tên mà có tên là Đạo, là Thái Cực, là Tánh, là Thần.

*Bốn Tánh và Nguơn Thần là một. Đạo Lão gọi là Thần, Thích Nho gọi là Tánh (...).”*³⁶

Thái Cực còn được gọi là Minh Thái Cực.³⁷

Nhật Nguyệt khi còn là một thể chưa phân gọi là Minh Bản Thể, hay Minh Thái Cực. Gọi là Minh, vì chữ Minh trong hán tự gồm hai chữ Nhật và Nguyệt³⁸. Minh là Nhật và

³⁵ Đức Diêu Trì Kim Mẫu; Thánh Thất Bình Hòa, 15-08 Đinh Mùi (18-09-1967); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³⁶ Đức Đông Phương Chương Quán, 22-10 Mậu Ngọ (22-11-1978); Thánh Giáo Nguyên Bản:

³⁷ Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 3, mục 3: “*Minh khởi thì là Minh Thái Cực*”.

³⁸ Đức Đông Phương Chương Quán; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 06-12 Quý Sửu (29-12-1973); Thánh Giáo Nguyên Bản:

*“Ngày nay âm dương đã lố mất,
Nhật Nguyệt hiệp mới sanh Minh;
Là trí nhân phải biết rõ được tường trình,
Từ vạn cổ Thiên cơ đã sắp sẵn.”*

Nguyệt còn hồn nhứt chưa phân. Minh là Viên Minh
Diệu Giác, là Tự Tánh Chơn Như.³⁹

Minh Thái Cực là nguồn sáng Đại Linh Quang.

Nguồn sáng Đại Linh Quang là Chơn Thần của Vũ trụ.

*“Âm Dương mạc trắc vị chi Thần – Âm Dương biến hóa không thể đo lường được gọi là Thần – đã là Thần, thì làm sao lường được? Đã là mạc trắc (không đo lường được), thì lại qua không cửa, nửa thiệt, nửa hư; trong Âm có Dương, trong Dương có Âm, hóa hóa sanh sanh, vô cùng vô tận.”*⁴⁰

*“Thần là cái Lý Hư Vô. Lý Hư Vô ấy là Trời vậy.”*⁴¹

Vậy, Thần là Trời (Thần thị Thiên), Trời là Ta vậy (Thiên giả Ngã dã).

Thiên Nhân là cái Ta Thiên Tánh, là Thiên Tâm bao quát vũ trụ cở kim và trong mỗi con người.

*“Rằng **Ta** là một cái **Ta chung**,
Rộng lớn bao la ở khắp cùng,
Ta chẳng có Ta mà vẫn có,
Có Ta, Ta cũng chỉ **Tâm trung**.”*⁴²

2.2. Thiên Nhân là Thiên Tâm, là Thượng Đế

*“Nhân là trái tim của con người. Trái tim ấy là Tạo Hóa, tức là Thần, mà Thần là cái Lý Hư Vô, Lý Hư Vô là Trời vậy.”*⁴³

³⁹ Đạo Học Chỉ Nam, chương 5, tiết 3, mục 3: “Trước thời kỳ thi, chưa có tượng hình động tịnh, nên gọi Tiên Thiên. Ta có thể tạm mượn chữ Minh làm thể Thái Cực. Chữ Nhứt Nguyệt còn hồn nhứt gọi là Minh, Minh đây là Viên Minh Diệu Giác, Tự Tánh Chơn Như.”

⁴⁰ Đạo Học Chỉ Nam, chương 1, tiết 3, mục 2.

⁴¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), tr.432.

⁴² Đức Trần Hưng Đạo; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 01-10 Nhâm Tý (06-10-1972); Thánh Giáo Sưu Tập 1972-1973, tr.78.

Vũ trụ chỉ có một Tâm, con người chỉ có một Tâm, một Thiên Tâm, một Thượng Đế:

*“Thượng Đế cũng là Tâm, Tâm là Thượng Đế. Tâm ấy có một, phạm Thánh không hai, giác mê cũng vậy. Phật ma cũng một. Nếu hai là không thấy Đạo.”*⁴³

Thiên Nhãn là Trái Tim Tạo Hóa. Trái Tim Tạo Hóa là cơ quan điều động bộ máy tuần hoàn của càn khôn vũ trụ. Tim Tạo Hóa vận động thì bộ máy tuần hoàn Càn Khôn vũ trụ có sự sống. Tim Tạo Hóa ngưng lại, thì sự vận hành Càn Khôn vũ trụ bị ngưng đọng, sự chết sẽ đến với muôn loài.

Sự vận hành không ngừng nghỉ của Tim Tạo Hóa là sự biến hóa vô cùng, vô tận của *Chơn Thần* vũ trụ, được biểu tượng hóa bằng **Thiên Nhãn luôn luôn mở mắt**, chiếu hào quang rực rỡ giữa vũ trụ để soi dẫn, giám sát và điều động cơ tuần hoàn sanh hóa của Càn Khôn vũ trụ.

Cơ tuần hoàn sanh hóa Càn Khôn thế giới luôn luôn biến dịch trong trật tự hài hòa là nhờ bám vào cái gốc của Trời Đất; cái gốc này là *trung tâm điểm* (điểm cơ) của vòng Hư Vô. Cơ là cái động của bản thể Vô Cực gọi là Thái Cực, Lý Đơn Nhất hay là Trung Nhất.

Trung là Vô Cực, Nhất là Thái Cực⁴⁵. Trung không là Nhất. Nhất không là Trung.

Càn Khôn Trời Đất không là Trung nên Càn Khôn định vị.

⁴³ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), tr.432.

⁴⁴ Đức Bát Nhã Thiền Sư; Bát Nhã Thiền Đường, 18-05 Ất Mão (27-06-1975); Thánh Giáo Nguyên Bản.

⁴⁵ Đạo Học Chí Nam, chương 3, tiết 4, mục 2: “Minh là Trung. Trung mà không có Nhứt thì cũng như quốc thổ không có quân vương. Trung ví như **Vô Cực** là Minh, Nhứt ví như **Thái Cực** là Lý.”

Con người ở giữa Trời Đất nên con người trong thể Tam Tài.

Nhật ở giữa thì thịnh, Nguyệt ở giữa thì tròn. Điểm Trung Nhất là Cơ, là Lý, là điểm Quyền Pháp của Đạo Cao Đài.

“Quyền pháp là Cơ, là Lý, là phương định đưa tuyệt đối vào sở vật tương đối, chuyển vô thường giả tạm vào siêu nhiên bất diệt.”⁴⁶

*“Điểm Quyền Pháp được chứa đựng trong Vô Cực là **ngôi Thái Cực**, là **Thầy**.”⁴⁷*

“Đại Từ Phụ nắm Quyền Pháp mới chuyển cơ sanh hóa vạn vật vũ trụ.”⁴⁸

Quyền Pháp Đạo là cơ nguyên chuyển biến từ vô vi đến hữu hình, từ không đến có, Thượng Đế đến với con người và con người trở về Thượng Đế. Con người trở về Thượng Đế vì Thượng Đế là Bản thể, là Thiên Nhãn của con người.

3. THIÊN NHÃN LÀ BẢN THỂ CỦA CON NGƯỜI

3.1. Thiên Nhãn là Hoàng Cực

Vô Cực sanh Thái Cực; Thái Cực phân Âm Dương; Hoàng Cực hỗn hiệp Âm Dương sanh hóa vạn vật.

Vô Cực khi tịnh là Âm, Thái Cực khi động là Dương. Bảo hòa Âm Dương là Hoàng Cực. Ba cực khác nhau nhưng cùng một bản thể là Khí Hư Vô biến hóa, động, tịnh, trung hòa để sanh hóa Trời Đất vạn vật.

Thái Cực là Lý Trung Nhất. Hoàng Cực là Khí Thái Hòa.

⁴⁶ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, Ngọ thời, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

⁴⁷ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, Ngọ thời, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

⁴⁸ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, Ngọ thời, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

Vô Cực, Thái Cực là gốc lớn của Thiên Địa vạn vật. Hoàng Cực là đạo thông đạt của Thiên Địa vạn vật.

Thái Cực là Thiên Nhân bản thể Thiên Địa vạn vật. Hoàng Cực là Thiên Nhân trong nhân sinh.

3.1.1. Hoàng Cực ngoại giới

Hoàng Cực ngoại giới:

Là trung tâm sự sống của thiên hạ.

Là cán cân công bình của nhân sanh.

Hoàng Cực bảo hợp Âm Dương, điều phối Ngũ Hành, tạo sự sống hòa điệu cho vạn vật tiến hóa.

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Hoàng Cực còn là một giải pháp để an trị thế giới. Giải pháp đó, giáo lý Đại Đạo gọi là thế pháp Hoàng Cực:

*“Thế pháp Hoàng Cực là Thiên Lý, là nhân tâm, là Thánh đức, là Vương đạo, tất cả đều xây dựng nên chánh pháp ổn định, thế giới cần khôn trong thời hạ nguơn mạt kiếp.”*⁴⁹

Thế pháp Hoàng Cực đưa con người đạt đến mục đích của Đạo Cao Đài là “thế đạo đại đồng” bằng phương cách xây dựng thế nhân hòa trên ba mục tiêu: nhân bản, an lạc và tiến bộ, trong đó nhân bản – Thượng Đế Tính – tức Chủ Nhơn Ông Hoàng Cực của con người là yếu tố quyết định. Sống nhân bản là làm sáng tỏ Thượng Đế Tính nơi mỗi con người bằng cách tự hoàn thiện hóa từ bản thân, gia đình, xã hội, tôn giáo, dân tộc, nhân loại cho đến mục tiêu cuối cùng là “Thiên đạo giải thoát”, là trở về nguồn cội thiêng liêng của con người xuất phát từ Đại Linh Quang Thượng Đế.

⁴⁹ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-06 Giáp Dần (02-08-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Muốn xây dựng được Hoàng Cực trong thiên hạ mỗi người phải tìm về cái đạo tự hữu của chính mình và làm sáng tỏ Hoàng Cực nội thể.

3.1.2. Hoàng Cực nội thể

*“Là ánh sáng huy hoàng của Chủ Nhân Ông Hoàng Cực.”*⁵⁰

Ánh sáng huy hoàng ấy là Thiên Nhãn.

Thiên Nhãn trong con người là Hoàng Cực Chủ Nhân Ông “đồng thể cùng Trời Đất, đồng nhất với Tâm chư Tổ, chư Phật”.

*“Hoàng Cực là chủ thể của Âm Dương bảo hợp được lưỡng thể cương nhu, điều nhiếp không còn trong ngoài. Ấy là Huyền Quang Nhứt Khiếu.”*⁵¹

*“Huyền Quang Nhứt Khiếu ấy là chi? Là Thiên Nhãn vậy. Nó ở ngay Nê Huồn Cung, gom trọn chơn dương chánh đạo.”*⁵²

Huyền Quang Nhứt Khiếu, Tiên gia gọi là Thần Khí huyết, là nơi hội tụ của Âm Dương, Thần Khí. Huyền Quan Nhứt Khiếu ở Nê Huồn Cung là Cao Đài, là Thiên Môn của con người:

*“Cao Đài là Tâm của vũ trụ, là Thân, là gốc của con người. Cái có tên mà không tên, vì muôn loài vạn vật đều sanh ra bởi đó, mà đó không bởi đâu sanh.”*⁵³

⁵⁰ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thiền Điện, 07-04 Canh Tuất (11-05-1970); Thánh Giáo Sưu Tập 1970-1971, tr.56.

⁵¹ Đạo Học Chỉ Nam, chương 3, tiết 3, mục 3.

⁵² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 46 “Cách thức thờ phượng”, tr.432.

⁵³ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-08 Quý Hợi (05-10-1983); Thánh Giáo Nguyên Bản.

*“Chữ Cao Đài là chi? Là Côn Lôn đánh hay Nê Huồn, thuộc về thượng giới (...) Thiên Môn là chi? Là cái khiếu Nê Huồn Cung đó.”*⁵⁴

Thiên Môn là cửa Trời. Muốn tu chứng đắc, con người phải mở được cánh cửa Trời đó, linh hồn mới có thể nhập vào cõi thiêng liêng hằng sống.

Thiên Nhãn trong con người là Chủ Nhơn Ông Hoàng Cực, là chủ nhân của tòa Cao Đài nội tại. Tòa Cao Đài nội tại này được xây bằng Thần linh hoạt mà vật liệu xây là Khí thể Tiên Thiên (tức là Khí Hư Vô của Vô Cực) và tinh hoa Lưỡng Cực (là Âm Dương trong Thái Cực).⁵⁵

Nói cách khác: Tòa Cao Đài nội tại chỉ được xây dựng bằng sự hợp nhất Âm Dương Thần Khí Tiên Thiên của con người. Âm Dương, Thần Khí hiệp nhất là Thiên Nhãn trong mỗi con người.

Thiên Nhãn là Tâm của Trời mà cũng là Tâm của con người. Trời gọi là Thiên Tâm, Người gọi là Chơn Tâm. Gọi là “Chơn” để phân biệt với chữ “Thiên” của Trời, chớ thật sự Thiên Tâm là Chơn Tâm, mà Chơn Tâm và Thiên Tâm đều là Tâm của Thượng Đế trong Càn Khôn vạn vật.

3.2. Thiên Nhãn là Chơn Tâm

Nhãn thị chủ tâm: Là cái thấy, nhìn, biết,... của lục căn con người. Tôi nhìn thấy, tôi nghe thấy, tôi ngửi thấy, tôi

⁵⁴ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 28-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 34 “Thập tự tam thanh”, tr.322.

⁵⁵ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy: “*Chư đệ muội muốn xây đắp tòa Cao Đài huyền nhiệm, vĩnh cửu thì phải triệt thoái những ý thức sai biệt, yêu ghét, thân thù, phiền não, kinh cụ, để Thần được linh hoạt mà đem Khí Thể Tiên Thiên, tinh hoa Lưỡng Cực xây đắp nên ngôi Cao Đài nội tại của chư đệ muội được.*” Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 29-03 Mậu Ngọ (05-05-1978); Thánh Giáo Nguyên Bản.

ném thấy, tôi sờ thấy, tôi cảm thấy đều do *Chơn Tâm chủ sử*.

Lục căn – mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý (chơn ý) – khi chưa có *ý thức* xen vào thì là cái nhìn, cái nghe, cái thấy của tự tánh Chơn Tâm, do *Chơn Ý* chủ động nên chưa có dục vọng xen vào; thấy mà như không thấy, nghe mà như không nghe (Thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn), thấy sắc không ham, nghe tiếng không đắm. Tâm không phân biệt ta, người thì tâm không động. Tâm không động là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì tâm, tánh đều không. Tâm tánh đều không thì Thần minh xuất hiện. Thần minh là sự sáng của Tâm con người. Sự sáng là Minh, “Con Người” là ngôi Hoàng Cực, là Ngôi Ba trong Tam Cực – Vô Cực, Thái Cực, Hoàng Cực – nên ánh sáng nội tại của con người gọi là Minh Hoàng Cực⁵⁶.

Minh Hoàng Cực là sự hòa hợp của hai năng lực Âm Dương, Thần Khí trong con người. Âm Dương, Thần Khí là lưỡng quang của con người. Thế nên:

Lưỡng quang chủ thể (Minh Hoàng Cực): Là ánh sáng Tiểu Linh Quang của con người phát sinh khi Tâm thanh tịnh, Thần Khí hiệp nhứt.

*“Tâm thức lặng lẽ, sẽ phát hiện Linh Quang. Linh Quang là Thượng Đế nội tại.”*⁵⁷

Quang thị Thân: Linh Quang đó là Nguyên Thần, là điểm Tiên Thiên mà Thượng Đế ban cho mỗi con người khi sanh

⁵⁶ Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 3, mục 3: “Minh khởi thì là Minh Thái Cực; Minh hoàn nguyên là Minh Hoàng Cực”; “Hoàng Cực là một thể tổng hợp, con đường quy căn phục mạng, chứng nhập chơn lý (...)”

⁵⁷ Đức Đông Phương Chương Quán; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 10-05 Bính Thìn (07-06-1976); Thánh Giáo Nguyên Bản.

vào trần thế tu học, tiến hóa và trở về cùng Thượng Đế (Minh Hoàn Nguyên).

*“Cõi hậu thiên thân sanh vào đó,
Điểm Tiên Thiên sẵn có nơi thân,
Là Mâm Sống, là Nguyên Thần,
Là Trời, là Đạo, là Nhân của Người”*⁵⁸

Thần thị Thiên: Thần là Trời, điểm Nguyên Thần, ấy là Thiên Tâm, là Phật Tánh, là Thái Cực của mỗi con người.

Thiên giả Ngã dã: Trời là Ta; Ta là con Trời, là Tạo Hóa trong Tạo Hóa. Cái Ta bản ngã của con người, khi lìa vọng niệm, giữ tâm thanh tịnh, không chấp ta, chấp người, không tâm, không cảnh, thì cái Ta bản ngã đó cũng chính là cái **Ta Thiên Tánh, Phật Tánh.**

Mỗi con người đều có Thiên Nhãn, đều có Tánh Phật, đều có Chơn Tâm. Nhưng do tác động của **ý thức** mà lục căn biến thành **lục thức**.⁵⁹

Ý thức là tư tưởng phân biệt, so đo, khôn ngoan, tính toán khôn lường. Do ý thức, mà lục căn trở thành lục thức. Muốn diệt mầm tình thức. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*“Phải cố gắng tu luyện dày công, diệt trừ vọng niệm, chuyển lục thức trở về lục căn cho thanh tịnh. Chế Âm, phục Dương cho điều hòa, thì Tam Bửu Ngũ Hành đều quân bình tiết độ.”*⁶⁰

⁵⁸ Đức Vô Cực Từ Tôn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 13-08 Kỷ Mùi (03-10-1979); Thánh Giáo Nguyên Bản.

⁵⁹ Lục căn bao gồm nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn (chữ “căn” ở đây có nghĩa là cội rễ, nền tảng). Lục thức bao gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

⁶⁰ Đức Đông Phương Lão Tổ, 24-01 Đinh Tỵ (03-03-1977); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Đó chính là Tân Pháp Cao Đài đã được Đức Chí Tôn bí truyền qua Thiên Nhân.

4. THIÊN NHÂN LÀ TÂN PHÁP CAO ĐÀI

Trong Thánh giáo dạy tại sao Đạo Cao Đài thờ Thiên Nhân Đức Chí Tôn có dạy:

*“Thầy đến đặng huân nguyên Chơn Thần cho các con đắc Đạo. Con hiểu “Thần cư tại nhân”. Bố trí cho chư đạo hữu con hiểu rõ nguồn cội Tiên Phật do yếu nhiệm là tại đó.”*⁶¹

Như vậy cứu cánh của Tân pháp Cao Đài là “huân nguyên Chơn Thần” để đạt đến “Thiên đạo giải thoát”.

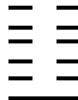
Huân nguyên Chơn Thần là đem Thần hiệp với Khí cho Âm Dương hòa hiệp. Thầy dạy:

*“Đạo Thầy không chỉ lạ; Âm với Dương, Thần với Khí không ngoài ra lẽ đó. Các con muốn rõ Đạo thì dùng Âm, Dương là căn cơ vậy.”*⁶²

Muốn Âm, Dương, Thần Khí hòa hợp phải dụng chìa khóa Thầy ban cho là “Cơ tại mục”.

Nơi Trời Đất, “**Cơ**” là Thái Cực, là một điểm • Dương vừa mới động, từ trong bản thể thanh tịnh Vô Cực.

Ở con người, “**Cơ**” là một hào dương vừa động của quẻ Phục theo kinh Dịch:



Điểm cơ này chỉ xuất hiện khi ngũ căn (mắt, tai, mũi, miệng, thân) thanh tịnh, thì Chơn Ý lưu hành. Ngũ căn là

⁶¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 25 Février 1926; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.12.

⁶² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 01-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 10 “Nền tảng Cao Đài Đại Đạo”, tr.90.

năm hào âm của quẻ Phục, Chơn Ý là **Cơ**, là hào dương của quẻ Phục, là Thiên Địa Chi Tâm (Tâm Trời Đất), tức là Chủ Nhơn Ông Hoàng Cực, là Chơn Tâm của con người.⁶³

Muốn lục căn thanh tịnh phải định tâm. Muốn định tâm, giữ tâm thanh tịnh phải dụng Tân Pháp Thầy ban cho con cái của Thầy trong Tam Kỳ Phổ Độ là “*Nhãn thị chủ tâm.*”

Thiên Nhãn là sự thấy, biết do Tâm chủ sử.

Sự thấy biết đây, không chỉ thấy ngoài mà còn biết trong:

*“Ngoài Trời Thượng Đế bao la (Thượng Đế ngoại tại),
Trong lòng vạn tượng cũng là Chí Tôn (Thượng Đế nội tại).”*⁶⁴

Thượng Đế và con người có liên quan mật thiết từ ngoại giới đến nội tâm.

Đạo Cao Đài thờ **Thiên Nhãn chiếu soi** giữa vũ trụ bao la là nguồn sáng tâm linh mẫu nhiệm giúp mỗi tín đồ Cao Đài tự minh tâm để hiệp nhất cùng Đức Thượng Đế Cao Đài.

4.1. Ngoại quán

Ngoại quán là nhìn Thiên Nhãn thờ trên Thiên Bàn (Thượng Đế ngoại tại).

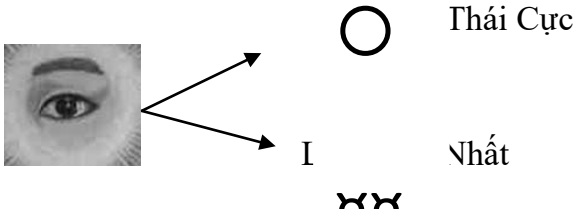
* Cấu trúc ngoại hình của Thiên Nhãn:

⁶³ Đức Trần Hưng Đạo; Minh Lý Thánh Hội, 06-11 Bính Thìn (26-12-1976); Thánh Giáo Nguyên Bản: “*Chúng ta nên căn cứ vào quẻ Phục mà hạ công lập địa hàm dưỡng Chơn Nguyên. Phục có nhiều nghĩa, nghĩa nguyên thủy của nó là “không kiếp chi tiền, Âm hàm Dương dã”, hư linh tịch chiếu, nên ta thấy tượng Quẻ một dương nằm dưới năm Âm, có thể suy luận cái Lý Nhứt Dương này là một điểm sinh Cơ tiềm phục, là Chơn Ý, là Tịnh Cơ gồm có năm âm là: mắt, tai, mũi, miệng, thân, ngũ quan thanh tịnh, Chơn Ý sáng soi chư hành giả gẫm đó mà làm công án tu trì.*”

⁶⁴ Đức Quảng Đức Chơn Tiên; Minh Lý Thánh Hội, 07-06 Tân Dậu (08-07-1981); Thánh Giáo Nguyên Bản.

+ Vòng Vô Cực bao vòng quanh Thiên Nhãn tượng trưng Khí Hư Vô (Thượng Đế Vô Ngã)

+ Thiên Nhãn



Mỗi ngày, mỗi người tín đồ Cao Đài cúng tứ thời, khi cúng hai mắt nhìn lên Thiên Nhãn, đó là **ngoại quán**.

Mắt người – một con bên trái gọi là Dương, con bên phải gọi là Âm – nhìn thẳng lên một con “Mắt Trời”; đó là phép “Lưỡng Quang đắc Nhất”, nghĩa là hai ánh sáng Âm Dương hợp nhất. Âm Dương hợp nhất là Thái Cực, là Thần, là Thiên Nhãn. Lúc đó mỗi người chúng ta với tâm chí thành, chí kính sẽ cảm nhận “Mắt Trời” nhìn lại ta; đó là phép “Hồi Quang phản chiếu”. Ta sẽ thấy thần giao cách cảm: Con ở trong Thầy và Thầy ở trong Con. Đó là công phu ngoại quán định thần, điều tâm cho đạt được kết quả: Thầy và Con là một, Thiên Nhãn và Ta là một.

4.2. Nội quán

*“Luyện thuốc kim đơn rõ Đạo mâu,
Thành Tiên tác Phật tại song mâu,
Âm Dương toàn ẩn cơ tại mục,
Thần Khí thông linh tại thượng đầu.”⁶⁵*

“Âm Dương là cơ động tịnh của Trời Đất tức là Thần Khí của các con.”⁶⁶

⁶⁵ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 46 “Cách thờ phượng”, tr.432.

Song mâu là hai luồng ánh sáng của hai mắt của con người hợp lại. Mắt bên trái là Dương (Nhật), mắt bên phải là Âm (Nguyệt). Âm Dương, Nhật Nguyệt hợp nhất là Minh:

*“Muốn đắc Minh phải dùng phép tụ quang khai Thiên mục (cơ tại mục). Hai mắt nhìn duy nhất vào một điểm mi tâm (điểm ở giữa hai chơn mày) thì Chơn Khí không còn phóng tán, Thần được yên, vọng thức khó sanh. Phép tụ quang là bước đầu của sơ cơ để hồi quang phản chiếu vào Trung Huỳnh (Thái Cực), đặt Nhãn tạng vào đây thì hai khí nơi tâm, thận triêu viên (kết), Khảm Ly giao hội, Thủy Hỏa Ký tế, Long Hổ quy châu.”*⁶⁷

Khảm Ly, Thủy Hỏa, Long Hổ, là Âm Dương. Âm Dương hợp nhất là Minh, là Thần:

*“Âm Dương phối hợp là Thần, tức thị **Lưỡng Nguyên** trở lại **Nhất Nguyên**. Nhất nguyên là chủ tử. Thần là Trời, là Chí Tôn Thượng Đế ở trong con người của ta [Thượng Đế nội tại].”*⁶⁸

Thiên Nhãn là Thiên Tâm, là Thần. *“Nguồn cội Tiên Phật, cơ yếu nhiệm là tại đó”*. Thần linh ứng biến hóa vô cùng. Thần ở thân thì thân sống, Thần lìa thân thì thân chết. Có Thần là có Khí. Khí Tiên Thiên là Mẹ của Thần. Khí còn thì Thần chẳng tán. Khí tuyệt thì Thần tan. Đem Thần soi rọi vào trong Tâm thì Tâm thanh tịnh.

Tâm thanh tịnh thì Thần minh phát hiện, Thiên Nhãn sáng soi; Lục thức trở về lục căn, vọng tâm biến thành Chơn

⁶⁶ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 46 “Cách thờ phượng”, tr.434.

⁶⁷ Đạo Học Chi Nam, chương 5, tiết 3, mục 3.

⁶⁸ Đức Đông Phương Chuông Quân; Vĩnh Nguyên Tự, Tý thời, 28 rạng 29-01 Giáp Dần (19-02-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Tâm, Ngũ Hành hiệp nhất, Chơn Ý xuất hiện, Chơn Khí lưu hành, Âm Dương hòa hiệp, Thần Khí khắng khít; Tinh hóa Khí, Khí hóa Thần, Thần huồn Hư, Hư huồn Vô; Vô là Vô Cực Tiên Thiên Khí, là Ngôi Trung, là Đạo, bản thể của Thầy và chúng sanh.

Nơi người, ngôi Trung là Nê Huồn Cung ở đỉnh đầu có Khiếu Huyền Quan. Người tu đắc Đạo, Thần Khí hiệp nhất, đắc Kim Đơn, thì Huyền Quan khiếu sẽ khai, Thiên môn sẽ mở cửa và con người hiệp nhất cùng Thầy. *“Thầy là các con, các con là Thầy”*.

5. KẾT LUẬN

Đạo Cao Đài thờ **Thiên Nhãn** hay **“Mắt Trời”**, là **một Mắt trái mở sáng**, tượng trưng Đấng Cao Đài vô hình, là Cha chung vạn loại. Vũ trụ chỉ có một Đạo, một Tâm, một Đấng Cha Trời. Nên Mắt Trời chỉ có Một. Một để diễn tả **cái nhìn nhất quán, nhất lý**. Mắt Trời là cái nhìn Tuyệt Đối Thể, cái nhìn mang tinh thần Đại Đạo, vượt lên Không và Có, không chấp Không cũng không chấp Có:

*“Chấp Không, chấp Có, thiên tà,
Lìa Không, bỏ Có, cũng là bàng môn”*⁶⁹

Con Mắt Trái tượng trưng mắt Trời. Trái là Dương, là Bản thể động, là rộng, là mở. Mắt Trời luôn mở rộng, chiếu sáng giữa vũ trụ bao la để giám sát, điều động bộ máy tuần hoàn của vũ trụ vạn loài, ở mọi nơi, mọi dân tộc, mọi tôn giáo, mọi thời kỳ trong tình thương yêu của Đấng Cha Lành. Do đó **Mắt Trời thể hiện tính đại đồng, phổ quát và vĩnh cửu**.

⁶⁹ Đức Bát Nhã Thiên Sư; Minh Lý Thánh Hội; Giáo Huấn Khuyến Tu Thi Văn, quyển Thượng, tr.33.

Mắt Trời là Thiên Tâm, là Chơn Thần của vũ trụ. Ở người, hai mắt “Lưỡng Quang” là cửa ngõ của tâm hồn, cũng là Linh Quang mà Trời ban cho, giúp mỗi người công phu hiệp Âm Dương, Thần Khí bằng cách giữ Tâm thanh tịnh, chuyển lục thức về lục căn. Khi Tâm thanh tịnh, thì Trời Đất, Âm Dương, Tánh Mạng, Thần Khí đều trở về một Tâm, về Thiên Nhãn nội tại trong mỗi người.

Lúc đó “Mắt Thầy và mắt Con là Một”, “Thầy là các con, các con là Thầy”.⁷⁰

Lúc đó, Thiên Nhãn chính là cái Ta Thiên Tánh, là Tâm Vũ Trụ, Tâm Trời:

*“Muốn cho Tâm, Đạo huyền đồng,
Thiên Nhân hiệp Nhất, cộng thông điều hòa.
Tâm đừng nghĩ chánh hay tà,
Không lành, không dữ, không ta, không người.
Đó là Tâm thật ai ơi!
Thật Tâm Vũ Trụ, Tâm Trời, Phật, Tiên.”*⁷¹

⁷⁰ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20 Février 1926; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.8.

⁷¹ Đức Quan Âm Bồ Tát, Chơn Lý Đản (Vạn Quốc Tự), Tuất thời, 01-4 nhuận Giáp Dần (22-05-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

MỤC 4.

QUYỀN PHÁP

Trong cơ tậ độ kỳ ba, chính Đức Chí Tôn Thượng Đế nắm quyền Giáo chủ, lập một nền tôn giáo tại đất nước Việt Nam để khai minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Sự sáng lập đạo Cao Đài trong thời kỳ này có ý nghĩa rất đặc biệt. Đó là sự gieo hạt giống tinh ròng trên mảnh đất được chọn để có đủ điều kiện cho một đại thụ đơm bông kết quả ở tương lai. Hạt giống đó, đối với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chính là mầm mống Quyền Pháp Đạo.

Tôn giáo Cao Đài là một thực thể của Quyền Pháp Đạo giữa các tôn giáo và giữa thế giới nhân loại. Người hướng đạo Cao Đài là người nhận lãnh sứ mạng Quyền Pháp từ Đức Chí Tôn Thượng Đế, để phát huy quyền năng vận hành cơ đạo, cải hóa nhân tâm và hoàn thiện xã hội.

1. Ý NGHĨA TỔNG QUÁT CỦA QUYỀN PHÁP

1.1. Định nghĩa

Quyền là năng lực của một chủ thể có đủ điều kiện tác động vào một hay nhiều đối tượng là thực thể, vật loại, tổ chức, tập thể hay cá nhân con người.

Pháp là trật tự, quy luật, cơ chế, theo đó chủ thể lần đối tượng phải tuân thủ để vận động đạt đến cứu cánh.

Quyền Pháp, theo nghĩa phổ quát nhất, là động năng hay tiềm năng siêu nhiên bất diệt ở trong bất cứ chủ thể nào trong vũ trụ, đang vận động điều khiển, điều hòa sự sanh hóa và điều độ sự tiến hóa của vạn vật.

Như thế, Quyền Pháp là đạo lý, là nguyên lý, theo đó mọi vật loại đã được đặt định để hoàn thành một sứ mạng.

Quyền Pháp là Đạo, vì Quyền Pháp vận hành theo Thiên cơ.

Đối với vũ trụ trước thời tạo Thiên lập Địa, “*điểm Quyền Pháp được chứa đựng (trong Vô cực) là ngôi Thái cực, là Thầy.*”⁷² “*Đại Từ Phụ nắm Quyền Pháp mới chuyển cơ sanh hóa vạn vật vũ trụ*”⁷³, để vũ trụ từ Bản thể tiềm ẩn chuyển thành thực tại sinh động biến hóa không ngừng.

“*Chính Quyền Pháp nằm trong sở vật thực tại chuyển biến và hóa sinh vạn loại. Cũng chính nhờ đó mà không vật nào biến mất, và cũng không có gì là tân tạo.*”⁷⁴

Đối với bản thân con người, “*điểm Quyền Pháp là linh hồn. Nhờ đó mà (con người) sinh ra, trưởng thành, và có thể tiến hóa đến mức đổi phàm thành Thánh, thay tục hóa Tiên được.*”⁷⁵

⁷² Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, 01-01-Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

⁷³ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, 01-01-Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

⁷⁴ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, 01-01-Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

⁷⁵ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, 01-01-Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

Đối với tha nhân, “*Quyền Pháp đạo không là điều cai trị. Quyền Pháp đạo chính là sự thương yêu, giải thoát cai trị để tiến hóa.*”⁷⁶

Đối với tôn giáo, Quyền Pháp là nhân tố “*thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể đạo cứu thế.*”⁷⁷

Tóm lại:

“*Quyền Pháp là Cơ, là Lý, là phương định đưa truyệt đối vào sở vật tương đối, chuyển vô thường giả tạm vào siêu nhiên bất diệt.*”⁷⁸

“*Sở vật thực tại được tạo thành và biến sanh đều do Quyền Pháp.*”⁷⁹

1.2. Những đặc điểm của Quyền Pháp

Quyền Pháp là công năng của Đạo mà chủ thể được *phủ bẩm* như sự sống của vạn vật, hay được *trao phó* như sứ mạng của một nhân vật.

Đối với Đức Chí Tôn, Ngài là Đấng Chúa tể Càn Khôn, quyền của Ngài là tuyệt đối, nhưng Quyền Pháp cứu độ của Ngài cũng đặt ở trọng điểm Thiên nhân hiệp nhất:

“*Cao Đài, chỗ Thiên nhơn hiệp nhất,
Tá danh, hầu cứu vớt vạn linh.*”⁸⁰

⁷⁶ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, 01-01-Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.88-89.

⁷⁷ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, 01-01-Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.88-89.

⁷⁸ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, 01-01-Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.88-89.

⁷⁹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, 01-01-Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.88-89.

⁸⁰ Đức Ngô Minh Chiếu; Thánh Tịnh Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 01-03 Bính Ngọ (22-3-1966); Thánh Giáo Sưu Tập 1966-1967, tr.41.

Quyền Pháp luôn luôn đi đôi với sứ mạng của chủ thể. Có sứ mạng, đương nhiên có Quyền Pháp. Ngược lại, Quyền Pháp được ban trao mỗi khi sứ mạng được đặt để.

Quyền và Pháp là hai chiều vận động của chủ thể: một chiều tác động vào đối tượng, chiều kia thỏa ứng yêu cầu thăng tiến của đối tượng. Đó là tính Trung đạo của Quyền Pháp.

Quyền Pháp là sự sống và tình thương. Quyền Pháp không đề đề cao ngôi vị của chủ thể mà để chuyển hóa, tạo dựng và hoàn hảo cho đối tượng (vong kỷ vị tha)

Quyền Pháp không dành riêng cho đẳng cấp nào hay chức vụ nào trong cõi vô vi cũng như hữu hình. Mỗi cá thể chúng sanh đều có Quyền Pháp tương ứng với sở dụng.

Quyền Pháp chỉ có hiệu năng khi được vận dụng phù hợp với Thiên cơ, hợp Đạo và lẽ sống.

Người chấp trì Quyền Pháp là người thọ mệnh của cấp trên và điều độ cấp dưới. Nếu đối với trên không thuận tòng, đối với dưới không tương đắc thì hành động không còn Quyền Pháp nữa.

2. QUYỀN PHÁP CAO ĐÀI TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ

2.1. Vai trò Quyền Pháp của đạo Cao Đài

Thế giới ngày nay đang ở trong giai đoạn cuối của chu trình Tam nguyên. Đó là một sở vật thực tại đang biến dưỡng. Nếu không có điểm Quyền Pháp bên trong để làm mầm sống, thì quá trình biến dưỡng này sẽ đưa thế giới đến chỗ tự hủy diệt.

Bởi thế, khai mở cơ cứu độ kỳ ba, trước tiên Đức Thượng Đế lập tôn giáo Cao Đài để làm điểm Quyền Pháp. Tôn giáo này phải đạt đến khả năng “*thúc đẩy mọi sở vật thực*

tại tôn giáo kết thành thực thể Đạo cứu thế trong Tam kỳ phổ độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.”⁸¹

Trong sứ mạng thực thi Quyền Pháp, Cao Đài giáo chỉ đóng vai trò tác năng chuyển hóa chứ không có mục đích độc tôn giữa các tôn giáo trên hoàn cầu. Mỗi tôn giáo đều phải có Quyền Pháp Đạo mới trở thành một thực thể Đạo cứu thế thuần chánh.

*“Quyền Pháp không giao cho riêng ai, cho xã hội nào, cho tôn giáo nào. (...) Tùy tâm ý mà đạt định, tùy sứ mạng mà nhận lãnh. Quyền Pháp là Thầy, là Đạo, là động năng thúc đẩy tạo thành thánh đức sau hội Long Hoa. (...) Trong số vật thực tại tôn giáo trên thế giới, tất cả tôn giáo từ xưa nay đang biến dưỡng tranh chấp để tiến hóa (...)”*⁸²

Để có được Quyền Pháp Đạo, các tôn giáo phải quy hiệp tinh thần trong một giáo lý thuần nhất của Đại Đạo, chứ không phải quy hiệp các hệ thống tổ chức hiện hành của mình về hệ thống tổ chức của tôn giáo Cao Đài.

Muốn các tôn giáo trở thành những “*động năng thúc đẩy*” nêu trên, Cao Đài đã đề ra tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên” và nguyên lý “Thiên nhân hiệp nhất” trong cơ Đạo.

Tam giáo quy nguyên. Đức Chí Tôn quy nguyên Tam giáo, lập thành Đại Đạo cũng chính là thiết lập *Quyền Pháp Cao Đài*. Bởi vì Tam giáo phát sinh từ Đại Đạo để giáo hóa chúng sanh trong Nhứt kỳ và Nhị kỳ phổ độ theo ba đường lối Nho, Lão, Thích tùy theo căn cơ và xu hướng con người. Ngày nay, đến thời kỳ tận độ hạ nguơn, là cơ cứu độ cuối cùng, Đức Chí Tôn quy nguyên Tam giáo thành một

⁸¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, Ngọ thời, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969), Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.90.

⁸² Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, Ngọ thời, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969), Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88.

pháp môn duy nhất tức Tân pháp Cao Đài, có khả năng cứu độ toàn diện, là “*Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát.*”

Quy nguyên được Tam giáo thì chánh pháp sáng tỏ, bởi vì chánh pháp thị hiện ra ở chỗ đặc nhất của Tam giáo. Từ đó vạn giáo sẽ thấy sáng tỏ cương vị của mình trong chánh pháp và góp phần lập thành hệ thống đạo pháp thống nhất, tức “*Ngũ chi phục nhất.*”

Thiên nhân hiệp nhất. Thiên nhân hiệp nhất chính là Quyền Pháp tối thượng của Cơ cứu độ kỳ ba, đã trở nên nguyên lý khai đạo, hoằng đạo, đặc đạo của Đại Đạo thời Hạ nguồn.

*“Thầy sắp cuộc dinh hoàn tái tạo,
Dụng huyền linh Đại Đạo vận hành;
Quyền Thầy hiệp cả vạn linh,
Đồng Tây kim cổ lập thành tương lai.”*⁸³

Chính sự hiệp nhất giữa Thượng Đế với chúng sanh nơi Thiên lý phản bản hoàn nguyên của vũ trụ sẽ làm nên Quyền Pháp cứu độ Kỳ ba cho thế gian này.

Một khi có sự hiệp nhất giữa Nhân và Thiên nơi tâm linh người Thiên ân, là lúc Quyền Pháp được ban trao để tiến hành sứ mạng:

*“Chính sự giao tiếp giữa tâm con và Thánh ý mới làm nên sứ mạng Thiên ân, để vận hành theo Thiên lý, cứu độ quần sanh.”*⁸⁴

⁸³ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 9 giờ đêm 15-02 Quý Hợi (29-3-1983); Thánh Giáo Nguyên Bản.

⁸⁴ Đức Diêu Trì Kim Mẫu; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hội thời, 15-04 Kỷ Mùi (10-5-1979); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Như thế Quyền Pháp Đạo không mông lung mà là sự vận dụng Thiên lý, Thiên cơ tại thế gian bởi người thực hành Thiên đạo:

“(...) Thiên nhơn hiệp nhứt, sứ mạng của Trời sẽ được sáng giá nhờ những bàn tay của thế nhân hoặc ngược lại.”⁸⁵

Về mặt đạo pháp, Quyền Pháp chính là Chơn Thần của Đức Chí Tôn từ bi phú bẩm cho con cái Ngài trong kỳ ba tận độ này, nhờ đó mới có thể tu hành đắc đạo được. Ngài đã dạy:

*“Thần là khiếm khuyết của cơ mẫu nhiệm từ ngày đạo bị bẻ. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, duy **Thầy cho Thần hiệp Tinh Khí** đặng hiệp đủ Tam Bửu là cơ mẫu nhiệm siêu phàm nhập thánh”⁸⁶*

và:

“Thầy đến đặng hoàn nguyên Chơn thần cho các con đắc đạo.”⁸⁷

2.2. Sự thiết lập Quyền Pháp trong Hội Thánh Cao Đài

Buổi sơ khai của Đạo, khi Đức Chí Tôn ban Pháp Chánh Truyền để lập Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Quyền pháp đã được Ngài đặt để một cách hết sức tinh nghiêm giữa Tam Đài, giữa các chức sắc, và rất mực thượng tôn mục đích phổ độ vị nhân sanh.

⁸⁵ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Vĩnh Nguyên Tự, Tuất thời, 30-03 Quý Sửu (02-5-1973); Thánh Giáo Nguyên Bản.

⁸⁶ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 25 Février 1926; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.12.

⁸⁷ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 25 Février 1926; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.12.

Quyền Pháp giữa Tam Đài. Bát Quái, Hiệp Thiên và Cửu Trùng, mỗi Đài đều có Quyền Pháp trong lãnh vực đảm trách. Nhưng Quyền Pháp của Hiệp Thiên Đài đặc biệt điển hình cho công năng vận hành Đạo pháp từ Bát Quái Đài để tác động vào đối tượng Cửu Trùng Đài, rồi đến lượt đối tượng thi hành sứ mạng chuyển hóa nhân sanh và sau cùng trở về hiệp nhứt với Bát Quái Đài sau khi thành đạo. Nên Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã xác định vai trò Quyền Pháp trung gian hệ trọng của Hiệp Thiên Đài rằng:

*“Hiệp Thiên Đài nắm giữ Quyền Pháp, mới đưa Cửu Trùng Đài vào Bát Quái, chuyển lý hành tàng của Bát Quái vào Cửu Trùng.”*⁸⁸

Vai trò tối yếu ấy của Hiệp Thiên Đài không phải chỉ do quyền hạn của chức sắc Hiệp Thiên Đài tại thế gian mà có, nhưng bởi:

*“Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự, cầm quyền Thiêng Liêng mới Đạo. Hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn.”*⁸⁹

Điều đó cho thấy Quyền Pháp dù cao trọng đến đâu cũng là sự thọ nhận chấp trì thượng lệnh, đồng thời thi thố quyền năng pháp độ thực hiện sứ mạng, chứ không phải đơn phương tự phát.

Quyền Pháp giữa các chức sắc Hội Thánh. Có thể chọn Quyền Pháp của Đầu Sư làm điển hình. Theo Pháp Chánh Truyền, Đầu Sư là người “*đặng quyền thay mặt cho Giáo Tông và Hộ Pháp trước mặt nhơn sanh*”⁹⁰ để “*cai trị phần*

⁸⁸ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, Ngộ thời, 01-01-Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

⁸⁹ Pháp Chánh Truyền, phần “Hiệp Thiên Đài”, tr.51.

⁹⁰ Pháp Chánh Truyền, phần chú giải Pháp Chánh Truyền về “Quyền hành Đầu Sư”, tr.11.

đạo và phần đời của chư môn đệ Chí Tôn”⁹¹. Nhưng Đầu Sư “chẳngặng phép tự ý riêng mình mà thi thố điều chi không có lệnh của Giáo Tông và Hộ Pháp truyền dạy.”⁹²

Ý nghĩa của Quyền Pháp càng nổi bật qua hai khoản quan trọng trong Pháp Chánh Truyền đối với quyền hành của Đầu Sư:

“Chúng nó [Đầu Sư]⁹³ phải tuân mạng lệnh của Giáo Tông, làm y như luật lệ của Giáo Tông truyền dạy.”⁹⁴

“Như thẳng luật lệ nào nghịch với sự sinh hoạt của nhơn sanh thì chúng nó đặng cầu xin hủy bỏ.”⁹⁵

Như thế, đối với trên thì *tuân mạng*, đối với dưới phải *vi nhơn sanh*. Đó là Quyền Pháp của bậc Chức Sắc hay trang Hường Đạo.

Nhưng Quyền Pháp còn phải rất phân minh giữa những người đồng sự với nhau. Như trong Pháp Chánh Truyền, về quyền hành Chánh Phối Sư, được chú giải như sau:

“(…) Người nắm trọn quyền hành sự nơi tay, chỉ tòng lệnh Đầu Sư phán dạy thế nào thì phải tuân theo thế ấy; chẳng đặng cải mạng lệnh tự mình chế biến; nhứt nhứt đợi lệnh Đầu Sư, song Đầu Sư cũng không đặng phép giành quyền hành sự của ba vị ấy. Hễ Đầu Sư lấn quyền hành

⁹¹ Pháp Chánh Truyền, phần nguyên văn của Pháp Chánh Truyền về “Quyền hành Đầu Sư”, tr.10.

⁹² Pháp Chánh Truyền, phần chú giải Pháp Chánh Truyền về “Quyền hành Đầu Sư”, tr.11.

⁹³ Chữ “chúng nó” trong nguyên văn của Pháp Chánh Truyền đều là do Đức Thượng Đế Chí Tôn sử dụng.

⁹⁴ Pháp Chánh Truyền, phần nguyên văn của Pháp Chánh Truyền về “Quyền hành Đầu Sư”, tr.12.

⁹⁵ Pháp Chánh Truyền, phần nguyên văn của Pháp Chánh Truyền về “Quyền hành Đầu Sư”, tr.12.

sự mà không do nơi Chánh Phối Sư thì là quá quyền mình, ắt phải phạm Pháp Chánh Truyền.”⁹⁶

3. QUYỀN PHÁP CỦA NGƯỜI SỨ MẠNG

Ở đâu có sự đặt để cứu thế độ đời, ở đó có sự hiện hữu của Quyền Pháp. Nhận lãnh Quyền Pháp mà không thi hành sứ mạng thì không thể hiện được Quyền Pháp; ngược lại, nhận lãnh sứ mạng mà không chấp trì Quyền Pháp thì sứ mạng không hoàn thành.

Đối với người sứ mạng, Quyền Pháp là khả năng vận dụng nguyên lý Đạo vốn hằng hữu trong Bản thể tâm linh của chính mình để tác động vào đời sống nhân sinh và tâm linh của tha nhân, hầu cứu độ tha nhân. Ở đây, Quyền Pháp chính là sự dụng công của một chủ thể, là sự phát huy khả năng chủ sử của tâm linh trong sứ mạng cải hóa quần sinh.

“Quyền” hay “Pháp” thật ra cũng chỉ là một. Sõ dĩ có sự phân biệt là do có sự khác nhau ở đối tượng tác động của tâm linh chủ thể. “*Quyền là hình thức thể hiện trước đối tượng, Pháp là thể hiện trước bản thân*”⁹⁷.

Nói cách khác, khi người sứ mạng vận dụng khả năng chủ sử của tâm linh để tự thánh hóa chính mình hầu có thể hành động với tinh thần của một Thiên sứ, thì khi đó cái Đạo, cái Tâm được thể hiện thành cái Pháp; còn khi vận dụng khả năng ấy cứu độ tha nhân, thì Đạo (Tâm) được thể hiện thành Quyền.

Quyền là tình thương, Pháp là sự sống. Thật vậy, gọi Pháp là sự sống vì đạt được Pháp chính là nắm được quy luật tồn tại và tiến hóa trong căn khôn vũ trụ; còn gọi Quyền là tình thương vì đạt được Quyền chính là đạt được khả năng giáo

⁹⁶ Pháp Chánh Truyền, phần chú giải Pháp Chánh Truyền về “Quyền hành Chánh Phối Sư”, tr.15.

⁹⁷ Đạo Học Chỉ Nam, chương 4, tiết 4, mục 1.

hóa, cứu độ tha nhân, thể hiện được tình Tào Hóa mà Trời đất đã vận dụng trong cuộc điều hành vạn vật.

Có thể nói nguồn gốc của Quyền Pháp phát xuất từ Đạo pháp:

*“Quyền Pháp cũng là Đạo pháp. Đạo pháp là Quyền Pháp. Người hướng đạo lãnh đạo phải học cho tinh vi quán triết cái quyền để chấp pháp được nghiêm minh, cũng như người tu luyện phải hiểu thấu được cái điểm Đạo duy nhất mới hành được cái pháp.”*⁹⁸

Thế nên, muốn chấp trì được Quyền pháp, điều quan trọng là phải đắc được cái Pháp. Đắc được Pháp thì đương nhiên chấp được Quyền. Nếu chỉ có Quyền mà không có Pháp, thì Quyền không còn tác dụng cứu độ tha nhân nữa:

*“Có Quyền không có Pháp, không đưa con người đi về đâu; trái lại, sẵn sàng xô ngã con người vào lạc lâm u tối.”*⁹⁹

Thế nên, cần nhấn mạnh rằng, người sứ mạng phải tu học Thiên đạo đại thừa mới đạt được cái Pháp để thực thi cái Quyền:

*“Có chức tất có vị, có vị tất có quyền. Quyền đạo đòi hỏi người thiên ân hướng đạo có pháp đạo tương xứng theo cấp bậc điều hành hướng đạo thì Quyền Pháp sẽ nghiêm minh.”*¹⁰⁰

Điều đó đã được đức Chí Tôn khẳng định trong huấn từ sau đây của Ngài:

“Đại Từ Phụ Ngọc Hư sắc tứ,

⁹⁸ Đức Đông Phương Chương Quán; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 23-6 Canh Tuất (25-7-1970); Thánh Giáo Nguyên Bản.

⁹⁹ Đạo Học Chi Nam, chương 4, tiết 4, mục 1.

¹⁰⁰ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-7 Ất Sửu (30-8-1985); Thánh Giáo Nguyên Bản.

*Ban thiên ân nam nữ điện tiền;
Phụng hành lý Đạo cơ Thiên,
Song tu tánh mạng, pháp quyền xương minh.”¹⁰¹*

4. KẾT LUẬN

Quyền Pháp của Tam Kỳ Phổ Độ đã có và đang có; sứ mạng Quyền Pháp còn đang diễn tiến chứ chưa hoàn thành. Tất cả những sở vật thực tại trong thời Hạ nguon đều đang biến dưỡng, đang chịu quy luật đào thải và bảo tồn.

Thứ đến, dân tộc được chọn phải thấp sáng ý thức sứ mạng chứ không chỉ dừng lại ở lòng tin Thầy mến Đạo mà thôi. Mảnh đất tuy có ấp ủ hạt giống đã gieo, nhưng những điều kiện hỗ trợ chưa đáp ứng đúng mức, thì hạt vẫn chưa thể nảy mầm.

Trong khi đó, hàng Thiên ân hướng đạo cần tu chứng để lập thành thể Thiên nhân hiệp nhất, hầu trợ lực cho cơ đạo tiến triển nhanh chóng.

“Nếu không làm được Đông thành Xuân, phạm tục thành Tiên Thánh, loạn nên trị, chiến đấu ra an bình, vị kỷ ra đại đồng, chính là chưa đạt được Quyền Pháp đó.”¹⁰²

Cuối cùng, cần ghi nhớ:

“Quyền Pháp là Thầy, là Đạo;”¹⁰³

và:

“Quyền Pháp Đạo là tình thương và sự sống;”¹⁰⁴

¹⁰¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hối thời, 29-02 Mậu Ngọ, (06-3-1978); Thánh Giáo Nguyên Bản.

¹⁰² Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, 01-01-Kỷ Dậu (17-02-1969), Thánh Giáo Sư Tập 1968-1969, tr.88.

¹⁰³ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, 01-01-Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Sư Tập 1968-1969, tr.89.

¹⁰⁴ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hối thời, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

với lời nhắc nhở của Đức Chí Tôn:

*“Có năm được Quyền Pháp thì đạo mới hoằng khai; có tình thương, sự sống mới hòa bình an lạc. Đó là điều kiện duy nhất để con trở về bến khởi nguyên Đại Đạo, về cùng Thầy.”*¹⁰⁵

¹⁰⁵ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hội thời, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

CHƯƠNG 2.

VŨ TRỤ

MỤC 1. TỔNG QUAN VỀ VŨ TRỤ LUẬN ĐẠI ĐẠO

MỤC 2. ĐẠO – THƯỢNG ĐẾ

MỤC 3. NGUYÊN LÝ THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ

MỤC 4. NGUYÊN LÝ NHẤT TÁN VẠN – VẠN QUY NHẤT

MỤC 1.

TỔNG QUAN VỀ

VŨ TRỤ LUẬN ĐẠI ĐẠO

Vũ trụ luận Đại Đạo đề cập đến vũ trụ như một tổng thể bao gồm các đối tượng khả nghiệm và siêu nghiệm đối với khả năng nhận thức của con người (vũ trụ, như một tổng thể, thường được gọi là Càn Khôn thế giới, Thiên Địa Càn Khôn, vũ trụ Càn Khôn,...)

Vũ trụ luận Đại Đạo đưa ra các quan niệm về nguồn gốc, sự vận động và biến hóa, sự tiến hóa của vũ trụ trong chiều hướng rút ra các nguyên lý, các quy luật chung của sự tồn tại và tiến hóa của vũ trụ, nhất là các nguyên lý và các quy luật dẫn đạo cho sự tiến hóa của con người đến tâm kích vũ trụ, tức là đưa con người từ vị thế hữu hạn trong không gian, thời gian vượt lên tới vị thế con người muôn thuở muôn phương.

1. NGUỒN GỐC VŨ TRỤ

Về nguồn gốc vũ trụ, giáo lý Đại Đạo quan niệm rằng trước khi có vũ trụ hữu hình, trong vũ trụ có một Bản thể là thực tại tối sơ. Một động năng ban đầu tự phát sinh làm cơ nguyên của cuộc sinh hóa vũ trụ giữa thực tại ấy. Quan

TỔNG QUAN VỀ VŨ TRỤ LUẬN ĐẠI ĐẠO

niệm về Bản thể và cơ nguyên sinh hóa vũ trụ của giáo lý Đại Đạo thuộc về siêu hình nhưng có tính nhất quán cho toàn hệ thống giáo lý.

1.1. Khái niệm về vũ trụ

Giáo lý Đại Đạo có những khái niệm về vũ trụ bao hàm những phạm trù thời gian, không gian, âm dương tương đối, và tiên thiên - hậu thiên.

1. Vũ trụ có liên quan đến không gian và thời gian. Đại Thừa Chơn Giáo viết:

“... Sao kêu là vũ trụ, các con có biết chăng? Khắp cả Càn Khôn thế giới là vũ. Cùng chỗ vũ kêu là trụ. Vũ là trùm cả bốn phương và trên dưới. Trụ cũng có nghĩa là xưa qua nay lại. Nên trong chữ “vũ trụ” có gồm nghĩa cả không gian và thời gian.”¹⁰⁶

Vũ trụ có liên quan đến âm dương:

“Âm là vũ, dương là trụ. Vũ thì đóng khép trong găm trời. Trụ thì mở rộng. Trụ cũng là thời gian, là âm dương nối tiếp nhau. Còn vũ là không gian, là âm dương đồng thời tương đối.

Bước qua vòng không gian, thời gian, ta còn thấy rộng hơn như trong họa đồ tròn, họa đồ vuông trong Châu Dịch. Tròn (thời gian) vuông (không gian) được đúc kết nên một Thể, nhưng không ngoài sự tiêu trưởng của âm dương.”¹⁰⁷

3. Khái niệm Tiên thiên-Hậu thiên trong giáo lý Đại Đạo lại củng cố thêm vũ trụ quan bao hàm thực tại Bản thể và thế giới hiện tượng, bao hàm thường hằng và dịch biến,

¹⁰⁶ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 23-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 43 “Vũ trụ”, tr.175.

¹⁰⁷ Đạo Học Chi Nam, chương 1, tiết 4, mục 2.

trong đó Thiên (Thái cực) là động năng hóa sanh vạn hữu (Hậu thiên) từ Hư vô (Tiên thiên).¹⁰⁸

*“Nguyên sơ là lúc chưa có Trời Đất, vũ trụ này chỉ là một khí không hư ngưng kết thành một khối hồn nhiên, cực huyền cực diệu. Khối ấy trong Vô Cực hiện ra, gọi là Thái Cực (...) Trước khởi kỳ thi, chưa có một tượng hình động tịnh, nên gọi Tiên Thiên (...) Khi Thái Cực phân nghi, âm dương hiện hiện, thì Trời Đất được dựng nên, muôn loài sanh sôi nảy nở (...)”*¹⁰⁹

1.2. Bản Thể Vũ Trụ

1.2.1. Bản thể vũ trụ là Đạo, là Khí Hư Vô

Theo Đại Thừa Chơn Giáo:

*“Đạo là gì? Đạo là Hư Vô Chi Khí. Đạo rất mầu nhiệm sâu kín cao siêu. Trước khi có Trời Đất đã có Đạo. Vậy Đạo đã tạo nên Càn Khôn vũ trụ, hóa sanh vạn vật muôn loài. Muôn loài vạn vật phải thọ bẩm Khí Hư Vô mà sanh hóa mãi mãi.”*¹¹⁰

Vì Đạo có trước Trời Đất (tức vũ trụ vạn vật) và muôn loài muôn vật phải thọ bẩm Khí Hư Vô (Đạo) mà sanh hóa mãi mãi, nên Đạo chính là Bản thể của vũ trụ vạn vật.

Đạo “*tạo dựng nên Càn Khôn vũ trụ*” và “*hóa sanh vạn vật muôn loài*” nên Đạo cũng chính là nguồn gốc tối sơ của vũ trụ vạn vật. Như thế, Đạo được coi như một động năng khởi thi và vĩnh cửu.

¹⁰⁸ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế (xưng danh Đại Đức Cao Tiên); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 30 “Tiên thiên cơ ngẫu”, tr.272, thiên 31 “Hậu thiên cơ ngẫu”, tr.280.

¹⁰⁹ Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 3, mục 3.

¹¹⁰ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 02-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 9 “Đại Đạo luận”, tr.66.

Từ ngàn xưa, các bậc giáo tổ đã dùng chữ Đạo với ý nghĩa rất bao quát, rất hàm súc, nên từ ngữ “Khí Hư Vô” có thể thay thế chữ “Đạo” khi muốn nói đến ý nghĩa “bản thể” của vũ trụ. Thánh ngôn có nói: *“Nếu không có Hư Vô Chi Khí thì không có Thầy”*¹¹¹, *“Thầy là Hư Vô Chi Khí thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi”*.¹¹²

1.2.2. Bản thể vũ trụ chính là Vô Cực

Giáo lý Đại Đạo còn đồng nhất Vô Cực với Bản thể vũ trụ: Vô Cực là khoảng không gian mịt mịt mờ mờ với Khí Hồng Mông có trước Thái Cực:

*“Trước khi chưa định ngôi Thái Cực thì trong khoảng không gian ấy còn đương mịt mịt mờ mờ với Khí Hồng Mông, vì đó là còn trong thời kỳ hỗn nguyên vậy. Không gian ấy tức là Vô Cực.”*¹¹³

Thái Cực do Nguyên Lý Thiên Nhiên và Nguyên Khí Tự Nhiên trong Vô Cực hợp thành:

“Trong Vô Cực ấy lại có một cái Nguyên Lý Thiên Nhiên tuyệt diệu tuyệt huyền, rồi lại có thêm một cái Nguyên Khí Tự Nhiên nữa. Lý với Khí ấy tức là Âm với Dương trong buổi Hồng Nguyên thời đại. Lý với Khí ấy lại lần lần ngưng kết với nhau mà đông tụ lại lâu đời nhiều kiếp mới thành ra một khối Tinh Quang rất đầy đủ các sự tốt đẹp. Chừng đúng ngày giờ khối ấy mới nổ tung ra (...), bèn có một điểm Linh Quang từ trong tiếng nổ ấy văng ra (...). Ấy là ngôi

¹¹¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 13-06 Bính Dần (Jeudi 22 Juillet 1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.32.

¹¹² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 29-12 Bính Ngọ (02-02-1967); Thánh Giáo Nguyên Bôn.

¹¹³ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 23-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 43 “Vũ trụ”, tr.410.

*Chúa Tể của Càn Khôn vũ trụ đã biến hóa ra vậy; mà vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực (...)*¹¹⁴

1.3. Cơ nguyên sinh hóa vũ trụ

Đạo, hay Khí Hư Vô, là Bản thể vũ trụ vạn vật. Nhưng sự hiện hữu của vạn vật đã phát sinh từ Bản thể theo một nguyên lý và hai quy luật cơ bản sau đây:

Nguyên lý Thái cực – Âm Dương. Nếu bản thể Hư Vô tịch tịnh của Vũ trụ vẫn mãi im lìm, không phát động sinh Thái Cực thì không bao giờ có sự khởi đầu cuộc hóa sinh vũ trụ. Nên Đại Thừa Chơn Giáo viết:

*“[Thái Cực] lấy cơ thể Âm Dương mà phân thanh biện trước, làm máy động tịnh để gom tụ cái Khí Hư Vô đang hóa sanh muôn loài vạn vật.”*¹¹⁵

Như vậy lẽ ra chỉ cần nói nguyên lý Thái Cực là đủ, vì chính Thái Cực đã hàm tàng hai năng lực Âm Dương. Thái Cực là thực tại chuyển tiếp từ ý niệm Bản thể sang ý niệm hóa sinh, nhưng thực chất Thái Cực cũng là Vô Cực.¹¹⁶

Luật cơ ngẫu. Nguyên lý Thái Cực -Âm Dương là nguyên lý tất yếu của một động năng nguyên thủy, vĩnh cửu, thống ngự từ nguyên sơ đến bất tận cuộc sinh hóa của vũ trụ.

Còn quy luật cơ ngẫu là nguyên tắc, là điều kiện bắt buộc để làm phát sinh năng lực tạo tác ra vạn vật. Luật cơ ngẫu đòi hỏi bao giờ cũng phải có đủ HAI công năng (để được

¹¹⁴ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 23-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 43 “Vũ trụ”, tr.410.

¹¹⁵ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 23-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 43 “Vũ trụ”, tr.410.

¹¹⁶ Đạo Học Chỉ Nam, chương 1, tiết 2, mục 4, viết: “*Vô Cực là Thái Cực, Thiên hay Đế là một. Nên đã nói: một vật hồn nhứt trong Hư Vô.*” Ngoài ra, cũng có thể tham khảo, ví dụ, Chu Liêm Khê (1017-1073); ông cho rằng: Vô Cực nhi Thái Cực (Vô Cực tức Thái Cực), Thái Cực bản Vô Cực (Thái Cực vốn là Vô Cực).

chấn: Ngẫu) đối ứng mới phát khởi được vận động sinh hóa; không bao giờ chỉ có MỘT công năng (tức lẻ: Cơ) mà phát động được sức hóa sinh. Sức hóa sinh này chính là yếu tố thứ BA của cơ nguyên sinh hóa vũ trụ vậy.

Nên Kinh Đại Thừa Chơn Giáo có viết:

*“Đức Thái Cực [mới] vận hành khí **chơn dương** hiệp cùng **khí âm** (âm dương là **cơ với ngẫu**). Khí âm dương hỗn hiệp nhau, độn chạm mà hóa hóa sanh sanh, là do trong chỗ điều hòa, tương ứng, tương cảm, huân chung đầm ắm, mới tạo thành nghìn giống muôn vẻ, thiên hình vạn trạng... không bao giờ ngừng nghỉ. **Đó là một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật**; nhưng vạn vật cũng phải quay đầu về một, là vì “nhứt bốn tán vạn thù, vạn thù quy nhứt bốn” (...) Cái lý Thái Cực là Lý Đơn Nhứt, cầm quyền sanh hóa, thống chưởng Càn Khôn.”*¹¹⁷

Luật Trung Hòa. Trong cơ nguyên sinh hóa, đã nêu lên nguyên lý Thái Cực, luật Âm Dương cơ ngẫu mà không đề cập đến luật Trung hòa thì thiếu giai đoạn ba của tiến trình: “Một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật.”

Bởi thế Đại Thừa Chơn Giáo nhấn mạnh:

*“Luật Trời vô vi, nhưng cũng có hai cái năng lực mạnh bạo phi thường là “nhứt âm nhứt dương” mới tạo nên Càn Khôn vũ trụ. (...) Ấy là hai cái năng lực tương phản tương đối mà hóa hóa sanh sanh (...) Vậy thì cái sự sanh đó cũng do nơi **hòa** mà có. Thế nên Đạo của Trời Đất cũng bắt ngoại hai chữ **Trung Hòa**.”*¹¹⁸

¹¹⁷ Đức Đại Đức Cao Tiên; 03-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 30 “Tiên thiên cơ ngẫu”, tr.274.

¹¹⁸ Đức Đại Đức Cao Tiên; 05-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 31 “Hậu thiên cơ ngẫu”, tr.280.

1.4. Đại Linh Quang - Tiểu Linh Quang. Thượng Đế Vô Ngã - Thượng Đế Hữu Ngã.

Trong các đoạn kinh văn liên quan đến bản thể luận, những câu: “*Muôn loài vạn vật thọ bẩm Khí Hư Vô mà sanh hóa mãi mãi*” và Thái Cực “*gom tụ Hư Vô đẳng hóa sanh muôn loài vạn vật*” cho thấy cơ nguyên sanh hóa vũ trụ vạn vật diễn ra theo nguyên lý Thái Cực - Âm Dương song song với nguyên lý Thiên địa vạn vật nhất thể. Nghĩa là trong Trời Đất, bất cứ nơi vật nào từ nhỏ cực nhỏ đến lớn cực lớn đều có động năng Thái Cực thúc đẩy hóa sanh với Bản Thể Hư Vô Chi Khí hàm tàng trong mỗi vật đó.

Hình tượng hóa tính chất nhất thể của vũ trụ vạn vật bằng “ánh sáng” đồng thời nhấn mạnh tính siêu việt của “ánh sáng” ấy, giáo lý Đại Đạo dùng từ Linh Quang. Một hệ quả của nguyên lý nhất thể này là nội dung của cặp phạm trù Đại Linh Quang – Tiểu Linh Quang:

*“Điểm Linh Quang là gì? Là cái yển sáng mà thôi. Thái Cực là một khối Đại Linh Quang, chia ra, ban cho mỗi người một điểm Tiểu Linh Quang.”*¹¹⁹

Như thế mặc dù giáo lý Đại Đạo có quan niệm hữu ngã (đồng thời có quan niệm vô ngã) về nguồn gốc vũ trụ nhưng không quan niệm Hóa Công (Thượng Đế) và tạo vật (vũ trụ) khác biệt nhau về bản thể:

*“Đạo là ngôi Nhứt Nguyên Chủ Tể,
Đạo cũng là đồng thể vạn linh;”*¹²⁰

hay là:

“Con là một Thiêng Liêng tại thế,

¹¹⁹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 03-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 32 “Luận về Đại Đạo tâm truyền”, tr.300.

¹²⁰ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thiên Lý Đản, Tuất thời, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1966); Thánh Giáo Sưu Tập 1966-1967, tr.35.

Cùng với Thầy đồng thể Linh Quang.”¹²¹

Khi trình bày về Bản Thể cũng như về cơ nguyên sanh hóa vũ trụ vạn vật, giáo lý Đại Đạo đồng thời cũng nêu lên quan niệm về Thượng Đế Vô Ngã và Thượng Đế Hữu Ngã. Nếu đơn thuần quan niệm Thái Cực như một động năng siêu việt, nguyên sơ, vĩnh cửu và phổ quát, Thái Cực đồng nghĩa với Thượng Đế Vô Ngã.

Nếu phát biểu: “*Ngôi Thái Cực toàn tri toàn năng*”, “*Thái Cực lâm trần buổi hạ nguơn*”¹²² hoặc quan niệm Thái Cực là một chủ thể, là Thầy¹²³ thì Thái Cực đồng nghĩa với Thượng Đế Hữu Ngã.

Giáo lý Đại Đạo còn dung hợp cả hai quan niệm này, nghĩa là Thượng Đế vừa Vô Ngã vừa Hữu Ngã.¹²⁴

Qua nguyên lý Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể, ngoài cặp phạm trù Đại Linh Quang – Tiểu Linh Quang, quan niệm Thượng Đế Vô Ngã hiện hữu đồng thời với Thượng Đế Hữu Ngã của giáo lý Đại Đạo đã nêu lên tính nhất thể và nhất nguyên của vạn vật trong vũ trụ.

¹²¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1966); Thánh Giáo Suu Tập 1966-1967, tr.36.

¹²² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 25-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 44 “Địa cầu 68”, tr.420. Mệnh đề này xưa nay rất hiếm được dùng. Thường viết: Thượng Đế giáng trần; Thượng Đế lâm phạm. Ở đây từ “Thái Cực” đã được hữu ngã hóa.

¹²³ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.32: “Thầy là Hư Vô Chi Khí thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi (...)”

¹²⁴ Trong Kinh Thiên Đạo và Thể Đạo (kinh cúng tứ thời của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ), bài xưng tán Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, có câu: “*Đại La Thiên Đế, Thái Cực Thánh Hoàng* (...)” Đại La (Lưới Trời, ám chỉ Luật Tạo Hóa) và Thái Cực là quan niệm về Thượng Đế Vô Ngã; Thiên Đế và Thánh Hoàng là quan niệm về Thượng Đế Hữu Ngã.

2. SỰ VẬN ĐỘNG VÀ BIẾN HÓA CỦA VŨ TRỤ

Sự vận động và biến hóa trong vũ trụ không bao giờ ngừng nghỉ, và diễn ra theo hai quy luật:

Quy luật Âm Dương tương tác.

Quy luật tuần hoàn quy nguyên.

2.1. Quy luật Âm Dương tương tác

Theo Đại Thừa Chơn Giáo:

*“Khí Âm Dương bắt đầu hóa sanh vạn vật, muôn loài vạn vật cứ hóa sanh mãi mãi đời nọ sang đời kia không bao giờ ngưng nghỉ. Đó là một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật.”*¹²⁵

Quy luật vận động này có thể được diễn tả theo hệ thống: Vô Cực – Thái Cực – Lưỡng Nghi của Dịch học.

2.2. Quy luật tuần hoàn quy nguyên

Tiếp theo đoạn kinh văn trên, Đại Thừa Chơn Giáo viết:

*“Nhưng vạn vật cũng phải quay đầu về Một, là vì Nhất Bồn tán vạn thù, vạn thù quy Nhất Bồn.”*¹²⁶

Vậy sự vận động hóa sinh của vạn vật không phải là không có đường lối mà “cứu cánh” quay trở về gốc phát sinh. Gốc này gọi là Nhất (Bồn) để đối chiếu với Vạn (vạn thù, vạn vật). Do đó, chiều thứ nhất của sự vận động là chiều đi từ đơn giản đến phức tạp hay từ Vô đến Hữu. Chiều thứ hai là chiều đi từ phức tạp đến đơn giản hay chiều đi từ Hữu đến Vô.

Ý nghĩa của quy luật tuần hoàn này rất quan trọng. Và “Nhất Bồn tán vạn thù, vạn thù quy Nhất Bồn” là nguyên lý

¹²⁵ Đức Đại Đức Cao Tiên; 03-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 30 “Tiên thiên cơ ngẫu”, tr.276.

¹²⁶ Đức Đại Đức Cao Tiên; 03-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 30 “Tiên thiên cơ ngẫu”, tr.276.

TỔNG QUAN VỀ VŨ TRỤ LUẬN ĐẠI ĐẠO

chi phối hệ thống giáo lý Đại Đạo, đặc biệt quan niệm về sự tiến hóa của vũ trụ.

3. VŨ TRỤ TÂM LINH

Càn Khôn vũ trụ không phải chỉ là vũ trụ hữu hình với vô số tinh cầu, thiên thể vận chuyển trong không gian, mà còn bao hàm vũ trụ vô hình của các cõi tâm linh.

Giáo lý Đại Đạo cho rằng, trong Bản thể đồng nhứt của vũ trụ, vũ trụ tâm linh có thể chia thành bảy cõi từ cao đến thấp, từ thanh đến trược, tương ứng với trình độ tiến hóa của những chơn linh thuộc về các cõi ấy.

Bảy cõi gồm: Thái cực, Lưỡng nghi, Tứ tượng, Bồ đề, Thượng giới, Trung giới, Hạ giới (trần gian).

Bảy thể tương ứng tùy theo nấc thang tiến hóa của các chơn linh: Tiên thể, Kim thân, Thượng trí, Hạ trí, Vía, Phách, Xác trược.

Vũ trụ Tâm linh:

BẢY CÕI	BẢY THỂ
Thái cực	Tiên thể
Lưỡng nghi	Kim thân
Tứ tượng	Thượng trí
Bồ đề	Hạ trí
Thượng giới	Vía
Trung giới	Phách
Hạ giới (trần gian)	Xác

Xác tín vũ trụ tâm linh như trên, giáo lý Đại Đạo cho phép rút ra hai điểm quan trọng:

Trong vũ trụ, chẳng những có vật thể, sinh vật, còn hiện hữu vô vàn chủ thể tâm linh.

Trong vũ trụ có những nấc thang tiến hóa. Tiến càng cao, càng lột bỏ các cấu thể hữu hình hữu chất, trọng trược, u tối; để trở nên vô hình, vô chất, thanh khiết, sáng suốt và siêu việt.

Kinh Đại Thừa Chơn Giáo nêu rõ tiến trình ấy như sau:

*“Ngày nào các con bỏ xác phàm này là ngày các con cởi bỏ bớt một cái áo của các con; rồi các con sanh qua Trung giải, thì các con cắt lìa cái Phách ra, tức là cởi thêm một cái thể nữa. Đến Thượng giải thì bỏ cái Vía; đến Bồ đề thì bỏ cái Hạ trí; đến Tứ tượng thì bỏ cái Thượng trí; đến Lương nghi bỏ cái Kim thân; đến Thái Cực thì Linh Hồn được hiệp cùng Tạo Hóa.”*¹²⁷

4. SỰ TIẾN HÓA CỦA VŨ TRỤ

Quan niệm tiến hóa của giáo lý Đại Đạo dựa trên hai nguyên lý:

Thiên địa vạn vật nhất thể.

Nhất Bồn tán vạn thù, vạn thù quy Nhất Bồn.

Vì vũ trụ vạn vật có chung một bản thể, mà bản thể này vừa là phẩm chất tốt đẹp tối thượng bất diệt, vừa là nguồn gốc hóa sinh vạn vật, nên nấc thang tiến hóa của vạn vật – trong đó có con người – chính là trở về được, là đạt được sự toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ của Bản Thể.

Chính tính nhất thể trong vạn vật là năng lực và động lực của cuộc tiến hóa.

Nguyên lý “Nhất Bồn tán vạn thù, vạn thù quy Nhất Bồn” trong sự tiến hóa đã trở thành “Thiên cơ”, “Thiên luật” của

¹²⁷ Đức Nam Phương Giáo Chủ; 22-9 Bính Tý (5 Novembre 1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1956), bài “Điều Cần Yếu Của Người Luyện Đạo”, tr.48.

TỔNG QUAN VỀ VŨ TRỤ LUẬN ĐẠI ĐẠO

Thượng Đế, và “quy Nhất” trở nên “cứu cánh” của con người.

Là Thiên cơ, Thiên luật vì chính Đức Thượng Đế (cũng là Đạo, là Khí Hư Vô) thúc đẩy vạn vật – đặc biệt là con người – tiến hóa để hiệp nhất với Ngài:

*“Thầy là Hư Vô Chi Khí, thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi. Nên chỉ trong thời Hạ Nguơn chính mình Thầy dùng Khí Hư Vô trực tiếp hữu hình đến thế gian để dẫn dắt thấu hồi những điểm Linh Quang đã cho xuống trần gian trở về với khối Đại Linh Quang”*¹²⁸

Dù vậy, cuộc trở về này không phải là sự biến hóa của phép thần thông, mà phải noi theo con đường Đại Đạo chính là theo đúng quy luật vận hành của vũ trụ:

*“Các con đã sinh trong Đại Đạo, hãy noi theo Đại Đạo mà thành về cõi Thượng Thiên Vô Cực.”*¹²⁹

Nơi con người, cuộc tiến hóa trở thành con đường phản bổn hoàn nguyên. Hoàn nguyên không phải chỉ là trở về khởi điểm, mà có ý nghĩa tiến hóa trở nên một chủ thể hoàn thiện, không đơn thuần là một điểm Tiểu Linh Quang như khi tách ra khỏi Đại Linh Quang, mà còn vượt lên đến phẩm vị Thiêng Liêng cõi Thiên Đình:

*“Trời với muôn loài một Bản Nguyên,
Cũng trong Linh Tánh, cũng tâm điền;
Linh Quang một khối chia nhiều ức,
Người, vật, tương đồng với Phật, Tiên.*

Luật Trời mẫu nhiệm lắm ai ơi,

¹²⁸ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 29-12 Bính Ngọ (02-02-1967); Thánh Giáo Nguyên Bôn.

¹²⁹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Minh Lý Thánh Hội, 09-01 Mậu Thân (07-02-1968); Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.7.

*Một kiếp vì nhân quý một đời;
Linh tánh khôn ngoan hơn vạn vật,
Tu hành chắc thiết sẽ thành Trời.”¹³⁰*

Cho nên sự kỳ diệu của nguyên lý “Thiên Địa vạn vật Nhất Thể và nguyên lý “Nhất Bản tán vạn thù – vạn thù quy Nhất Bản” được tìm thấy ngay nơi con người đang vươn mình tiến hóa.

“Người hành giả muốn tu chứng đắc quả, giải thoát luân hồi, phải đi theo con đường phản Bản hườn Nguyên là trở về nguồn gốc con người; mà nguồn gốc con người không ngoài cái vũ trụ riêng tư của con người.”¹³¹

Trong vũ trụ con người, chính Chơn Thần là nguồn gốc (Thần, Phật giáo gọi là Tánh; Đạo học còn gọi là Khí Thể Tiên Thiên)¹³². Cho nên cuộc tiến hóa của vạn vật chỉ đến con người không chỉ đơn thuần là những biến đổi thể xác hay tinh thần của muôn ngàn thể hệ tại thế gian và chấm dứt tại thế gian cho mỗi cá thể, mà đây là cuộc tiến hóa xuyên suốt từ vũ trụ hữu hình sang vũ trụ tâm linh:

“Bậc chơn tu tử như hột giống tốt, hễ gieo xuống thì cây lên, cây lên thì trở bông, trở bông rồi sanh trái mà biến biến sanh sanh càng tăng số. Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng liêng các con sanh hóa Chơn

¹³⁰ Đức Quan Âm Bồ Tát; Thánh Tịnh An Tiên (Giáo Hội Tiên Thiên), Tý thời, 01 rạng 02-02 Đinh Mùi (11-03-1967); Thánh Giáo Sư Tập 1966-1967, tr.117.

¹³¹ Đức Đông Phương Chương Quán, Vĩnh Nguyên Tự, 04.12 Ất Mão (11-03-1976); Thánh Giáo Nguyên Bản.

¹³² Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 29-03-Mậu Ngọ (05-05-1978); Thánh Giáo Nguyên Bản.

TỔNG QUAN VỀ VŨ TRỤ LUẬN ĐẠI ĐẠO

Thần, Chơn Thần lại biến hằng muôn thêm số tăng lên hoai. Ấy là Đạo.”¹³³

Cho nên cứu cánh tiến hóa của chúng sanh chính là cứu cánh giải thoát khỏi cái tồn tại hữu hình hữu hạn để bước sang sự tồn tại vô hình vô hạn của tâm linh. Đây là con đường xuất thế gian đã được giáo lý Đại Đạo khẳng định, và con đường tiến hóa xuất thế gian cũng phải có nhiều nấc thang mới đến được hiệp nhất với Đức Thượng Đế:

*“Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có Thần, Thánh, Tiên, Phật.”*¹³⁴

*“Thầy là Phật, chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy.”*¹³⁵

Tóm lại, giáo lý Đại Đạo trình bày một vũ trụ luận gồm đủ ba mặt của một hệ thống tồn tại khách quan: Nguồn gốc, sự vận động, sự tiến hóa của vũ trụ vạn vật. Vũ trụ luận Đại Đạo bao hàm các nguyên lý quan trọng:

Thái Cực – Âm Dương,

Thiên Địa vạn vật Nhất Thể,

Nhất Bồn tán vạn thù, vạn thù quy Nhất Bồn.

Đó là những nguyên lý dẫn đạo cho các luận thuyết về Bản Thể, về sự biến hóa, sanh hóa của vũ trụ vạn vật.

¹³³ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 13-06 Bính Dần (Jeudi 22 Juillet 1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.31.

¹³⁴ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương; Phước Linh Tự, 15-09 Bính Dần (Dimanche 24 Octobre 1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.52.

¹³⁵ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương; Phước Linh Tự, 15-09 Bính Dần (Dimanche 24 Octobre 1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.52.

Thuyết tiên hóa chính là hệ quả của ba nguyên lý đó, hoàn thành một luận thuyết nhất quán về sự chuyển hóa của tiểu vũ trụ con người từ hữu hình đến Hư Vô.

Vũ trụ luận Đại Đạo còn nêu lên sự hiện hữu giữa vũ trụ tổng thể với hai chủ thể trung tâm là Thượng Đế và Con Người. Giáo lý Đại Đạo đã đồng nhất quan niệm vô ngã với quan niệm hữu ngã trong phạm trù Thượng Đế (chủ thể vận hành vũ trụ) và trong phạm trù Con Người (chủ thể nhận thức cứu cánh tiên hóa và chủ động thực hiện cuộc tiên hóa). Cặp phạm trù Đại Linh Quang - Tiểu Linh Quang khẳng định hai chủ thể Trời Người đồng một Bản Thể (đồng nhất thể), đó là Linh Quang.

5. KẾT LUẬN

Vũ trụ luận Đại Đạo với quan niệm về con đường tiên hóa của vũ trụ vạn vật cho thấy sự hiện hữu của một vũ trụ tâm linh vượt lên trên và bao quát vũ trụ vạn vật. Trung tâm của vũ trụ tâm linh là Chơn Thần của Đức Thượng Đế, nơi quy tụ Chơn Thần của các hàng chủ thể đã và đang giải thoát.

Nói cách khác, vũ trụ luận Đại Đạo còn là nền tảng để xây dựng hệ thống tư tưởng về con người, nhân sinh và đạo pháp, để người tu nhận thức một đạo lý nhất quán dẫn đến cứu cánh cao tốt của mình là hiệp một cùng Trời, cũng như dẫn đến sứ mạng cứu độ cộng đồng nhân loại là trực tiếp tham gia cùng Trời, vận hành cho vạn loại cùng tiên hóa.

MỤC 2.

ĐẠO – THƯỢNG ĐẾ

“Bản thể của Trời Đất, bản tánh của con người, bản năng của vạn vật, ba thứ đó đều do một nguyên lý phát xuất mà thôi; nguyên lý đó gọi là Đạo.”¹³⁶

Đạo là một thực thể vô sinh bất diệt, vô sở bất tại, tự hữu và hằng hữu. Thực thể này là căn nguyên tối sơ *duy nhất* của vũ trụ, yếu tố cơ bản *duy nhất* cấu tạo nên vạn vật, và động lực vận hành *duy nhất* của cơ dịch hóa. Tính chất *duy nhất* ấy là một tính chất tuyệt đối, vì vậy, thực thể Đạo được gọi là *Nhất Thể*.

1. ĐẠO

Đạo vận hành theo chu trình: Nhất Thể biến sinh Tam Cực, Tam Cực biến sinh vạn pháp, vạn pháp trở về Nhất Thể.

1.1. **Nhất Thể biến sinh Tam Cực**

Tam Cực là ba trạng thái căn bản của Nhất Thể Đạo. Đó là: Vô Cực, Thái Cực, và Hoàng Cực.

1.1.1. Vô Cực

Vô Cực là trạng thái nguyên sơ, bất dịch, và tiềm ẩn của Đạo, được gọi là Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí, hay gọi tắt là Khí Hư Vô. Đó là cội nguồn của Thiên Địa; tuy Hư Vô, nhưng hàm tàng mọi đức tính của vạn vật, nên còn được gọi là Chân Không Diệu Hữu. Các đức tính ấy chưa được phân biệt, còn lẫn lộn vào nhau, tạo thành một thể hỗn độn.

¹³⁶ Đạo Học Chi Nam; chương 1, tiết 1, mục 2.

Vì vậy, giai đoạn Vô Cực còn được gọi là Hỗn Nguyên, tức là thời kỳ hỗn độn sơ khai.

Trong Vô Cực có hai yếu tố, vừa bảo tồn bản thể bất dịch, vừa vận chuyển cơ biến dịch, là Nguyên Lý Thiên Nhiên và Nguyên Khí Tự Nhiên, chính là Âm Dương Tiên Thiên ở thời kỳ Hỗn Nguyên:

*“Trong Vô Cực ấy lại có một cái Nguyên Lý Thiên Nhiên tuyệt diệu, tuyệt huyền, rồi lại có thêm một cái Nguyên Khí Tự Nhiên nữa. Lý với Khí ấy tức là Âm với Dương trong buổi Hồng Nguyên thời đại.”*¹³⁷

Nguyên Lý Thiên Nhiên, còn được gọi là luật Thiên Điều, là một Lễ Thật đương nhiên, bất biến, làm nền tảng cho mọi định luật của Thiên Địa; đó cũng là nguyên lý kiến tạo vạn hữu, vận hành vũ trụ, bảo tồn và dưỡng dục muôn loài:

*“Vô Cực, hay Thiên, hay Pháp, hay Đạo, là Thiên Tắc, Thiên Điều; Nó là cái luật mà vũ trụ vạn pháp phải theo đó. Đó là cái khuôn đúc nên con hình Càn Khôn vạn hữu. Luật ấy rất sinh động, ẩn ký vào tâm tư của người, vật, Đất Trời.”*¹³⁸

Nguyên Khí Tự Nhiên là nguồn năng lượng trường cửu để tạo nên sự sống, là nguồn chất liệu vô hình vô chất để xây dựng nên tâm linh và hình thể của vạn vật.¹³⁹

Lý và Khí ấy phối hợp nhau, tạo nên những vận động tế vi trong Vô Cực, tinh lọc dần dần những tinh ba của Khí Hư Vô để khai sinh Ngôi Thái Cực.

¹³⁷ Đức Đại Đức Cao Tiên; 23-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 43, “Vũ Trụ”, tr.410.

¹³⁸ Đạo Học Chi Nam, chương 1, tiết 2, mục 4.

¹³⁹ Theo “Phật Mẫu Chơn Kinh” (trong Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo), tâm linh và hình thể của vạn vật được tạo nên từ Vô Cực.

Bởi vậy, về đại thể, Vô Cực là một kết hợp hỗn độn giữa những cảnh giới trống rỗng, mịt mờ, im lìm, vắng lặng, không di dịch, không hình tướng; nhưng trong tế vi, Vô Cực vẫn vận hành không ngừng để tích lũy dần dần một nội lực mạnh mẽ, lập thành trạng thái kế tiếp, là Thái Cực.

1.1.2. Thái Cực

Trong lòng Vô Cực, Nguyên Lý Thiên Nhiên và Nguyên Khí Tự Nhiên dần dần kết hợp với nhau, tạo thành một khối Tinh Quang tuyệt đối hoàn hảo. “*Đúng ngày giờ*”¹⁴⁰, khối Tinh Quang này bùng nổ, tạo ra một khối Đại Linh Quang, hay là Thái Cực.

Thái Cực là trạng thái trung gian giữa vô vi và hữu vi, hiện hữu sau *cái-Không-sắp-có* và trước *cái-Có-chưa-có*:

“*Giữa hai thể Có và Không là Thái Cực. Thái Cực sau cái Không sắp có, trước cái Có chưa có...*”¹⁴¹

Như vậy, với sự xuất hiện của Thái Cực, Đạo chuyển từ tiềm thể sang hiện thể, tức là, từ một bản thể hư vô sang một chủ thể sáng tạo.

Thái Cực thanh tịnh trong vận động, phân Âm Dương làm cơ cấu sáng tạo: sự vận động của Thái Cực sinh ra Dương, sự tịnh định của Thái Cực sinh ra Âm. Sự thăng giáng của Âm Dương phân định trong Vô Cực một cảnh giới vô hình, gọi là Càn Khôn, hay Thiên Địa, tức là Trời Đất:

“*Lý Đơn Nhứt ấy [tức là Thái Cực] mới phóng ra một vầng quang minh, phân định: khí khinh thanh thượng phù giả vi Thiên, khí trọng trược ngưng giáng giả vi Địa. Khí nhẹ nhàng bay bổng lên làm ngôi Càn, Càn là Thiên, tức là Nhứt Dương chi Khí; Khí nặng nề ngưng giáng xuống làm*

¹⁴⁰ Cách dùng từ của Đại Thừa Chơn Giáo.

¹⁴¹ Đạo Học Chỉ Nam, chương 3, tiết 2, mục 2.

Khôn, Khôn là Địa, nhưt Âm chi Khí. Cái năng lực mạnh bạo của khí Âm Dương vẫn vẫn quanh lộn, lẫn tròn, đùn đẩy nhau trong khoảng không gian; khí Dương động, Âm tĩnh; Âm thì đứng một chỗ, còn Dương thì bao quát Càn Khôn.”¹⁴²

Càn Khôn là khuôn mẫu vô hình để Âm Dương kết hợp nên thời gian và không gian mà lập thành vũ trụ. Vũ trụ là hình thức do Âm Dương xây dựng để biểu thị sự hiện hữu của Càn Khôn.

Âm Dương được kết hợp theo hai phương thức khác biệt để tạo thành thời gian và không gian: thời gian được tạo thành trong sự tiếp diễn của Âm Dương theo định luật “*Dương cực Âm sinh, Âm cực Dương sinh*”; không gian được tạo thành trong sự đối ngẫu của Âm Dương theo định luật “*Trung Âm hữu Dương, trung Dương hữu Âm*”. Sự hợp nhất này chính là vũ trụ:

“Âm là Vũ, Dương là Trụ. Vũ thì đóng ghép trong găm trời; Trụ thì mở rộng ra. Trụ cũng là thời gian, là Âm Dương nối tiếp nhau; Còn Vũ là không gian, là Âm Dương đồng thời tương đối.”¹⁴³

Thời điểm tạo lập vũ trụ là một cột mốc phân định ranh giới giữa Tiên Thiên và Hậu Thiên: “*Tiên Thiên là trước khi có Trời Đất. Hậu Thiên là sau khi Trời Đất, vạn vật sanh thành.*”¹⁴⁴

Âm Dương trong Thái Cực vẫn còn là Âm Dương Tiên Thiên, vì Âm Dương ấy tuy có động tĩnh nhưng chưa biểu

¹⁴² Đức Đại Đức Cao Tiên; 03-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 30 “Tiên thiên cơ ngẫu”, tr.276.

¹⁴³ Đạo Học Chí Nam, chương 1, tiết 4, mục 2.

¹⁴⁴ Đức Trần Hưng Đạo; Bát Nhã Thiền Đường, Tuất thời 23-10 Quý Sửu (17-11-1973); Thánh Giáo Nguyên Bản.

lộ thành hình tướng. Khi Dương thịnh, Đạo hiện hữu trong trạng thái hoạt động của Thái Cực; khi Âm thịnh, Đạo trở về trạng thái tĩnh tại của Vô Cực:

*“Chơn Nguyên động, sanh Dương, thì gọi là Thái Cực. Thái Cực động sanh Dương, rồi tịnh sanh Âm; là theo kinh Châu Dịch. Kỳ thiệt, Thái Cực động sanh Dương, rồi hết động là tịnh, thì huồn lại Vô Cực, gọi là sanh Âm.”*¹⁴⁵

Khi Âm Dương hiệp “đúng mức” với nhau, thì Đạo chuyển sang trạng thái thứ ba, là Hoàng Cực.¹⁴⁶

1.1.3. Hoàng Cực

Hoàng Cực là Tánh Mạng của vạn vật và con người ¹⁴⁷. Tánh Mạng ấy vốn là Âm Dương trong Vô Cực, ngưng kết thành Thái Cực:

*“Tánh Mạng là gì? Là Âm Dương, là Thần Khí đã xuất phát từ thuở Hồng Mông. (...). Thuở Hồng Mông chưa phân (Dịch gọi Vô Cực, Thích gọi Oai Âm), trong trạng thái lạng lẽ trống không đó có hàm chứa cái huyền nhiệm, là Cơ, tức là Khí Tiên Thiên. Tịnh cực manh động; khí manh động là khí vắn xoay vô tận, sanh hóa vô cùng. Nhân chỗ không tên mà có tên, là Đạo, là Thái Cực, là Tánh, là Thần.”*¹⁴⁸

Vì Thái Cực là Đại Linh Quang, nên Hoàng Cực chính là Tiểu Linh Quang. Và do đó, diễn biến *Thái Cực sinh Hoàng Cực* chính là diễn biến *Đại Linh Quang phóng phát Tiểu Linh Quang* vào vũ trụ.

¹⁴⁵ Minh Lý Chơn Giải, tr.12.

¹⁴⁶ Minh Lý Chơn Giải, tr.13.

¹⁴⁷ Đạo Học Chí Nam, chương 1, tiết 4, mục 4.

¹⁴⁸ Đức Đông Phương Chương Quân; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hội thời, 22-10 Mậu Ngũ (22-11-1978); Thánh Giáo Nguyên Bản.

“Hoàng Cực là tổng hợp của hai thể Âm Dương”¹⁴⁹; một mặt vì Hoàng Cực là kết quả phát sinh từ thể quân bình Âm Dương giữa Vô Cực và Thái Cực; mặt khác vì trong Tam Cực, Hoàng Cực là thực thể đóng vai trò phối hợp Âm Dương để tạo ra sự trung hòa trong vũ trụ.

Trong giai đoạn trước, Thái Cực phân lập Âm Dương, tạo thành Lưỡng Nghi; đến giai đoạn này, Hoàng Cực phối hợp Âm Dương, lập thành Tứ Tượng¹⁵⁰, rồi cùng với Tứ Tượng, Hoàng Cực lập thành Ngũ Hành¹⁵¹ ở cả hai “mức độ” Tiên Thiên và Hậu Thiên. Sự tạo tác của Hoàng Cực là một sự tiếp nối liên tục đối với sự tạo tác của Thái Cực, và sự tiếp nối đó được minh chứng qua Ngũ Hành:

*“Nói đến Ngũ Hành thì ở đâu cũng có, từ Trời Đất, con người, mọi vật; hễ có Thái Cực - Âm Dương, có Tứ Tượng, là có Ngũ Hành. Sự tác động vô hình của Thái Cực - Âm Dương tạo thành Ngũ Hành hữu danh hữu chất, hữu tướng hữu hình. Ngũ Hành là trung gian giữa Hữu và Vô. Ngũ Hành cũng là yếu tố sơ thi góp phần cấu tạo nên vạn hữu cho Thái Cực - Âm Dương, cũng là Âm Dương tương phản nhưng tương thành để quyết định mọi mặt cho con người và vạn vật (...). Bởi có danh có chất nên gọi Ngũ Hành Tiên Thiên; bởi có hình có tượng nên gọi Ngũ Hành Hậu Thiên. Trong Trời Đất vạn vật, không có vật chi hóa sanh biến dưỡng mà không có Tiên Thiên, Hậu Thiên Ngũ Hành.”*¹⁵²

¹⁴⁹ Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 3, mục 3

¹⁵⁰ Trong “Trời Tiếng Chuông Vàng”, bài “Lý Thiên Nhiên Của Tạo Hóa: Nhứt bản tán ư vạn thù xuất hữu”, Hoàng Cực - Tứ Tượng được đề cập đến như là kết quả của sự vận động của Thái Cực - Âm Dương (tr.45).

¹⁵¹ Trong “Chon Pháp Lưu Truyền”, chương 1, có đề cập đến “Hoàng Cực Ngũ Hành”.

¹⁵² Đức Đông Phương Chương Quân; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tý thời, 04 rạng 05-5 Đinh Tỵ (20-06-1977); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Mỗi Tiểu Linh Quang – Hoàng Cực là trung tâm vi diệu của một cơ cấu Ngũ Hành, được gọi là hành “Thổ”, điều hòa toàn bộ hoạt động của cơ cấu này:

*“Thổ là nguyên lý của vạn vật, Tánh Mạng của muôn loài, của con người. Người nhờ có Thổ mà có xác có hồn (...) Mà Thổ còn có danh là Hoàng Cực.”*¹⁵³

Do đó, Hoàng Cực là yếu tính, là căn cơ, là điểm Đạo tự hữu trong bản chất của vạn vật.

1.2. Tam Cực biến sinh vạn pháp

Thông qua quá trình tự khai triển của Nhất Thể Đạo – từ Vô Cực, sang Thái Cực, đến Hoàng Cực – mà Tam Cực thể hiện những diệu dụng, phát huy những công năng tự hữu để biến sinh nên vạn pháp.

Vô Cực biến sinh nên những cõi giới, tương ứng với mọi nấc thang tiến hóa trong Càn Khôn vũ trụ; và vận hành cơ tiến hóa để dưỡng dục muôn loài, bảo tồn vạn vật.

Thái Cực biến sinh nên các điểm nguyên hồn, phóng phát các phẩm hồn vào các cõi giới để tiến hóa.

Hoàng Cực biến sinh nên các thể hồn, từ thanh đến trược, bao bọc lấy điểm Linh Quang, cấu tạo nên hình hài của vạn hữu.

Dù ở trạng thái nào trong Tam Cực, Đạo vẫn luôn luôn vừa là một khí thể chứa đựng sự sống cho muôn loài, vừa là một lý thể vận hành mọi hoạt động của vũ trụ vạn vật.

Đạo là cội nguồn của vạn pháp trong Càn Khôn thế giới. Trong cơ dịch hành trường lưu bất tận của Đạo, vạn pháp muôn hình nghìn trạng được phát sinh với thiên sai vạn biệt. Công cuộc kiến tạo ấy được Tam Cực thực hiện qua cơ chế Âm Dương sinh thành, Ngũ Hành biến hóa.

¹⁵³ Đạo Học Chi Nam, chương 1, tiết 4, mục 4.

Âm Dương và Ngũ Hành bao gồm cả hai phương diện tiên thiên và hậu thiên. Trên phương diện tiên thiên, sự tạo lập này chính là tạo lập bản thể cho vạn vật bằng cách phân chiết khỏi Đại Bản Thể của Càn Khôn vũ trụ. Nhưng trên phương diện hậu thiên, sự tạo lập này chỉ là một cuộc ảo hóa, vì đó chỉ là sự giả hiệp của Âm Dương và Ngũ Hành hậu thiên, để phát sinh những ảnh tượng. Do đó, sau mỗi chu trình sinh biến của hình thể vật chất, thì bản thể tâm linh của mỗi cá thể tạo vật là cái duy nhất thực tồn để đúc kết mọi thành tựu mà cá thể đó đã thu hoạch được sau một chặng hành trình trong cõi hậu thiên.

1.3. Vạn pháp trở về Nhất Thể

Tam Cực biến sinh vạn pháp, đặt vạn pháp vào trường tiến hóa để dưỡng dục và bảo tồn. Đó là tiến trình tạo hóa của Tam Cực.

Tiến trình tạo hóa của Tam Cực phải được tiếp diễn bằng tiến trình tiến hóa của vạn pháp. Trong cuộc tiến hóa này, vạn pháp phải tiến về cội nguồn nguyên thủy của mình, tức là trở về với Bản Thể Đạo duy nhất của toàn thể vũ trụ. Nói cách khác, tiến hóa tức là trở về, là quy nguyên. Tiến lên một nấc thang càng cao tức là trở về càng gần với Đạo.

Trong tiến trình này, Hoàng Cực đóng một vai trò hết sức đặc biệt:

“Hoàng Cực là tối cao. Đó là nền móng chung, cửa thông công trong Tam Cực.”¹⁵⁴

Trên thang tiến hóa, vị trí con người là một vị trí xung yếu; vì đó là giao điểm giữa Tiên Thiên và Hậu Thiên; chỉ ở nơi đó, chủ thể của sự tiến hóa mới có khả năng đổi hướng giữa hai chiều thuận hành và nghịch hành. Từ vị trí này, Hoàng

¹⁵⁴ Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 3, mục 3.

Cực trong chủ thể tiến hóa có thể phát huy vai trò chủ động của mình, và nhờ đó mà chủ thể tiến hóa siêu phàm nhập thánh:

*“Hoàng Cực nơi người là trung tâm mẫu nhiệm, đồng thể cùng Trời Đất, đồng thể với Tâm của chư Tổ, chư Phật. Người nương đó mà chứng quả vô lậu, thoát kiếp luân hồi, đoạn diệt vô minh, thành ngôi đại giác.”*¹⁵⁵

2. THƯỢNG ĐẾ

Thượng Đế và Đạo là hai danh từ được dùng để chỉ cùng một thực thể. Trong tâm nhận thức của nhân loại, Đạo – Thượng Đế biểu hiện thành vô số phương diện; nên con người có thể nhận thức được Thượng Đế từ vô số quan điểm và định danh Thượng Đế bằng vô số từ ngữ khác nhau: Ông Trời, Thiên Chúa, Hoàng Thiên, Phật, Bát Nhã (Prajna), Chơn Tâm, Chân Ngã, Đại Ngã, Như Lai, Brâmah, JHWH (Jehovah), al-Lah, Ngọc Hoàng, Chí Tôn, Đại Từ Phụ, Cao Đài,...

Thượng Đế có Ba Ngôi hiện hữu khắp trong không gian và thời gian, bên trong và bên ngoài mỗi hữu thể. Sự hiện hữu vô sở bất tại ấy chính là cơ sở của ý niệm về Thượng Đế Nội Tại và Thượng Đế Ngoại Tại: Thượng Đế Ngoại Tại tạo dựng và chương quản vũ trụ Càn Khôn, Thượng Đế Nội Tại ẩn tàng trong linh hồn vạn vật, tạo thành yếu tố căn bản để duy trì sự sống và khả năng tiến hóa của vạn vật.

Mặt khác, dù nội tại hay ngoại tại, Thượng Đế cũng có hai phương diện, là Vô Ngã và Hữu Ngã. Thượng Đế Vô Ngã là Chân Lý tự nhiên, vô hình, vô tình, vô danh; Thượng Đế Hữu Ngã là Đấng Tạo Hóa siêu nhiên, có đức hiếu sinh, có tình tạo hóa.

¹⁵⁵ Đạo Học Chí Nam, chương 3, tiết 3, mục 3.

2.1. Thượng Đế Vô Ngã

2.1.1. Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại: Quy Luật Tính của thiên nhiên

Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại là quy luật tính của thiên nhiên. Đó là tính chất buộc vạn vật phải tuân theo những quy tắc đương nhiên trong vũ trụ. Những quy tắc ấy không do bất kỳ ai quy định, mà là một khuôn khổ tự nhiên của sự hiện hữu.

Quy luật tính này còn được gọi là Thiên Lý, hay Đạo Lý.

“Đạo dựng nên Đất Trời. Trời Đất do Đạo [mà] hóa sanh vạn vật. Vạn vật cũng do Đạo [mà] tiến hóa không ngừng. Vì vậy cho nên trong vạn vật đều có Đất Trời, tức là có Đạo vậy. Từ loài khoáng sản đến côn trùng, thảo mộc, thú cầm, và hơn loại, đều chịu định luật chung của Đạo.”¹⁵⁶

Cái “*định luật chung của Đạo*” ấy là Chân Lý phổ quát của vũ trụ, là nguồn gốc siêu nhiên của mọi quy luật cụ thể trong vạn vật.

Đó cũng là Nguyên Lý Thiên Nhiên, vốn sẵn có từ thuở Hồng Mong.

2.1.2. Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại: Thượng Đế Tính trong vạn vật

Mọi vật trong vũ trụ đều có một bản tính phổ quát và đồng nhất trong nội thể, được gọi là Thượng Đế tính. Đây là một thuộc tính tiên thiên, nội tại và tự hữu nơi vạn vật, làm căn bản cho sự sinh tồn và phát triển của vạn vật.

Thượng Đế tính là duy nhất trong toàn thể vũ trụ. Tính chất Thượng Đế ở mỗi vật và mỗi người đều như nhau, nhưng tùy theo trình độ tiến hóa của mỗi loài mà bản tính duy nhất

¹⁵⁶ Đức Di Lạc Thiên Tôn; Trúc Lâm Thiền Điện, Ngộ thời, 02-01 Bính Ngọ (22-01-1966); Thánh Giáo Suu Tập 1966-1967, tr.10.

ấy được thể hiện ở những mức độ tương ứng; ví dụ, Thượng Đế Tính ấy thể hiện như là bản năng nơi sinh vật, nhưng lại thể hiện như là Nhân tính nơi con người. Giữa bản năng và Nhân tính, sự khác biệt chỉ nằm ở mức độ tiến hóa, chứ bản chất Thượng Đế của hai mức độ đó không khác nhau. Chính vì vậy mà giáo lý Đại Đạo nói:

*“Bản thể của Trời Đất, bản tánh của con người, bản năng của vạn vật, ba thứ đó đều do một nguyên lý phát xuất mà thôi. Nguyên lý đó gọi là Đạo.”*¹⁵⁷

Tiến hóa là một quá trình phát huy Thượng Đế tính. Càng phát huy được Thượng Đế tính bao nhiêu, càng đạt được những nấc thang tiến hóa cao trọng bấy nhiêu. Nhân tính là một sự phát huy Thượng Đế tính sâu rộng hơn bản năng, vì khả năng khống chế vật chất của Nhân tính mạnh mẽ hơn bản năng. Do đó, con người đạt được ở trình độ tiến hóa cao hơn vạn vật.

Hơn nữa, con người cũng là sinh vật có khả năng phát huy Thượng Đế tính một cách đầy đủ nhất và trong một phạm vi tự do rộng lớn nhất, nếu so với vạn vật. Khi sống bằng bản năng, con người chỉ phát huy được Thượng Đế tính ở trình độ một động vật; chỉ khi sống bằng nhân tính, con người mới có thể phát huy được Thượng Đế tính ở trình độ của một con người. Sự lựa chọn trình độ tiến hóa cho chính mình hoàn toàn nằm trong tay mỗi cá nhân con người, chứ không nằm trong bất kỳ một thế lực ngoại tại nào.

¹⁵⁷ Đạo Học Chi Nam; chương 1, tiết 1, mục 2.

2.2. Thượng Đế Hữu Ngã

2.2.1. Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại: Đức Chí Tôn của vạn linh

Về phương diện hữu ngã và ngoại tại, Thượng Đế là một Đấng Tối Cao tự hữu và hằng hữu, là mẫu mực hoàn hảo duy nhất đối với toàn thể nhân loại trên mọi tiêu chuẩn chân, thiện, mỹ.

Trong nhân loại, từ những xã hội bán khai lạc hậu đến những xã hội khoa học văn minh, ở bất kỳ không gian và thời gian nào, cũng có người nhận ra Ngài, thờ kính Ngài và sống theo những chuẩn mực của Ngài.

Ngài là Đấng Sáng tạo, Bảo tồn và Hủy diệt. Ngự ở Ngôi Sáng Tạo, Ngài kiến thiết nên muôn loài, muôn vật bằng lòng đại từ bi, bằng đức hiếu sinh vô biên và tình tạo hóa vô hạn. Ngự ở Ngôi Bảo Tồn và Hủy Diệt, Ngài vận hành guồng máy tiến hóa để chọn lọc cái tốt và đào thải cái xấu để đưa toàn thể Càn Khôn vũ trụ tiến dần đến chỗ chí chân, chí thiện, chí mỹ:

*“Bảo tồn những cái chơn, thiện, mỹ,
Hủy diệt điều ác, nguy, xấu xa,
Lọc vàng, loại chất cặn ra,
Vàng càng nung lửa, càng gia tuổi vàng.”¹⁵⁸*

Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại là Đấng cứu độ muôn đời của nhân loại. Ngay từ khi con người mới bắt đầu xuất hiện trên thế gian này, Thượng Đế đã khai minh Đại Đạo trong lòng mỗi con người, mở sẵn con đường cho nhân loại trở về nguồn cội. Mỗi khi con đường ấy bị nhân loại làm cho bế tắc, Thượng Đế lại khai thông bằng cách cho những thiên sứ đến thế gian để sáng lập các tôn giáo, phát triển

¹⁵⁸ Đức Quảng Đức Chơn Tiên; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 07-06 Tân Dậu (08-07-1981); Thánh Giáo Nguyên Bản.

các khoa học,... hầu nâng cao trình độ nhận thức của nhân loại về đạo lý trong Trời Đất:

*“Thượng Đế bảo tồn vạn loại có nhiều phương cách, mà việc khai đạo dạy đời là một trong nhiều phương cách ấy, vì Nhơn sanh có hiểu đạo, hành được đạo, thuận tòng thiên lý, hòa hợp vạn vật mới hưởng và thị hiện được cơ bảo tồn. Như vậy, những khoa học, triết học, xã hội học, thần linh học, v.v... tất cả các môn ấy đều do Thượng Đế ban những chơn linh siêu đẳng đến trần gian để phục vụ cho quần sinh.”*¹⁵⁹

Trong nền ngoại giáo công truyền của mọi tôn giáo, đức tin hướng về Đấng Thượng Đế Ngoại Tại luôn là yếu tố quan trọng nhất, vì phải có đức tin này, mỗi tôn giáo mới có thể xác lập các tiêu chuẩn chân, thiện, mỹ cho con người bằng cách noi theo mẫu mực chân, thiện, mỹ của Thượng Đế. Ngoài ra, đức tin này còn có tác dụng như một môi dây giao cảm để liên lạc giữa con người nội thể với Thượng Đế Ngoại Tại.

Tuy nhiên, một đức tin hướng về Thượng Đế chỉ có ích lợi khi đức tin ấy đánh thức được ở con người ý thức về sự khai sáng Thượng Đế tính nội tại, và dẫn dắt con người đi từ chỗ khẩn cầu ở sự ban bố những huyền diệu nơi Thượng Đế Ngoại Tại đến chỗ khai thác những huyền diệu vốn đã sẵn có nơi tâm linh của chính mình.

Vì vậy, song song với nền ngoại giáo công truyền, bất cứ tôn giáo nào cũng có một nền nội giáo tâm truyền, giúp con người tìm lại Chơn Tâm, tự giải thoát mình ra khỏi những giới hạn chật hẹp của thế giới vật chất.

¹⁵⁹ Đức Đông Phương Chương Quân; Trúc Lâm Thiền Điện, Ngọ thời, 18-07 Kỷ Dậu (30-08-1969); Thánh Giáo Sư Tập 1968-1969, tr.203.

2.2.2. Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại: Chơn Tâm của con người

*“Thái Cực là Chơn Tâm đó. Mọi người, mọi vật đều có Thái Cực.”*¹⁶⁰

Do đó, trên phương diện hữu ngã và nội tại, Thượng Đế chính là Chơn Tâm của con người.

Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại là Chủ Thể thật sự của con người. Chủ Thể ấy cũng tuyệt đối hoàn hảo về mọi phương diện chân thiện mỹ như Đức Thượng Đế Ngoại Tại. Đây là một trong những lý do giải thích vì sao trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn Thượng Đế thường nói với nhân loại: *“Thầy là các con, các con là Thầy.”*

Tâm của con người khi *hướng nội* sẽ là Chơn Tâm, còn khi *hướng ngoại* sẽ là Vọng Tâm. Con người chỉ có thể trải nghiệm và nhận thức được Thượng Đế bằng Chơn Tâm mà thôi. Còn đối với những ai chỉ biết sống với vọng tâm, chắc chắn Thượng Đế sẽ không bao giờ hiện hữu.

Giây phút nào con người nhận ra được Chơn Tâm, giây phút đó con người chứng nghiệm được Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại.

Chứng nghiệm được đến cùng lý tận tánh của Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại, tất sẽ chứng nghiệm được mọi phương diện bất khả tư nghị của Thượng Đế.

3. KẾT LUẬN

Mỗi tôn giáo, mỗi khoa học, hoặc mỗi khuynh hướng triết học đã từng xuất hiện trên thế giới từ xưa đến nay, tất phải tôn thờ, minh chứng hoặc xiển dương một phương diện nào đó của Chân Lý Duy Nhất về Đạo – Thượng Đế. Chân Lý vô cùng tận mà nhân loại luôn cố công suy tư, tìm kiếm

¹⁶⁰ Đạo Học Chí Nam, chương 3, tiết 3, mục 3.

bằng vô số con đường: duy lý, duy thần, duy tâm, duy vật,... tựu trung cũng chỉ có một, là Đạo, là Thượng Đế.

Chân Lý Đạo chính là nơi phát sinh ra mọi dòng sông tư tưởng muôn vẻ muôn màu, chảy qua mọi khía cạnh trong đời sống nhân loại, từ tâm linh đến nhân sinh, chuyên chở biết bao minh triết và đạo đức để bồi đắp và kiến tạo nên toàn bộ nền văn minh chung cho nhân loại. Chân Lý Đạo cung cấp cho mọi khuynh hướng tư tưởng một sức sống trường cửu; nhưng giòng tư tưởng nào từ chối thể hiện hoặc thể hiện quá mờ nhạt Chân Lý Đạo, giòng tư tưởng ấy dễ dàng bị tắt nghẽn giữa những hoang mạc khô cằn nơi tâm hồn nhân thế.

Nay, giáo lý Đại Đạo xiển dương Chân Lý Đạo để dung hòa tổng hợp mọi sắc màu tư tưởng, xoá tan mọi ảo giác về những sai biệt đối thù, khơi lại sức sống vốn có tự ban sơ để muôn vạn giòng sông cùng quy tụ về bản thể đại đồng nhân loại. Chính sự quy tụ ấy sẽ thị hiện một phép lạ giữa nền văn minh đương đại: biến Chân Lý Đạo từ một bản thể vô hình thành một Thực Thể Đạo thuần chánh cứu thế, chuyển xoay lịch sử nhân loại từ mạt kiếp hạ nguơn sang thượng nguơn thánh đức.

MỤC 3.

NGUYÊN LÝ

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ

Nhận thức về Đạo và Thượng Đế ở mục trước là yếu điểm hết sức cơ bản của nền giáo lý Đại Đạo, nêu cao tính phổ quát làm nền tảng và cứu cánh của mọi tôn giáo.

Sau khi đã trực nhận được như thế, chủ thể con người – đứng giữa Trời Đất và vạn vật – có thể phát biểu một nguyên lý khái quát hóa toàn bộ chân lý của thực tại hiện hữu trước mắt, trong đó có cả chính mình. Bởi vì từ thuở sơ khai của sự sống, sự sinh tồn của vạn vật bao giờ cũng nằm trong môi trường sống của vũ trụ, được tổng hợp từ muôn vàn yếu tố của thiên nhiên, của không thời gian diễn biến không ngừng để sanh hóa và tiến hóa. Cái lẽ sống duy nhất và vĩnh cửu của vạn vật được bao hàm trong Trời Đất chính là Bản thể của vũ trụ. Và nguyên lý nói trên chính là Nguyên lý *Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể*.

Nguyên lý này có thể được diễn đạt bằng các mối tương quan giữa các phạm trù "Thiên địa" – "Vạn vật"; "Thiên địa" – "Con người"; "Con người – "Vạn vật; "Con người – "Con người"

1. TƯƠNG ĐỒNG – TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC PHẠM TRÙ THIÊN ĐỊA VÀ VẠN VẬT

Thiên Địa. Trong nguyên lý này, Thiên Địa (hay Trời Đất) không phải là không gian vũ trụ vật chất. Con người Đại Đạo nhìn Trời Đất như một tổng thể có sức sống vĩ đại mà

giáo lý Đại Đạo có thể diễn giải bằng phạm trù Càn-Khôn. Càn, hay Thiên, là nguyên lý tác động và định hình (principe actif-formatif); Khôn, hay Địa, là nguyên lý tiếp thụ nuôi dưỡng (principe réceptif-nutritif).

Như thế Thiên Địa là thực tại vĩnh cửu, cho dù các hành tinh hay muôn ngàn thiên thể có di chuyển, đổi thay, nổ vỡ hay biến mất.

Vạn vật. Tất cả vật chất và sinh vật là hiện thân của tiềm năng Trời Đất. Tiềm năng ấy là bản thể của Càn Khôn, cũng là bản thể của vạn vật. Giáo lý Đại Đạo dùng khái niệm LINH QUANG ám chỉ bản thể ấy trong các sở vật thực tại.

Trong phạm trù *vạn vật*, giáo lý Đại Đạo nhìn nhận rằng: vô số chủng loại đang hiện hữu không chỉ là những tạo vật thụ hưởng một bản thể chung, mà còn đang dự phần vào một dòng tiến hóa liên tục, trong đó, loài thô sơ là tiền thân của loài tinh tấn. Dòng tiến hóa này cuối cùng sẽ mang về cho Trời Đất những chủ thể hoàn hảo nhất, góp phần vào sự thành đạt cứu cánh chân thiện mỹ của Thiên cơ.

Vậy, Thiên Địa là bản thể, bản căn của cuộc sinh hóa, và là tồn tại vĩnh cửu của thực tại vũ trụ vạn vật, cho dù vạn vật cứ tiếp diễn vô số chu trình thành trụ hoại không. Còn bản thân sự hiện hữu của vạn vật là trường tiến hóa.

Giáo lý Đại Đạo gọi bản thể ấy là Khí, bản căn ấy là Lý để nêu lên mối tương đồng tương quan giữ thiên địa vạn vật trong cơ nguyên sinh hóa, biến hóa và tiến hóa của vũ trụ. Khí là tuyệt đối thể thuộc Vô cực; Lý là nguyên lý Âm Dương của Thái Cực Đại Linh Quang.

Tóm lại, “Trời Đất” và “vạn vật” có những tương quan mật thiết từ trong nguồn gốc hóa sanh, hình thành, công dụng

và tiến hóa. Tất cả, theo giáo lý Đại Đạo, đều được bao hàm trong ĐẠO:

“Đạo dựng nên Đất trời. Trời đất do Đạo [mà] hóa sanh vạn vật. Vạn vật cũng do Đạo [mà] tiến hóa không ngừng. Vì vậy nên trong vạn vật đều có Đất Trời, tức là có Đạo vậy. Từ loài khoáng sản đến công trùng, thảo mộc, thú cầm, và nhơn loại đều chịu định luật chung của Đạo”.¹⁶¹

2. TƯƠNG ĐỒNG – TƯƠNG QUAN GIỮA THIÊN ĐỊA VÀ CON NGƯỜI

Vạn vật – kể cả con người – cũng có Bản thể Linh Quang đồng nhất, nhưng chỉ có con người là loài đạt thành cấu thể của một Tiểu Thiên Địa.

*“Người là Tiểu Thiên Địa đó,
Người với Trời nào có khác chi;
Hễ Trời có những món gì,
Người người đều cũng đủ y như Trời.”¹⁶²*

Nói cách khác, Con Người là vũ trụ thu gọn, tức là một Tiểu Càn Khôn, một Tiểu Thái Cực.

Vậy, ngoài Bản thể Linh Quang tương đồng, Đại Thiên Địa và Con Người lại tương đồng ở cơ nguyên vận động nội tại hoàn bị nhất của một Thái Cực.

Nhưng Con Người không phải là một hệ thống vận động vô tri. Giáo lý Đại Đạo xác tín Thượng Đế, Đấng Chủ tể Càn Khôn và cũng nhìn nhận Con Người là một chủ thể, một

¹⁶¹ Đức Di Lạc Thiên Tôn; Trúc Lâm Thiên Điện, Ngọ thời, 02-01 Bính Ngọ (22-01-1966); Thánh Giáo Suu Tập 1966-1967, tr.10.

¹⁶² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 28-8 Bính Tý (13 Octobre 1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1956), bài “Thiên bản”, tr.63.

tiểu ngã tương ứng với Đại Ngã Thái Cực Thánh Hoàng (Thượng Đế).¹⁶³

Cái căn cơ của chủ thể Con Người là Chơn Tánh, là ánh sáng Linh Quang của sinh vật đạt đến nhân vị.

*“Tánh ấy là gì? Tánh là NGUYÊN LÝ sở dĩ sanh ra nhân loại; thế nên cái Bản Nguyên về tinh thần của con người là Lý. Lý ấy rất linh diệu thiêng liêng của Trời đã phân ra mà ban cấp cho mỗi người, nên Lý ấy tức là Tánh vậy.”*¹⁶⁴

Như thế Thiên Địa và Con Người là hai thực thể thống nhất về bản thể, về cơ cấu, về cơ nguyên vận động nội tại và quyền năng chủ sử. Những mối tương quan nhạy bén giữa hai thực thể đó thường xuyên biểu hiện trên sinh lý lẫn tâm linh con người.

Điểm đặc biệt là khả năng cảm ứng giữa Thượng Đế và Con Người. Chính mối thông linh này là cứu cánh tiến hóa giải thoát, đồng thời là điều kiện thực hành sứ mạng THỂ THIÊN HÀNH HÓA của Con Người Đại Đạo đối với nhân sanh.

*“Trời với Người cũng đồng một lý, một khí mà ra thì không cảm ứng nhau sao được.”*¹⁶⁵

¹⁶³ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 22-7 nhuận Mậu Thân (14-9-1968); Thánh Giáo Nguyên Bản: *“Nếu đứng trên phạm vi con người thì trời đất là một vũ trụ bao la. Nhưng trên cương vị một hạt vi trần thì con người quả là một vũ trụ vô lượng. Trong vũ trụ, con người quả là một hạt cát trong bãi sa mạc hoang vu, nhưng là hạt cát biết suy nghĩ..”*

¹⁶⁴ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 16-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 38 “Tồn tâm dưỡng tánh”, tr.366.

¹⁶⁵ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 16-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 38 “Tồn tâm dưỡng tánh”, tr.366.

3. TƯƠNG ĐỒNG – TƯƠNG QUAN GIỮA CON NGƯỜI VÀ VẠN VẬT, GIỮA CON NGƯỜI VÀ CON NGƯỜI

3.1. Con người và vạn vật

Vạn vật và con người cùng nguồn gốc với vũ trụ, vì đều là những thực tại được biểu hiện ra từ Đại Bản Thể duy nhất hay Vô Cực. Đương nhiên, hai đối tượng này tương đồng về Bản thể. Nhưng điểm đặc sắc là mối tương quan chặt chẽ trong sự sống và sự tiến hóa.

3.1.1. Trong sự sống

Con người không thể sống trong nhà kính, tách biệt với môi trường sống. Môi trường sống có sinh thái được cân bằng bởi sự sống của thế giới các sinh vật, từ thảo mộc cho đến côn trùng, chim chóc và muôn loài động vật khác.

Thứ nữa, con người phải tự nuôi sống mình bằng sản phẩm của thiên nhiên. Cơ thể con người là một tổng hợp tinh chất của vạn vật. Sự sống của con người và của vạn vật có mối tương quan tương ứng hài hòa, vừa trực tiếp vừa gián tiếp.

Tâm đức của con người trong sinh hoạt, trong đời sống xã hội có ảnh hưởng rất sâu sắc đến thiên nhiên-thời tiết, đến thể vận của chúng sanh:

“Nếu dân chúng nơi nào vô đạo ác tâm, thì địa phương đó phải xảy ra biết bao nhiêu cảnh đảo điên tai ách, nào chiến họa binh đao, đạo tặc, thủy hỏa, hoạn hồng, ôn dịch từng bừng óng dậy nhiều hại dân sanh. Nếu dân chúng biết hồi đầu hướng thiện, biết trọng đạo tâm, biết làm lành lánh dữ, biết tu niệm học hành đạo lý, thì hãy vớt thoát những gì tối tăm đang che lấp đạo tâm để được sự cứu rỗi trong kỳ mạt kiếp.”¹⁶⁶

¹⁶⁶ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ thời, 27-01 Ất Mão (09-03-1975); Thánh Giáo Nguyên Bản.

3.1.2. Trong sự tiến hóa

Mối tương quan giữa con người và vạn vật đã được xác định là hài hòa trong không gian, giáo lý Đại Đạo lại công nhận có sự chuyển tiếp liên tục giữa sự sống của vạn vật và con người qua thời gian vô tận. Đó là chu trình tiến hóa của vũ trụ vạn vật từ Bản Thể Đại Linh Quang hóa sanh khoáng sản, rồi từ khoáng sản tiến hóa lên thảo mộc, cầm thú, từ cầm thú đến con người qua vô vàn cuộc tái sinh.

Hai mối tương quan trong sự sống và trong sự tiến hóa trở thành quy luật nhất quán trong tổng thể sinh động và tiến hóa của vũ trụ theo nguyên lý Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể.

Trong Đại Thừa Chơn Giáo có viết:

“Người là gốc của muôn vật, muôn vật là ngọn của loài người; mà Trời Đất là gốc của loài người, người là ngọn của Trời Đất.” ¹⁶⁷

Thế nên, vạn vật nhờ hiến thân phục vụ cho sự sinh tồn của thiên nhiên, cho loài người, đồng thời cũng được người chăm sóc nuôi dạy mà tiến hóa dần dần. Loài người với loài vật vốn như anh em đồng một Cha chung Tạo Hóa, anh lớn khôn phải thương yêu dìu dắt em khờ dại để cùng tiến hóa mới xứng đáng “quyền huynh thế phụ”.

3.2. Con người và con người

Trong phạm trù con người, mối tương quan giữa cá thể và toàn thể càng mật thiết hơn.

3.2.1. Trên phương diện xã hội

Từ khi mới có loài người trên địa cầu, con người không thể sống đơn độc mà phải sống trong quần thể. Chính quần thể

¹⁶⁷ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 12-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 33 “Nhơn vật tấn hóa”, tr.306.

xã hội là mô hình sinh hoạt tự nhiên để bảo tồn và phát triển cuộc sống của những cá thể đồng loại, đồng tính, và hơn nữa đồng huyết thống trong quan hệ gia tộc.

“Đã nói rằng Đạo là phương châm để cứu đời, để tạo niềm tin, để gây dựng hạnh phúc toàn vẹn cho xã hội. Lễ dĩ nhiên, tôn giáo đạo lý phải nhắm vào cái đại thể to tát, cái sinh hoạt rộng lớn đó là nhân sanh.

Đạo lý không chỉ trọn vẹn trong giáo điều kinh sách, mà phải tràn lan trong sự thế, trong nhứt dụng thường hành của nhơn loại. Chấp nhận điều ấy, con người học đạo, hành đạo sẽ ý thức việc tạo lập trật tự an lạc để thực hiện hạnh phúc cho nhân sanh.”¹⁶⁸

3.2.2. Trên phương diện dân tộc

Mối tương quan giữa cá thể con người và dân tộc rất đậm đà sâu sắc do quá trình lịch sử hình thành, đấu tranh để sống còn và lao động để tiến bộ và xây dựng nên nền văn minh chung của dân tộc. Nét đậm đà đặc sắc đó được tìm thấy ở lòng yêu nước dân tộc của mỗi người.

Xã hội và dân tộc thể hiện cao độ tính nhất thể của vũ trụ vạn vật với con người, đã vượt lên trên các sinh vật khác bằng lý trí và tình cảm của mình.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu đã dạy:

“Một vùng, một nước, con ban rải tình thương, dầu kẻ kia là thú mới tiến hóa nên người, bản tánh hung hăng thô bạo, nhưng không thô bạo trước sự vô về ban bố tinh thần vật chất, ban bố sự sống cho nó. Bởi những đấng hưởng phúc không biết tạo thêm cảnh thiên đàng cực lạc cho chính xã

¹⁶⁸ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tý thời, 14 rạng 15-02 Canh Tuất (21-3-1970); Thánh Giáo Sưu Tập 1970-1971, tr.26.

hội, quốc gia mình, nên mới có cảnh khổ ngày nay đó các con.”¹⁶⁹

3.2.3. Trên phương diện nhân loại

Mối tương quan giữa con người và con người không phải chỉ mật thiết do tình cảm gia tộc, tình yêu dân tộc. Và nếu chỉ có thế, con người không được xếp vào hàng tam tài và cũng không thể phát biểu nguyên lý “Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể”. Giáo lý Đại Đạo nêu lên sự đồng nhất của mọi cá thể, của mọi dân tộc, của toàn thể nhân loại là Nhân Bản. Nhân Bản là giá trị tiến hóa nên NGƯỜI, là khả năng phản ánh Thượng Đế tại thế gian.

Thế nên, xét theo quá trình tiến hóa, phải quý trọng quyền con người – dù là người ở trình độ nào, giai cấp nào. Xét về Nhân tính, phải có tình thương yêu đồng loại, không phân biệt màu da sắc tộc. Xét về Thượng Đế tính, phải xây dựng một thể giới hòa bình hạnh phúc tiến bộ về nhân sinh và thăng hoa cả tâm linh.

*“Vạn đóa hoa thơm một cội cành,
Nào người sứ mạng biết cho chăng?
Tình non đi với tình non loại,
Nghĩa nước chung nguồn nghĩa chúng sanh.”¹⁷⁰*

4. Ý NGHĨA CỦA NGUYÊN LÝ THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Sự khảo sát các mối tương đồng tương quan giữa các phạm trù THIÊN ĐỊA, VẠN VẬT và CON NGƯỜI đã làm nổi bật kết đề NHẤT THỂ của nguyên lý.

¹⁶⁹ Đức Diêu Trì Kim Mẫu; Vĩnh Nguyên Tự, Tuất thời, 11-11 Bính Thìn (31-12-1976); Thánh Giáo Nguyên Bôn.

¹⁷⁰ Đức Phan Thanh Giản; Trúc Lâm Thiền Điện, Ngọ thời 08-4-Tân Hợi (02-5-1971); Thánh Giáo Sư Tập 1970-1971, tr.211.

Đó là niềm xác tín vũ trụ vạn vật nhất thể. Nhất thể về bản chất, nhất thể về năng lực chuyển hóa, phát sinh, nhất thể trong quy luật dịch biến không ngừng. Bởi thế mà nhất thể trong vạn thù, trong vĩnh cửu và trong không gian vô định.

NHẤT THỂ, đó là TUYỆT ĐỐI THỂ

Thế nên nguyên lý đã quy chiếu vũ trụ vạn vật về Thượng Đế và kết luận khả năng tiến hóa của vạn vật, nhất là khả năng hiệp nhứt của Con Người với Thượng Đế.

Với nguyên lý này, giáo lý Đại Đạo nhắc nhở tình thương yêu ruột thịt giữa nhân loại, và của nhân loại đối với vạn vật chúng sanh.

Nguyên lý còn cho con người niềm hy vọng vô biên ở tương lai cao đẹp của mình. Đức Chí Tôn mở Đạo kỳ ba đã trao cho loài người một phán định và là một tin mừng:

“Thầy là các con, các con là Thầy.”

Những ai đã có đức tin nơi Thượng Đế, hãy có đức tin mạnh mẽ nơi chính mình, sẽ đi đến tận cùng con đường chánh đạo, tiến hóa trở về Bản Nguyên Nhứt Thể, bất sanh bất diệt.

MỤC 4.

NGUYÊN LÝ

NHẤT TÁN VẠN – VẠN QUY NHẤT

Đạo là Nhất Thể. Nhất Thể biến sinh Tam Cực, Tam Cực biến sinh vạn pháp, vạn pháp trở về Nhất Thể. Đó là nguyên lý Nhất Tán Vạn – Vạn Quy Nhất.

Sự vận hành của Đạo diễn ra theo những chu trình liên tục với hai bán trình. Bán trình *Nhất tán Vạn*, trong đó Nhất Thể Đạo biến sinh nên vạn pháp, diễn tiến theo chiều ly tâm, chính là *cơ Tạo hóa*. Bán trình *Vạn quy Nhất*, trong đó vạn pháp hội tụ về Nhất Thể, theo hướng quy tâm, chính là *cơ Tiến hóa*. Cơ dịch hóa của Đạo là sự phối hợp giữa hai cơ trình tạo hóa và tiến hóa. Hai cơ trình này vừa tiếp diễn, vừa đồng thời. *Tiếp diễn*, vì có tạo hóa mới có tiến hóa, có tiến hóa mới có tạo hóa ở chu trình kế tiếp. *Đồng thời*, vì trong cơ tạo hóa đã có tiến hóa, trong cơ tiến hóa vẫn có tạo hóa.

1. NHẤT TÁN VẠN

1.1. Định nghĩa

Bán trình *Nhất tán Vạn*, tuy là một phần của nguyên lý vận hành, nhưng tự nó cũng là một nguyên lý độc lập. Đó là nguyên lý của sự biến sinh và kiến tạo. Tùy vào lãnh vực

mà nguyên lý này thể hiện nội dung; tuy nhiên, có thể tóm tắt các nội dung này vào bốn định nghĩa chính như sau:

1. *Nhất* là Đạo, *Vạn* là vạn pháp. *Nhất tán Vạn* có nghĩa là Nhất Thể Đạo biến sinh nên vạn pháp.
2. *Nhất* là Đại Linh Quang, *Vạn* là các Tiểu Linh Quang. *Nhất tán Vạn* có nghĩa là: Đại Linh Quang duy nhất tự phân chiết thành các Tiểu Linh Quang.
3. *Nhất* là bản thể tuyệt đối của vạn vật, *Vạn* là hình thể tương đối của vạn vật. *Nhất tán Vạn* có nghĩa là: bản thể tuyệt đối duy nhất của Càn Khôn vũ trụ thể hiện thành muôn vạn hình thể của vạn vật.
4. *Nhất* là Chơn Tâm, *Vạn* là vọng tâm, khi xét trong tiểu vũ trụ của con người. *Nhất tán Vạn*, là quá trình hướng ngoại của con người: Tâm biến sinh tình thức.

Trên đây, định nghĩa 1 là định nghĩa căn bản; các định nghĩa từ 2 đến 4 chỉ là các định nghĩa diễn giải của định nghĩa 1. Nói một cách tổng quát, *Nhất tán Vạn* là bán trình kiến tạo, khai mở, thiết lập, phóng phát, biến sinh, đa dạng hóa.

1.2. Các định luật

Trong bán trình Nhất tán Vạn, cùng với việc tạo dựng vạn vật, Nhất Thể Đạo thiết lập một cơ chế phổ quát trên toàn vũ trụ để quản trị và điều hành vạn vật. Cơ chế này được đặc trưng bởi ba định luật cơ bản: luật nhân quả, luật tương hòa tương hiệp, và luật âm dương động tịnh.

1.2.1. Định luật Nhân Quả

Định luật nhân quả ràng buộc vạn vật vào tổng thể vũ trụ bằng những mối liên hệ do chính vạn vật tạo ra:

“Sự Nhân Quả nó liên lạc chặt chẽ nhau, từ cội vô hình đến cội hữu hình hiện tại của đời các con. Nhân Quả nó theo dõi các con, từ kiếp trước sang kiếp này, rồi đến kiếp khác.”¹⁷¹

Trong định luật nhân quả, có ba yếu tố tham dự vào và làm cho định luật hoạt động, đó là Nhân, Duyên, và Quả. Nhân là nguyên nhân, là mầm mống. Duyên là điều kiện. Quả là kết quả, hậu quả.

Định luật nhân quả có thể được tóm tắt như sau: Đã có Nhân, Duyên, tất yếu phải có Quả; Hiện tại là Quả của quá khứ và là Nhân, Duyên của tương lai; Quả có cùng bản chất với Nhân, nhưng có thể bị thay đổi phần nào do tác động của Duyên.

Nhờ mạng lưới nhân quả do chính mình góp phần tạo ra, vạn vật được liên hệ chặt chẽ với nhau trên quy mô toàn vũ trụ. Hoạt động hiện tại của mỗi phần tử đều ảnh hưởng đến tương lai của chính mình và của toàn vũ trụ. Như vậy, trong tương quan nhân quả, vũ trụ đương nhiên phải hiện hữu như một phức hợp thống nhất.

Do định luật nhân quả, mà từ một nguồn gốc ban đầu (Nhân) có thể phát sinh nhiều nhánh (Quả) vừa cùng bản chất với nhau vừa khác biệt nhau. Vậy, định luật nhân quả tạo nên cơ chế của quá trình Nhất tán Vạn.

1.2.2. Định luật tương hòa tương hiệp

Cái Vạn không thể tồn tại nếu không hội đủ những điều kiện cần thiết. Chính định luật tương hòa tương hiệp ấn định những điều kiện tất yếu phải có để vạn vật có thể tồn tại bên cạnh nhau trong sự khác biệt của mình.

¹⁷¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.72.

Định luật tương hòa tương hiệp có thể được tóm tắt như sau. Để có thể sinh tồn, vạn vật phải tuân theo hai điều kiện tất yếu:

Điều kiện tương hòa: Mỗi sự vật phải có khả năng thích nghi (tương hòa) với những biến dịch của không thời gian mà sự vật đang hiện hữu.

Điều kiện tương hiệp: Mỗi vật phải phối hợp (tương hiệp) với vạn vật, tạo thành một thể thống nhất.

Định luật này buộc mỗi sự vật phải hòa hiệp với vạn vật để sinh tồn:

“Vạn thể vũ trụ tự nó liên hiệp trong vòm trời đại thể. Chính nhờ vậy mà guồng máy pháp luân thường chuyển, làm sinh trưởng động hành mọi cá thể khếp mình trong vũ trụ. Từ xã hội nhân sinh con người đến xã hội hành tinh, vân tú và vạn điều nghìn ngư, vẫn tự nó phối hợp để tiến hóa trong sự điều hòa của vũ trụ.”¹⁷²

Ngược lại, sự bất hòa chỉ có thể dẫn đến tan rã và diệt vong:

“Trong Trời Đất, khi âm dương bất hòa sanh bão lụt. Cơ thể vận hành bất hòa nảy sanh bệnh hoạn ốm đau, buồn thương giận ghét. Một nhà bất hòa thì gia đình xáo trộn, hạnh phúc lạt phai. Một xã hội bất hòa thì nảy sanh tranh giành chém giết, đạo tặc trộm cướp. Thế giới mà bất hòa ắt nảy sanh thế chiến.”¹⁷³

Không một cơ cấu hữu hình nào có thể tồn tại vĩnh cửu, nhưng trong khoảng thời gian hiện hữu của mỗi vật, luật tương hòa tương hiệp buộc vật đó phải thích nghi vào đời sống chung của vạn vật và cùng vận hành theo trật tự chung

¹⁷² Đạo Học Chí Nam, chương 4, tiết 2, mục 1.

¹⁷³ Đức Liên Hoa Thánh Mẫu; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 10-03 Kỷ Dậu (26-04-1969); Thánh Giáo Nguyên Bản.

của vũ trụ đại thể. Nhờ sự ràng buộc đó mà vũ trụ đại thể vẫn trường tồn trong sự sinh biến liên tục của vạn vật.

1.2.3. Định luật Âm Dương động tịnh

Nếu không biến dịch, thì chỉ có Nhất Thể chứ không có vạn pháp; nói cách khác, vạn pháp chỉ hiện hữu và sinh trưởng biến hóa trong cơ biến dịch. Và định luật Âm Dương động tịnh là định luật điều khiển sự sinh trưởng biến hóa của vạn pháp.

Định luật Âm Dương động tịnh có thể được tóm tắt như sau: Vạn pháp đều được cấu tạo từ hai yếu tố đối ngẫu là Âm và Dương, biểu hiện thành hai trạng thái hiện hữu cơ bản là Động và Tịnh. Trạng thái Tịnh tạo nên sự ổn định, trạng thái Động tạo nên sự biến dịch của sự vật. Nhờ sự hòa hiệp giữa các tác động đối nghịch (Âm và Dương, động và tịnh), vạn vật mới có thể được sinh hóa và tiến hóa:

“Luật tắc âm dương động tịnh chứng minh sự tác động đối nghịch để chuyển vận mọi sự tiến hóa được phát sinh từ sự mâu thuẫn tác hiệp. Sự mâu thuẫn ở đây phải nằm trong luật tắc tương hiệp tương hòa, bởi vì, nếu đi ngoài luật tắc ấy, vạn hữu đối nghịch sẽ khởi tử cho sự phân tranh và tự diệt. Trái lại, nhờ nó mà vũ trụ mới sinh trưởng biến hóa, vẫn xây cho cuộc thể diễn phô thanh sắc, qua màn ảnh lục thức của con người. Màn đêm và ánh sáng không tiêu diệt nhau, mà chúng đã tạo lấy buổi bình minh hay cảnh hoàng hôn huy hoàng rực rỡ làm rung cảm bao kẻ ưu tư. Nhịp khúc ân tình có hay không, đều nằm trong luật tắc. Nhờ vậy, con người hiệp thành xã hội, thiết lập thế giới nhân sinh, biết bao nhiêu những vị chứng khác, mà con người có thể nhận thức được.”¹⁷⁴

¹⁷⁴ Đạo Học Chi Nam, chương 4, tiết 2, mục 1.

Nhờ có Âm Dương trong cấu tạo của nội thể, và nhờ khả năng kết hợp giữa Âm Dương của nội thể với ngoại giới, nên vạn vật có thể mô phỏng được chức năng “Nhất tán Vạn” của Bản Thể Đạo. Mỗi vật trong vạn vật đều có thể đóng vai trò cái Nhất trong cõi hậu thiên mà hóa sinh nên cái Vạn, khiến cho vạn vật không ngừng phát triển về mặt hữu hình. Đó là cơ sinh hóa hậu thiên, lấy Âm Dương hậu thiên lập thành hình tướng. Vậy, ngoài cõi nguồn tiên thiên là Đạo, vạn vật còn những cõi nguồn hậu thiên là những thể hệ tổ tiên của mình.

Xuyên qua cả ba định luật, cái Vạn của vũ trụ luôn là những thể hiện của cái Nhất. Khi triển khai thành Vạn, Nhất đã dùng sự biến dịch diệu ảo của Vạn để thể hiện Nguyên Lý của Mình, dùng kết cấu vật chất tinh vi của Vạn để thể hiện Nguyên Khí của Mình. Vậy, Đạo không chỉ ẩn tàng như là Bản Thể của vạn vật mà còn thể hiện tường minh qua mọi hình thái vận động và hiện hữu của vạn vật.

3. VẠN QUY NHẤT

3.1. Định nghĩa

Bán trình *Vạn quy Nhất* cũng vừa là một phần của nguyên lý vận hành, vừa tự mình là nguyên lý tiến hóa. Có thể tóm tắt các nội dung của nguyên lý này vào bốn định nghĩa chính như sau:

1. *Vạn quy Nhất* là bán trình thu liễm công năng của Bản Thể Đạo, mang vạn pháp từ dị biệt đến đồng nhất, từ hậu thiên về tiên thiên.
2. *Vạn quy Nhất* là bán trình tiến hóa của vạn vật để trở về Nguyên Bản.
3. *Vạn quy Nhất* là một hành trình hướng nội, tự tinh lọc, tự tu tiến để lìa bỏ vọng tâm, trở về Chơn Tâm, quy nguyên trong cơ tiến hóa.

4. *Vạn* là trạng thái sai biệt, phân chia, mâu thuẫn, đối nghịch; *Nhất* là trạng thái đồng nhất, hiệp nhất, quy nhất, thống nhất. *Vạn quy Nhất* có nghĩa là: Mọi mâu thuẫn đối nghịch đều có thể được dung hòa, mọi sai biệt phân chia đều có thể được tổng hợp thành một nhất thể.

Chính nguyên lý Vạn quy Nhất đã được Đức Thượng Đế sử dụng để khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

3.2. Các định luật

Vạn quy Nhất là bán trình nghịch hành của Nhất tán Vạn. Ngay khi vừa được sinh ra trong cơ tạo hóa, vạn vật đã phải tiến hóa, vì giữa hai cơ trình tạo hóa và tiến hóa không có sự gián đoạn. Khi khuynh hướng phân tán phát triển đến cùng cực thì chuyển dần thành khuynh hướng quy tụ; bán trình Nhất tán Vạn tiếp diễn thành bán trình Vạn quy Nhất.

Trong bán trình quy Nhất, việc phân lọc luôn diễn ra để đào thải những cá thể thoái hóa và bảo tồn những cá thể tiến hóa. Bán trình này được đặc trưng bởi ba định luật cơ bản: luật cảm ứng, luật luân hồi, và luật tiến hóa.

3.2.1. Định luật cảm ứng

Tương ứng với luật nhân quả ở bán trình Nhất tán Vạn là định luật cảm ứng ở bán trình Vạn quy Nhất.

Trong luật nhân quả, chủ thể là gốc, khách thể là ngọn, vì chủ thể truyền tác động, còn khách thể là tiếp nhận tác động; bởi vậy, vận động do chủ thể khởi tạo đi theo chiều từ gốc đến ngọn. Ngược lại, trong định luật cảm ứng, chủ thể là ngọn, khách thể là gốc, vì sau khi chủ thể khởi tạo vận động, thì khách thể là nguồn truyền tác động, chủ thể là đối tượng nhận tác động; bởi vậy, vận động do chủ thể khởi tạo đi theo chiều từ ngọn đến gốc. Sự đảo ngược chiều truyền vận động giữa “Gốc” và “Ngọn” như vậy cho thấy

luật cảm ứng là một định luật nghịch hành, trong khi luật nhân quả là một luật thuận hành.

Định luật cảm ứng là một định luật tương tác của tâm linh, tinh thần, tư tưởng. Định luật này có thể được tóm tắt như sau:

Giữa Tiểu Linh Quang và Đại Linh Quang, giữa Tiểu Linh Quang và Tiểu Linh Quang, đều có khả năng cảm ứng lẫn nhau;

Nếu Tiểu Linh Quang đã dụng công, tất phải có cảm; nếu đã có cảm, tất phải có ứng.

Nhờ định luật cảm ứng, mà vạn vật ở mọi nấc thang tiến hóa đều có khả năng tiếp nhận được sự hướng dẫn của Trời Đất để bớt bị lạc lối trên đường trở về Nguyên Bản.

Định luật cảm ứng giúp vạn linh trong cõi hậu thiên có những kênh giao tiếp với Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng để nhận được những trợ lực trên đường tiến hóa.

3.2.2. Định luật luân hồi

Đề trở về với Đại Linh Quang, mỗi Tiểu Linh Quang phải tích lũy thành quả tiến hóa qua nhiều kiếp sống. Sau mỗi kiếp sống, nếu chưa đủ công năng để trở về với Đại Linh Quang, thì Tiểu Linh Quang phải quay trở lại thế giới vật chất, mượn một hình thể khác, sống một kiếp khác để tiếp tục tích lũy những gì còn thiếu. Sự trở lại thế giới vật chất để sống một kiếp sống hữu hình như vậy được gọi là *luân hồi*.

Định luật luân hồi có thể được tóm tắt như sau: Nếu trong một kiếp, Tiểu Linh Quang tích tụ công năng đến giá trị nào; thì ngay sau kiếp này, Tiểu Linh Quang sẽ được chuyển sang một nấc thang tiến hóa tương ứng với giá trị công năng đó. Vị trí của Tiểu Linh Quang trên thang tiến

hóa tùy thuộc vào giá trị công năng mà Tiểu Linh Quang tích lũy được.

Luân hồi là một cơ chế trợ lực của Vô Cực và Thái Cực đối với Hoàng Cực trên đường tiến hóa.

3.2.3. Định luật tiến hóa

Bản chất của sự tiến hóa có liên quan đến ba yếu tố cơ bản cấu tạo nên vạn vật, là: Tinh, Khí, Thần. Ba yếu tố đó do Tam Cực mà có: Vô Cực tạo ra Nguơn Tinh¹⁷⁵, Thái Cực tạo ra Nguơn Thần¹⁷⁶, Hoàng Cực tạo ra Nguơn Khí¹⁷⁷.

Cơ tiến hóa là một guồng máy điều chế Nguơn Tinh thành Nguơn Khí và hiệp nhất Nguơn Khí với Nguơn Thần. Cơ tiến hóa ấy tác động trong mọi quy mô hiện hữu của vũ trụ: từ đại vũ trụ của Trời Đất đến mỗi tiểu vũ trụ của từng vật, từng người.

Định luật tiến hóa có thể được tóm tắt như sau:

Trong cơ tiến hóa, có tám nấc thang tiến hóa ứng với bát phẩm chơn hồn, theo thứ tự từ thấp lên cao là: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhân hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn;

Khi Tiểu Linh Quang ở vào nấc thang tiến hóa nào, thì phải thực hiện trọn vẹn sứ mạng tương ứng với nấc thang tiến hóa đó, vì sứ mạng ấy là một phận sự thiêng liêng của Hoàng Cực đối với sự vận hành của toàn vũ trụ;

Sự tiến hóa hay thoái hóa của mỗi Tiểu Linh Quang không do Đại Linh Quang quyết định, mà do chính

¹⁷⁵ Chơn Pháp Lưu Truyền: “Tinh là chơn linh của Đức Diêu Trì Kim Mẫu.”

¹⁷⁶ Đức Nam Phương Giáo Chủ; 22-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 40 “Luyện Đạo”, tr.378: “Thần là Chủ Nhơn Ông, tức là điểm Linh Quang của Trời ban cấp”. (tr.380)

¹⁷⁷ Dịch Kinh Huyền Nghĩa: “Hoàng Cực là Khí Xung Hòa.”

Tiểu Linh Quang ấy quyết định thông qua mức độ thực hiện sứ mạng, phận sự, trách nhiệm của mình.

Định luật tiến hóa là định luật quan trọng nhất tạo nên bản trình Vạn quy Nhất, vì như đã được định nghĩa, tự thân bản trình Vạn quy Nhất chính là nguyên lý của sự tiến hóa.

4. KẾT LUẬN

Mặc dù có sự hoạt động của cả Tam Cực, nhưng nhân vật chính tham dự vào cơ dịch hóa Nhất tán Vạn – Vạn quy Nhất vẫn là Hoàng Cực, là Tiểu Linh Quang. Vì vậy, nguyên lý Nhất tán Vạn – Vạn quy Nhất là nguyên lý thiết lập nên lịch trình tiến hóa khép kín nhưng vô tận của Tiểu Linh Quang.

Nguyên lý Nhất tán Vạn – Vạn quy Nhất phản ánh hai phương diện trong sự dịch hóa của Đạo. Trên phương diện tương đối, dịch hóa có nghĩa là biến dịch, nên vạn hữu phải vận động để hoàn hảo hóa lấy tâm linh của chính mình, nghĩa là để tiến hóa. Trên phương diện tuyệt đối, dịch hóa có nghĩa là bất dịch, nên con người phải nhận thức được cái bất biến vốn vẫn làm căn cơ cho sự vận động vạn hữu, vì nhờ đó, con người mới có thể đứng được trên cương vị của một chủ thể tự do tiến hóa, thay vì chỉ là một vật thể bị ràng buộc vào cuộc tiến hóa.

CHƯƠNG 3. CON NGƯỜI

MỤC 1. TỔNG QUAN VỀ CON NGƯỜI

MỤC 2. TAM TÀI ĐỒNG ĐẲNG

MỤC 3. SỨ MẠNG VI NHÂN

MỤC 4. THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT

MỤC 1.

TỔNG QUAN VỀ CON NGƯỜI

Lịch sử của tư tưởng nhân loại là một hành trình tìm kiếm lời giải đáp cho những câu hỏi muôn đời về sự hiện hữu của con người:

Ta là gì? Ta là ai?

Ta từ đâu đến thế giới này?

Ta đến thế giới này để làm gì?

Ta sẽ đi về đâu, sau khi từ giã thế giới này?

Theo giáo lý Đại Đạo, những câu hỏi này chỉ có thể tìm được lời giải đáp trong đạo lý, hơn nữa, những lời giải đáp ấy chỉ có ý nghĩa đối với con người khi chúng vượt ra khỏi bình diện lý thuyết để trở thành niềm tin và hành động của chính con người.

Bởi vậy, giáo lý Đại Đạo lấy con người làm chủ điểm của tư duy và hành động. Là chủ điểm của tư duy, con người được lý giải về sự hiện hữu của mình để nhận thức được nguyên căn, hiện trạng và cứu cánh của mình trong cõi thế gian. Là chủ điểm của hành động, con người được giao phó sứ mạng của mình trước vạn linh, và được dẫn dắt để thực hiện chu toàn sứ mạng cao trọng đó.

Qua chủ điểm này, giáo lý Đại Đạo chỉ ra cho chúng ta một con đường siêu sinh ngay trong những lời giải đáp đối với những câu hỏi nói trên của nhân loại. Con đường ấy được gọi là Đại Đạo.

Từ đó, giáo lý Đại Đạo giúp chúng ta hiểu rằng, *con người* và *Đại Đạo* thật sự là một.

1. ĐỊNH NGHĨA VỀ CON NGƯỜI

Bài kinh Tắm Thánh trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chứa đựng một lời giải đáp cho câu hỏi “Con Người là gì?” trên nhiều phương diện: về trình độ tiến hóa, Con Người là phẩm vị tối linh trong vạn vật; về bản thể, Con Người là Phật tiềm ẩn; về cơ cấu xác thân, Con Người là một Càn Khôn vũ trụ; về sứ mạng, Con Người là một tác nhân vận hành cơ chuyển thể.¹⁷⁸

Về nguồn gốc, “*Con Người là Đạo*.”¹⁷⁹

Về quyền năng, Con Người là “*một tạo hóa trong Tạo Hóa*.”¹⁸⁰

Vậy, Con Người là *một phạm trù đạo lý, được dùng để chỉ chủ thể tự do đang hiện hữu ở một phẩm vị tối linh trong cơ tiến hóa, mượn hình thể hữu vi của một cơ cấu tiểu vũ trụ để khai phóng một quyền năng siêu việt, hầu thực hiện sứ mạng cộng tác với Thượng Đế mà tá trợ cho vạn vật*.

2. CƠ CẤU TIỂU VŨ TRỤ CỦA CON NGƯỜI

Về cấu tạo, con người là một tiểu vũ trụ. Tiểu vũ trụ ấy là mô hình thu nhỏ của đại vũ trụ, có cùng quy tắc cấu tạo và nguyên lý vận hành với đại vũ trụ.

Cơ cấu tiểu vũ trụ này bao gồm ba thể: thể thứ nhất, hay *đệ nhất xác thân*, là xác thân hữu hình, do vật chất tứ đại giả hiệp; thể thứ hai, hay *đệ nhị xác thân*, là vía, là Chơn Thân, là tâm, có nguồn gốc từ Vô Cực; thể thứ ba, hay *đệ tam xác*

¹⁷⁸ Kinh Tắm Thánh (Kinh Thiên Đạo Thể Đạo).

¹⁷⁹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Ất Mão (17-11-1975); Thánh Giáo Nguyên Bản.

¹⁸⁰ Đức Vô Cực Từ Tôn; Vạn Quốc Tự, Tuất thời, 14-08 Quý Sửu (10-09-1973); Thánh Giáo Nguyên Bản.

thân, là Tiểu Linh Quang, là Linh Hồn, là Nguơn Thần, là Tánh, có nguồn gốc từ Thái Cực:

“Con người có ba thể: thể thứ nhất là xác thân do cha mẹ sanh ra, thể thứ nhì gọi là đệ nhị xác thân của Đức Phật Mẫu ban cho, còn thể thứ ba là Linh hồn do Đức Chí Tôn ban cho.”¹⁸¹

Thể thứ nhất mang Nguơn Tinh, thể thứ hai mang Nguơn Khí, thể thứ ba mang Nguơn Thần. Tinh, Khí, Thần được gọi là *Tam Bửu* của con người.

Trong ba thể cấu tạo nên con người, đệ tam xác thân có nhiệm vụ quan trọng nhất, vì phải giáo hóa đệ nhị xác thân và giúp cho đệ nhị xác thân huấn luyện đệ nhất xác thân. Nói cách khác, *“Linh hồn điều khiển Giác hồn, đặng chế ngự Sanh hồn.”¹⁸²*

Linh hồn là *chủ nhân* ông của cơ thể, nhận trách nhiệm trước Thượng Đế trong việc vận hành bộ máy tối linh của nhân thân trong cơ tiến hóa. Nếu Linh hồn giáo hóa được Giác hồn và dẫn dắt được Sinh hồn, thì con người sẽ đạt Đạo và tạo được ngôi vị thiêng liêng. Ngược lại, nếu Linh hồn thất phạm, để cho Giác hồn và Sinh hồn điều khiển nhân thân, thì con người sẽ bị đắm chìm vào vòng đọa lạc.

Như vậy, tiêu vũ trụ của con người là một cơ cấu tối linh, cung cấp đủ quyền năng để con người thừa hành sứ mạng trong cõi hậu thiên. Nếu không tìm hiểu và khai thác chỗ siêu mầu ấy, con người chẳng những không làm tròn được

¹⁸¹ Đức Cao Thượng Phẩm; đàn cơ tại tư gia của nhân viên Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài (thuộc Tòa Thánh Tây Ninh), đêm 28-07 Canh Dần (1950); Luật Tam Thể.

¹⁸² Đức Bát Nương Diêu Trì Cung; đàn cơ dạy nhân viên Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài (thuộc Tòa Thánh Tây Ninh), đêm 15-12 Tân Mão (11-01-1952); Luật Tam Thể.

phận sự thiêng liêng mà còn phải bị luân chuyển luân hồi sinh tử.

3. PHẨM VỊ CỦA CON NGƯỜI

Khi mới vừa được khai sinh *trong cơ tạo hóa*, vạn vật bình đẳng vì đều là Tiểu Linh Quang của Thượng Đế. Tuy nhiên, *trong cơ tiến hóa*, sự chênh lệch trong nỗ lực để tiến hóa của mỗi Tiểu Linh Quang đã phân chia vạn vật thành những thứ bậc cao thấp:

*“Vạn vật trong vũ trụ không vật nào hơn hay kém. Trước sau đều đồng một thể là Chơn Linh lập đời, định thể, đặt các phẩm Tiên Phật có nơi học hỏi và thi dụng tài năng, hầu tô điểm thêm phẩm giá Thiêng Liêng Vị.”*¹⁸³

Bởi vậy, trong nhân loại, do sự chênh lệch trong nỗ lực tiến hóa mà có Nguyên Nhân cùng với Hóa Nhân trên cùng một cõi trần, và do sự bình đẳng trong Thượng Đế tính mà có sự hiện hữu của bản vị thiêng liêng nơi mỗi con người.

3.1. Nguyên Nhân và Hóa Nhân

Hóa Nhân là con người được hình thành do sự tiến hóa của vật chất. Sự tiến hóa này tuần tự đi từ khoáng vật, lên thảo mộc, sang thú vật, rồi đến con người. Con người này là con-người-hóa-nhân.

Con-người-hóa-nhân tiếp tục tiến hóa để tạo lập ngôi vị thiêng liêng, tức là những ngôi vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Một khi đã tạo lập được ngôi vị như vậy, chơn linh của con người ấy cũng trở thành một chơn linh thượng đẳng thiêng liêng¹⁸⁴. Rồi nếu muốn thăng tiến thêm, thì chơn linh

¹⁸³ Đức Cao Thượng Phẩm; đàn cơ dạy nhân viên Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài (thuộc Tòa Thánh Tây Ninh), đêm 16-09 Canh Dần; Luật Tam Thể.

¹⁸⁴ Chữ “thượng đẳng thiêng liêng” được sử dụng ở đây để phân biệt với hạ đẳng thiêng liêng là ma quỷ.

thượng đẳng này phải quay trở lại thế gian mà bồi công lập đức thêm nữa.

Con người có chơn linh là một thượng đẳng thiêng liêng trong quá khứ, được gọi là Nguyên Nhân. Nguyên Nhân là con người được sinh ra do sự trở lại thế gian của một chơn linh thượng đẳng thiêng liêng.

Từ vạn vật, để tiến hóa được đến hàng Hóa Nhân rồi lập vị, hoặc từ Nguyên Nhân, để phục hồi cựu vị hoặc thăng tiến trong phẩm vị, đều là những việc rất khó khăn. Nhưng từ Nguyên Nhân, thoái hóa xuống thành vạn vật, là một điều rất dễ dàng xảy ra. Do đó, dù Nguyên Nhân hay Hóa Nhân, không ai có ưu thế hơn ai trong trường tiến hóa, vì những quy luật về siêu đọa vẫn tác động một cách công bình.

Sự khác biệt giữa Nguyên Nhân và Hóa Nhân chỉ nằm trong những thành tựu tiến hóa ở quá khứ, chứ không quyết định được những kết quả tiến hóa ở tương lai. Khi đã đến thế gian này, bất cứ một cá nhân nào, nếu biết **tu**, nghĩa là biết giữ gìn Chơn Tâm, phát triển Thánh Tâm, khai triển Thánh Đức, thì đều trở nên con người thánh thiện, rồi tiến hóa dần lên hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật; còn nếu ngược lại, thì cũng phải chịu luân hồi chuyển kiếp như các đẳng cấp chúng sanh khác.

3.2. Bản vị của con người

Bản vị có nghĩa là thước đo, là mẫu mực, là tiêu chuẩn.

Con người là một bản vị cao quý trong Trời Đất; hay cũng thế, con người là một thước đo khách quan, một tiêu chuẩn phổ quát để đo đạt giá trị và ý nghĩa của vạn vật cũng như của chính bản thân con người.

Tâm tạo nên bản vị của con người; tùy theo trạng thái của tâm mà bản vị con người thể hiện giá trị và ý nghĩa của thế giới. Nếu tâm mê vọng, thế gian sẽ thị hiện như bể khổ

sông mê; nếu tâm giác ngộ, thế gian trở thành trường thi tiến hóa. Thật sự, bể khổ sông mê hay trường thi tiến hóa cũng chỉ là những hệ quả biến hiện theo sự nhận định của từng trạng thái vô thường của thước đo tâm thức, chứ bản thân cuộc đời chưa hẳn đã mang một sắc thái nào của riêng mình:

*“Tự tánh thiên nhiên không làm cho cuộc đời là giả tạm, mà chính chỗ dục vọng của con người mới biến đời là tạm bợ mà thôi.”*¹⁸⁵

Do đó, giá trị và ý nghĩa của con người là do chính con người tự tạo ra. Khi biết tìm hiểu cho thấu đáo đạo lý, đạt được cái mấu chốt trong sự liên hệ giữa mình và Thượng Đế, thì con người sẽ tự mình lập vị cho chính mình dễ dàng:

*“Con người, khi hiểu thông đạo lý, tìm được mấu chốt là cái chìa khóa liên hệ giữa người và Trời, thì con người sẽ tự tu, tự tạo, tự lập, tự tiến cho mình trở nên hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật dễ dàng.”*¹⁸⁶

4. QUYỀN NĂNG CON NGƯỜI

Con Người là một ***quyền năng tối thượng*** trong vũ trụ, ngang bằng với Trời Đất. Quyền năng đó là quyền tạo hóa mà con người được nhận lãnh để ngự trị thế gian:

*“Các con, hay nói chung là nhân loại, những hột giống linh căn được chọn gieo vào vũ trụ, được ban phát **quyền tạo hóa**, để lập thành cuộc ngự trị cõi thế gian.”*¹⁸⁷

¹⁸⁵ Đức Quan Âm Bồ Tát; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 20-10 Quý Sửu (14-11-1973); Thánh Giáo Nguyên Bản.

¹⁸⁶ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 02-06 Canh Tuất (04-07-1970); Thánh Giáo Nguyên Bản.

¹⁸⁷ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Minh Lý Thánh Hội, 09-01 Mậu Thân (07-02-1968); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Với quyền năng tối thượng mà Thượng Đế đã ban trao, con người có thể hiểu được cơ mầu nhiệm của Tạo Hóa, biết được cội nguồn sự sống của vạn vật:

*“Con người là vật tối linh,
Đoạt cơ Tạo Hóa, thông tình vạn sanh.”¹⁸⁸*

Do quyền năng đó, mỗi con người đều có thể làm được tất cả những gì Phật, Tiên, Thánh, Thần đã làm để tạo thành cảnh thiên đàng nơi cõi thế:

“Người có thể làm được những việc Phật Tiên Thánh Thần đã làm, cũng chính bàn tay người có thể tạo lập một cảnh thái bình an cư lạc nghiệp, có thể nói là thiết lập một cảnh thiên đàng tại thế gian cho muôn dân đều cộng hưởng.”¹⁸⁹

Quyền năng ấy không phải là quyền lực thường tình, mà chính là **sự tự do** của chơn tâm. Sự tự do này có nghĩa là không để cho tâm tư bị ràng buộc, câu thúc, cưỡng ép bởi một nguyên có nào.

Như vậy, sự chủ sử của Tiểu Linh Quang, của bản thể tâm linh tự hữu là nguồn gốc của quyền năng nơi con người.

5. SỨ MẠNG CON NGƯỜI

Theo giáo lý Đại Đạo, con người là:

*“Một chúa tể chấp trì vạn hữu,
Một quyền năng ban phú vạn sinh;
Một trong thiên địa tài thành,
Một trong nhơn vật dữ lành định phân.”¹⁹⁰*

Vậy, con người còn là một sứ mạng cao trọng, một bổn phận thiêng liêng trong vũ trụ. Sứ mạng ấy là thực hiện **đạo**

¹⁸⁸ Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 2, mục 2.

¹⁸⁹ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ thời, 03-12 Ất Ty (25-12-1965); Thánh Giáo Nguyên Bản.

¹⁹⁰ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-04 Quý Sửu (17-05-1973); Thánh Giáo Nguyên Bản.

tài thành của Trời Đất, nghĩa là góp tay vào những công trình mà Tạo Hóa đã kiến thiết nên để làm cho những công trình ấy được hoàn thành một cách hoàn hảo.

Đó không phải là sứ mạng của riêng một cá nhân nào, mà là sứ mạng chung của con người. Mỗi một cá nhân và toàn thể nhân loại đều phải chia sẻ và đảm trách sứ mạng chung đó:

“Mỗi người đều có sứ mạng riêng của mỗi người, tất cả nhân loại đều là sứ mạng trong trường tiến hóa này.”¹⁹¹

Đã sinh ra trong kiếp vi nhân, thì bất kể Nguyên Nhân hay Hóa Nhân, tất cả đều có một vai trò cao trọng trong đại thể của vũ trụ và nhân sanh. Vai trò ấy là thực hiện thiên chức của một phẩm vị tối linh trong vạn vật, tạo dựng nên một *sản nghiệp tinh thần* tốt đẹp nơi thế gian này:

*“Con người vừa lọt lòng mẹ là đã thọ ơn của đất trời, của nhân loại rồi. Nếu không làm hoặc để lại một **sản nghiệp tinh thần tốt đẹp** gọi là trả ơn Đất Trời, đáp nghĩa nhân loại, đó là hàng ký sinh trùng không hơn không kém, chớ còn chỉ gọi là hàng tối linh trong vạn vật.”¹⁹²*

Muốn thực hiện được sứ mạng thiêng liêng của mình, mỗi người phải quay về tìm lại chủ nhân ông của mình, là Tiểu Linh Quang trong tự tại. Chỉ khi nhìn nhận và sống với cái sống của Linh Quang, con người mới thật sự là con người theo đúng ý nghĩa của phạm trù đạo lý này, và mới thực hiện nổi Thiên mạng của mình trong thế giới hữu hình:

“Biết nhìn nhận chốn khởi sanh,

¹⁹¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 18-01 Tân Hợi (13-02-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

¹⁹² Đức Quan Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-09 Quý Sửu (10-10-1973); Thánh Giáo Nguyên Bản

Mọi nên được đạo tài thành Hóa Công.”¹⁹³

6. KẾT LUẬN

Một cách tổng quan, **Con Người** là một phạm trù đạo lý, trong đó, mỗi cá nhân là một *Thượng Đế trong tiềm thể* đang tiến hóa đến *Thượng Đế duy nhất trong hiện thể*.

Trước khi đến với cuộc đời này, con người là một điểm Linh Quang của Thượng Đế, do Thượng Đế phân chiết ra trong bản tính tự do, được ban trao sẵn một quyền năng tạo hóa, mượn vật chất vô thường để thể hiện đạo lý của vũ trụ Càn Khôn và làm phương tiện nhập thể hầu bồi công lập đức trong cơ tiến hóa.

Khi bước chân vào và hiện diện trong cuộc đời này, mỗi người đều có một sứ mạng thiêng liêng là thực hiện đạo tài thành trong Trời Đất để hoàn hảo hóa những gì đã được Thượng Đế kiến tạo. Trong sứ mạng đó, mỗi cá nhân không những phải tự tiến hóa, mà còn phải cộng tác với Thượng Đế để trợ giúp cho sự tiến hóa của vạn vật.

Vậy thì, mỗi cá nhân sẽ về đâu sau khi rời khỏi cuộc đời này? Câu trả lời tùy thuộc vào đời sống của mỗi cá nhân tại thế gian. Nếu thất phận trong thiên mạng của mình, con người phải chịu luân chuyển trong luân hồi sanh tử. Nếu hoàn tất được sứ mạng làm người, lập được phẩm vị thiêng liêng, chứng đắc được đạo lý tự hữu, con người sẽ tiến hóa trở về hiệp nhất cùng Thượng Đế.

¹⁹³ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 14-10 Bính Thìn (04-12-1976); Thánh Giáo Nguyên Bản.

MỤC 2.

TAM TÀI ĐỒNG ĐẲNG

Tam Tài Đồng Đẳng là một luận điểm trong giáo lý Đại Đạo cho phép lý giải về ngôi Con Người trong thể tương quan với các ngôi Thượng Đế. Đạo lý về sự đồng đẳng trong Tam Tài đề cập đến chủ vị con người trong vũ trụ Càn Khôn, nhằm trang bị cho con người một ý thức để tự khai phóng những năng lực siêu nhiên vốn đã sẵn có trong cơ cấu nhân thân, đồng thời, chỉ ra cho con người thấy quyền năng và sứ mạng của chính mình trong Thiên Địa, vạn vật, cũng như trong xã hội nhân sinh.

1. ĐỊNH NGHĨA

1.1. *Tam Tài là gì?*

Tam Tài là một hệ thống bao gồm ba phạm trù tổng quát, còn được gọi là ba Ngôi: Thiên (Trời), Địa (Đất), Nhân (Người); được liên kết với nhau qua ba tương quan căn bản sau đây.

Thứ nhất là *tương quan Thể-Dụng giữa Tam Cực và Tam Tài*. Trong tương quan này, Tam Tài là Dụng của Tam Cực, còn Tam Cực là Thể của Tam Tài. Nói một cách chi tiết hơn, Tài Thiên là Dụng của Thái Cực, Tài Địa là Dụng của Vô Cực, Tài Nhân là Dụng của Hoàng Cực.

Thứ hai là *tương quan đối ngẫu giữa các mặt Âm-Dương trong vũ trụ*. Trong tương quan này, Tài Thiên tương ứng với Dương, Tài Địa tương ứng với Âm, còn Tài Nhân

tương ứng với Trung do câu “*Tam Tài, Nhơn vị hồ Trung*”.¹⁹⁴

Tài Nhân cũng là vị trí giao ngộ của mọi mâu thuẫn trong thể đối ngẫu Âm-Dương:

*“Người là Đức cao siêu Trời phú,
Nơi quỷ thần hội tụ là đây,
Âm Dương giao điểm đủ đây,
Ngũ Hành tú khí, Tam Tài trọn nên.”*¹⁹⁵

Do đó, chủ thể nào muốn tồn tại được ở vị trí của Tài Nhân, thì phải có khả năng điều hòa những công dụng của Âm Dương.

Tương quan thứ ba là *tương quan giữa tâm linh và vật chất*. Trong tương quan này, có thể xét ý nghĩa của Tam Tài trên hai phương diện. Một mặt, Tài Thiên tương ứng với *thế giới tâm linh*, Tài Địa tương ứng với *thế giới vật chất*, Tài Nhân tương ứng với *thế giới nhân sinh*. Mặt khác, Tài Thiên tương ứng với khuynh hướng *duy tâm*, Tài Địa tương ứng với khuynh hướng *duy vật*, Tài Nhân tương ứng với khuynh hướng *tâm vật bình hành*:

*“Tài Nhơn gồm đôi bên Trời Đất
Trong lưỡng gian, cả vật lẫn tâm
Bản lai nhơn bản là mầm
Duy vật: âm thức, duy tâm: dương thần”*¹⁹⁶

1.2. Tam Tài đồng đẳng là gì?

Con người – giữa Trời, Đất và vạn vật – được giáo lý Đại Đạo định nghĩa:

“Là một trong Tam Tài định vị

¹⁹⁴ Đạo Học Chí Nam, chương 2, tiết 3, mục 4.

¹⁹⁵ Đạo Học Chí Nam, chương 2, tiết 2, mục 4.

¹⁹⁶ Đạo Học Chí Nam, chương 2, tiết 2, mục 4.

Là muôn trong một Lý Nhất Nguyên”¹⁹⁷

Do định nghĩa này, con người là một tạo vật đồng thể với vạn vật, và là một chủ thể đồng đẳng với Trời Đất.

Đồng đẳng tức là *ngang hàng*. **Tam Tài đồng đẳng** tức là ba ngôi Thượng Đế – Trời, Đất, Người – đóng vai trò quan trọng như nhau trong cơ tạo hóa và tiến hóa của vũ trụ. Ba ngôi này còn phải kết hợp với nhau, nương tựa vào nhau, đề phát huy công năng trong việc vận hành, điều hòa vũ trụ vạn vật:

*“Địa, Thiên, hiệp thể Thái Hòa,
Âm Dương phối ngẫu, thiết là thần đơn.
Đó là vạc ba chơn vững trụ,
Trời, Đất, Người, y phụ vào nhau;
Kiến Khôn thể giới một màu,
Không còn dị biệt, trước sau, nhộn nhàng.”¹⁹⁸*

2. CON NGƯỜI TRONG TAM TÀI ĐỒNG ĐẲNG

“Người ở trong Tam Tài Đồng Đẳng là người thế nào? Tam Tài là Trời, Đất, Người; Người tuy là thấy nhỏ bé hơn Trời, Đất, nhưng cũng có đủ điều kiện để mà sánh ngang hàng cùng Trời Đất, vì cũng đồng có một Bản Tánh sáng suốt, không phải khác với Trời Đất đâu.”¹⁹⁹

Con người về nguyên lý vốn là một *cội nguồn thiêng liêng*, một *cơ cấu tối linh*, một *bản vị cao quý*, một *quyền năng lớn lao*, và một *sứ mạng trọng đại* trong vũ trụ vạn vật. Do đó, sự đồng đẳng giữa con người với Trời Đất cũng được thể hiện trên năm phương diện vừa nêu.

¹⁹⁷ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

¹⁹⁸ Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 1, mục 3

¹⁹⁹ Đạo Học Chi Nam, chương 2, tiết 1, mục 2.

2.1. Con Người đồng đẳng với Trời Đất về cội nguồn

Trong nguồn gốc tối sơ, Trời, Đất, Người đều do Đạo tạo dựng:

*“Dựng nên Trời Đất, dựng nên Người,
Đạo ấy nhiệm mầu, chẳng tiếng hơi...”²⁰⁰*

Con người do thọ bẩm bản thể Đạo của Trời Đất mà có một Bản Tánh thiêng liêng, và nhờ đây, con người có thể tự tạo, tự hóa nơi mình, nghĩa là có thể tự biến đổi mình thành hiền nhân thánh triết, hoặc tu luyện thành Thần, Thánh, Tiên, Phật, thông đạt lẽ huyền vi của Trời Đất.

Bản Tánh của con người vốn là Lý. Trong ngữ cảnh của sự đồng đẳng giữa Tam Tài về cội nguồn, có thể hiểu Lý ấy vừa như một nguyên lý bảo tồn, vừa như một nguyên lý sáng tạo. Với tư cách một nguyên lý bảo tồn, Bản Tánh làm cho con người phải tuân thủ theo lẽ tự nhiên tất yếu của vũ trụ vạn vật. Nhưng với tư cách một nguyên lý sáng tạo, Bản Tánh mở ra cho con người những khả năng tự do vượt lên khỏi luật tắc của Trời Đất hầu cộng tác với Trời Đất mà hoàn tất việc sanh thành trong vũ trụ vạn vật. Chính khả năng sáng tạo và giá trị tự do của Bản Tánh là những yếu tố khiến con người có thể vượt ra khỏi sự chi phối nhân quả của không gian và thời gian mà góp tay vào vĩ nghiệp của Tạo Hóa.

Do đồng đẳng trong cội nguồn, Tam Tài cũng đồng đẳng trong kiến trúc của bộ máy tối linh, mà nhờ đó, con người có khả năng trở thành một cơ cấu điều lý, tiếp trợ cho vạn vật thành tựu, Trời Đất trọn nên. Bởi vậy, trong Tam Tài, sự đồng đẳng về cội nguồn dẫn đến sự đồng đẳng về cấu tạo.

²⁰⁰ Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 2, mục 3.

2.2. Con Người đồng đẳng với Trời Đất về cấu tạo

Mang trong chính mình “bản thiết kế” của Càn Khôn vũ trụ, con người là Tiểu Thiên Địa, được cấu tạo theo đồ hình đạo pháp của vũ trụ:

*“Người gọi là Tiểu Thiên Địa đó,
Người với Trời nào có khác chi;
Hễ Trời có những món gì,
Người người đều cũng đủ y như Trời!”²⁰¹*

Vì vậy, “*Cơ cấu trời đất và cơ cấu con người cũng đồng nhứt thể.*”²⁰² Và cũng vì vậy, tiểu vũ trụ nơi Tài Nhân là một bộ máy linh diệu, có đầy đủ những cơ năng nhiệm mầu như đại vũ trụ.

Nếu con người biết sử dụng cơ cấu Tiểu Thiên Địa của mình để tạo dựng phẩm vị thiêng liêng cho mình, thì con người thoát được lưới trần; ngược lại, nếu bỏ phí cơ cấu ấy, thì đến ngày trả lại xác thân về cho tứ đại, thì con người lại phải sa vào luân hồi:

*“Xét trong hữu tướng vô hình,
Phải biết thể dụng cho tinh mới thành.
Dụng hình tạm kiếp lương sanh,
Luyện rèn kim thể thoát màn trần la.
Chớ vì hình tướng phù hoa,
Để tâm hướng ngoại ắt sa luân hồi.”²⁰³*

²⁰¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 28-08 Bính Tý (13 Octobre 1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1956), bài Thiên Bàn, tr.63-64.

²⁰² Đức Đông Phương Chưởng Quân; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 28-05 Tân Hợi (20-06-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁰³ Đức Quan Âm Bồ Tát; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 03-09 Giáp Dần (17-10-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Trong cơ cấu của mình, con người có một tâm linh vi diệu. Khi Tâm của con người đồng đẳng với Tâm của Trời Đất, thì sự quán định giá trị và ý nghĩa của vạn vật do con người thực hiện cũng sẽ vô tư như Trời Đất thực hiện. Như vậy, sự đồng đẳng về cơ cấu dẫn đến sự đồng đẳng về bản vị.

2.3. Con Người đồng đẳng với Trời Đất về bản vị

Trời, Đất, và Người là ba chuẩn mực, ba thước đo đối với trình độ tiến hóa của vạn vật. Ba thước đo ấy có giá trị tương đương nhau.

Sở dĩ bản vị con người có thể đóng vai trò làm một chuẩn mực đối với trình độ tiến hóa của vạn vật – như những chuẩn mực của Trời Đất – vì trong cơ tiến hóa, vị trí con người là vị trí xung yếu: đây là điểm duy nhất trong cơ tiến hóa cho phép vạn vật có thể thoát ra khỏi cỏi nhị nguyên.

Đức Chí Tôn Thượng Đế đã dạy:

“Người là gốc của muôn vật, muôn vật là ngọn của loài người; mà Trời Đất là gốc của loài người, người là ngọn của Trời Đất.” ²⁰⁴

Theo giáo lý Đại Đạo, tiến hóa là quy nguyên, tức là trở về gốc. Và từ lời dạy của Đức Chí Tôn trên đây, muôn vật phải tiến hóa đến nấc thang của con người, còn loài người phải tiến hóa lên nấc thang của Trời Đất. Như vậy, muốn trở về với Đại Linh Quang, vạn vật nhất thiết phải tiến hóa qua nấc thang con người.

Vị trí quan yếu đó trong cơ tiến hóa khiến cho con người trở thành một thước đo khách quan đối với trình độ tiến hóa của vạn vật trong vũ trụ.

²⁰⁴ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 12-08 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 33 “Nhon vật tấn hóa”, tr.306.

Tuy vậy, để có thể đo được giá trị của vạn vật, trước hết con người phải đạt được *nhân phẩm* nơi chính mình, tức là phải đạt được *phẩm giá thật sự của một con người*. Muốn vậy, con người phải sống theo Bản Tánh của chính mình:

*“Con người phải sống theo Bản Tánh của mình, là sống theo mệnh lệnh đúng với cơ Trời pháp Đạo, thì mới đạt được nhân phẩm, nhân linh.”*²⁰⁵

Một khi đã sống đúng theo Bản Tánh của mình, thì tâm của con người cũng là Tâm của Thiên Địa. Đã đạt được Tâm của Thiên Địa, thì bản vị của con người cũng không khác gì bản vị của Thiên Địa.

Xem vậy, muốn đạt được nhân vị, con người phải trở về được với Bản Linh Chơn Tánh của mình. Vì Bản Tánh ấy chứa đựng quyền tạo hóa, nên trở về với Tánh thì khai phóng được quyền năng của Trời Đất trong bản thân mình. Thế nên sự đồng đẳng về bản vị dẫn đến sự đồng đẳng về quyền năng.

2.4. Con Người đồng đẳng với Trời Đất về quyền năng

Con người vốn đã được ban phát quyền tạo hóa trong Bản Tánh của mình để ngự trị thế gian mà trợ giúp vạn vật tiến hóa. Quyền năng ấy do bộ máy tối linh ở con người tạo ra trong sự vận hành theo đạo lý của Trời Đất. Nếu Tiểu Linh Quang thu phục được quyền năng này, làm chủ được thể xác, thì sẽ tự lập được sự nghiệp thiêng liêng. Ngược lại, nếu thể xác nắm được quyền năng này, thì quyền năng đó trở thành nghiệp lực trói buộc con người luân chuyển trong vòng luân hồi sinh tử.

²⁰⁵ Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 1, mục 2.

Làm sao để Tiểu Linh Quang thu phục được quyền tạo hóa nội tại ấy? Chỉ có một cách duy nhất là con người phải sống theo chánh đạo. Nếu không, con người sẽ gây tạo trái oan nghiệp chướng, tự trói buộc mình vào sinh tử luân hồi. Quyền năng thiên bẩm nơi con người càng to lớn bao nhiêu, thì trong vô minh, con người càng tự trói buộc mình vào luân hồi sanh tử mạnh mẽ bấy nhiêu.

“Người tu hành học đạo là tìm cái tâm mình linh đã ẩn tàng hằng tính của Thượng Đế giáng trung. Người muốn tìm lại, trước phải yên lặng để trau dồi, gột rửa những lớp tham, sân, si, dục, đang dây đặc theo bức vô minh để thấy được đạo tài thành của Thiên Địa. Người noi theo đạo ấy tức là hòa hợp Thiên Lý, phục hồi bốn thể chơn như vậy.”²⁰⁶

Khi thoát khỏi sự chi phối của tham, sân, si, dục, con người có thể dùng quyền năng của mình để phụng sự nhân loại, cứu độ chúng sinh, cũng giống như Trời Đất vận hành trong đức hiếu sinh và tình tạo hóa. Và thực hiện những điều đó cũng chính là thực hiện sứ mạng tài thành (đạo tài thành) của Trời Đất.

Do đó, sự đồng đẳng về quyền năng dẫn đến sự đồng đẳng về sứ mạng.

2.5. Con Người đồng đẳng với Trời Đất về sứ mạng

Con người và Trời Đất có cùng sứ mạng trong công cuộc kiến thiết vũ trụ vạn vật:

“Tạo hóa sáng tạo nên vũ trụ. Con người cũng sáng tạo nên hành vi của nó nơi (trong) vũ trụ, và những hành vi đó

²⁰⁶ Đức Quan Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-06 Giáp Dần, (02-08-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

giúp vào việc hoàn tất công việc sáng tạo của Tạo Hóa nơi vũ trụ.”²⁰⁷

Sứ mạng ấy chính là *“làm móc nối cho Càn Khôn dựng Đạo Thái Hòa.*”²⁰⁸

Mỗi chơn linh con người, không phân biệt căn trí, đều đến thế gian này vì sứ mạng *“dựng Đạo Thái Hòa”* này:

*“Đã sanh vào cõi vô thường, mỗi điểm chơn hồn mang một nhục thể vào đời đều có mang một sứ mạng để tự tu tự tiến và giúp cho bộ máy Thiên luân trong cuộc điều hành vũ trụ. Những điểm chơn hồn đó tuy căn trí có khác nhau – từ hàng đại giác nguyên căn cho đến hàng phàm phu tục lụy – nhưng mỗi mỗi đều có sứ mạng, nhiệm vụ của nó, giống như từng con ốc, bánh xe, cái chốt trong bộ máy toàn thể. Đừng ai tối tăm nghĩ rằng sự sống đơn phương riêng rẽ của mình không liên hệ gì với sự sống đại thể của muôn loài vạn vật, rồi tự đi tìm lối rẽ thụ hưởng riêng tư trong phạm vi nhỏ hẹp, vị kỷ, vị thân.”*²⁰⁹

Do tiểu vũ trụ của mỗi cá nhân đều là một *“móc nối”* để nối liền Trời với Đất, nên sự tiến hóa của mỗi tiểu vũ trụ đều có tác dụng đóng góp vào sự tiến hóa của đại vũ trụ:

*“Vũ trụ con người là một cái móc nối trong đại vũ trụ. Mọi sự chuyển luân tiến hóa của từng tiểu vi thể vũ trụ sẽ tăng tiến đến đại vũ trụ.”*²¹⁰

²⁰⁷ Đạo Học Chỉ Nam, chương 3, tiết 1, mục 2.

²⁰⁸ Đạo Học Chỉ Nam, chương 3, tiết 1, mục 3, Phần Kinh Văn: *“Con người đứng giữa Trời Đất, làm móc nối cho Càn Khôn dựng Đạo Thái Hòa.”*

²⁰⁹ Đức Quan Thánh Đế Quân; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-12 Giáp Dần (26-01-1975); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²¹⁰ Đạo Học Chỉ Nam, chương 4, tiết 4, mục 3.

Do đó, để thực hiện được trách nhiệm và sứ mạng của mình, con người phải không ngừng tiến hóa và giúp cho mọi người, mọi vật tiến hóa:

“Ai làm được ba việc là: phát huy cái đức chí thành của mình, khước sung cái lượng chí thành của người khác, dùng hết năng lực chí thành của mỗi vật, để trợ giúp việc hóa dục của Trời Đất, thì có khác chi Trời Đất. Nói một cách khác, ai có lòng lo tu niệm sửa mình, phụng thiên sự dân, thì đồng đẳng với Trời Đất.”²¹¹

3. KẾT LUẬN

Hiện hữu Con Người là hiện hữu của một căn nguyên bất tử, một cơ cấu tối linh, một bản vị cao quý, một quyền năng lớn lao, một sứ mạng trọng đại.

Bởi vậy, trong thế Tam Tài đồng đẳng, con người ngang hàng với Trời Đất qua năm phương diện có liên hệ mật thiết với nhau: đồng đẳng trong Căn Nguyên dẫn đến đồng đẳng trong cơ cấu, đồng đẳng trong cơ cấu dẫn đến sự đồng đẳng trong bản vị, đồng đẳng trong bản vị dẫn đến đồng đẳng trong quyền năng, và đồng đẳng trong quyền năng dẫn đến đồng đẳng trong sứ mạng.

Quy về một mối, cả năm phương diện ấy đều có nghĩa là đồng đẳng về Bản Thể Tự Tánh. Con người mà tìm lại được Bản Thể Tự Tánh, tức là đồng quyền cùng Tạo Hóa vậy.

“Căn bản để đạt Đạo là tánh tự nhiên như Tạo Hóa.”²¹²

²¹¹ Đạo Học Chí Nam, chương 2, tiết 1, mục 2.

²¹² Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-04 Đinh Tỵ (01-06-1977); Thánh Giáo Nguyên Bản.

MỤC 3.

SỨ MẠNG VI NHÂN

Theo giáo lý Đại Đạo, con người có tâm linh vi diệu tiềm tàng, minh linh hơn tất cả muôn loài vạn vật. Nhờ đó con người đứng vào hàng thượng đẳng chúng sanh. Cũng do điểm tâm linh ấy, con người có thể tu học rèn luyện, để sống đời sống đạo đức trong xã hội này và xa hơn nữa, dứt bỏ mọi ràng buộc thường tình để tự giải thoát.

Chính trên cương vị cao cả và khả năng phi thường của mình giữa vạn loại, con người sanh ra đương nhiên mang lấy một sứ mạng phải hoàn thành trong kiếp sống.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế có dạy:

“Đại Đạo là bến khởi nguyên của các con (...). Từ bến khởi nguyên, con ra đi vương một sứ mạng trong hai đoạn đường, một đem Đại Đạo lập đời, hai trở về với Đại Đạo”.

Sứ mạng trong hai đoạn đường này chính là sứ mạng vi nhân rất cao quý mà không ai có thể từ chối được:

 Khi ra đi đem Đại Đạo lập đời là con người được ban trao trọng trách thay Trời mà quản cai muôn vật,

 Và trở về với Đại Đạo là khi con người có đủ quyền năng giải thoát để tiến hóa.

Đức Đông Phương Chương Quân đã dạy:

“Sứ mạng cao cả đã được đặt để cho loài thượng đẳng chúng sanh ở cõi đời này là sứ mạng vi nhân, được thay

Trời mà quản cai muôn vật trong luật tắc hóa sanh hóa, và có đủ quyền năng tự giải thoát tiến để tiến hóa.”²¹³

Con đường tiến hóa xuyên qua lịch sử nhân loại là đúc kết của sứ mạng vi nhân qua nhiều thế hệ. Điểm quan trọng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là làm thế nào mỗi người đều ý thức sứ mạng ấy của chính mình, tức là khẳng định được hành trình tiến hóa rất ráo của bản thân.

Hành trình ấy chính là một quy chiếu của chu trình vận hành của vũ trụ, nên giáo lý Đại Đạo đã tóm lược thành hai giai đoạn nối tiếp nhau để hướng dẫn nhân sanh chu toàn sứ mạng làm người, đồng thời, thực hiện trọn vẹn con đường tiến hóa của mình.

1. GIAI ĐOẠN RA ĐI – ĐEM ĐẠI ĐẠO LẬP ĐỜI

1.1. Đối với bản thân

Trong giai đoạn này, con người có sứ mạng thi thố toàn năng, toàn lực của một bậc vi nhân. Mỗi cá thể đã vượt qua biết bao chu trình tiến hóa của sinh vật để đạt đến địa vị làm người, tức chủ thể có đầy đủ quyền năng chủ sử mọi sinh hoạt ở cõi trần gian. Đây là một trường rèn luyện, thử thách rất khắc nghiệt để tiếp tục tiến hóa. Thế nhân chỉ đóng vai trò làm người đúng mức khi nào biết được nguồn gốc mình, biết được địa vị và sứ mạng mình.

Nguồn gốc con người. Về bản thể, con người là Linh Quang được phóng phát từ Thượng Đế. Về cấu thể, con người là sinh mạng do âm dương, ngũ hành hội tụ, tạo đủ điều kiện hình thành một chủ thể giữa Đất Trời. Nên Đức Chí Tôn khẳng định:

²¹³ Đức Đông Phương Chương Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hội thời, 01-01 Quý Hợi (13-01-1983); Thánh Giáo Nguyên Bản.

“Các con, hay nói chung là nhân loại, [là] những hạt giống linh căn được chọn gieo vào vũ trụ, được ban phát quyền tạo hóa, để lập thành cuộc ngự trị cõi thế gian (mà các con gọi là đời.) Mọi sự vật trên đời, [đều có] nguyên nhân là Lý, là Đại Đạo, là Thầy, là Cha chung của vạn loại. Các con đã sanh trong Đại Đạo, hãy noi theo Đại Đạo mà thành về cõi Thượng Thiên Vô Cực.”²¹⁴

Địa vị con người. Con người được gọi là “thiên hạ tối linh” vì đã đạt đến nấc thang tiến hóa cao nhất so với vạn loại chúng sanh. Địa vị của con người, hay nhân vị, có giá trị cao quý trong vũ trụ, vì con người đã có thể vừa tiến hóa, vừa tác động vào cơ tiến hóa của vũ trụ vạn vật. Và chỉ có con người mới có thể bước lên Thiên đạo sau khi hoàn thành Nhơn đạo.

Biết được địa vị quý trọng của mình, con người có sứ mạng tự làm cho sáng tỏ Linh Căn (hay Linh Tánh, hay Tánh bản nhiên) của Trời phú cho, mà sách Đại Học gọi là Minh Đức:

“Cái đức Minh Đức được sung mãn nơi người thì thông đồng cùng Trời Đất, gánh nổi việc thiên hạ dễ dàng. Đức ấy lan tỏa ra, làm cho đâu đâu cũng được sáng rõ huy hoàng, như ngọn lửa thiêng chong các cây đèn mà đèn nào cũng sáng tỏ. Đó là Minh Đức mà Tân Dân, vừa lợi nhân, lợi kỷ.”²¹⁵

1.2. Đối với tha nhân

Trong giai đoạn đem Đại Đạo lập đời, sứ mạng đối với tha nhân chính là làm tròn trách nhiệm của một cá thể đối với tổng thể đã sẵn có những tương quan mật thiết:

²¹⁴ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Minh Lý Thánh Hội, 09-01 Mậu Thân (07-02-1968); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²¹⁵ Đạo Học Chi Nam, chương 2, tiết 2.

đối với gia đình, thân tộc, tổ tiên,
đối với xã hội, dân tộc, nhân loại.

Phụng sự cho tất cả tha nhân, ấy chính là phụng sự cho Bản thể đại đồng nhân loại, để tất cả được vẹn toàn nhân nghĩa trong tình thương bao la và niềm cảm thông sâu sắc.

Con người dù đã tự hoàn hảo hóa đến chừng mức nào mà chưa có ý thức phụng sự tha nhân, thì cũng chỉ mới đi được nửa đoạn đường sứ mạng.

“Nếu tất cả mọi người sớm hiểu như vậy, sớm tiếp tay với Thượng Đế tô điểm non sông gấm vóc [trong] cõi trần hoàn; [thì] ôi, biết bao là vinh quang đẹp đẽ! Chỉ tại người quên hẳn tánh thuần phát thiện lương mà Thượng Đế đã phát ban trong buổi sơ sinh.”²¹⁶

*“Làm sao cho trọn kiếp vi nhơn,
Để suốt trăm năm khỏi tử hờn;
Nợ nước, ơn nhà, tình chủng loại,
Dặn lòng gắn chặt mối keo sơn.”²¹⁷*

Dĩ nhiên sống phải mưu sinh, nhưng sống còn có ý nghĩa cống hiến sức lực và trí tuệ cho sự sinh tồn và tiến bộ của cộng đồng nhân loại.

Với ý thức đó, con người sẽ tìm thấy đạo lý ở đời, khiến cho mỗi hành động, mỗi tư tưởng của cá thể đương nhiên góp phần phát triển và tiến hóa cho toàn thể.

*“Dụng lý Đạo xây lần Đại Đạo,
Dem tài nhân mà tạo nghĩa nhân;
Từ vật chất đến tinh thần,
Từ đời tới đạo, góp phần liên quan.”²¹⁸*

²¹⁶ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ thời, 03-12 Ất Tỵ (25-12-1965); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²¹⁷ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 09-05 Đinh Mùi (16-06-1967); Thánh Giáo Nguyên Bản.

2. GIAI ĐOẠN TRỞ VỀ VỚI ĐẠI ĐẠO

2.1. Đối với bản thân

Theo thánh ngôn của Đức Chí Tôn, con đường tiến hóa của chúng sanh là một chu trình, một vòng tuần hoàn, cũng là một quy luật. Sau nửa vòng đầu, ra đi nhập thế để phát triển, để trưởng thành và thu liễm năng lực tiến hóa; nửa vòng sau, xuất thế trở về với nguồn gốc hay Bản thể Đạo với tư cách một chủ thể tâm linh thuần thành.

Đó là luật tiến hóa mà Kinh Dịch diễn giải trong Quẻ Kiền: Kiền là nguồn gốc của vũ trụ, thúc đẩy vạn vật tiến hóa từ chỗ khởi nguyên đến chỗ thành đạt bằng bốn đức của Kiền là *Nguyên - Hanh - Lợi - Trinh*:

“Đức Nguyên là tạo đoan khai thi cho vạn vật; đức Hanh là trưởng dưỡng cho vạn vật; đức Lợi (lợi) là thành tựu cho vạn vật. Nhưng hễ đạo lý gì, cũng phải kết thúc với kết quả, xem ở kết thúc và kết quả mà được hoàn toàn viên mãn, mới là hợp với đức Trời. Vì vậy, Nguyên, Hanh, Lợi, rồi phải có đức Trinh”²¹⁹

Thế nên, cuộc hành trình của sứ mạng vi nhân, sau giai đoạn Thế đạo, phải tiếp tục giai đoạn rốt ráo là Thiên đạo. Thiên đạo là đạo pháp giải thoát. Bước vào Thiên đạo, hành giả rẽ qua bước ngoặt ngược chiều với phàm nhân, tức rời nẻo phàm, vào nẻo Thánh. Phàm nhân mê vật chất, hành giả vụ tinh thần; phàm nhân tranh đua, hành giả khiêm nhường; phàm nhân tham si, hành giả dứt bỏ. Tất cả đều nhắm mục đích thanh khiết hóa thể xác lẫn linh hồn, mới

²¹⁸ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 03-03 Ất Ty (05-04-1965); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²¹⁹ Phan Bội Châu, Chu Dịch, Văn ngôn quẻ Kiền, tr.73-74

phát huy được Thiên đạo, tiến hóa tâm linh, thoát khỏi luân hồi.

*“Hong trần lẫn lộn khởi vô minh,
Che lấp con người một điểm linh;
Tam độc, tứ tường vây nội tướng,
Thiên sai vạn biệt lụy thân hình.
Hồi đầu quyết chí toan đi ngược,
Hướng thượng kiên tâm dọn sạch mình;
Thanh lọc cho xong loài uẩn trược,
An nhàn siêu thoát lẽ trường sinh.”²²⁰*

2.2. Đối với tha nhân

Trong giai đoạn trở về với Đại Đạo, sứ mạng vi nhân đối với tha nhân là sứ mạng “thể thiên hành hóa”; nghĩa là mặc nhiên làm người sứ giả của Thượng Đế để hóa độ chúng sanh một khi đã bước vào Thiên đạo đại thừa, với tâm hạnh vong kỷ vị tha. Thánh ngôn có dạy:

“Khi bước vào ngưỡng cửa đại thừa, người hành giả phải tự sáng chói điểm đạo để phá tan những cái tối tăm dày đặc sai lầm phân ly. Có như vậy tâm mới hòa, mới huyền đồng cùng tạo vật, từ huệ mới phát lộ mà hóa hoằng chánh pháp, cứu độ nhơn sanh trong thời khó khăn ly loạn này (...) đó là rất rảo cứu cánh.”²²¹

Vậy trở về với Đại Đạo hay “phản bản hoàn nguyên” hay tu “thiên đạo đại thừa” là giai đoạn song hành tự độ - độ tha, cái trước là điều kiện của cái sau và ngược lại.

Muốn có năng lực hoàn thành sứ mạng cứu độ tha nhân, trước tiên phải tự giác, tự độ, tự hoàn thiện.

²²⁰ Đức Đông Phương Chương Quán; Nam Thành Thánh Thất, 09-05 nhuận Tân Hợi (01-07-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²²¹ Chư Tiên Khai Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-10 Kỷ Mùi (04-12-1979); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Muốn tự hoàn thiện, phải vong kỷ vị tha, xem mọi người là mình, mình là mọi người. Và chính tình thương, lòng bác ái, đức hy sinh vượt qua mọi trở lực của cả nội tâm lẫn ngoại cảnh để ban vui cứu khổ, giác ngộ người đời, sẽ đưa hành giả hòa nhập vào Đại Đạo. Đó là:

*“Thang đại thừa khép mình tiến bước,
Hạnh Như Lai cần được vun trồng;
Từ bi, bác ái rèn lòng,
Dấn thân vong ngã, cộng đồng tế nhơn;”*²²²

và:

*“Muốn lên tận chốn Cao Đài,
Phải xong sứ mạng trần ai mới thành.”*²²³

Trọng tâm của sự “độ tha” trong giai đoạn trở về với Đại Đạo là “hoằng dương chánh pháp”. Chánh pháp đây chính là tâm pháp mà hành giả đã thể nghiệm, đã tu chứng. Đến giai đoạn này, sứ mạng của người tu Thiên đạo là truyền đạt cái chân pháp ấy cho chúng sanh để đồng bước lên con thuyền Bát Nhã, nên gọi là sứ mạng đại thừa.

Sứ mạng vi nhân đương nhiên đã có từ khi có loài người. Sứ mạng đại thừa cũng đã từng được các bậc Giáo Tổ, Thánh Nhân khai triển. Nhưng trong tam kỳ phổ độ, Đức Thượng Đế ban thiên ân cho những ai bước vào Thiên đạo đại thừa, lãnh lấy sứ mạng cứu độ quần sanh, hầu hoàn thành trọn vẹn Tam công, được đại ân xá, trở về hiệp nhứt với Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ. Vậy sứ mạng đại thừa là bước sau cùng của sứ mạng vi nhân.

²²² Đức Đông Phương Chương Quán; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hội thời, 15-06 Canh Thân (26-07-1980); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²²³ Đức Đông Phương Chương Quán; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hội thời, 15-06 Canh Thân (26-07-1980); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Thi hành trọn vẹn sứ mạng làm người thật khó, nhưng chính sự khó khăn ấy đã khẳng định giá trị một con người đúng nghĩa.

3. KẾT LUẬN

Sứ mạng vi nhân, đó là đề thi của kiếp người. Sứ mạng trọn vẹn không phải chỉ đạt thành nơi thế gian, mà chính tại thế gian, Thiên đạo đại thừa sẽ giúp cho hành giả tiến lên cõi vô sanh bất diệt.

Giáo lý Đại Đạo trong tam kỳ phổ độ đã khẳng định giá trị cao cả của địa vị làm người ở quyền năng của sứ mạng và khả năng tiến hóa từ thế gian đến siêu xuất thế gian.

MỤC 4.

THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT

Thiên Nhân hiệp nhất là nguyên lý của sự cứu độ. Nguyên lý này cũng là *chìa khóa* để con người tự làm chủ định mạng của mình trong vũ trụ.

*“Con là một Thiêng Liêng tại thế,
Cùng với Thầy đồng thể Linh Quang;
Khóa chìa con đã sẵn sàng,
Khi vào cõi tục, khi sang Thiên Đình.”*²²⁴

1. ĐỊNH NGHĨA

Thiên Nhân hiệp nhất là sự phối kết giữa Người với Trời thành một cơ cấu duy nhất, thành một bản vị duy nhất, thành một quyền năng duy nhất, hoặc trong một sứ mạng duy nhất.

Vì những yếu tố vừa nêu – cơ cấu, bản vị, quyền năng, và sứ mạng – là những phương diện của con người, nên có thể định nghĩa một cách khác đi nhưng chính xác hơn: *Thiên Nhân hiệp nhất là sự phối kết giữa Người với Trời, và sự phối kết ấy được thực hiện trong chính nội tâm của con người.*

Mệnh đề “Thiên Nhân hiệp nhất” xác định một tương quan tổng quát giữa hai phạm trù “Thiên” và “Nhân”. Ở đây, “Thiên” là Thượng Đế theo cả nghĩa Vô Ngã lẫn Hữu Ngã, Nội Tại và Ngoại Tại; còn “Nhân” là Con Người xét trong cội nguồn, cơ cấu, bản vị, quyền năng và sứ mạng. Vì

²²⁴ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1966); Thánh Giáo Nguyên Bản.

“Thiên” và “Nhân” bao hàm những tầm vực ý nghĩa rất rộng lớn, nên tùy theo những chừng mực khác nhau về ý nghĩa của các phạm trù này, mà có thể hiểu mệnh đề Thiên Nhân hiệp nhất theo những nghĩa cụ thể hơn.

2. CON NGƯỜI HIỆP NHẤT VỚI THƯỢNG ĐẾ VÔ NGÃ

2.1. Sự hiệp nhất với Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại

Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại là *Lý Nhất Nguyên*, biểu hiện thành các định luật của thiên nhiên cũng như các quy luật của xã hội.

Xét về cấu tạo, con người là một tiểu vũ trụ, chỉ có thể tồn tại bằng cách vận hành trong lý nhất nguyên. “*Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong*”. Trong ngữ cảnh này, Thiên Nhân hiệp nhất có nghĩa là con người phải sống đúng theo những quy luật của Trời.

Xét về ngôi vị, thì con người vốn thuộc về ngôi Hoàng Cực, là một trong ba ngôi Thượng Đế trong Tam Cực. Nếu ba ngôi này tách rời nhau, sự vận hành của Càn Khôn vũ trụ sẽ không thể đạt được sự điều hòa; bởi vì chính nội thể của con người đã là một tiểu Càn Khôn, tiểu vũ trụ. Do đó, Thiên Nhân hiệp nhất trong ngôi vị có nghĩa là con người phải luôn duy trì sự kết hợp tương liên giữa mình với Vô Cực và Thái Cực.

Xét về quyền năng, thì con người có thể thông đạt Thiên lý, tức những định luật mà theo đó vũ trụ và vạn vật được vận hành. Thiên Nhân hiệp nhất trong trường hợp này có nghĩa là con người phải biết vận dụng những định luật của thế giới để phát triển chính mình, qua đó, con người phát triển thế giới:

*“Thiên Nhơn hiệp nhất ắt nên công,
Linh động hòa nhau chỗ dị đồng;*

*Thiên lý, nhơn tâm, đâu mấy khác,
Cổ kim đắc thất vẫn hoài mong.*"²²⁵

Nếu biết vận dụng những định luật của thế giới, con người sẽ trở thành một vật tối linh trong cõi nhị nguyên này, vì khi đó, con người có thể vận hành được guồng máy tạo hóa trên những sở vật thực tại mà mình đang tác động.

Nhưng sở dĩ con người biết vận dụng những định luật của thế giới bên ngoài, là vì bên trong con người có một Bản Thể Đạo huyền nhiệm, là Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại, là chủ thể tính của con người. Muốn *làm chủ* được những định luật của ngoại giới, con người trước hết phải đánh thức được chủ thể tính của chính mình. Như vậy, muốn hiệp nhất được với Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại, trước hết, con người phải hiệp nhất được với Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại.

2.2. Sự hiệp nhất với Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại

Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại là Tiểu Linh Quang, hay Chơn Tánh, hay Linh hồn của mỗi con người. Nên nghĩa tổng quát của Thiên Nhân hiệp nhất ở đây là: phần Trời và phần Người ở ngay trong tiểu vũ trụ của Ta phải kết hợp lại làm một. Đạt được như vậy, thì Ta đạt Đạo.

Xét trong cơ cấu tiểu vũ trụ của nhân thân, thì phần hồn là phần Trời, phần xác là phần Người. Khi phần hồn biết làm chủ để điều hòa và giáo hóa phần xác, và song song với điều đó, khi phần xác biết quy thuận theo sự dẫn dắt của phần hồn, thì đó là Thiên Nhân hiệp nhất giữa phần hồn và phần xác. Khi hiệp nhất được với Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại, tức Linh hồn, cơ thể con người sẽ trở thành một cơ cấu linh diệu không khác gì guồng máy của Tạo Hóa trong vũ

²²⁵ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 20-01 Canh Tuất (25-02-1970); Thánh Giáo Nguyên Bản.

trụ ngoại tại; ngược lại, một cơ thể không tuân theo sự giáo hóa của Linh hồn, thì đời sống của con người mang cơ thể ấy cũng không khác gì đời sống của một động vật.

Xét về ngôi vị của con người: ngôi vị đó do phần hồn của con người quyết định. Trong phần hồn này, vẫn có hai yếu tố Trời và Người. Thuộc về phần Trời là Nguơn Thần (tức Linh hồn hay Chơn Linh) vì do Trời định tánh, còn thuộc về phần Người là Chơn Thần (tức Giác hồn) vì do Người định tánh. Thiên Nhân hiệp nhất ở đây có nghĩa là trạng thái mà cả Nguơn Thần và Chơn Thần hiệp lại thành một điểm Thần duy nhất. Đó là lúc con người đạt Đạo:

“Khi được trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, cả Chơn Linh và Chơn Thần được hiệp một mà ngự trên đài sen, tức là công nghiệp của Sanh hồn tạo nên. Lúc ấy gọi là hiệp nhứt quy bốn hay là đắc vị đó vậy.”²²⁶

Xét về quyền năng của con người, thì con người có những quyền năng (thuộc về phần Người) do Bản Linh Chơn Tánh (thuộc về phần Trời) mà có. Thiên Nhân hiệp nhất ở đây có nghĩa là hướng nội, phản tỉnh, trở về với Bản Linh Chơn Tánh, làm cho quyền năng ấy phát lộ.

Tóm lại, nếu hiệp nhất được phần Người với phần Trời trong chính mình thì con người sẽ sử dụng được cơ cấu tối linh nơi chính mình, định đoạt được phẩm vị thiêng liêng cho mình, khai phóng được những năng lực màu nhiệm của mình và thực hiện được sứ mạng vi nhân. Ngược lại, con người chỉ còn là một sinh vật không quyền năng, không ngôi vị, bị cuốn trôi trong dòng luân hồi sinh tử.

²²⁶ Đức Bát Nương; đản cơ dạy nhân viên Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài (thuộc Tòa Thánh Tây Ninh), 15-12 Tân Mão (11-01-1952); Luật Tam Thể.

3. CON NGƯỜI HIỆP NHẤT VỚI THƯỢNG ĐẾ HỮU NGÃ

3.1. *Sự hiệp nhất với Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại*

Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại vừa có nghĩa là Đức Chí Tôn Thượng Đế, vừa có nghĩa là các Đấng Thiêng Liêng đại diện cho Đức Chí Tôn trong việc thực hiện công cuộc cứu thế của Ngài.

Xét về cơ cấu, con người là Tiểu Thiên Địa, do Đức Chí Tôn tạo ra theo mô hình của Trời Đất, nhờ đó mà con người sẵn có một khả năng Thiên Nhân hiệp nhất trong kiến trúc tự thể. Nếu con người gặp được chánh pháp của Chí Tôn, được các Đấng Thiêng Liêng dẫn dắt, lại quyết tâm thực hiện những gì đã được giáo huấn để tự cứu độ lấy chính bản thân mình, thì *chắc chắn* con người phải trở thành một Đấng Thiêng Liêng trong kết quả cuối cùng trên đường tu học của mình. Đó là Thiên Nhân hiệp nhất trong sự tự độ:

*“Các con khá biết rằng Thầy hằng nói: Thầy là các con, các con tức là Thầy – có Thầy rồi mới có các con, mà có các con rồi mới có chư Tiên, Phật, Thánh, Thần – thì Người là Tiểu Thiên Địa.”*²²⁷

Xét về bản vị, thước đo của con người *phải là* thước đo của Thượng Đế. Vì thước đo của Thượng Đế là đức hiếu sinh, là tình tạo hóa, nên sự hiện diện của con người tại thế gian phải là *sự hiện diện của tình thương*. Do đó, Thiên Nhân hiệp nhất trong ý nghĩa này đòi hỏi con người phải là một nguồn suối tình thương của Trời Đất trong đời sống với muôn loài:

“Con phải dụng cái tình tạo hóa,

²²⁷ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 03-08 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 33 “Nhơn vật tấn hóa”, tr.300.

*Xem người không nhơn ngã đó đây;
Chẳng còn duyên nghiệp tạo gây,
Thì đâu cốt nhục phân thân hại đời.”²²⁸*

Xét về quyền năng, con người phải kết hợp với Thượng Đế để tạo một quyền năng an định Càn Khôn:

*“Thiên nhân tác hợp càn khôn định,
Tôn chỉ Cao Đài chỉ thể thôi.”²²⁹*

Còn xét về sứ mạng, trong các thời kỳ phổ độ, bên trên đã có sự dẫn dắt của Thượng Đế và các Đấng Thiên Liêng; nếu bên dưới có sự nỗ lực của con người để thực hiện đúng Thiên Ý, thì thế gian này sẽ trở thành thiên đàng. Đó là Thiên Nhân hiệp nhất trong việc xây dựng cõi thế:

*“Hội Thánh đã thành lập, luật pháp đã minh định; kinh, luật, pháp do Chí Tôn và chư Phật, Thánh, Tiên lập ra là **Thiên**, đem áp dụng cho đúng chỗ, đúng lúc để dịu dặt nhơn sanh là **Nhơn**. **Thiên Nhơn hiệp nhất** là vậy.”²³⁰*

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã khẳng định: “*Thượng Đế không là một hình bóng của thần tượng, nhơn tượng, hay vật tượng.*”²³¹ Và Ngài dạy rằng: “*Thượng Đế không ngự trên vật thể vô tri, mà trái lại, Thượng Đế ngự trong tâm – tháp ngà của tâm hồn nhơn loại.*”²³²

²²⁸ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1966); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²²⁹ Đức Di Lạc Thiên Tôn; Trúc Lâm Thiên Điện, Tuất thời, 17-07 Tân Hợi (06-09-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²³⁰ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Ngọc Minh Đài, Tý thời, 04-03 Quý Mão (28-03-1963); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²³¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất Thời, 15-01 Giáp Dần (06-02-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²³² Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất Thời, 15-01 Giáp Dần (06-02-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Như vậy, muốn tìm Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại, con người phải bắt đầu từ Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại, là tâm hồn, trí tuệ, và sự hiện hữu của chính mình.

3.2. Sự hiệp nhất với Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại

Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại là Chơn Tâm, Chơn Thần, Chân Ngã, hay Giác hồn của con người. Sự hiện hữu của Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại bắt đầu từ cái Tôi, và mượn cuộc đời để tiến hóa qua nhiều trình độ cao hơn để cuối cùng trở thành Chơn Tâm. Nói cách khác, Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại hiện hữu qua những trình độ tiến hóa khác nhau của tâm.

Xét về cơ cấu, con người vốn là một phần trong thánh thể của Đức Chí Tôn, nghĩa là Thiên với Nhân vốn hiệp nhất trong cơ cấu tự tại, thành một chỉnh thể bất phân. Như vậy, nếu mỗi cá nhân tự biết rằng có “Tôi”, thì đó là một bằng chứng để Tôi biết rằng có Trời Đất, có Đạo. Nếu Tôi phủ nhận Trời Đất, hay phủ nhận Đạo, tức tự phủ nhận lấy Tôi, tức phủ nhận sự tồn tại của con người:

*“Tôi có trong khi có Đất Trời,
Huyền đồng bản thể xẻ chia đôi;
Không Tôi, thì cũng không Trời Đất,
Trời Đất, Đạo, Người, vốn Một thôi.”²³³*

Một khi đã biết được rằng mình là một phần của Trời Đất, của Đạo, thì Tôi phải biết *tu*, Nhờ *tu* mà Người trở thành Trời, hay Người với Trời là một:

*“Phật là Đại Giác siêu sanh,
Người là chư Phật sẽ thành tương lai;
Tu là học để làm Trời,
Phải đâu muôn kiếp làm người thế gian.”²³⁴*

²³³ Đức Bát Nhã Thiên Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 03-03 Giáp Dần (26-03-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Xét về bản vị, Tôi phải tự xây dựng lấy trong Tôi (thuộc về phần Người) một chuẩn mực phổ quát về giá trị (thuộc về phần Trời). Chuẩn mực đó chỉ có thể có được nếu biết chánh tâm thành ý, giữ lòng tu niệm. Chuẩn mực ấy là Thần Linh trong nội thể:

*“Tu hành giữ vững một niềm tin,
Chớ tưởng vô vi khác hữu hình;
Có đó rồi không, không lại có,
Tịnh lòng mới thấy bóng **Thần Linh**. ”* ²³⁵

Thần Linh ở đây không phải là một nhân vật siêu nhiên nào, mà chính là *sự linh thông sáng suốt của Chơn Thần trong con người Tôi*.

Khi chưa đạt được đến sự linh thông sáng suốt như vậy, nếu cần nhận định sự vật, Tôi phải hiệp nhất bản vị cá nhân với bản vị của cả cộng đồng xã hội, nghĩa là phải biết thuận nhân tâm, vì *“hễ thuận nhơn tâm, ắt thuận Thiên Ý.”* ²³⁶

Khi đã có sự hiệp nhất về nhân tâm rồi, *“Thiên ý sẽ tùy nhơn tâm mà bày định.”* ²³⁷

Xét về quyền năng, sự linh thông của Chơn Thần là quyền năng nội tại, còn quyền vạn linh là quyền năng ngoại tại. Muốn kết hợp được hai quyền năng đó, phải diệt trừ được ngã chấp, mở rộng được tâm hồn, trải rộng được tình thương đến khắp nơi để tạo sự hoà ái khắp trong nhơn vật:

“Trời với con, tuy hai mà một,

²³⁴ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 10-05 Giáp Dần (29-06-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²³⁵ Đức Đông Phương Chương Quân; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 13-05 Tân Hợi (05-06-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²³⁶ Đức Quan Âm Bồ Tát; Hoa Linh Nguyệt Điện, Ngọ thời, 14-08 Đinh Mùi (17-09-1967); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²³⁷ Đức Ngô Minh Chiêu; Minh Đức Tu Viện, Hợi thời, 01-02 Tân Dậu (06-03-1981); Thánh Giáo Nguyên Bản.

*Một đó con hiểu tốt ý Trời;
Trời thì bao quát con ơi,
Dĩ lành, tốt xấu, ta người, đều không.
Không chấp có cho lòng rộng mở,
Không biệt phân ý tợ biển sâu;
Tình thương trải khắp đâu đâu.
Vị tha vong kỷ mới hầu thi công.”²³⁸*

Tóm lại, nhận ra và sống với Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại là **bước đầu tiên để thực hiện được Thiên Nhân hiệp nhất.**

4. KẾT LUẬN

“Mọi sự đều do Thiên Nhơn hiệp nhứt tác động”²³⁹. Là định luật chi phối tư tưởng và hành động của con người nơi thế gian này, Thiên Nhân hiệp nhất mang những quyền năng sáng tạo, bảo tồn và hủy diệt của Thượng Đế vào lịch sử của nhân loại để trở thành tác nhân điều hành và vận chuyển sự tiến hóa của con người trong vũ trụ.

Muốn hiệp nhất được với Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại, trước hết, con người phải hiệp nhất được với Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại. Và muốn hiệp nhất được với Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại, con người phải hiệp nhất được với Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại ở một chừng mực nhất định và như một điều kiện cần thiết. Nhưng muốn hiệp nhất được với Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại, con người phải hiệp nhất được với Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại của chính mình, tức là tìm lại được tâm của chính mình. Vậy, tìm lại

²³⁸ Đức Vô Cực Từ Tôn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hối thời, 14-08 Tân Dậu (11-09-1981); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²³⁹ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 15-12 Mậu Thân (01-02-1969); Thánh Giáo Nguyên Bản.

được tâm của chính mình là bước sơ khởi trong hành trình Thiên Nhân hiệp nhất của mỗi con người trên thế gian này.

CHƯƠNG 4. NHÂN SINH

MỤC 1. TỔNG QUAN VỀ NHÂN SINH LUẬN ĐẠI ĐẠO

MỤC 2. NHÂN BẢN

MỤC 3. NHÂN HÒA

MỤC 4. ĐẠI ĐỒNG

MỤC 1.

TỔNG QUAN VỀ NHÂN SINH LUẬN ĐẠI ĐẠO

Khi hệ thống hóa giáo lý Đại Đạo, thuật ngữ “nhân sinh luận” được sử dụng để chỉ bộ phận giáo lý có nội dung liên quan đến các vấn đề cộng đồng con người.

Nhân sinh luận Đại Đạo đề cập đến xã hội nhân sinh như một tổng hòa của những tương quan giữa cá nhân và cá nhân, giữa con người và xã hội; nhằm xác định vai trò của cộng đồng đối với sự tiến hóa của con người, cũng như vai trò của cá nhân đối với việc phát triển xã hội.

1. NHẬN ĐỊNH VỀ CUỘC ĐỜI VÀ KIẾP SỐNG CON NGƯỜI

So với toàn bộ cuộc hành trình trên đường tiến hóa của một Tiểu Linh Quang trong vũ trụ Càn Khôn, thì thời gian mà con người tham dự vào cuộc sống thế gian chỉ là một khoảnh khắc ngắn ngủi. Tuy vậy, đó là một giai đoạn quan trọng trên đường trở về Bản Nguyên.

Xã hội loài người đã đạt được những tiến bộ kỳ diệu về khoa học, kỹ thuật. Tuy nhiên, con người bị chìm đắm trong trạng thái mất quân bình tâm vật, quên mất cội nguồn nhân bản, Thiên lương. Bên cạnh những thành tựu của trí năng, lòng tham dục của con người đã biến cuộc đời thành một bể khổ, một trường tranh đấu ác liệt. Đó là do con người đã chấp phương tiện làm cứu cánh, say mê cái nhất thời mà đánh mất cái trường cửu.

TỔNG QUAN VỀ NHÂN SINH LUẬN ĐẠI ĐẠO

Nói khác đi, với một kiếp nhân sinh ngắn ngủi, thay vì xem vật chất như là phương tiện nhất thời để tạm sử dụng hầu thực hiện sứ mạng vi nhân cao cả trên đường tiến hóa, trái lại, con người ôm chầm vật chất đã đạt được trong cuộc sống để rồi bất chấp đạo lý, xa dần nhân bản, vốn là cái trường cửu bất diệt trong mỗi con người; mà đó cũng chính là điểm quan yếu cốt lõi làm cho con người vượt lên trên vạn vật.

Vì lý do đó, Thượng Đế đã khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nhằm đánh lên hồi chuông thức tỉnh nhân sanh, đưa con người trở lại cái nhìn chính xác về cuộc đời, đồng thời nhận thức rõ chân giá trị của con người trong thể Tam Tài đồng đẳng mà ý thức được sứ mạng vi nhân hướng đến cứu cánh sau cùng là tâm linh giải thoát:

*“Thế gian lại là một chốn học đường của muôn loài vạn vật. Nhờ học đường ấy mà muôn loài vạn vật mới mở mang trí hóa, sáng suốt tinh thần, để tấn bộ trên nấc thang cao thượng.”*²⁴⁰

Ý nghĩa cuộc đời là như thế thì kiếp làm người không phải ngẫu nhiên. Giáo lý Đại Đạo khẳng định sứ mạng vi nhân của đời người:

*“Đến chốn trần gian một kiếp người,
Điểm Linh mỗi mỗi thọ ân Trời;
Đều mang sứ mạng vào nhân thế,
Tròn vẹn quả công sẽ phản hồi.”*²⁴¹

Vậy sống giữa xã hội với muôn ngàn bồn phận, nhu cầu, đòi hỏi hàng ngày, con người phải định tĩnh tâm thần để

²⁴⁰ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 22-9 Bính Tý (5 Novembre 1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1956), bài “Tham thiên nhập định”, tr.40.

²⁴¹ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 06-10 Nhâm Tý (11-11-1972); Thánh Giáo Nguyên Bản.

nhận chân được giá trị của mỗi mỗi sự kiện hầu làm chủ cuộc đời, vận dụng kiếp người cho công cuộc tiến hóa.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã dạy:

“Linh hồn tạm mượn thể xác nơi cõi sắc giới này cũng ví như con ốc mượn hồn, đừng nên chấp cái vỏ ấy rồi làm trở ngại bước đường tiến hóa. Sự tu học của người tu hành, mục đích cuối cùng là toàn thiện toàn mỹ để thích hợp với trình độ tiến hóa của các Đấng trợn lành nơi cõi Hư Linh.

Tạm mượn chỗ giả để gây dựng cái chơn, đừng quan niệm rằng chỉ cực đoan theo cái chơn rồi phé tất cả cái giả. Nếu vậy là thả mỗi bắt bóng.

*Tạo Hóa đã an định con người nơi cõi này phải làm tất cả những điều thích hợp đạo lý để phục vụ cho cõi này, mới mong có một nền tảng vững chắc làm bàn đạp tiến đến cõi chơn.”*²⁴²

Giáo lý Đại Đạo cũng nhấn mạnh phương châm tự độ độ tha của sứ mạng vi nhân. Người giác ngộ vừa tự tu tự tiến, vừa phải dân thân giúp đời, hoàn thiện hóa xã hội trên cả hai mặt nhân sinh lẫn tâm linh.

Như vậy, nhân sinh luận Đại Đạo chỉ rõ thế gian là chốn xiển dương lý Đạo mà con người vừa là chủ thể, vừa là đối tượng. Sứ mạng con người là hoát khai được Đạo ở chính mình, để mỗi ngọn tâm đăng cho mọi người, thấp sáng đạo lý trong cuộc đời. Chính con người định đoạt cái số phận thiên đàng hay địa ngục của cõi nhân gian.

²⁴² Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 08-04 Canh Tuất (12-05-1970); Thánh Giáo Nguyên Bản.

2. GIẢI PHÁP CHO CÔNG CUỘC CHẤN HUNG TOÀN DIỆN XÃ HỘI

2.1. Phục hồi Nhân Bản

Nhân bản là nguồn cội của nhân tính, là bản tính nhân ái hằng hữu nơi con người, vốn được khai phát từ đức hạo sanh vô lượng của Tạo Hóa. Nhờ có nhân bản mà con người mới có khả năng liên kết với nhau để tạo thành cộng đồng xã hội theo một kỷ cương nhất định.

Kỷ cương của một xã hội, về thực chất, chính là mối tương quan giữa những cá nhân trong xã hội đó. Vì là tương quan giữa con người và con người, nó phải được đặt nền tảng trên tình thương. Sự vong bản làm cho nền tảng đó bị suy sụp, dẫn đến sự tàn phá dần dần đạo đức và kỷ cương của xã hội, đồng thời làm phân hóa cộng đồng con người.

Công cuộc cải tạo một xã hội đương nhiên phải đặt nặng ở việc chấn hưng kỷ cương của xã hội đó. Nhưng không thể thực hiện công cuộc này bằng quyền lực hay bằng chiến tranh, mà chỉ có thể bằng con đường phục hồi nhân bản. Chất liệu duy nhất để liên kết con người với nhau hầu tạo thành đại cộng đồng nhân loại trong một kỷ nguyên thánh đức chỉ có thể là tình thương.

2.2. Tạo thế nhân hòa

“Tạo thế nhân hòa là làm thế nào lập một xã hội cải thiện mọi xã hội với ba tiêu chuẩn: nhân hòa, an lạc, và tiến bộ.”

243

Nhân hòa không phải chỉ là sứ mạng của tôn giáo mà chính là nhiệm vụ chung của cả loài người nhắm vào mục tiêu an lạc cho cuộc sinh tồn của cả nhân loại.

²⁴³ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tý thời, 14 rạng 15-02 Canh Tuất (21-03-1970); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Nhân hòa là đường lối giải quyết tất cả mọi mâu thuẫn vướng mắc nơi con người, đồng thời cũng là điều kiện tất yếu để bảo đảm khả năng ổn định trường cửu cho xã hội loài người.

Tuy nhiên, muốn tạo được thể nhân hòa, cá nhân mỗi người phải vượt qua bản ngã của mình để nhìn thấy rõ cội nguồn của chính mình vốn là từ Thượng Đế.

2.3. Xây dựng xã hội đại đồng

Xã hội đại đồng là xã hội lý tưởng của con người, trong đó, mỗi thành viên đều có cái nhìn chung hướng về một nguồn gốc duy nhất là Nhân Bản, để từ đó san bằng những dị biệt đưa đến sự kỳ thị rẽ chia trong cộng đồng xã hội loài người.

Từ cái nhìn đó, con người sẽ thống nhất được những giá trị tinh thần trong khi vẫn duy trì bản sắc dân tộc. Nói khác đi, thể giới đại đồng là thể giới mà mỗi quốc gia là một đơn vị có cùng một ý chí, một tinh thần, cùng nhau nương tựa để phát huy bản sắc riêng biệt, bổ khuyết cho nhau, cùng tạo nên một tổng thể xã hội hoàn chỉnh.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy:

*“Muốn đại đồng cùng thiên hạ, hãy đại đồng với xã hội dân tộc của chư hiền trước đã.”*²⁴⁴

Trong ý nghĩa này, đại đồng phải được xây dựng từ thể nhân hòa giữa các dân tộc, quốc gia, tôn giáo, học thuyết tư tưởng và giữa những cá nhân với nhau.

3. KẾT LUẬN

Nhân sinh luận Đại Đạo, với tinh thần nhập thể, chủ trương cuộc đời là một chốn học đường. Nơi học đường này, con người có dịp trui rèn, hun đúc để trở nên tốt đẹp, thánh

²⁴⁴ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, 01-01-Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

TỔNG QUAN VỀ NHÂN SINH LUẬN ĐẠI ĐẠO

thiện; đồng thời, con người cũng phải cố gắng học hỏi không phải chỉ trong lãnh vực tôn giáo hay tinh thần mà còn phải nói rộng về mọi mặt để có đủ tài đức phụng sự xã hội nhân sinh.

Nhân sinh luận Đại Đạo cũng chỉ ra rằng, phục hồi *nhân bản* là điểm then chốt để tháo gỡ mọi ranh giới kỳ thị phân chia, từ đó, con người tạo thể *nhân hòa* hầu xây dựng một thế giới *đại đồng* trong tình thương Tạo Hóa.

MỤC 2. NHÂN BẢN

Đời sống xã hội của con người là một đối tượng có một bản thể xác định. Bản thể ấy chính là *Nhân Bản*.

1. ĐỊNH NGHĨA

Đức Đông Phương Chương Quán định nghĩa:

*“Thế nào là **Nhân Bản**? Là gốc của con người chẳng? Khái quát là như vậy.”*²⁴⁵

Do đó, có thể định nghĩa một cách khái quát: **nhân bản** có nghĩa là *gốc của con người*.

Còn đi sâu vào chi tiết, có thể định nghĩa như sau.

Thứ nhất, với chữ Nhân là con người – tiểu vũ trụ, **nhân bản** là cội nguồn, nền móng, cốt lõi và khuôn mẫu cho con người. Trong ý nghĩa này, giáo lý Đại Đạo đồng nhất **nhân bản** với **Tánh** (Bản Linh Chơn Tánh) của con người qua mệnh đề *“Tánh là Nhơn Bản.”*²⁴⁶

Thứ hai, với chữ Nhân là *nhân sinh* – đời sống cộng đồng của nhân loại, **nhân bản** có nghĩa là cội nguồn, nền móng, cốt lõi và khuôn mẫu cho đời sống cộng đồng ở bất kỳ quy mô xã hội nào, từ gia đình cho đến toàn nhân loại.

²⁴⁵ Đức Đông Phương Chương Quán; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 17-07 Tân Hợi (06-09-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁴⁶ Đạo Học Chi Nam, chương 2, tựa đề của tiết 3.

Hai định nghĩa trên đây của nhân bản có thể được tổng hợp thành một định nghĩa duy nhất: ***Nhân bản là căn bản của nhân loại tính.***

Từ đây, nhân bản là thể tính đồng nhất giữa nhân sinh và vũ trụ, được hiện thực hóa bởi con người. Bản thể này được gọi là *Đạo* trong vũ trụ luận, *Bản Linh Chơn Tánh* trong triết luận về con người, và *nhân bản* trong nhân sinh luận.

2. CÁC GIAI ĐOẠN CHỨNG NGHIỆM NHÂN BẢN

2.1. Giai đoạn 1: Nhân bản qua đời sống gia đình

“Giai đoạn thứ nhất: Gốc cội của người mình là tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Khai sinh bởi cha mẹ, tổ tiên, thì người ta có bốn phận phải nhớ tưởng công ơn và sự nghiệp của chính người sinh thành ra mình. Đời sống có được ấm cúng thiêng liêng và ý nghĩa cũng nhờ bởi tinh thần hoài tưởng đến bậc tổ tiên, đến người trưởng thượng. Vịn theo truyền thống tốt đẹp của người xưa để lại, hầu tô điểm vào đời sống hiện hữu nơi mình, ấy gọi là “uống nước nhớ nguồn”, hay “người có tông, chim có tổ” ở chặng đường đầu tiên hạn hẹp.”²⁴⁷

Mỗi con người đều có một nguồn gốc về thể xác, đó là cha mẹ, và xa hơn là ông bà, tổ tiên. Nhưng nguồn gốc về thể xác này chưa phải là nhân bản, mà chính *công lao nuôi dưỡng và giáo dục* của tổ tiên, ông bà, cha mẹ, mới là nhân bản; vì chính nhờ công lao này mà gia đình tồn tại như là một cộng đồng. Công lao này là một hiện thân của nhân bản trong phạm vi gia đình.

Một hiện thân khác là *tinh thần hoài tưởng đến bậc tổ tiên, đến người trưởng thượng của các thành viên gia đình*. Tinh thần đó không chỉ liên kết mọi cá nhân trong gia đình lại

²⁴⁷ Đức Đông Phương Chương Quân; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 17-07 Tân Hợi (06-09-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

làm một, mà còn giúp cho các thế hệ con cháu nương theo những truyền thống tốt đẹp của người đi trước mà rút ưu bổ khuyết, làm cho cuộc sống hiện tại tốt đẹp hơn nữa.

Như vậy, ở giai đoạn đầu tiên của cuộc hành trình này, nhân bản là một tinh thần để kiến tạo, bảo tồn và phát triển đời sống của cộng đồng, bằng cách hòa hợp các cá nhân và các thế hệ với nhau trong một tình thương yêu chân thành ở phạm vi gia đình.

2.2. Giai đoạn 2: Nhân bản qua đời sống xã hội

“Sang đến giai đoạn thứ hai - là nguồn gốc bởi xã hội. Xã hội nơi đây được chia thành hai phần, một là dân tộc giống dòng, hai là xã hội tôn giáo. Có thể còn nhiều thứ xã hội nữa, nhưng tượng trưng vài nét để tìm hiểu nguồn cội mà thôi.”²⁴⁸

Chọn hai hình thái xã hội này làm tiêu biểu, vì hai lý do. Lý do thứ nhất, sau gia đình, thì xã hội dân tộc và tôn giáo là những hình thái xã hội cổ xưa nhất, bởi đó, căn bản nhất. Lý do thứ hai, dân tộc và tôn giáo là đều là những mô hình xã hội rất giống với mô hình của một gia đình, nên có thể xem chúng là những mở rộng tự nhiên của mô hình gia đình.

2.2.1. Xã hội dân tộc

*“Nói về xã hội dân tộc giống dòng. Trải bao ngàn năm lẫn lộn với cuộc sống đầy dẫy những đau khổ, những tương tranh, đối lầy sự sống còn cho dòng giống, đồng thời, những bức anh hùng khai quốc đều lưu lại những sự nghiệp vật chất và tinh thần rất hào hùng và vẻ vang cho hậu thế noi theo cùng thừa hưởng. Vậy là những người theo sau đều tự thấy có bổn phận phải bảo vệ và săn sóc **tinh thần***

²⁴⁸ Đức Đông Phương Chương Quân; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 17-07 Tân Hợi (06-09-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

truyền thống cao đẹp của cha ông để lại. Dù phải bách chiết thiên ma cũng bền lòng giữ vững tinh thần ấy để phát huy cho đoàn hậu thế, đồng thời để tiến tới sự tư hữu với những con người đang sinh sôi trên mặt đất.”²⁴⁹

Mỗi một dân tộc đều có một nguồn gốc về lịch sử, từ những bậc anh hùng khai quốc của dân tộc đó. Nhưng nguồn gốc về lịch sử này chưa phải là nhân bản, mà chính *tinh thần hy sinh vì dân tộc* của các bậc anh hùng khai quốc mới là nhân bản trong xã hội dân tộc.

Nếu được giữ gìn và phát huy như một truyền thống, thì tinh thần ấy sẽ trở thành *dân tộc tính*, thành *tinh thần dân tộc*.

2.2.2. Xã hội tôn giáo

Lấy xã hội tôn giáo của đạo Cao Đài làm một ví dụ, Đức Đông Phương Chương Quán giảng giải về nhân bản một xã hội tôn giáo như sau:

“Nói về xã hội tôn giáo: Công nghiệp vĩ đại của những hàng khai sáng nền đạo từ hình thức đến sự truyền thọ mặc khải, giáo lý, quy điều, và tinh thần vô ngã thuần chơn. Có những kẻ **hy sinh** trước cái hy sinh của mình như thế, ngày nay chur hiển mới được hưởng lấy sự thành tựu trên danh nghĩa. Nhưng thành tựu ở giai đoạn khai minh Đại Đạo đầu tiên ấy chưa phải hẳn kết cục cho sự thành công. Thế nên, là những người theo sau, mang lấy sứ mạng nối tiếp công cuộc hướng đạo, hành đạo, luân lưu xương mình giáo lý cho nền tân tôn giáo, phải **tự nguyện** tiếp tục theo đà của người xưa để mưu cầu sự thành công độ đời truyền

²⁴⁹ Đức Đông Phương Chương Quán; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 17-07 Tân Hợi (06-09-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

đạo, làm sáng tỏ danh nghĩa Thượng Đế Chí Tôn qua con người tại thế.”²⁵⁰

Mỗi một tôn giáo đều có một nguồn gốc về lịch sử, là vị Giáo Tổ của tôn giáo đó. Tuy nhiên, nguồn gốc về lịch sử này chưa phải là nhân bản trong phạm vi tôn giáo, mà chính *tinh thần thuần chơn vô ngã* để xây dựng nên móng nền vững chắc của tôn giáo mới là nhân bản trong xã hội tôn giáo.

Nhờ tinh thần đó mà Đại Đạo được khai minh qua sự sáng lập tôn giáo của vị Giáo Tổ. Cũng nhờ tinh thần đó mà mỗi tôn giáo đều là một hiện thân của Đại Đạo.

2.2.3. Nhân bản trong đời sống xã hội

Qua những ý nghĩa của nhân bản trong xã hội dân tộc và xã hội tôn giáo, có thể rút ra một quan niệm tổng quát hơn, có thể áp dụng cho mọi hình thái xã hội: ***nhân bản là tinh thần vong kỷ, vô ngã, xả thân vì tình thương đối với cộng đồng xã hội.***

Mỗi cộng đồng xã hội đều được khai sinh từ tinh thần vong kỷ, vô ngã nơi những vị sáng tổ của cộng đồng. Tinh thần đó phải được đặt nền tảng trên một tấm lòng nhân ái rộng lớn, mà nhờ đó, mới có thể quy tụ nhân tâm mà lập thành xã hội.

Sự kết hợp giữa tinh thần vong kỷ vô ngã với lòng nhân ái như vậy tạo làm thành căn bản cho nhân loại tính ở mọi hình thái xã hội. Tinh thần này và tình thương này không chỉ có một giá trị thiêng liêng đối với toàn nhân loại mà còn chứa đựng bản sắc đạo đức của từng xã hội. Xã hội nào đánh mất đi tinh thần này hoặc tình thương này, xã hội đó sẽ trở thành *xã hội vong bản*. Ngược lại, nếu căn bản này

²⁵⁰ Đức Đông Phương Chương Quân; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 17-07 Tân Hợi (06-09-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

được giữ gìn và un đúc như một khuôn mẫu trong mỗi thành viên xã hội, được giáo dục và lưu truyền qua mọi thế hệ, thì xã hội ấy là một *xã hội nhân bản*.

2.3. Giai đoạn 3: Nhân bản qua đời sống nhân loại

Đây là giai đoạn mang tính chất đại đồng nhân loại. Do đó, bước sang giai đoạn này, các xã hội trong nhân loại phải cùng đóng góp những giá trị tốt đẹp trong truyền thống của mình để xây dựng nên văn minh chung cho cả nhân loại.

“Lúc Đức Thượng Đế tạo dựng nên muôn loài vạn vật, trong đó, có loài người, thì dưới chân của Ngài, trước mặt của Ngài, con người vẫn duy nhất là anh em với nhau. Bởi đồng tính đồng chất, nên sự sống trên những phương diện tinh thần, nào ham muốn, nào tốt xấu, nào thiện ác, phải quấy, đều được phân biệt bởi trí não con người. Dù ở đây hay ở đâu, con người chậm tiến thì nhận định sự phải quấy, thiện ác, với tư tưởng chậm tiến, con người văn minh thì nhận định thiện ác, phải quấy qua tư tưởng thông minh. Tuy những dân tộc loài người trên quả đất được phân biệt, an định ở mỗi khuôn khổ, vị trí, và hoàn cảnh xã hội xa nhau, khác nhau, song sự xa cách, sự khác biệt ấy không phải là vấn đề cho con người quên mất nguồn gốc mình vốn một, quên mất bản chất mình là nhân từ như Thượng Đế, [để] che chở lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau giữa người và người, đồng thời săn sóc gìn giữ sự yên ổn cho bao loài hạ tiện khác đang sống dưới tầm mắt trí khôn của nhân loại.”²⁵¹

Để đi đến đại đồng nhân loại, thì đối với mỗi xã hội, những giá trị chân, thiện, mỹ mang bản sắc đặc thù của mình là cái phải bảo tồn để đóng góp, còn những quan niệm độc tôn về

²⁵¹ Đức Đông Phương Chương Quân; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 17-07 Tân Hợi (06-09-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

gia đình, dân tộc, tôn giáo,... đều là những cái phải được thanh lọc để vứt bỏ. Bởi vậy, trong đời sống chung của nhân loại, giữ gìn nhân bản chính là trở về với tinh thần đạo đức, bảo tồn những khuôn mẫu chung cho toàn nhân loại:

*“Việc gìn giữ nhân bản là quay về với tinh thần đạo đức, nhớ tưởng đến những hình dáng, kiểu mẫu cho chung nhân loại.”*²⁵²

Ở giai đoạn này, Nhân Bản là Thượng Đế Tính, là Thiên Lương, là Chân Như Bản Thể của nhân loại. Đó là bản thể tự hữu và hằng hữu ở mọi con người, được Thượng Đế phú bẩm một cách đồng đều giữa cá nhân này và cá nhân khác, bất kể căn trí hay trình độ tiến hóa của từng cá nhân. Rõ ràng, Nhân Bản ở giai đoạn này xác định nơi mỗi cá thể con người một nhân loại tính phổ quát, bình đẳng và duy nhất.

2.4. Nhân bản qua mọi không gian và thời gian

Ba giai đoạn trên đây, từ gia đình, ra xã hội, đến nhân loại, là ba giai đoạn của sự chứng nghiệm *tinh thần vong kỷ vô ngã như là cội nguồn nhân sinh*. Điểm cuối cùng của giai đoạn này, nghĩa là đời sống chung của nhân loại, cũng là điểm đầu tiên, vì đó là chỗ con người có thể tìm ra được nơi cá nhân mình cũng như đồng loại mình một bản chất nhân từ vốn có của Thượng Đế.

Tinh thần đó, dù ở bất cứ không gian hay thời gian nào cũng đều được tôn thờ như là mẫu mực của nhân loại tính. Bởi vậy, con người với tinh thần đó được giáo lý Đại Đạo gọi là *con người muôn thuở muôn phương*, hay *con người nhân bản*.

²⁵² Đức Đông Phương Chương Quân; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 17-07 Tân Hợi (06-09-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

3. CON ĐƯỜNG PHỤC HỒI NHÂN BẢN

3.1. Tại sao phải phục hồi nhân bản?

Nhân bản là nguyên lý, là Đạo, mà Thượng Đế vốn đã ban cho mỗi cá nhân, để chung tay nhau xây dựng nên đời sống cộng đồng. Nhờ có nguyên lý này mà từ thời nguyên thủy, con người mới có thể lập thành xã hội và tồn tại qua những biến đổi khắt nghiệt của thiên nhiên.

Nhưng sau hàng ngàn năm phát triển một cách thiếu quân bình giữa vật chất và tinh thần của xã hội nhân loại, sự vong bản đã dần dần xuất hiện từ cá nhân, đến gia đình, rồi lan rộng dần dần ra các cộng đồng xã hội, và cuối cùng, bao phủ cả cộng đồng nhân loại.

“Xã hội hiện thời, chiến tranh tương tàn là thể hiện phần nào sự phủ mờ nhân tính và tách rời nhân bản. Đối diện cùng nhau, con người không rung động trước sự đau khổ của con người đối nghịch. Con người bị quay cuồng giữa cơn lốc với bản chất thiếu nhân bản. Con người mù và điếc trước mọi âm hưởng của lương tâm và nhân bản. Con người say sưa trong cái cuồng bạo của bản năng, của tham vọng; và đồng hóa con người chính danh với con người tối tăm tội lỗi đó.

Chính vì vậy mà con người không thấy và nhận thức được để mở lối thoát ra; ngoại trừ, nếu có những người ung dung nhìn vào và suy tư thì sự thể mới sáng tỏ, mới nhận chân được sự sụp đổ đang lần hồi vùi lấp con người vào cát bụi trầm luân.

Ngoài ra, các tổ chức giáo huấn đi ngoài tôn giáo cũng đã góp tay vào việc xô đẩy con người ra khỏi con người để

tranh nhau đắm chìm tận hố sâu tội lỗi và tương diệt tương tàn.”²⁵³

Như vậy, để nhân loại có một tương lai thái bình và thánh đức, thì phục hồi nhân bản là công cuộc cấp thiết hơn hết.

3.2. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là con đường phục hồi nhân bản

Phục hồi nhân bản cho nhân loại là lý do chủ yếu dẫn đến việc khai mở cơ cứu thế kỳ ba của Đức Thượng Đế:

*“Trải mấy ngàn, mấy trăm năm qua, cơ tiến hóa của nhân loại ngày càng đi sâu vào công cuộc kết thúc của một chu kỳ tam nguyên chuyển thế. Vì thế, Đức Thượng Đế, tá danh Cao Đài Tiên Ông, đến trong Tam Kỳ Phổ Độ để làm sáng tỏ giáo lý Đại Đạo trong nhứt nguyên chủ thể, **đem nhân loại phục hưng tinh thần nhân bản** để tái tạo dinh hoàn, lập Thượng Nguơn Thánh Đức.”²⁵⁴*

Muốn đạt được mục đích “Thế Đạo đại đồng, Thiên Đạo giải thoát”, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phải phục hồi nhân bản cho toàn nhân loại. Những nấc thang tu tiến trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chính là một kế hoạch rất cụ thể để phục hồi nhân bản, vì những nấc thang đó dẫn con người đi từng bước qua Ngũ Chi Đại Đạo hầu trở về cội nguồn của con-người-chơn-nhơn, con-người-hiền-thánh-tiên-phật:

*“Những lời của Đấng Chí Tôn Thượng Đế và chư Phật Tiên, đã từng tha thiết dạy dỗ nhơn sanh những gì và điều dắt con người đi về đâu? Có phải dạy dỗ con người cho nên trang đạo đức, đầy đủ bốn phận vi nhân, sống trong tình thương Tạo Hóa và điều dắt về nơi **nhân bản, cội***

²⁵³ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tý thời, 14 rạng 15-02 Canh Tuất (21-03-1970); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁵⁴ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 12-02 Nhâm Tý (26-03-1972); Thánh Giáo Nguyên Bản.

nguồn của con người chơn nhơn, con người hiền thánh tiên phật? Thật là rõ ràng như ánh thái dương, như vầng trăng sáng, không có gì mờ ảo mông lung.”²⁵⁵

4. DÂN TỘC VIỆT NAM VỚI SỨ MẠNG PHỤC HỒI NHÂN BẢN

“Thời kỳ này là thời kỳ Hạ nguơn mặt kiếp, tái tạo dinh hoàn, vì thế Thượng Đế và chư Tiên Phật phải chính mình đến thế gian lập đạo, hầu đem Thiên Mệnh lại cho nhơn loại, đem hòa bình cho đất nước, mà người Việt Nam cần phải thực hành trước nhất.”²⁵⁶

Làm sao để thực hiện sứ mạng này? Giải pháp mà Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đề ra là *“Phục hưng tinh thần truyền thống cổ truyền của dân tộc dính liền với sự phục hưng văn minh nhân loại, để xây dựng một nguơn hội thái bình vĩnh cửu cho muôn người, tạo lập một thiên đàng cực lạc tại thế”*.²⁵⁷

Việt Nam ngày nay vốn là *“một nước có một nền văn hóa huy hoàng từ ngàn xưa được cấu tạo trên một nền tảng **văn minh nhân bản** sớm nhất nhân loại”²⁵⁸*. Trong suốt chiều dài lịch sử của mình, dân tộc Việt không những vẫn bảo tồn được bản sắc của mình là tình thương và lòng hiếu hòa, mà còn vượt trội hơn các dân tộc khác về đức tin, lòng đạo đức, và lòng ngưỡng mộ Thượng Đế cũng như các Đấng Thiêng Liêng, như chính Đức Chí Tôn đã xác nhận:

²⁵⁵ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 25-02 Kỷ Mùi (22-03-1979); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁵⁶ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Vạn Quốc Tự, Tuất thời, 20-11 Ất Ty (12-12-1965); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁵⁷ Đức Trần Hưng Đạo; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 10-04 Ất Ty (10-05-1965); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁵⁸ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 30-08 Tân Hợi (18-10-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

“Các con là dân tộc Việt cũng như các dân tộc khác sanh trưởng tại quả địa cầu này. Tình thương Tạo Hóa cũng ban đồng cho các con cũng như các con khác, nhưng dân tộc các con đã đau khổ quá nhiều. Non sông tổ quốc các con đã bị giày xéo lâu đời, nhưng các con được trội hơn chúng về đức tin, về lòng đạo đức, ngưỡng mộ Thượng Đế và các Đấng Trọn Lành. Tình thương các con không thiếu, lòng hiếu hòa các con có thừa; do đó, dân tộc các con mới hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.”²⁵⁹

Khi đón nhận các tôn giáo thuộc Nhất Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, dân tộc Việt đã lĩnh hội được tinh thần đạo đức căn bản của các bậc Giáo Chủ để phát huy nhân bản trong dân tộc tính của mình:

“Đến ngày nay, dân tộc Việt Nam được ảnh hưởng tinh thần đạo đức của các Đấng Giáo Chủ, chân thiện mỹ đã thấm nhuần dân tộc tính, nên trải qua mấy nghìn năm, biết bao nhiêu cảnh thăng trầm thành bại, theo truyền thống cổ hữu, dân tộc đã nhiễm vào triết lý thuần túy thâm uyên của đạo giáo, nên hùng trong hòa đồng, dũng trong an trị, chỉ đem Thiên Tính để thực hành Thiên Mệnh mà thôi.”²⁶⁰

Bởi đó, dân tộc Việt Nam không những đã tích lũy được những tinh ba yếu lý của vạn giáo, mà còn biết vận dụng lấy chúng một cách nhuần nhuyễn, đến mức ngày nay có thể mang những kinh nghiệm này ra mà giải quyết những vấn đề chung của nhân loại:

“Tuy [từ] ngàn xưa, [có nhiều] kinh sách, [nhiều bậc] Giáo Chủ lập thành các giáo phái, nhưng hiện giờ, những

²⁵⁹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 30-10 Mậu Thân (19-12-1968); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁶⁰ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), Tuất thời, 20-11 Ất Tỵ (12-12-1965); Thánh Giáo Nguyên Bản.

ting ba yếu lý thực dụng phương tiện cho hạp thời kỳ, riêng chỉ một nước Việt Nam đây thôi.”²⁶¹

Tuy vậy, trong thời Hạ nguơn mặt kiếp này, khi đạo đức trong toàn nhân loại bị mai một, thì dân tộc Việt cũng không thoát khỏi căn bệnh vong bản đã và đang lan rộng trên toàn cầu:

“Cái truyền thống Tiên Long từ mấy ngàn năm về trước đã dần dần pha trộn sắc thái trần tục ngoại lai, không đủ bám chặt anh linh uy hùng hiển hích như thuở nào.”²⁶²

Mặc dù dân tộc Việt Nam không thoát khỏi căn bệnh vong bản chung của toàn nhân loại, nhưng Đức Thượng Đế đã từ bi xem xét những vốn liếng đạo đức mà dân tộc này đã dành dụm được, cũng như những thiệt thòi mà dân tộc này phải chịu trong lịch sử của mình, và ban trao sứ mạng kỳ ba. Chính nhờ hưởng được hồng ân ấy, Việt nam đã tránh khỏi thảm họa quốc phá gia vong, như lời mặc khải của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư:

“Đến thời kỳ này, Việt Nam hữu phúc, Đức Thượng Đế chan rưới hồng ân, ban huyền linh phép lạ cho đến thế gian để nhân sinh được thấu triệt cơ huyền nhiệm đất trời, sống trở lại cuộc đời thánh đức, hòa hợp Thiêng Liêng để tiến hóa lên bầu trời thanh thoát. Cũng chính thời kỳ này, dân tộc Việt Nam đang gặp hồi quốc phá gia vong, điều linh thống khổ. Mấy mươi năm tao loạn, cốt nhục tương tàn, nếu không có sự cứu vãn của Thượng Đế, Bản Tạng nói cho chư đạo hữu được rõ, là sẽ không còn mảnh đất để

²⁶¹ Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu; Bát Nhã Thiền Đường (Long Hải), Tuất thời, 12-05 Giáp Dần (01-07-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁶² Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 22-05 Kỷ Dậu (06-07-1969); Thánh Giáo Nguyên Bản.

dung thân khi toàn dân chẳng chịu hồi đầu hướng thiện.”²⁶³

Đó trước hết là một sự nâng đỡ dành riêng cho dân tộc Việt Nam, nhưng ngay tiếp theo sau, cũng là khởi đầu của một sự nâng đỡ rộng lớn hơn cho toàn nhân loại:

“Nhân sinh đâu biết rằng Thượng Đế đem đạo đến Việt nam là để nâng đỡ trong kỳ Hạ nguon chuyển thế, để tinh thần không còn mờ tối trong mê tín, vật chất không đô hộ được tinh thần.” ²⁶⁴

Bởi vậy, kể từ ngày được Đức Chí Tôn đến để khai mở Đại Đạo, Việt nam đã trở thành *“một giống dân tuy ít trong một lãnh thổ nhỏ hẹp, nhưng đã kết tinh, quy tụ được nhiều nguyên căn tá trần có nhiều tiền kiếp là sứ đồ trong Tam Giáo Đạo.”*²⁶⁵

Do sứ mạng phục hồi nhân bản này, các Đấng Thiêng Liêng thường xuyên thôi thúc những người tín đồ Cao Đài mang dòng máu Việt Nam:

*“Đại Đạo hoằng khai không riêng cho một quốc gia dân tộc nào, mà hãy nói đến sự may mắn của dân tộc Việt nam trước nhứt. Như vậy, nếu còn một người chưa biết chân lý Đại Đạo là nước Việt Nam chưa được thái bình, còn một người chưa tìm hiểu chơn lý Đại Đạo là dân tộc Việt Nam còn vong bản. [Phải] làm sao sớm được an lạc để tiến bộ cho kịp lúc với Long Hoa Đại Hội kết chung.”*²⁶⁶

²⁶³ Đức Vạn Hạnh Thiềm Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 09-04 Kỷ Dậu (24-05-1969); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁶⁴ Đức Trần Hưng Đạo; Thiềm Lý Đàn, Tuất thời, 15-07 Ất Tỵ (11-08-1965); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁶⁵ Đức Bạch Liên Tiên Trưởng; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 10-10 Canh Tuất (08-11-1970); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁶⁶ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 10-05 Canh Tuất (13-06-1970); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Như vậy, tương lai và sứ mạng của dân tộc Việt nam phụ thuộc rất nhiều vào sự thành bại trong công cuộc phục hồi nhân bản cho chính mình:

*“Đi về đâu Việt Nam ơi!
Về nơi Nhân Bản của Trời trước kia;
Non sông một dải kia kia,
Đừng cho ai cắt ai chia giống nòi.
Tinh thần đạo đức hằng noi,
Phát huy khắp chỗ, cùng nơi, hoàn cầu.”*²⁶⁷

5. KẾT LUẬN

*“Hãy đưa con người trở về đời sống nhân bản. Mọi sinh hoạt hãy nhắm vào **nhân bản**, vào **tình cảm thiêng liêng** mà Thượng Đế Chí Tôn đã dành cho mỗi con người.”*²⁶⁸

Những người Việt nam nào đã tự nhận mình là một tín đồ Cao Đài, phải quyết tâm tu học để *“nói lên tiếng nói từ cõi vô hình để chuyển lần vào lòng nhân thế, làm động lực cảm hóa nhơn sanh, biểu dương cho tinh thần tự tin, tự tiến trên đường phục hồi nhân bản, phục hồi chơn lý đạo trong đời sống con người.”*²⁶⁹

²⁶⁷ Đức Phan Thanh Giản; Trúc Lâm Thiền Điện, Ngọ thời, 08-04 Tân Hợi (02-05-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁶⁸ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tý thời, 14 rạng 15-02 Canh Tuất (21-03-1970); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁶⁹ Đức Phan Thanh Giản; Trúc Lâm Thiền Điện, Ngọ thời, 08-04 Tân Hợi (02-05-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

MỤC 3.

NHÂN HÒA

Nhân loại ngày càng đông đúc, cuộc sống càng trở nên phức tạp. Từ cả ngàn năm nay, những nhu cầu về cơm ăn, áo mặc, đất sống, những mối tranh chấp hơn thua vì danh, lợi, quyền, những so đo khác biệt về ý thức, tư tưởng, những kỳ thị chủng tộc, màu da, tôn giáo và cả những sự thiếu hiểu biết trong khi nhận định các vấn đề, đã làm cho các mối quan hệ trong xã hội vốn đã gay gắt lại càng căng thẳng hơn, và đã dẫn con người những cuộc xung đột từ phạm vi nhỏ hẹp giữa các nhóm đến các cuộc chiến tranh các loại trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, tôn giáo,... trong từng khu vực hoặc toàn cầu.

Cho đến nay, tất cả những sức mạnh vật chất mà con người dùng trong những cuộc xung đột ấy vẫn chỉ là những biện pháp trong một lúc mà không thể giải quyết được toàn bộ những vấn đề của con người, vẫn chưa làm cho con người được thật sự bình an và tiến bộ trong cuộc sống. Sự phân cách trọng khinh giữa những người đồng loại vẫn còn đè nặng tâm lý các giống dân, các giới người, thậm chí, cả các tôn giáo.

Trong bối cảnh ấy, nhân hòa là một nhu cầu cấp thiết cho đời sống xã hội loài người.

1. Ý NGHĨA NHÂN HÒA TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Loài người đang ở trong thời Hạ nguyên, là thời kỳ đấu tranh mãnh liệt có khả năng đưa đến sự hủy diệt tất cả. Để bảo tồn sự sống, loài người không thể không quan tâm đến việc tạo lập thể nhân hòa. Nhân hòa là điều kiện để đảm bảo khả năng ổn định và bền vững cho tất cả các tổ chức và xã hội.

Ngay từ lúc khai đạo, Đức Thượng Đế đã xác minh ý định của Ngài:

*“Thầy đến lập Tam Kỳ Phổ Độ chỉ vụ một chữ Hòa.”*²⁷⁰

*“Sự yên tĩnh và hòa bình là hai điều Thầy dụng để gieo mồi Đạo.”*²⁷¹

Ý nghĩa của nhân hòa trong xã hội loài người là không lạnh lùng tranh chấp, không hơn thua, không đố kỵ, kình chống nhau mà trái lại, nương tựa, nâng đỡ, trông chờ nhau. Bởi vì cõi tương đối không ai hoàn toàn. Những sự khác biệt mạnh yếu, hơn kém, thiếu đủ từ vật chất đến tinh thần giữa các cá nhân, các tập thể, các tôn giáo, các dân tộc cần được dung hòa, bù đắp cân xứng cho nhau trong tình đồng loại cùng chung cội nguồn để cùng tồn tại và tiến hóa.

Nói chung, sự hòa hiệp phải được thể hiện ở mọi phương diện, trên mọi lĩnh vực trong cuộc sống, từ cá nhân đến gia đình, dân tộc, nhân loại, từ khoa học đến chính trị, tôn giáo; từ văn hóa nghệ thuật đến công, nông nghiệp,... Nhưng trước hơn hết và quan trọng hơn hết vẫn là sự hòa hiệp trong tinh thần. Tinh thần có tha thiết hòa ái mà chưa hiệp

²⁷⁰ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Chùa Gò Kén, 12-01 Đinh Mão (13 Février 1927); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q.2, tr.26.

²⁷¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 03-03-1927; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q.2, tr.32.

thì lâu mau gì cũng sẽ hiệp. Khi tinh thần chưa hòa, dù có hiệp một thì trước sau gì cũng sẽ tan rã. Đức Vân Hương Thánh Mẫu đã nêu lên một nguyên tắc chung:

“Hòa là hòa ái, hòa hiệp, hòa đồng, với ai cũng hòa được hết (...) Hòa là cực điểm của tình thương, không hơn không kém, không lệch lạc, không người không ta, không màu da sắc tóc, không tôn phái, chỉ là một cứu cánh chung tối thượng để đem lại sự sinh tồn hạnh phúc an vui cho mọi người sống ở thế gian, không còn cách phân chủng tộc.”
272

Như vậy, đó không chỉ là vấn đề đặt ra cho riêng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà là hướng nhắm chung của mọi người:

*“Mục đích thiêng liêng đã và đang kính cẩn tâm nguyện của bất cứ tôn chỉ nào, đó là hòa hiệp nhân loại để tiến hóa.”*²⁷³

Sức mạnh của sự hòa thuận, tương thân tương ái vô cùng to lớn, không những giúp cho loài người thoát ra những cơn lửa bỏng dầu sôi, tiến nhanh trong đời sống vật chất lẫn tinh thần, mà còn có khả năng đưa con người đến chỗ hiệp nhứt cùng Thượng Đế. Nói chung, hòa là nền tảng của mọi thành công:

*“Có hòa rồi tất bề cũng vui.”*²⁷⁴

2. BA YẾU TỐ CỦA NHÂN HÒA

Nhân hòa không thể chỉ là mơ ước trong tư tưởng hay trên lý thuyết mà phải đạt được mục đích thực tế và hữu dụng.

Nhân hòa được thể hiện ở cả hai mặt nhân sinh và tâm linh, dựa trên ba yếu tố có tính chất đồng hành và bổ sung nhau:

²⁷² Đức Vân Hương Thánh Mẫu; Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.18.

²⁷³ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.130.

²⁷⁴ Đức Diêu Trì Kim Mẫu; Nam Thành Thánh Thất, Tuất; 25-05 nhuận Tân Hợi (17-07-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

nhân bản, an lạc, tiến bộ. Ba yếu tố này tạo thành một thể chân vạc vững vàng. Thiếu một trong ba yếu tố ấy thì nhân hòa sẽ không hoàn hảo.

2.1. Nhân bản, yếu tố cơ bản nhất

Xã hội hiện nay với những cuộc chiến tranh khốc liệt tàn sát lẫn nhau đã thể hiện phần nào sự phủ mờ nhân tính và tách rời nhân bản.

Đối diện cùng nhau, con người không rung động trước những đau khổ của con người đối nghịch. Con người không có tình thương với nhau vì đã đánh mất tình thương cùng với những tình cảm thiêng liêng vốn có từ khi tách rời Thượng Đế ra đi. Thực chất của vấn đề nằm ở chỗ mỗi người nhìn người khác như một đối thủ sai biệt, mà chưa nhận thấy mối dây liên hệ giữa những người có cùng bản thể từ Trời Đất, chưa nhận thấy vạn giáo đồng nguyên.

Xây dựng một cuộc sống nhân bản cho con người là đưa con người trở về với nguồn cội ban đầu. Đức Lê Đại Tiên dạy:

“Con người hiện giờ đã mất quá nhiều điểm tựa của tâm linh. Niềm tin của con người đang sụp đổ. Các căn bản nhân tính của con người đã xa lìa. Chính vì vậy, thể nhân hòa phải tạo lập lại các giá trị nhân bản, đưa con người trở về với đời sống hợp nhân tính đơn thuần.

Hiểu biết, hành động, phục vụ, phụng sự, mà không nằm trong nhân bản, sẽ đưa đến những hậu quả khốc liệt nhất cho xã hội. Nhân bản có sáng chói, con người mới cảm thấy mình là con người. Dầu ở bất cứ lãnh vực hay hoàn cảnh quốc thổ nào, đời sống tâm linh càng phải tựa vào

nhân bản. Có như vậy , đạo lý tôn giáo mới không rơi vào chỗ mông lung huyền ảo. ” ²⁷⁵

Như vậy, mọi sinh hoạt của con người đều phải giữ lấy cái gốc: tính người và tình người.

2.2. An lạc, yếu tố hướng về một đời sống bình an, vui sướng về vật chất lẫn tinh thần

Mục đích trước tiên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là ổn định cuộc sống vật chất, tiến đến chỗ không còn người đói rách, không còn người dốt chữ, không còn người hung dữ. Nói cách khác, quyền sống như một con người của mọi người phải được tôn trọng về mặt kinh tế lẫn an toàn xã hội.

Khi xã hội ổn định bình yên và đời sống thực tế thường ngày không còn có những mối băn khoăn lo nghĩ về mỗi cơm ăn áo mặc, nhà ở, việc làm; tinh thần không còn căng thẳng vì sợ hãi, vì khủng bố, vì đe dọa, bạo lực, chiến tranh,... có nghĩa là mọi người đã tiến dần đến hạnh phúc và có điều kiện để làm cho cuộc sống ngày càng tiến bộ hơn.

“Điểm nhắm gần nhất của vấn đề nhân hòa là cải thiện xã hội hiện tại, làm thế nào những cá nhân tự tạo thế nhân hòa (...)

Một phương cách có được là khi nào nó hợp thức với nhân bản, thỏa ứng với xã hội. Con người chỉ chấp nhận nó khi cảm thấy tâm linh và đời sống được bảo đảm một cách thiết thực trong xã hội ấy. ” ²⁷⁶

²⁷⁵ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Thánh Giáo Suu Tập 1970-1971, tr.30-32.

²⁷⁶ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Thánh Giáo Suu Tập 1970-1971, tr. 30-31.

2.3. Tiến bộ, yếu tố thúc đẩy cuộc sống phát huy về vật chất lẫn tinh thần

Cuộc sống không chỉ dừng lại ở chỗ an lạc, mà còn phải cải tiến luôn luôn theo quy luật tiến hóa. Sự tiến bộ sẽ là động lực nâng cao con người đến gần sự hoàn hảo trong mọi hướng của đời sống tâm linh và nhân sinh.

Con người không chỉ hài lòng ở chỗ cơm nó áo ấm mà còn phải được ăn ngon mặc đẹp và hưởng dụng những tiện nghi lợi ích do khoa học kỹ thuật đem lại.

Không chỉ hài lòng ở chỗ nhân thân được bình an, nhân phẩm được tôn trọng, xã hội được trật tự mà còn phải phát huy giá trị của nhân bản con người trong thế Tam Tài ngang cùng Trời Đất.

Nghĩa là có sự hài hòa giữa khoa học và tôn giáo, giữa đạo và đời, sao cho người của xã hội hoàn hảo một cách tự nhiên, không còn sự kềm thúc của luật lệ hay hình phạt. Lúc ấy thế nhân hòa đã được tròn vẹn.

3. ĐƯỜNG LỐI VÀ PHƯƠNG CÁCH THỰC HIỆN NHÂN HÒA

*“Không một điều kiện nào bắt buộc con người hiến dâng cho đường lối nhân hòa là thế này hay thế khác. Nhưng tất cả điều kiện ở con người là biểu tượng cho chủ thuyết nhân hòa.”*²⁷⁷

“Tạo thế nhân hòa đòi hỏi ở người hướng đạo, bậc thế thiên hành hóa nhiều sự kiên nhẫn để chiến thắng mọi tham vọng ngăn cách làm tổn thương đến chủ thuyết nhân hòa.

Cũng nói trước đây: một người ý thức chưa là tất cả ý thức để xác định thành quả của vấn đề. Điều quan trọng là gọi lên sự đồng ý thức chung cho mọi người và nhất trí cùng

²⁷⁷ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Thánh Giáo Sưu Tập 1970-1971, tr. 30-31.

nhau khơi nguồn dào mạch cho dòng nước cứu khổ luân lưu bất tận.”²⁷⁸

Tôn giáo sẽ góp phần rất lớn để thực hiện nhân hòa bằng vai trò giáo dân vi thiện. Đây là biện pháp hướng dẫn nhân sinh hành động theo lương tâm để các hạt giống đạo đức được nhân ra nhiều thêm và lan rộng dần dần đến nhân loại.

*“Giáo dân vi thiện là đem kiến thức đạo lý hoán cải lòng người...”*²⁷⁹.

Nói cách khác, giáo dân vi thiện là sự giáo dục về nhân bản, nhân tính, tình thương:

*“Chỉ có lòng đạo và tình thương mới thể hiện và thực hiện được cõi thái hòa an lạc.”*²⁸⁰

Do đó, rất cần *“cải tổ các ý thức tín ngưỡng nói riêng và niềm tin nói chung, đồng điệu trên nhịp nhàng giáo huấn. Giáo dục nhân bản đưa tới đích thực nhân hòa phải được xây dựng càng sớm càng tốt.”*²⁸¹

Tóm lại, phương pháp nào cũng đặt trên cơ sở nhân bản, tình người và đòi hỏi nơi các nhà lãnh đạo quốc gia, tôn giáo có đủ sáng suốt và tình thương để giải quyết thế cuộc sao cho hợp lý và tình người.

Đứng trên tinh thần sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ, có thể nói rằng:

“Có lập được thế nhân hòa thì xã hội đại đồng mới có cơ hội thành hình. Có lập thế nhân hòa thì sứ mạng cứu rỗi toàn thể vạn linh sanh chúng mới trọn vẹn. Có lập thế nhân

²⁷⁸ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Thánh Giáo Sưu Tập 1970-1971, tr. 30-32.

²⁷⁹ Đức Quan Thánh Đế Quân; Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.188.

²⁸⁰ Đức Đông Phương Lão Tổ; Trúc Lâm Thiền Điện, Ngo, 18-07 Kỷ Dậu (30-08-1969); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁸¹ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.130.

hòa thì ngọn đuốc chơn lý đạo mới soi rọi cho tận cùng trái đất.”²⁸²

²⁸² Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Thánh Giáo Sư Tập 1970-1971, tr.29.

MỤC 4. ĐẠI ĐỒNG

Vũ trụ luận Đại Đạo đã nêu lên điểm trọng yếu nhất của con người ở tầm kích vũ trụ là Thượng Đế tính trong bản thể Tiểu Linh Quang đồng nhất với Đại Linh Quang. Nhờ đó, con người được xem là một chủ thể đồng đẳng cùng Tạo Hóa xét về cương vị đứng đầu vạn vật và về triển vọng tiến hóa đến mức độ toàn thiện toàn năng ở tương lai.

Con người đã được xác định khả năng đạt Đạo để trở nên hằng hữu trong Càn Khôn vũ trụ. Nhưng trong cuộc sống trần gian, thiên nhiên, lịch sử và quá trình phát triển nhân văn của nhiều khu vực địa cầu qua nhiều thế hệ đã khắc sâu vào tâm hồn nhân loại biết bao dấu ấn khác biệt dẫn đến tệ nạn kỳ thị áp bức bất nhân. Trên đà tiến bộ, vô tình hay hữu ý, cái tinh khôn, kỹ xảo của con người đã quay lại chia rẽ chà đạp đồng loại. Con người tự đánh mất đức Nhân, tự rời khỏi cương vị xứng đáng trên đường tiến hóa, trước sau sẽ tự hủy diệt, nếu không cải thiện.

Do đó, bước vào thời đại cực kỳ phân hóa ngày nay của nhân loại, nhân sinh luận Đại Đạo nêu lên lý tưởng đại đồng hậu làm phương thuốc đối trị căn bệnh kỳ thị phân chia hiểm nghèo.

Trong kinh Dịch, Soán truyện của quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn có câu:

“Đồng nhơn vu dã, hanh, lợi thiệp đại xuyên, kiền hành dã. Văn minh dĩ kiện, trung chính nhi ứng, quân tử chính dã. Duy quân tử nhi năng thông thiên hạ chí.”

Câu này có nghĩa là: Người quân tử thực hiện được chính sách đại đồng với thiên hạ thì làm được việc lớn, nhờ ở sự sáng suốt, dũng mãnh, đem lòng trung chính mà tương ứng tương hiệp với người đồng tâm. Đó là bậc quân tử thông suốt được chí hướng của thiên hạ.

“(…) Truyện của Trình Di nói: Chí của thiên hạ muôn thứ khác nhau, lý thì có một. Đấng Quân Tử biết rõ về lý, cho nên có thể thông được chí của người thiên hạ. Đấng Thánh Nhơn coi lòng của ức triệu người cũng như một lòng, là thông về lý mà thôi.

Văn vẻ sáng suốt thì có thể thông về lý, cho nên mới rõ về nghĩa Đại đồng; lại mạnh mẽ sáng suốt thì có thể thắng được lòng riêng tây của mình, nghĩa là quên lòng cá nhơn, để chung lo việc của toàn thể đồng bào, cho nên làm xong trọn được hết cái đạo Đại đồng. Như thế rồi mới có thể trung chính, hợp với sự đi của Trời, cùng là chí của người thiên hạ bốn phương.”²⁸³

1. Ý NGHĨA CỦA MỤC TIÊU ĐẠI ĐỒNG

2.1. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã vạch ra một đường hướng đại đồng trong cội nguồn nhân loại

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đề ra mục tiêu đại đồng không phải chỉ nêu lên một biểu ngữ đoàn kết trước tình trạng chia rẽ của loài người, nhưng đại đồng ở đây là xác định

²⁸³ Bài giảng Quê Thiên Hỏa Đồng Nhơn, Soán Truyện, Nghĩa rộng.

một lập trường bình đẳng giữa con người và con người trên căn bản đồng nhất về bản thể.

Mỗi con người từ khi mới chào đời đều có cái vốn liếng nhân bản như nhau; do đó, có quyền sống, quyền tiến hóa ngang nhau. Mọi đối xử không tôn trọng nhân bản của người khác cũng là sự đánh mất nhân tính của chính mình.

2.2. Đại đồng không đòi hỏi sự rập khuôn của mọi hình thức văn minh văn hóa hay tư tưởng của loài người

Sắc thái nhân văn muôn màu muôn vẻ của mọi dân tộc đều bắt nguồn từ nhân bản. Tinh thần đại đồng là sự đón nhận, tán thưởng những giá trị, những công trình hướng về Chân Thiện Mỹ, dù chúng xuất phát từ bất cứ nơi nào trên địa cầu.

Đại đồng nhân loại không có nghĩa là xoá bỏ những nét đặc thù trong văn hóa của mọi dân tộc để tạo ra một thể giới không có những dị biệt. Theo giáo lý Đại Đạo, đại đồng chính là đồng nhất trong sai biệt, là sự thống nhất tinh thần nhân loại trên cơ sở nhận thức được sự hiện hữu của nhân loại tính (nhân bản tính) trong tất cả những biểu hiện đa dạng của dân tộc tính.

2.3. Đại đồng là mục tiêu của sứ mạng vi nhân

Ý nghĩa của kiếp sống con người là phụng sự, phụng sự từ xã hội, dân tộc, đất nước cho đến thể giới nhân loại. Con người chính danh tự nhận sứ mạng làm người của mình là xây dựng cuộc đời thánh đức, trong đó mọi phương diện sinh hoạt đều biểu lộ bình đẳng, tình thương, nhân bản.

“Mỗi người đều có một sứ mạng chung, đó là: tu thân hành đạo, làm sáng danh đạo, đem đạo độ đời từ chỗ tội lỗi hung ác trở lại đường thuần lương thiện mỹ, để có thể biến cảnh thế gian này trở thành cõi Thiên Đường Cực Lạc, lập

lại đòi Thượng Nguơn Thánh Đức. Chừng đó, giữa con người và con người đều lấy tình thương yêu ruột rà đối xử với nhau trong tình tương thân tương trợ.”²⁸⁴

2. ĐẶC ĐIỂM CỦA XÃ HỘI ĐẠI ĐỒNG VÀ CON NGƯỜI ĐẠI ĐỒNG

Nói đến nhân loại, có hai khía cạnh cần chú ý: khía cạnh xã hội và khía cạnh cá nhân.

2.1. Xã hội đại đồng

Xã hội đại đồng là một xã hội “không kỳ thị phân chia, phù hợp xu hướng văn minh tiến bộ”²⁸⁵, là một “cảnh giới an lạc hòa bình, hạnh phúc trần gian và siêu xuất thế gian.”²⁸⁶

2.1.1. Một xã hội không có sự kỳ thị phân chia

Xã hội đại đồng vẫn thừa nhận sự tồn tại của những dị biệt và những khuynh hướng độc lập nhau. Tuy nhiên, sự sai biệt đó không hề dẫn đến xung khắc, mà ngược lại, chính những sự trao đổi bù đắp nhau ấy càng làm phong phú thêm cho những khuynh hướng có trong cộng đồng.

Nếu biết nhắm vào một hướng tiến chung được đại đa số chấp nhận để đem đến hòa bình, an lạc, tiến bộ cho toàn nhân loại, thì dù khởi điểm có khác nhau nhưng rồi tất cả những khuynh hướng dị biệt cũng sẽ gặp nhau trong lý tưởng đại đồng.

²⁸⁴ Đức Ngồi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu; Cao Đài Hội Thánh (Dương Đông Phú Quốc), Tuất thời, 14-03 Đinh Mùi (23-04-1967); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁸⁵ Đức Cao Triều Phát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-02 nhuận At Sửu (31-03-1985); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁸⁶ Đức Cao Triều Phát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-02 nhuận At Sửu (31-03-1985); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Như vậy, xã hội đại đồng là một tổng thể được hợp bởi nhiều cấu tử: các dân tộc, các tôn giáo, các khuynh hướng tư tưởng. Tinh thần đại đồng là một tiền đề cần thiết để tập hợp tất cả những khả năng của mọi cấu tử và tổ chức những khả năng ấy lại trong một trật tự điều hòa, nhằm phát huy cao nhất sức mạnh nhân bản tính của cộng đồng nhân loại trong việc chấn hưng và phát triển thế giới mà cộng đồng này đang sinh sống.

2.1.2. Xã hội đại đồng là một xã hội văn minh tiến bộ

Muốn nền văn minh chung của nhân loại đạt được một sự phát triển đến độ hoàn mỹ, các quốc gia đều nhận thấy có một nhu cầu về sự phát triển liên khu vực, liên quốc gia, không phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa chính trị hay tôn giáo. Vậy mục tiêu đại đồng thúc đẩy tinh thần hợp tác đa quốc gia. Yếu tố quan trọng để thực hiện đại đồng là hợp tác.

Kể đến, những thành quả văn minh của nhân loại phải được phổ cập trên toàn thế giới. Trước hết, những khám phá có giá trị thiết thực để bảo vệ cuộc sống tốt đẹp của con người phải trở thành những công trình chung. Các nước tiến bộ có nghĩa vụ chuyển những phát minh cần yếu thành những phương tiện thông dụng để bất cứ người dân nào của hành tinh cũng đều hưởng được. Đó là nguyên tắc đại đồng công dụng trong giáo lý Đại Đạo.

Nhưng điểm căn bản nhất của sứ mạng thực hiện một xã hội đại đồng phù hợp với xu hướng văn minh tiến bộ là phải làm thế nào để mỗi người dân trong mỗi quốc gia đều là người văn minh tiến bộ về kiến thức, tư tưởng và kỹ thuật. Sự tiến bộ chỉ thực sự xảy ra trong đầu óc con người chứ không phải trong hưởng thụ. Chính điểm căn bản này

mới đem lại tự do bình đẳng thực sự trong mỗi cộng đồng xã hội và giữa các quốc gia.

2.1.3. Xã hội đại đồng là cảnh giới an lạc hòa bình, hạnh phúc thế gian và siêu xuất thế gian

Trên thế giới, lý tưởng đại đồng được đề cao nhiều lần, nhưng cho đến nay, nghèo đói và chiến tranh vẫn còn tiếp diễn ở nhiều nơi. Bởi thế, một xã hội đại đồng phải thể hiện được một cuộc sống an lạc hòa bình.

Con người sống an lạc không đòi hỏi sự giàu có xa hoa, mà trước hết cần có nghề nghiệp, có việc làm tự túc ấm no lâu dài. Dĩ nhiên, tinh thần đại đồng là chia sẻ và tương trợ, nhưng đó là tạm thời. Đại đồng phải đem đến khả năng tự phát triển ở mỗi người trong kế sách bình đẳng tự do của nhà nước. *“Nói thẳng vấn đề, hãy đại đồng kinh tế xã hội của nhân sanh.”*²⁸⁷

Nhưng theo giáo lý Đại Đạo, con người cần hướng về sự tiến hóa toàn diện. Cuộc sống an lạc ở trần gian cần được xây dựng trên căn bản tâm linh. Nếu chỉ nhắm mục đích đời người vào sự nghiệp vật chất sung túc, con người sẽ bị chi phối đến mức lệ thuộc vào vật chất. Con người tự đóng khung mình trong kiếp người hữu hạn với muôn vàn hệ lụy mà không khai phóng được điểm Đạo tự hữu. Ngược lại có giác ngộ được Đạo ở tâm linh, con người mới có thể an nhiên tự tại trước mọi diễn biến của ngoại giới. Sự giác ngộ đó chính là nguồn an lạc siêu xuất thế gian.

Thế nên, lý tưởng đại đồng không cực đoan ở mặt đời sống vật chất hay mặt đời sống tâm linh. *“Dầu muốn hay không thì tâm vật vẫn song hành, hai phương diện trong một con người. Là vật không có tâm, bỏ tâm không có vật. Thế nên sứ mạng đại thừa là thực hiện cứu cánh vạn khổ chúng*

²⁸⁷ Đạo Học Chi Nam, chương 4, tiết 3, mục 3.

sanh, hòa mình trong xã hội nhân loại (...) Thế dụng ứng biến, hình danh công cụ, tâm vật bình hành. Tất cả đều hoàn hảo trong cuộc sống tự do tự tại.”²⁸⁸

2.2. Con người đại đồng

Muốn có xã hội đại đồng, trước tiên phải có con người đại đồng. Con người đại đồng là con người mang tinh thần đại đồng, tức là:

Phải ý thức rõ sự đồng tính, đồng chất, chung nguồn cội, cùng bản thể giữa người và Trời Đất vạn vật, để nhận biết cương vị và sứ mạng của con người trong việc tạo cảnh an lạc thái hòa cho vạn linh nói chung, nhân loại nói riêng.

Ý thức về quyền được sống bình đẳng như nhau trong cộng đồng nhân loại để không thiên lệch xu hướng, và biết bổn phận phải giúp đỡ nhau cùng tiến bộ cũng như san sẻ cho nhau để mọi người đều có đóng góp phần mình vào tiến bộ chung của toàn xã hội.

Cùng hướng đến lý tưởng chung là tiến hóa toàn diện, thăng hoa thành những Con Người Muôn Thuở Muôn Phương có khả năng siêu xuất thế gian.

Tóm lại, con người đại đồng là con người sống đúng bản vị của mình, ý thức được sứ mạng tạo thế nhân hòa trong xã hội nhân sinh.

3. THỰC HIỆN ĐẠI ĐỒNG NHÂN LOẠI

3.1. Phương cách

Hiện trạng của cộng đồng nhân loại ngày nay là do nhân tâm tạo ra, vì vậy con người phải tự ý thức rằng chỉ có mình mới có thể giải quyết được vấn đề của chính mình.

²⁸⁸ Đức Quan Thế Am Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-07 Đinh Tỵ (29-08-1977); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Muốn thực hiện được mục tiêu đại đồng nhân loại thì ngay trong bối cảnh đầy phân tranh của xã hội hiện nay, phải xây dựng được một tập thể bao gồm những con người thật sự sống trong ý thức hệ đại đồng. Một tập thể như vậy chính là điểm quyền pháp làm động lực cho công cuộc tạo thể nhân hòa. Chính tập thể mẫu mực ấy là trung tâm phóng phát những năng lực nhằm khởi động cho cộng đồng nhân loại theo chiều hướng hiện thực hóa cứu cánh đại đồng.

Xây dựng một tập thể đại đồng như thế chính là xây dựng thực thể Đạo cứu thế kỳ ba. Trên tinh thần Tam Kỳ Phổ Độ, việc xây dựng thực thể ấy chỉ có thể thành công trong thể Thiên Nhân hiệp nhất và quan điểm vạn giáo nhất lý. Chừng nào các tôn giáo là những ngọn đuốc soi đường đạo đức cho thiên hạ, phá chấp hình thức, dứt hẳn tự tôn vì lý tưởng Đại Đạo (là cứu độ nhân sanh và hướng về Thượng Đế duy nhất), chừng ấy mới đạt thành một thực thể cứu thế duy nhất.

3.2. Tiến trình thực hiện

Theo giáo lý Đại Đạo, công cuộc tạo lập thể giới đại đồng được thực hiện qua bốn giai đoạn:

3.2.1. Đại đồng lý thuyết

Đây là giai đoạn truyền bá tư tưởng đại đồng để xây dựng ý thức hệ đại đồng trong toàn nhân loại. Đức Chí Tôn Thượng Đế đã dạy:

"Đây, Thầy giải cho rành. Thời kỳ thứ nhất là ĐẠI ĐỒNG LÝ THUYẾT. Thầy phải lập một phái người để đi truyền bá tư tưởng cho nhơn sanh đều đặn biết thời kỳ đại đồng sẽ thống nhất, quy nguyên, hầu đến chỗ tự nhiên cực lạc. Thế thì những con lãnh hành đạo trong thời kỳ này phải hoàn

toàn hạnh đức, đủ nghị lực lưu hành khắp nơi để đặt vào óc nhơn sanh một tư tưởng đại đồng (...)”²⁸⁹

3.2.2. Đại đồng công dụng

Đối với hàng thiên ân sứ mạng quyền pháp, đây là giai đoạn phải chứng đắc cái Đạo tự hữu nơi mình để có thể thông công cùng Trời, hầu kinh quyền ứng biến trước mọi hoàn cảnh mà tạo dựng thế nhân hòa. Đối với nhân sanh, đây là giai đoạn nỗ lực thực hiện những hòa giải giữa những khuynh hướng đối lập và tìm tiếng nói chung giữa những khuynh hướng chưa đồng nhất để thoát khỏi sự diệt vong trong thời kỳ lịch sử nhân loại đang chuyển hóa từ hạ nguơn mặt kiếp sang thượng nguơn thánh đức.

Đại đồng công dụng còn có ý nghĩa là khả năng định thân, trực nhận Thượng Đế nơi bản tâm để Ngài hộ trì vượt qua khổ nạn. Ngài là Đấng Từ Bi Tối Cao duy nhất nhưng tình thương của Ngài ban đồng cho tất cả chúng sanh. Và mỗi chúng sanh cũng phải vận dụng tình thương của chính mình vô phân biệt đối với mọi kẻ đau khổ để thực hiện công dụng đại đồng của lòng bác ái thọ bẩm từ Thượng Đế tính.

*“Đương bây giờ nhơn sanh đang ở giữa một cảnh cát bay đá chạy, gió bụi ồn ào, thì cần biểu chúng nó nhắm đôi mắt lại, định thần chẳng nên xao xuyến qua lại, và chúng nó hết sức chủ tâm niệm tưởng rằng Thầy vẫn ở nơi bản tâm của nó, hằng hộ trì nó, lại nhắc nhở nó phải có một cái cảm tình thương yêu đặc biệt đối với những người đang ngộ cảnh như nó vậy, ấy là nhơn sanh đều phải từ CÔNG DỤNG ĐẠI ĐỒNG lần đến đặng chủ nghĩa.”*²⁹⁰

²⁸⁹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Vĩnh Nguyên Tự, 01-03 Kỷ Mão (1939).

²⁹⁰ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Vĩnh Nguyên Tự, 01-03 Kỷ Mão (1939).

3.2.3. Đại đồng chủ nghĩa

Từ kết quả của hai giai đoạn trên, các quốc gia trên thế giới bắt đầu theo đuổi đường lối chính trị đại đồng để xây dựng đất nước phồn thịnh, dân tộc bình đẳng và hòa bình cho nhân loại. Chủ nghĩa đại đồng trở nên ngọn cờ được nêu cao trên hoàn vũ.

Chủ nghĩa đại đồng trước hết sẽ được thể hiện ngay trong Hội Thánh duy nhất theo chọn truyền mà Đức Chí Tôn đã ban trao cho các Tông đồ thuở khai minh Đại Đạo:

*“Nhơn sanh đã đại đồng tất thành một chủ nghĩa. Mỗi đũa đều an tịnh vững vàng, rồi Thầy sẽ chọn các anh con để quyền lập Hội thánh một ngày nào, lập định lại những chánh sách chọn truyền của Thầy giao cho các con một tám bản đồ đã quỳ vâng thọ lãnh trước mặt Thầy khi xưa (...).”*²⁹¹

3.2.4. Đại đồng thành lập

Đại đồng thành lập là giai đoạn cuối cùng của tiến trình thực hiện đại đồng nhân loại sao cho cuộc sống đạo và cuộc sống đời là một tổng hòa trên đường tiến hóa của toàn thể nhân sanh.

*“Các con đã hiệp lại nơi Tòa Thánh rồi, Thầy sẽ ngự đến hội Vạn linh để sắp đặt chánh thể của Đạo lại cho hợp với trình độ nhơn sanh, và Thầy sẽ làm cho cao thượng hơn xưa nữa để lưu truyền vạn cổ.”*²⁹²

Đây là giai đoạn mà mọi sinh hoạt xã hội, mọi phương diện của đời sống tinh thần hay vật chất ở trong một gia đình, một nước và tất cả các nước đều thể hiện đầy đủ tính đại đồng. Mọi cá thể, mọi dân tộc đều được thụ hưởng đầy đủ

²⁹¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Vĩnh Nguyên Tự, 01-03 Kỷ Mão (1939).

²⁹² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Vĩnh Nguyên Tự, 01-03 Kỷ Mão (1939).

nhân quyền, hoàn toàn tự do, an lạc trong sự nghiệp văn minh chung của nhân loại.

4. KẾT LUẬN

Trong cõi nhị nguyên, nếu quan niệm xã hội đại đồng như một cánh giới trong đó mọi dị biệt đều được san bằng, mọi bản sắc địa phương đều bị loại bỏ, chỉ còn lại một sự đồng nhất trên mọi phương diện, ở mọi khuynh hướng và trong mọi giá trị, thì đó chỉ là một quan niệm không thực tế. Giáo lý Đại Đạo xác định rằng điểm căn bản trong vấn đề đại đồng là phá tan mọi chấp ngã trong tư tưởng con người để từ đó vượt ra khỏi bản ngã của mình mà hòa nhập với Đại Ngã: Nhân loại chỉ có thể gặp nhau do Yếu Tính duy nhất và phổ quát của con người là Nhân Bản. Nêu cao một lý tưởng duy nhất cho nhân loại mà thiếu Nhân Bản Tính thì không bao giờ đạt đến kết quả đại đồng cả. Thế giới đại đồng – nhân loại đại đồng – chứa đựng tình thương vô biên giữa các dân tộc, trong đó, mọi tổ chức, mọi công trình đều vì con người, đều giúp cho mỗi con người sống an lạc, văn minh, thăng tiến toàn diện.

CHƯƠNG 5.

PHẢN BỒN HOÀN NGUYÊN

MỤC 1. TỔNG QUAN VỀ CON ĐƯỜNG PHẢN BỒN HOÀN NGUYÊN

MỤC 2. SỨ MẠNG ĐẠI THỪA

MỤC 3. TÁNH MẠNG SONG TU

MỤC 4. TỔNG QUÁT VỀ ĐẠO PHÁP

MỤC 1.

TỔNG QUAN VỀ CON ĐƯỜNG PHẢN BỒN HOÀN NGUYÊN

Trên đường tiến hóa, ý thức PHẢN BỒN HOÀN NGUYÊN đánh dấu sự giác ngộ của con người về lẽ Đạo, đồng thời thúc đẩy con người thực hiện cuộc hành trình giải thoát. Con đường Phản Bồn Hoàn Nguyên khởi sự từ bước ngoặt rời bỏ lối sống hướng ngoại để quay lại bảo toàn sinh lực nội thân, giữ gìn sự an định nội tâm. Đó là bắt đầu bỏ ngọn về gốc.

Con đường này phải được tiếp tục bằng nhiều giai đoạn rèn luyện thân tâm của hành giả để bước vào đúng nhân vị. Từ đó, muốn tìm đến nguồn gốc của đại vũ trụ, con người cần phải làm chủ tiểu vũ trụ nhân thân. Chủ nhân ông ở đây chính là Tâm của con người. Bản thể của Tâm là Tiểu Linh Quang; dụng của Tâm là Linh Tri.

1. HÀNH TRÌNH QUY NGUYÊN

1.1. Quy Nguyên là Quy Tâm

Phản Bồn hoàn Nguyên là trở về với Đạo, với Bản Thể tuyệt đối, Nhân bản tối sơ hay Đại Linh Quang.

Tiểu Linh Quang hoạt động trong con người được gọi là tâm; là linh hồn trong xác thân. Nhờ có tâm, con người biết suy tư, nhận thức, hành động. Tâm điều khiển cuộc sống

TIQUAN VỀ CON ĐƯỜNG PHẢN BỔN HOÀN NGUYÊN

của nhân thân lần phát huy trí tuệ. Nếu tâm có chủ hướng tốt, con người sẽ tiến hóa, thăng hoa; ngược lại, con người sẽ thoái hóa, băng hoại. Vậy muốn quy Nguyên, con người phải quy Tâm, nghĩa là trở về với chính nội tâm của mình để hướng các hoạt động của tâm theo chiều hướng nhân bản, hầu tìm thấy con người chân thật của mình và nâng cao quyền năng ứng phó linh hoạt của tâm. Như vậy quy tâm ở đây là quy về cái Chơn Tâm duy nhất trường tồn bất biến.

Quy tâm còn là một quy luật tự nhiên. Mặc dù con người có tự do lựa chọn và quyết định sự tiến hóa của chính mình, nhưng trong khi chưa tự giác thì luật tự nhiên cũng sẽ tác động dần dần để con người hướng thượng. Đó là *“Quy Nguyên theo nẻo quy tâm trong luật tuần hoàn.”*²⁹³

Tinh thần quy Nguyên cũng dựa trên sự “thống nhất tâm linh”, sự “nhất quán nơi mình” để *“quy nguyên từ cá thể, tới gia đình, ra xã hội; cuối cùng phổ cập đến nhân loại bằng cái nhìn bao dung từ bi của Chí Tôn quảng đại vô biên.”*²⁹⁴

1.2. Các chặng đường quy Nguyên

Trên con đường phản Bổn hoàn Nguyên tự nhiên, con người cũng phải trải qua nhiều kiếp luân hồi trong vũ trụ – vòng quanh tam thiên thế giới, tứ đại bộ châu, thất thập nhị địa, tam thập lục thiên – mới về được điểm cuối cùng.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mở ra một con đường tắt gồm nhiều giai đoạn tu hành và tiến hóa phù hợp với hoàn cảnh của mọi người. Với con đường này, con người có thể đạt được mục tiêu mong muốn của mình là hiệp nhất với

²⁹³ Đức Quan Thánh Đế Quân; Thánh Giáo Suu Tập, 1972-1973, tr. 67

²⁹⁴ Đức Quan Thánh Đế Quân; Thánh Giáo Suu Tập, 1972-1973, tr. 67

Thượng Đế mà chỉ mất một khoảng thời gian ngắn ngủi là một kiếp sống tại thế gian.

Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Đức Chí Tôn có dạy:

*“Tam thừa cửu phẩm cũng do nơi quy luật Tam giáo mà Thầy chế đổi làm một con đường tắt để đưa các con về cứu vị.”*²⁹⁵

Tam thừa bao gồm Hạ thừa, Trung thừa, Thượng thừa. Mỗi thừa lại có ba phẩm: thượng, trung, hạ. Hạ thừa hướng dẫn con người cách sống đúng đạo trong xã hội. Trung thừa hướng dẫn con người tiến lên gánh vác thêm việc tổ chức, điều hành các tập thể trong xã hội theo những nguyên tắc của đạo lý. Thượng thừa hướng dẫn con người đi sâu vào tâm pháp để trực nhận chơn tâm, đạt được sự giải thoát hoàn toàn. Đó là những bước tu hành đưa *“một con người phàm phu trần tục trở nên thánh hiền, Tiên Phật. Những nấc thang liên tục không thể rời bỏ được. Như vậy mới đúng với Đạo hay Đại Đạo.”*²⁹⁶

Tam thừa tương ứng với hai lĩnh vực của sự tu hành là Thiên đạo và Thế đạo. Với Thế đạo, con người – qua cuộc sống của mình – sẽ góp công với cuộc đời xây dựng lại sự an lành, tiến bộ từ trong gia đình, đến dân tộc, nhân loại. Sau đó, con người sẽ bước lên Thiên đạo đại thừa, thực hiện công cuộc rèn luyện tâm linh, phục hồi nhân bản tối sơ để làm điều kiện cứu độ người khác.

Thiên đạo và Thế đạo là hai lĩnh vực mà người tu bình thường sẽ lần lượt tu học. Từ Thế đạo bước lên Thiên đạo

²⁹⁵ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 09-8 Bính Tý; Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 23 “Khởi trung tâm Đạo” tr.212.

²⁹⁶ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh; Thánh Giáo Sư Tập 1972-1973, tr.78.

là một bước ngoặt của người đã phát tâm giác ngộ muốn tu luyện để trở về Bản Nguyên. Tuy nhiên, nếu có hoàn cảnh thuận tiện và nếu muốn đi nhanh hơn nữa (hoặc đi tắt hơn nữa), thì tốt hơn, nên thực hành ở cả hai mặt đời đạo, gọi là *phước huệ song tu*. Với cách này, người tu có thể đạt được điều gọi là *tu nhứt kiếp, ngộ nhứt thời*.

2. PHƯƠNG PHÁP QUY NGUYÊN

2.1. Tâm là căn cơ để quay về Bản Nguyên

Xưa nay, vạn giáo ra đời truyền bá vô lượng pháp môn để diu dắt nhân sanh đi theo con đường đạo đức chơn chánh, tức là để biết Đạo, hành Đạo. Nhưng người đời thường lầm tưởng kinh sách là Đạo, nghi lễ tôn giáo là Đạo. Ngược lại, các bậc thánh hiền đều cho đó chỉ là phương tiện để thức tỉnh con người sống bằng Tâm, tu bằng Tâm.

Thật vậy, “ngoài Tâm không có Đạo, ngoài Tâm không có Phật Tiên chi cả”, “Thiên địa vạn vật, tất cả đều do Tâm.”²⁹⁷

2.2. Phải dụng tâm để chủ sử toàn diện con người

Tâm không phải là một cơ quan hữu hình nơi con người, mà là chủ thể vô hình, ứng biến tùy duyên tùy cảnh, không ngừng sinh ra tình thức, ý thức, vọng tưởng, niệm lự... tác động liên tục vào cuộc sống. Thế nên, nguyên tắc của tâm pháp là làm chủ cho được thất tình, lục dục, lục căn, lục thức, lục trần, hướng chúng theo đạo lý để chúng giúp cho hành giả tiến hóa. Tâm làm chủ là Chơn Tâm; tâm bị chi phối đảo điên là vọng tâm.

“Hành đạo biết rằng Đạo ở trong,

²⁹⁷ Đức Đông Phương Lão Tổ; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-06 Ất Mão (22-07-1975); Thánh Giáo Nguyên Bản.

*Biến nên vạn pháp cũng do lòng;
Tam thiên thế giới trong tay nắm,
Chính thị Tâm này đạt lý thông.”²⁹⁸*

2.3. Phá chấp để đạt được thiên địa chi tâm

Quả thật, phải hướng vào nội tâm mới cắt đứt được vạn duyên, không nào phiền với ngoại cảnh thì tâm mới thanh tịnh. Đó là diệt trừ chướng ngại bên ngoài. Nhưng chướng ngại vẫn có trong nội tâm do những định kiến, do thiên lệch ta người, tạo thành chấp ngã, chấp pháp, chấp tri kiến... Những chướng ngại này khiến cho tâm nghiêng ngã, hẹp hòi, vướng mắc, không còn linh hoạt biến thông, thì làm sao hòa hợp được với người khác, thông cảm bao dung được thể nhân, nói chi đến đồng nhất vũ trụ. Nên có câu: “Tâm là Tâm, cảnh là cảnh, mới thiệt là Thiên Địa Chi Tâm”²⁹⁹. Đây là Tâm của bậc hoàn toàn phá chấp, còn gọi là Tâm vô ngại, Tâm Không.

Đạt được Tâm Trời Đất chính là lúc Tâm với Đạo là một. Tâm ấy có một nguyên lý là làm sao cho mọi sự được quân bình, mọi việc được hài hòa, mọi người đều an lạc. Đó là Tâm chơn thường, ví như tấm gương trong, chiếu soi muôn vật mà không để lại hình bóng vật nào. Được như thế, giáo lý Đại Đạo gọi là Đắc Nhất, Tâm Đắc Nhất là Tâm vô phân biệt, nhờ đó hành giả thực hành được Trung Đạo.

*“Đắc Nhất tâm rồi, thế mới yên,
Muốn tâm đắc Nhất phải tham thiền;
Tham thiền tâm sẽ hòa muôn vật,*

²⁹⁸ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 14-10 Bính Thìn (04-12-1976); Thánh Giáo Nguyên Bản.

²⁹⁹ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Vĩnh Nguyên Tự, 15-03 Bính Thìn (14-04-1976); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Hòa ấy làm nên Đạo phối Thiên.”³⁰⁰

2.4. Tam Công

Nhằm tận độ quần sinh trở về nguồn cội nguyên sơ của mình, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nêu lên pháp môn tổng hợp – pháp môn Tam Công – để mọi trình độ căn trí đều có thể tu chứng, giải thoát.

Tam Công là phương cách tu hành, gồm ba mặt: Công Quả, Công Trình, Công Phu. Xét về mặt hiệu quả, Tam Công còn được gọi là Tu Phước, Tu Đức, Tu Huệ.

Tùy theo từng hoàn cảnh của từng giai đoạn trong cuộc đời một người mà có thể áp dụng phương cách này nhiều hơn phương cách kia. Tuy nhiên, đối với cả một đời hành đạo thì ba phương cách ấy có công dụng bổ sung cho nhau để tạo nên một sự rèn luyện cân đối ở cả hai mặt nhân sinh và tâm linh, giải quyết toàn bộ các vấn đề của con người.

Công quả là cố gắng làm những điều có ích cho tha nhân trong tinh thần hiến dâng, vô công vô kỷ, nhằm làm nhẹ đi những gánh nặng nghiệp quả trên đường quy Nguyên của chính bản thân mình, đồng thời cũng giúp đỡ người khác thực hiện công cuộc quy Nguyên của họ.

Công trình nói lên sự cố gắng rèn luyện cá tính trên tinh thần vô ngã cho phù hợp với bản tánh chí thiện ban sơ của con người.

Công phu là tu tánh luyện mạng trên tinh thần vô chấp, vô tướng để hòa đồng cùng Bản Thể của trời đất.

Tam công đều được đặt trên cơ sở cái tâm, trên sự cố gắng để tiến hóa của con người. Tam công tuy đều có giá trị

³⁰⁰ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-07 Ất Mão (21-08-1975); Thánh Giáo Nguyên Bản.

quan trọng, nhưng quyết định sau cùng đối với sự quy Nguyên chính là công phu.

Có thể nói, Tam công là điều kiện cần và đủ để hiện thực hóa công cuộc phản Bổn hoàn Nguyên. Đối với những người mang sứ mạng hoằng giáo để tự độ và độ tha, thì Tam công càng phải được vun bồi đầy đủ.

Trong cơ tận độ kỳ ba, Thượng Đế đã đặc ân cho chúng sanh được đại ân xá. Theo đó, người tu trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nếu biết lập tâm hành đạo, thì phần công quả sẽ được nhân lên với hệ số 3; nhờ đó, những nghiệp chướng tiền khiên sẽ được đặc biệt ân giảm. Đó là cơ hội ngàn năm một thuở để khuyến khích nhân sanh có thể chủ động hơn trong việc tự giải thoát khỏi khối nghiệp lực chông chát từ nhiều kiếp của mình. Tuy nhiên, với điều kiện nêu trên, Đại Ân Xá Kỳ Ba sẽ không thể là lý do để người tu ỷ lại dễ dãi.

Thế nên, đã gặp được may duyên này trong thời hạ ngươn, con người càng phải tự lực trì hành Tam công mới có thể đạt được những thành tựu tương xứng với những đặc ân mà mình đã nhận được. Trong trường hợp người tu phải kết thúc cuộc đời của mình mà không kịp thực hành đầy đủ các nấc thang tu tiến theo quy định của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì luật đại ân xá cho phép hành giả được hưởng đặc ân là tu đến đâu sẽ được chứng quả vị đến đó.

Thượng Đế khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với mục đích tận độ toàn nhân loại, mở một con đường rộng thênh thang cho mọi người trở về nguồn cội của mình. Nhưng Thượng Đế không mang xác phàm xuống thế gian nữa mà Ngài mở cơ Đạo bằng lý Thiên Nhân Hiệp Nhất, ban trao quyền pháp cho các hàng sứ mạng để dìu dắt chúng sanh về nẻo Đạo.

22 QUAN VỀ CON ĐƯỜNG PHẢN BỒN HOÀN NGUYÊN

“Mỗi một Nguyên Căn đến thế gian đều có mang một sứ mạng riêng biệt. Không phải xuống thế gian chỉ [để] tuần hoàn trong cuộc tiến hóa từ thấp lên cao. Sứ mạng của mỗi Nguyên Căn mang vào mình là ngoài phần vụ tự tu tự tiến, lại còn phải đem đạo độ đời để giác ngộ quần linh sớm thức tỉnh hồi đầu, cải ác tùng lương, cải tà quy chánh, để lần hồi cải tiến từ bản thân đến xã hội loài người, đến tận thiện, tận mỹ.”³⁰¹

3. KẾT LUẬN

Con đường phản Bồn hoàn Nguyên là con đường giải thoát của con người. Với những điều kiện thuận lợi mà Thượng Đế đã tạo ra trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, con người hoàn toàn có khả năng tìm lại được chính mình, và thấy mình trong Thượng Đế.

³⁰¹ Đức Đông Phương Chương Quán; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Tân Hợi (14-02-1972); Thánh Giáo Nguyên Bản.

MỤC 2.

SỨ MẠNG ĐẠI THỪA

Lịch sử các tôn giáo xưa nay đều cho thấy mỗi Đấng Giáo Chủ muốn phổ truyền đạo pháp đều phải có hàng sứ giả, tông đồ giúp sức. Đây là những người giác ngộ, sớm nhận được mặc khải của giáo chủ, lãnh hội được chân truyền, tự nguyện nhận lấy sứ mạng hoằng khai mỗi đạo.

Giáo lý Đại Đạo đã minh thị sứ mạng vi nhân là hành trình rèn luyện con người trở nên thánh thiện trong kiếp nhân sinh, tức hoàn thành nhân đạo, đồng thời, chỉ ra con đường phản bổn hoàn nguyên, dẫn dắt con người bước vào Thiên đạo, cầu tu giải thoát.

Khi bước vào Thiên đạo, là tu bậc đại thừa. Từ đây với lý tưởng siêu xuất thế gian, hành giả hiến dâng cuộc đời cho đại cuộc cứu độ quần sinh. Sứ mạng vi nhân ở cương vị con người Đại Đạo trở nên sứ mạng đại thừa của hàng sứ giả thiên ân.

1. Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA SỨ MẠNG ĐẠI THỪA

Hai chữ ĐẠI THỪA đã xuất hiện từ Nhị Kỳ Phổ Độ khi Phật giáo ra đời với ý nghĩa tự độ và độ tha, vượt lên trên tiểu thừa là pháp môn chỉ có khả năng tự độ.³⁰²

Đến khi Đại Đạo khai minh, mở ra Tam Kỳ Phổ Độ thì chữ ĐẠI THỪA thường gắn liền với chữ SỨ MẠNG nhằm

³⁰² Đại thừa, hay Đại thắng (tiếng Sancrit: Mahâyâna) là cỗ xe lớn, tức Giáo pháp lớn, cao hơn tiểu thừa (Hinayâna) là cỗ xe nhỏ, tức là Giáo pháp nhỏ.

nhấn mạnh cứu cánh tận độ nhân sanh của Đại Đạo trong thời Hạ nguơn.

Hoàn cảnh lịch sử khi nêu lên sứ mạng đại thừa là sự phân hóa cùng cực của nhân loại từ đầu thế kỷ 20 đến nay.

Chính sứ mạng đại thừa đối trị với căn bệnh kỳ thị giai cấp, kỳ thị chủng tộc đến mức phi nhân; đối trị sự sụp đổ mọi giá trị tinh thần do văn minh vật chất tác động mãnh liệt vào cuộc sống con người.

Chính sứ mạng đại thừa phục hồi chánh pháp, nhắc lại mục tiêu xây dựng chân dung con người nhân bản mà nhiều tôn giáo đã hầu quên khi ôm chầm thiên kinh vạn điển và say mê sắc tướng huy hoàng. Sứ mạng đại thừa thấp sáng cái NHẤT LÝ của vạn giáo để vạn giáo cùng quy nguyên.

Qua lịch sử thành lập đạo Cao Đài, có thể thấy rõ được sự truyền trao sứ mạng đại thừa ngay từ khởi thủy. Người môn đệ đầu tiên của Đức Giáo Chủ Cao Đài là Ngài Ngô Minh Chiêu đã thọ truyền chơn pháp đại thừa thuộc về Thiên đạo giải thoát tâm linh, để rồi chính Ngài thực hành sứ mạng phổ độ tâm truyền. Cùng lúc đó, Đức Cao Đài thu nhận những đệ tử khác lãnh sứ mạng phổ độ công truyền, giáo hóa nhân sanh tin Trời, hiểu Đạo hầu xây dựng xã hội thái bình an lạc.

Đến khi Ngài Ngô cùng chư thiên ân phổ độ công truyền³⁰³ hội hiệp, là thời điểm Đại Đạo sắp khai minh, thì ý nghĩa đại thừa của sứ mạng Cao Đài tức là sứ mạng đại thừa trong Tam Kỳ Phổ Độ đã trở nên thực thể, và được minh thị bằng mục đích: THẾ ĐẠO ĐẠI ĐỒNG, THIÊN ĐẠO GIẢI THOÁT.

³⁰³ Tức là các vị: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Lê Văn Trung, Nguyễn Trung Hậu, Vương Quang Kỳ...

2. MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA SỨ MẠNG ĐẠI THỪA

Có hai đích nhắm: một là cứu độ toàn diện cho mỗi cá thể và cho toàn thể nhân loại, hai là xây dựng nền tảng giáo lý nhằm thực hiện BẢN THỂ ĐẠI ĐỒNG NHÂN LOẠI.

2.1. Cứu độ toàn diện và cứu độ toàn thể

Đó cũng chính là mục tiêu tận độ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Toàn diện mang ý nghĩa có đủ hai mặt nhân sinh và tâm linh. Toàn thể mang lý tưởng đại đồng:

*“Quyền Pháp Đạo thực thể cứu thế phải có trách nhiệm trên toàn thể nhân loại. Không phải chỉ giải quyết vấn đề tâm linh, chính là giải quyết toàn diện cả thể con người.”*³⁰⁴

*“Dầu muốn hay không muốn thì tâm vật vẫn song hành, hai phương diện trong một con người. Là vật không có tâm, bỏ tâm không có vật. Thế nên sứ mạng đại thừa là thực tiễn cứu cánh nạn khổ chúng sanh, hòa mình trong xã hội nhân loại...”*³⁰⁵

Sứ mạng đại thừa đã khẳng định: vị nhân sanh, trước hết vì sự sống; sống an nhiên, sống đời mà cũng là sống đạo của con người hiện hữu rồi đến lẽ sống của con người muôn thuở là bậc Chơn Nhơn giải thoát.

“Vì vậy những người có sứ mạng Đại Thừa phải tùy duyên hóa độ không câu chấp vào hoàn cảnh xã hội chi cả, mà tất cả là nhiệm vụ của người biết hành Thiên Đạo Đại Thừa để tạo cảnh hạnh phúc cho thế nhân. Nói như thế là để chú ý mọi ý thức những diễn tiến đổi thay là những cơ hội để người hành đạo cho chính mình và cho mọi người do tâm

³⁰⁴ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Sư Tập 1968-1969, tr. 91

³⁰⁵ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-07 Đinh Tỵ (29-08-1977); Thánh Giáo Nguyên Bản.

lòng vô ngại; [chứ] để đến lúc bình thường thì lịch sử có chi đâu.

*Thiên Đạo, trường lưu khắp vạn loài,
Chuyển cơ tiến hóa nhiệm mầu thay;
Đại Thừa sứ mạng hành Thiên đạo,
Nào quản hề đông, nẻo dặm dài.”³⁰⁶*

2.2. Xây dựng nền tảng giáo lý nhằm thực hiện bản thể đại đồng nhân loại

Đây là lãnh vực lớn lao sâu rộng thuộc về giáo lý Đại Đạo. Xin nhấn mạnh: Giáo lý Đại Đạo vượt lên trên khuôn khổ tôn giáo; đó chính là tư tưởng Đại Đạo.

Bản thể đại đồng nhân loại chính là tâm hồn chung nhất của nhân loại, là những gì kết tinh trong văn hóa, văn minh nhân loại qua suốt chiều dài lịch sử.

Bản thể đại đồng nhân loại chính là nhân bản. Vậy, sứ mạng đại thừa phải hoàn thành một nền giáo lý bao gồm những yếu tố: *văn hóa đạo đức, hiện đại, dân tộc và đại đồng*³⁰⁷. Tinh thần đại thừa ở đây là chính nền giáo lý phải vượt lên trên mọi ý thức hệ mà vẫn tôn trọng những giá trị phản ánh nhân bản tính của mọi dân tộc, của mọi con người từ bất cứ địa điểm và thời điểm nào. Nhờ đó giáo lý Đại Đạo trở nên từ trường thu hút các cộng đồng nhân loại nhìn nhận nhau, sống với nhau trong sự an lạc và tiến bộ; bởi vì “*quá khứ, hiện tại, vị lai, dòng sông muôn ngõ rồi cũng*

³⁰⁶ Đức Đông Lâm Tiên Trưởng; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-10 Đinh Tỵ (25-11-1977); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³⁰⁷ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Bính Dần (28-3-1986); Thánh Giáo Nguyên Bản: “*Xây dựng nền tảng giáo lý theo kịp trình độ văn minh khoa học hiện đại để phổ độ khắp nhân loại (...) Cần phát huy truyền thống văn hóa đạo đức dân tộc (...) làm nổi bật thuần túy tính chất của dân tộc mà luôn kết hợp với bản thể đại đồng nhân loại.*”

quy về nơi biển cả. Sứ mạng thiên ân của con người Đại Đạo là biển cả, là bản thể vô biên.”³⁰⁸

2.3. Giải pháp của sứ mạng đại thừa

Giải pháp của sứ mạng đại thừa đương nhiên phải là giải pháp lịch sử tương ứng với Tam kỳ phổ độ.

“Qua hai kỳ khai Đạo, vạn giáo hoằng dương để độ dẫn quần sanh trở về căn cơ đạo lý, nhưng chưa được hoàn hảo như thời Thánh Đức Thượng Nguơn, vì trong cuộc tiến hóa càng ngày càng thiên về ngoại vật, lìa bỏ nội tâm nên kiếp sống người đời như con quay chuyển luân theo dòng luân chuyển. Nay chư hiền đệ hiền muội lập tâm tham câu đạo học để suốt thấu lẽ đạo hằng thường, để biết sống cái sống của thiên nhiên tạo vật. Đó là đoàn người sứ mạng thể Thiên hoằng đạo cho Thượng Đế trong Tam Kỳ Phổ Độ. Không riêng một tổ chức này, một quốc gia này, mà thế giới mười phương cũng sẽ được tận độ trong kỳ ân xá.”³⁰⁹

Các đặc điểm của giải pháp lịch sử này là:

Quy nguyên phục nhứt

Nêu cao lý tưởng đại đồng

Sử dụng thể Thiên Nhân Hiệp Nhất

2.3.1. Quy nguyên phục nhứt

Đem tinh thần “vạn giáo nhất lý” để hóa giải tình trạng phân ly thái hóa của các mối tín ngưỡng. Nêu cao lý nhất nguyên: ĐẠO - THƯỢNG ĐẾ - CHÚNG SANH LÀ MỘT để quy hướng loài người về một cứu cánh tiến hóa chung, đó là Thượng Đế. Đức Chí Tôn đã dạy:

³⁰⁸ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hội thời, 15-04 Canh Thân (28-05-1980); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³⁰⁹ Đức Đồng Phươg Chương Quân; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 01-12 Đinh Tỵ (09-01-1978); Thánh Giáo Nguyên Bản.

*“Đây là đường quy nguyên Tam giáo,
Cũng là giếng trọng bảo nước non,
Là mong cứu kiếp sống còn,
Cho toàn lê thử trong cơn hãi hùng.”*³¹⁰

hay:

*“Thử sứ mạng đương sanh hoằng giáo,
Thị Đại thừa Thiên đạo tiến tu,
Kỳ khai nhất bốn vạn thù,
Vạn thù quy nhất công phu siêu phàm.”*³¹¹

2.3.2. Nêu cao lý tưởng đại đồng

Kỷ nguyên này là kỷ nguyên mà khoa học đã chiếm lĩnh sự tôn sùng trong tri thức con người. Sứ mạng đại thừa không thể chỉ đem đức tin để thuyết phục nhân sanh mà phải dùng khoa học để soi rọi những quy luật trường cửu của vũ trụ vạn vật; từ đó, đối chiếu với lẽ Đạo hằng thường trong sự sống, sự tiến hóa của con người. Đó là nêu lên được tính đại đồng giữa khoa học và đạo lý, để rồi liên kết khoa học với đạo lý sao cho *“Khoa học giúp con người đạt địa, đạo lý giúp con người thông thiên”*³¹², hai lãnh vực có cùng một cứu cánh tiến hóa cho loài người.

Văn học, triết học, nghệ thuật thời đại cũng được mở mang sâu rộng vô cùng. Đó là những vùng ánh sáng phản chiếu từ chiều sâu tâm hồn của nhân thế, là những đóa con tinh thần, là tinh hoa muôn màu muôn vẻ của tư tưởng tư duy. Sứ mạng đại thừa cũng phải nhận chân được trong đó cái giá trị làm rung động tâm linh con người Đại Đạo. Tinh

³¹⁰ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ngọc Minh Đài, 10-07 Ất Ty (06-09-1965); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³¹¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hối thời, 29-02 Mậu Ngọ (06-03-1978); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³¹² Đức Cao Triều Phát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-07 Giáp Dần (01-09-1974); Thánh Giáo Nguyên Bản.

thần đại thừa của người sứ mạng ở đây là xác định và đón nhận đồng thời phát huy điểm chung nhất và tốt đẹp nhất là nhân bản tính.

Tóm lại, nêu cao lý tưởng đại đồng trên mọi phương diện của cuộc sống con người, sứ mạng đại thừa sẽ xóa bỏ được “*sự chênh lệch cách xa [giữa] một bên [là] trí năng phát minh khoa học và một bên [là] đạo đức lương tri*”³¹³ hầu giúp cho nhân loại một lối thoát.

Sứ mạng đại thừa cần chứng tỏ “*Đại Đạo là con đường rộng lớn nhất để đưa nhân loại đến đại đồng thế giới không kỳ thị phân chia, phù hợp xu hướng văn minh tiến bộ, tạo cảnh giới an lạc hòa bình hạnh phúc trần gian và siêu xuất thế gian, đó cũng là chiếc Bát Nhã hoàn đưa khách năm châu đến cứu cánh tận độ.*”³¹⁴

2.3.3. Thế Thiên Nhân Hiệp Nhất

Thiên Nhân hiệp nhất là nguyên tắc lập đạo, khai đạo, hành đạo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đây cũng là đặc ân hân hữu của Đức Thượng Đế dành cho cuộc cứu độ kỳ ba đồng thời là điều kiện đặc biệt của sứ mạng đại thừa trước mục tiêu tận độ nhân loại.

Đơn phương trí năng con người không thể đạt đến mức đại thừa của sứ mạng kỳ ba. Thiên cơ do Thượng Đế an bài nhưng người sứ mạng phải thánh hóa bản thân mới hội nhập được Thiên lý. Thiên lý sẽ điều độ Thánh tâm để thi hành và hoàn thành thánh sự.

*“Thượng Đế từ trên cõi mịt mù,
Người đòi thiện nguyện dốc lòng tu,*

³¹³ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hội thời, 11-08 Bính Dần (14-09-1986); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³¹⁴ Đức Cao Triều Phát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-02 nhuận Ất Sửu (31-03-1985); Thánh Giáo Nguyên Bản.

*Tạo cơ cảm ứng thiên nhơn hiệp,
Để có thông công có tạc thù.”³¹⁵*

“Tận độ quần linh phải cậy tay đoàn sứ giả. Sứ giả của Thượng Đế là ai? Là các hàng tiền nhân Giáo Chủ, là các bậc siêu nhân đặc đạo, là chư thiên ân sứ mạng hiện hữu đang lãnh đạo tôn giáo, lãnh đạo quần chúng.”³¹⁶

4. NGƯỜI SỨ MẠNG ĐẠI THỪA

Muốn thực hiện mục đích đường lối nêu trên của sứ mạng đại thừa đương nhiên phải có người sứ mạng đại thừa.

4.1. Người sứ mạng đại thừa là Con Người Đại Đạo

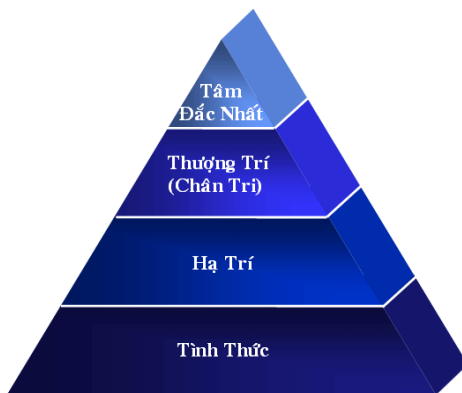
“Sứ mạng thiên ân của con người Đại Đạo là biến cả, là bản thể vô biên.”³¹⁷

Vậy Con người Đại Đạo có những đặc điểm gì để thực hiện sứ mạng đó? có thể hình dung qua sơ đồ sau:

³¹⁵ Đức Vạn Hạnh Thiên Sư; Thánh Giáo Suu Tập 1970-1971, tr.296

³¹⁶ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-07 Đinh Tỵ (29-08-1977); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³¹⁷ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-07 Đinh Tỵ (29-08-1977); Thánh Giáo Nguyên Bản.



Con người Đại Đạo:	Tâm đắc nhất + Thượng trí + Hạ trí + Tinh thức.
Nguyên Nhân	: Thượng trí + Hạ trí + Tinh thức.
Phàm Nhân	: Hạ trí + Tinh thức.

Trước hết, Con Người Đại Đạo phải là một Nguyên Nhân; đó là người đạt đến thượng trí tức cái chơn tri làm chủ mọi tri thức (hạ trí) và tinh thức. Kế đến, Nguyên Nhân ấy thọ bẩm tinh thần đắc nhất của tâm linh (thuộc cõi bồ đề) để sử dụng chơn tri của thượng trí mà thi hành sứ mạng.

Như thế bản chất của người sứ mạng đại thừa là bản chất Đại Đạo, là tình bác ái bao dung tất cả khiến người sứ mạng hành động vô tư, hiệp nhất được mọi đối tượng trên từng nấc thang tiến lên lý tưởng chân thiện mỹ của loài người. Chỉ có bản chất Đại Đạo mới hóa giải được mọi đổ vỡ phân ly hận thù trong lòng nhân thể gây ra biết bao sóng gió phủ phàng cho cuộc đời. Nên “hoài bão sau cùng của

sự rạn nứt tinh thần nhân loại cũng nhắm vào chất nhựa tình thương phát nguyên từ nguồn sống đạo vô biên”³¹⁸

4.2. Người sứ mạng đại thừa là người thực hành thiên đạo

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đã dạy:

*“Người tu hành học đạo mong được giải thoát là phải mang vào sứ mạng đại thừa,”*³¹⁹

và:

*“Người tu học đại thừa phải hành Thiên đạo.”*³²⁰

Vậy trong ĐẠI THỪA đã có ý nghĩa SỨ MẠNG và trong SỨ MẠNG đã có ý nghĩa ĐẠI THỪA.

Đường lối thi hành công năng cứu độ và giải thoát đó chính là Thiên Đạo Đại Thừa. Do đó, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn còn nói:

*“Thiên đạo tức là đường lối giải thoát của người tu.”*³²¹

Tóm lại, chính sức mạnh giải thoát tâm linh phát xuất từ quyết tâm dẫn thân vào đại cuộc cứu thế, đã khiến người sứ mạng hiến dâng cuộc đời xây dựng hạnh phúc cho thiên hạ, cũng đồng thời bắc những nấc thang tiến hóa lên Thiên thượng. Thiên đạo giúp cho người sứ mạng đạt đến đức tính phá chấp hoàn toàn hầu có khả năng cứu độ đại đồng.

³¹⁸ Đức Phan Thanh Giản; Trúc Lâm Thiên Điện, 08-04 Tân Hợi (02-05-1971); Thánh Giáo Suu Tập 1970-1971, tr. 214.

³¹⁹ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Vĩnh Nguyên Tự, Tuất thời, 10-06 Bính Thìn (06-07-1976); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³²⁰ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Vĩnh Nguyên Tự, Tuất thời, 10-06 Bính Thìn (06-07-1976); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³²¹ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Vĩnh Nguyên Tự, Tuất thời, 10-06 Bính Thìn (06-07-1976); Thánh Giáo Nguyên Bản.

4.3. Người sứ mạng đại thừa là thiên sứ, là người của thiên cơ

Người tu phát tâm góp phần vào đại cuộc cứu độ quần sinh khi được Đức Thượng Đế ban trao sứ mạng là nhận được thiên ân, trở nên bậc Thiên ân sứ mạng. Bậc Thiên ân không phải là một cá nhân đơn thuần, mà nơi họ biểu hiện những năng lực thiêng liêng tương giao tương ứng giữa người và người, giữa người và Trời.

Nên người thiên ân sứ mạng là người thấy *“chính mình là đạo, phải thay Trời mà vận hành tự cường bất tức”*³²². Đối với vũ trụ, đó là người *“huyền đồng cùng tạo vật.”*³²³. Đối với thế gian, đó là người *“làm cho kẻ thù trở nên thân, người ghét trở nên bạn, (...) xem mình là mọi người, mọi người là mình.”*³²⁴

5. KẾT LUẬN

Để đáp ứng cứu cánh tận độ sau cùng, đáp ứng mục đích THẾ ĐẠO ĐẠI ĐỒNG, THIÊN ĐẠO GIẢI THOÁT nhằm khai phóng con người toàn diện từ nhân sinh đến tâm linh, sứ mạng Đại thừa là điều kiện tất yếu.

Sứ mạng đại thừa là đặc trưng của Đại Đạo trong kỷ nguyên này, làm nơi quy hiệp động năng vận hành cơ cứu thế giữa thiên thượng và thiên hạ.

Nhị Kỳ Phổ Độ đã từng có một Lão Tử, một Thích Ca, một Khổng Tử, một Ky Tô cùng một số tông đồ của các Đấng Giáo Chủ này nhận lãnh và thi hành sứ mạng đại thừa.

³²² Đức Vân Hương Thánh Mẫu; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 13-08 Kỷ Mùi (03-10-1979); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³²³ Chư Tiên Khai Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-10 Kỷ Mùi (04-12-1979); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³²⁴ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 14-01 Canh Thân (29-02-1980); Thánh Giáo Nguyên Bản.

Ngày nay trong Tam Kỳ Phổ Độ, chỉ có một Giáo Chủ duy nhất của Đại Đạo là Đức Thượng Đế; nhưng người sứ mạng có thể gồm hàng triệu bậc nguyên nhân giác ngộ đang trôi bước trên đường thiên đạo.

Sứ mạng đại thừa của đoàn sứ giả này chính là Thiên mạng từ Thượng Đế ban trao, mới đủ sức đương kham đại cuộc cứu độ kỳ ba trước cuộc đời, trước toàn thể nhân loại.

Chính đặc điểm ĐẠI THỪA làm then chốt cho sự thành công của hàng thiên ân sứ mạng vậy.

MỤC 3. TÁNH MẠNG SONG TU

Con đường phản Bồn hoàn Nguyên là con đường hướng nội quy tâm để tìm lại con người chính danh đích thật, để Tiểu Linh Quang hiệp với Đại Linh Quang.

*“Cõi Niết bàn trong lòng sanh chúng,
Biết tu trì thực dụng thì nên;
Hồi ai dốc một chí bền,
Tìm về nguồn cội tuổi tên thuở nào.”³²⁵*

Nhưng muốn trở về Bồn nguyên không phải chỉ hướng nội quy tâm đơn thuần là đủ, mà hành giả phải trải qua quá trình tu luyện công phu, từ phàm tánh trở nên Thiên Tánh, từ phàm thân trở nên Thiên Mạng. Có Thiên Tánh, Thiên Mạng mới thành bậc Chơn Nhơn đặc đạo.

“Con người có tánh mạng. Tánh là Thiên tánh, Mạng là Thiên mạng, hai tú khí âm dương tạo thành là bản thể của Thiên Địa vạn vật. Nếu biết tu tánh, đừng để tánh bị muội mê bởi tham dục che lấp vì danh lợi tình tiền. Những thứ vật vô thường đã gây cho con người biết bao thảm họa triền miên từ kiếp này sang kiếp khác. Biết tu tánh thời không tham, thì vẫn có mà ăn, mà mặc, không tranh đấu mà vẫn có chỗ ở, không lẫn thân vào chỗ đau khổ mà vẫn có địa vị con người. Do đó, tu tánh là ánh linh sáng chói trong muôn ngàn nẻo Thánh. Còn biết luyện mạng là Thiên

³²⁵ Đức Di Lạc Thiên Tôn, Thánh Giáo Sư Tập, 1970-1971, tr.198.

mạng hằng tại, không thiên không lệch, không ô nhiễm tham dục, trên thuận cùng Trời, dưới an vui bốn cõi, hòa mình khắp chốn, lòng dân là lòng ta, lòng ta là lòng Trời, sống thì Thánh, thác thì thiêng. Ở nội Thánh ngoại vương, sống hằng sống trong cõi Thiên đàng cực lạc thì vẫn còn mơ ước gì nữa; Phật Tiên cũng chỉ thế thôi.”³²⁶

1. TÁNH

1.1. Nguyên Tánh

Mầm mống của Nguyên Tánh đã có sẵn trước khi con người ra đời. Mầm mống ấy do Trời ban cho, đồng đẳng giữa mọi người, làm Bản Tánh để tự tạo, tự hóa.

Tánh ấy là Bản Căn, Bản Thể của con người. Về Bản Thể, Tánh ấy là điểm Tiểu Linh Quang; về Bản Căn, Tánh là Chơn Thần.

“Của Trời là Lý, về người là Tánh. Lý, Tánh như nhau, vì thế nên Trời với người mới có thể ứng tiếp liên lạc nhau rất là mật thiết. Bởi vậy, hễ người muốn tính sự gì, tuy chưa làm ra, mà Trời đã biết trước.”³²⁷

Nguyên Tánh là nền tảng thâm sâu ở tận bên trong ý thức của con người, là nguồn gốc của trí tuệ con người.

Vào thế gian, Nguyên Tánh phải mang thêm lớp thân huyết nhục – tạo bởi khí chất hậu thiên – cộng thêm những biến dịch nơi cõi hậu thiên, tác động từ ngoại thân đến nội tâm, nên bị bụi trần che lấp làm lu mờ và đảo điên, trở thành phàm tánh.

³²⁶ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30 rạng 01-01 Đinh Tỵ (17-02-1977); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³²⁷ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 16-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 38 “Tồn tâm Dưỡng tánh”, tr.366.

1.2. Phàm tánh

Phàm tánh là tánh có ngay sau khi con người ra đời.

Con người hô hấp khí hậu thiên và được nuôi bằng thức ăn phàm tục, nên Linh Quang cũng bị ảnh hưởng và lu mờ, dễ tập nhiễm cái xấu và rời xa cái tốt. Do đó, Nguyên Tánh không có điều kiện để phát huy. Vì vậy, phàm tánh còn được gọi là tánh khí chất.

Phàm tánh chính là bản chất của mỗi người trong xã hội nhân sinh mà đời thường gọi là tánh tình, lòng dạ. Tánh ấy không thuần nhất, khi tốt khi xấu, khi vui khi buồn,... và khác nhau giữa người này với người kia. Nếu con người không quan tâm rèn luyện và thay đổi điều kiện sống thì phàm tánh vẫn ở mãi nơi con người qua các vòng luân hồi.

2. MẠNG

2.1. Chơn Mạng

Chơn Mạng thuộc về Tiên Thiên Chánh Khí, có trước khi con người ra đời (còn trong bào thai). Nhờ Tiên Thiên Chánh Khí mà trời đất trường tồn và sanh hóa ra vạn vật.

Con người nhờ hấp Tiên Thiên Chánh Khí mà Chơn Mạng được phục hồi và thăng hoa tiến hóa, có khả năng sống dài lâu như Trời Đất. Thân mạng cũng nhờ đó mà được duy trì tốt đẹp trong hữu hạn của nó. Khí Tiên Thiên ấy, con người có thể hấp thu bằng phương pháp tịnh định.

*“Tánh nơi người, tánh đồng nguyên thủy,
Mạng nơi Trời, mạng Khí Tiên Thiên;
Tánh là mạng, chẳng vững yên,
Mạng cùng với tánh, tách riêng không còn.”³²⁸*

³²⁸ Đức Đông Phương Chương Quân; Bát Nhã Thiền Đường (Minh Lý Thánh Hội), Tý thời, 10 rạng 11-08 Đinh Mùi (13-09-1967); Thánh Giáo Suu Tập 1966-1967, tr.170

2.2. Thân mạng

Thân mạng là xác thân huyết nhục của con người. Thân mạng được hình thành do tinh cha huyết mẹ, thuộc về hậu thiên. Nói theo Đạo học, thân mạng chính là thân tứ đại, được kết hợp bởi đất, nước, gió, lửa.

Đời thường gọi thân mạng là mạng sống, thân sanh. Nói cách khác, thân mạng là thân hữu hình hữu chất, là sự sống và sức sống của con người.

Thân mạng có sanh nên sẽ có diệt, nghĩa là có tính giả tạm. Nhưng nhờ có mạng này mà con người có phương tiện tu luyện, tiến hóa.

Có thể nói, Chơn Tánh (thuộc về Lý) và Chơn Mạng (thuộc về Khí) có cùng nguồn gốc nơi Trời, vốn hiệp làm một, nhưng khi đến cõi nhị nguyên, phân tách ra làm hai: Tánh là bản thể bên trong, Mạng là biểu hiện của bản thể qua lớp thân xác bọc bên ngoài con người. Bản thể phát triển đã làm xuất hiện vai trò của con người trong vũ trụ. Còn nếu xét về mặt chủ thể thì tâm lại là chủ nhơn ông của tánh và mạng. Do đó, muốn phát huy vai trò của con người phải đặt trên cơ sở của tâm và phải song tu tánh mạng.

3. TÁNH MẠNG SONG TU

Đạo của Trời chỉ là Lý với Khí, hay Dương với Âm, hay Càn Khôn. Còn đạo ở người là Tánh-Mạng hay Thần-Khí, mà cũng là Âm Dương.

“Tánh mạng Đại Đạo muốn đạt đến viên mãn, chỉ do thần khí ở nơi người.”³²⁹

³²⁹ Đức Đông Phương Lão Tổ; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 19-07.Đình Ty (02-09-1977); Thánh Giáo Nguyên Bản.

3.1. Tu tánh

Tu tánh tức là luyện thần để cho điểm Tiểu Linh Quang trở nên sáng suốt linh diệu, có đủ quyền năng sánh cùng Trời Đất trong thể Tam Tài.

Tuy nhiên, sự luyện thần chỉ hoàn chỉnh khi được chuẩn bị và hỗ trợ bởi việc luyện kỹ để chế phục thất tình lục dục, tạo điều kiện cho thần tĩnh lặng, phàm tánh trở thành Chơn Tánh, Nguyên Tánh.

3.2. Tu mạng

Tu mạng là luyện khí và luyện tinh, mà chủ yếu là luyện khí.

Tuy có sự minh định về tu tánh và tu mạng, nhưng đó là hai việc không thể tách rời nhau, vì phải luôn có sự kết hợp đồng bộ giữa tinh, khí, thần trong quá trình tu luyện.

Thần có tĩnh lặng mới có thể chủ động dẫn khí hậu thiên (dưỡng khí thông thường) trong từng hơi thở để chế luyện thành Khí Tiên Thiên, là cơ sở tạo nên Nhị Xác Thân. Tác dụng đầu tiên là thân sanh khoẻ mạnh, hình thể tươi nhuận và tinh thần trở nên linh hoạt sáng suốt hơn, sự sống và sức sống càng phát triển. Khí Tiên Thiên càng tích lũy được nhiều, sự sống càng dài lâu.

Nếu tu tánh để tạo nguyên thần, thì tu mạng để có nguyên khí. Thần khí đầy đủ là âm dương hiệp nhất, có khả năng kết hợp cùng Trời Đất.

“Thời mạt kiếp, cơ tận độ sắp bày, người tu hành nhơn đó mà lập công bồi đức để đoạn nghiệp tiền khiên và song song với sứ mạng cứu độ, phải công phu tu tánh luyện

mạng để giải thoát luân hồi, tạo cho mình được khả dĩ xứng đáng vào hàng Thần, Thánh, Tiên Phật.”³³⁰

3.3. Tánh mạng song tu và con đường phản Bồn hoàn Nguyên

Đức Đông Phương Lão Tổ có dạy:

“Đại Đạo thì rất giản dị, chỉ có âm dương, thần khí, tánh mạng đó thôi. Người biết có tánh mạng, biết dụng chỗ âm dương, thần khí để nuôi dưỡng tánh mạng, thì sự sống mới hòa nhịp được với thiên nhiên để tâm hồn được sáng suốt vững vàng, sẽ hòa hợp được với đời hậu xây dựng đời an lạc thái bình.”³³¹

Thế gian là môi trường thuận lợi nhất để học tập, rèn luyện. Thân xác là phương tiện thích hợp nhất cho sự rèn luyện tại thế gian để phàm tánh và thân mạng thăng hoa thành chơn tánh, chơn mạng trường tồn bất hoại, linh diệu biến thông. Kết quả ấy sẽ đem lại lợi ích cho người tu hành lúc còn sống cũng như sau khi thoát xác.

Lúc sống thì thân thể khỏe mạnh, tâm trí sáng suốt, trên thông lý trời, dưới đạt lý đất, chung quanh thì thấu suốt lòng người; đối với xã hội thì hành động ích lợi cho nhân sanh, giáo dân vi thiện, đưa bước đồng loại trở lại quê xưa, hoàn thành sứ mạng đại thừa thiên đạo. Lúc bỏ xác là đã đủ điều kiện trở về cõi an lạc vô sanh bất diệt. Đó là tinh thần:

*“Thân tuy ở cõi ta bà,
Mà tâm linh đã thoát ra cửa phiến.”*³³²

³³⁰ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Vĩnh Nguyên Tự, Hối thời, 18-01 Nhâm Tuất (11-02-1982); Thánh Giáo Nguyên Bồn.

³³¹ Đức Đông Phương Lão Tổ; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 04-06 Tân Dậu (05-07-1981); Thánh Giáo Nguyên Bồn.

³³² Đức Quan Thế Âm Bồ Tát; Thánh Thất Bình Hòa, Ngọ thời, 08-04 Canh Tuất (12-05-1970); Thánh Giáo Sư Tập 1970-1971, tr 66.

hoặc:

*“Diệt vô minh, Niết Bàn kiến đắc
Tận vô minh, xả tắc thanh bình
Người người không cụ không kinh
Vì bao thảm trạng điều linh giận hờn.”³³³*

Tuy nhiên, nói như thế không phải là đòi hỏi mọi người phải đạt được trình độ ấy. Nhân sanh căn trí vô lượng. Phương pháp tu tánh luyện mạng vẫn có nhiều mức độ để ai cũng có thể theo được và có lợi ích cho bản thân. Nếu người biết tiết chế lòng tham dục, biết sống cuộc đời điều độ, tự bảo dưỡng mình theo đạo lý, ít nói, ít buồn, ít giận, không xa hoa cũng chẳng khắc khổ,... tức là đã tạo cho mình một cuộc sống hạnh phúc ở thế gian vì không cảm thấy thiếu thốn, cũng không bệnh hoạn.

*“Siêng lo hành đạo lập công phu,
Bất cứ người nào cũng dễ tu;
Sự sống hàng ngày chen đạo lý,
Khỏi cần thạch động với non vu.”³³⁴*

4. KẾT LUẬN

Tu tánh luyện mạng theo tân pháp đại ân xá của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nhân sanh có nhiều khả năng tiến hóa trong cuộc sống tại thế gian và ngay cả sau khi bỏ xác phàm:

“Thượng Đế vị nhân sanh mà khai đạo pháp để con cái của Thầy học hỏi và hành theo đúng chánh pháp, đến ngày công quả viên mãn sẽ trở về hiệp nhứt cùng Thầy. Lúc bấy

³³³ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát; Thánh Thất Bình Hòa, Ngọ thời, 08-04 Canh Tuất (12-05-1970); Thánh Giáo Sưu Tập 1970-1971, tr 66.

³³⁴ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-01 Kỷ Dậu (03-03-1969); Thánh Giáo Nguyên Bôn.

*giờ, con là Thầy, là Phật, Tiên, Thánh, Thần. Đó là
đường lối tuyệt đích của Đại Đạo.”³³⁵*

³³⁵ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thiên Lý Đàn, 14-02 Ất Tỵ (15-02-1965);
Thánh Giáo Nguyên Bản.

MỤC 4.

ĐẠO PHÁP TỔNG QUÁT

1. TỔNG QUAN VỀ ĐẠO PHÁP

Đạo Cao Đài cũng như các tư tưởng Đạo học Đông phương đều minh xác rằng: Có một Bản Thể Duy Nhất tồn tại, biến hóa vô cùng. Từ đó, Càn Khôn vũ trụ được phân định, thế giới được lập thành. Bản Thể ấy có vô vàn danh hiệu. Phật giáo gọi Bản Thể ấy là Niết Bàn, là Như Lai, là Chơn Tâm. Lão giáo gọi Bản Thể ấy là Đạo, là Vạn tượng Chủ thể. Khổng giáo gọi đó là Vô Cực, Thái Cực, ngôi Trung, ngôi Nhất. Đạo Cao Đài xưng là Thầy, là Thiên Nhân, là Đại Linh Quang, là Thượng Đế, là Đấng Toàn Tri Toàn Năng.

Từ Bản Thể tuyệt đối ấy xuất sinh ra muôn loài vạn vật; mỗi mỗi đều mang hình thể khác nhau, căn cơ khác nhau, trình độ tiến hóa khác nhau. Nhưng tất cả đều theo một quy luật tiến hóa. Quy luật tiến hóa của vũ trụ xoay vần, vần xoay đến một giai đoạn nào đó của tuyệt đỉnh tiến hóa thì trở về nơi xuất sinh ra vạn vật là Bản Thể tuyệt đối. Trong quá trình ấy diễn ra quy luật đào thải. Chỉ những ai đạt đến năng lực đại định trong quá trình tu luyện Đạo pháp, mới đủ công năng tác hiệp với Thượng Đế và vũ trụ. Năng lực siêu việt đó chỉ xuất phát từ công phu tu luyện Đạo pháp mà có.

Từ xưa, vào hai thời kỳ trước, các vị Đạo Tổ là sứ giả của Thượng Đế cũng từ con đường Đạo pháp mà giáo hóa nhơn sanh tu luyện đắc quả. Đến thời đại ngày nay, chính Đức Thượng Đế – là Giáo Chủ đạo Cao Đài, là Bản Thể tuyệt đối – mở một con đường tổng hợp vạn pháp, gồm cự pháp và tân pháp Cao Đài, đề cứu rỗi toàn nhơn loại. Đồng thời, Ngài cũng mở thời kỳ Đại Ân Xá cho những ai tu theo chánh pháp Đại Đạo đều được cứu rỗi.

Chánh pháp Đại Đạo của Đức Thượng Đế truyền ban mở rộng cho những ai đã giác ngộ muốn cầu tu giải thoát.

2. ĐỊNH NGHĨA

Đức Vạn Hạnh Thiên Sư định nghĩa:

*“Đạo pháp là cái pháp, là giếng mối, là chìa khóa cho hành giả mở cửa đi vào trung tâm của sự tạo Phật tác Tiên, giải thoát kiếp hồng trần tạm bợ, trầm luân khổ hải để về chốn an nhàn vĩnh cửu, vô sanh bất diệt.”*³³⁶

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*“Đạo pháp (cũng thế), đó là bước đầu của kẻ hành giả; làm cho hô hấp điều hòa, tâm thần thơ mộng, thì chánh khí phát vượng (...)”*³³⁷

Đạo pháp cũng là tâm pháp bí truyền, cái thiên cơ bí mật của Thánh nhơn, khẩu khuyết tâm truyền cho người tu bất sanh bất tử.

Đạo pháp là con đường chỉ rõ thông cơ của Tạo Hóa, hòa hợp máy âm dương mà luyện thành Kim Đơn mới thành đạo.

³³⁶ Đức Vạn Hạnh Thiên Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 04-09 Quý Sửu (29-09-1973); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³³⁷ Đức Đông Phương Lão Tổ; Minh Lý Thánh Hội, 10-11 Bính Thìn (30-12-1976); Thánh Giáo Nguyên Bản

3. ĐẠO PHÁP VÀ VŨ TRỤ

*“Đạo pháp phải là một cái gì thực lớn rộng, bao trùm từ cái đại thể của vũ trụ, cho đến cái tiểu thể của hạt vi trần.”*³³⁸

Đạo pháp chính là sự vận hành của đại vũ trụ. Do sự vận hành của Đạo pháp mà các quy luật của vũ trụ tuần hoàn trong trật tự, điều hòa, linh động, biến hóa theo luật hữu vô, luật tương hòa tương hiệp, luật âm dương động tĩnh và luật tiến hóa trong môi trường nhân quả.

Theo luật hữu vô, nơi mọi vật trên thế gian và trong vũ trụ, cái có và cái không luôn luôn tương tác với nhau. Khi thì có, lúc thì không; có lúc có rồi lại không, đến lúc không rồi lại có. Không đến mà đến, không đi mà biến đi, vô lai bất khứ. Do đó vạn vật ổn định, tồn tại, phát triển.

Theo luật tương hòa tương hiệp, vạn vật tự phối hợp để tiến hóa trong sự điều hòa của vũ trụ.

Theo luật âm dương động tĩnh – một quy luật chi phối vạn vật rất mạnh mẽ – trong mỗi sự vật hay hiện tượng đều tồn tại hai năng lực đối kháng nhau, mâu thuẫn nhau, nhưng xu thế của hai năng lực này luôn hướng tới sự tương hòa tương hiệp, tạo thế cân bằng, không hoàn toàn tiêu diệt nhau.

Theo luật tiến hóa trong môi trường nhân quả, trong mọi chu trình sinh diệt biến hóa của tam thế – quá khứ, hiện tại, và vị lai – cái nhân và cái quả đan xen với nhau không dứt, vì thế mà vạn vật xoay vòng trong quy luật tiến hóa.

4. ĐẠO PHÁP VÀ CON NGƯỜI

Thử nhìn cảnh hùng vĩ của Trời Đất, nhìn cái to rộng uy nghi của vũ trụ. Con người tự thấy mình chỉ là những điểm nhỏ trong bầu vũ trụ. Thật ra con người không nhỏ, con

³³⁸ Đạo Học Chi Nam, chương 4, tiết 4, mục 1.

người cũng vĩ đại, cũng uy nghi như vũ trụ. Con người và vũ trụ là hai trong một thể. Không thể nói duy nhất, cũng không thể nói lưỡng phân. Con người và vạn vật tồn tại trên thế giới để thể hiện cái vinh diệu của vũ trụ.

Con người *“sống không để mà sống, sống đúng chính nghĩa thực của nó là thể hiện cái vinh diệu của vũ trụ”*.³³⁹

Con người đồng thể với vũ trụ và tác động qua lại với vũ trụ:

*“Con người với thể xác và tâm linh toàn vẹn cấu kết đều bị chi phối của vũ trụ. Những biến chuyển trong tâm linh con người, cũng như mọi sinh hoạt hành động của thể xác đều làm di động đến vũ trụ.”*³⁴⁰

Như vậy, Đạo pháp không thể thiếu được ở con người và vũ trụ. Con người đặt mình trong ánh sáng Đạo pháp để được ấn chứng siêu việt, đến chỗ tận cùng của sự tiến hóa. Thông qua con đường Đạo pháp, vũ trụ và con người mới tác hiệp với nhau trong quy luật vận hành của đại vũ trụ.

4.1. Đạo pháp là nấc thang tiến hóa của vạn loại

*“Mục đích của kiếp hiện tại là gây dựng hạnh phúc chân thật cho đời người ngày nay. Mục đích đối với quá khứ đã giải quyết, thanh toán những vay mượn nợ nần còn lưu dấu. Mục đích nhằm hướng về tương lai là đặt thành một nền tảng giải thoát cho con người tạo lập một nấc thang tiến hóa sau kiếp nhân sanh hiện tại.”*³⁴¹

Con người muốn hay không muốn đều ở trong quy luật tiến hóa của vũ trụ. Điều đó có nghĩa là con người trong quá trình tu luyện Đạo pháp, con người mới có thể xác định

³³⁹ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 14-08-Mậu Thân (05-10-1968); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³⁴⁰ Đạo Học Chi Nam, chương 4, tiết 2, mục 2.

³⁴¹ Đạo Học Chi Nam, chương 4, tiết 4, mục 3.

được sự tiến hóa của mình trong kiếp hiện tại và theo kịp sự vận hành của vũ trụ. Nếu không khéo, trong sự vận hành tiến hóa còn có quy luật đào thải, ngưng trệ hay thoái hóa. Đạo pháp là con đường tiến hóa duy nhất giúp con người vươn tới cứu cánh cao thượng, giải thoát mọi ràng buộc của tam thế, vốn luôn tác động gắn chặt với con người trong nhiều kiếp khó tháo gỡ. Muốn gỡ mọi thắt gút của cuộn tơ nhân quả, chỉ có một con đường duy nhất là Đạo pháp. Tuy nhiên, “Pháp môn vô lượng, căn trí chúng sanh vô lượng”, con người phải có một tâm linh tuyệt đỉnh, một lý trí minh triết, và một năng lực nội tại của bản thân để tự chọn cho mình một phương tiện hoàn hảo để đạt cứu cánh. Đạo pháp (siêu việt) sẽ đưa con người đến vĩnh hằng.

“Tri giác cảnh hữu hình hữu hoại, để nhận chân một thực thể trường tồn, hầu bước vào ngưỡng cửa Đạo học, để chọn một phương tiện duy nhất, quyết tâm đi về.”³⁴²

Con đường đi về Chơn Tâm bản thể không khó khăn, chỉ cần con người quyết tâm bước vào cửa Đạo.

4.2. Đạo pháp là con đường quy tâm

Quyết tâm đi về. Đó là ý chí xuyên suốt trong quá trình tu luyện Đạo pháp. Pháp môn vô lượng từ thấp đến cao, từ luật lệ, điều quy, cho đến khổ luyện công phu là những giai đoạn quan trọng, nhưng tâm con người là chỗ quyết định hơn cả.

Quy tâm là trở về tâm. Tâm có nhiều danh gọi; bởi vì từ xưa đến nay các vị Đạo Tổ, những bậc thiên sư, đạo sĩ đều từ chỗ tâm ấy mà đạt đạo. Phật gọi Viên Giác, Chơn Như, Chơn Tâm, Như Lai, Bản Lai Diện Mục. Lão gọi là Cốc Thần, Huỳnh Đình, Đôn. Khổng gọi là Nhất, Chính Trung của con người. Cao Đài xưng là Thầy ngự trong tâm con

³⁴² Đạo Học Chi Nam; chương 4, tiết 4, mục 3.

người giác ngộ, là Thượng Đế Tính, là Thiên Nhân, là Tâm.

Đức Bát Nhã Thiên Sư đã dạy:

*“Đạo pháp thậm thâm, bất khả tư nghị, nhưng nên cần biết và nhận chắc là tất cả vũ trụ chỉ có một Tâm, một Đạo, ngoài Tâm, Đạo ra, không còn có cái gì, thì mới đứng vững vàng trên cương vị giải thoát.”*³⁴³

Trong một đàn cơ khác, Ngài lại dạy:

*“Phật nói: “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức.” [Bản Đạo nói đây là] chỉ có một tâm là thực thể, còn ngoài tâm ra là huyền hóa. Cũng là tâm, mà tâm ấy thì vô minh thành vọng thức. Biết đem thức về tâm thì thức không còn, huyền hóa tự tiêu. “Bỏn lai vô nhất vật, hà xứ nhá trần ai” của Huệ Năng thật rõ ràng, có chi đâu mà nhá trần ai”.*³⁴⁴

Người luyện Đạo pháp từng giây, từng phút, từng giờ luôn kèm giữ tâm trên đường tu luyện bằng phương pháp nội quán. Nội quán là tìm cái nhân khởi ra lục thức. Chơn Tâm, Bản Lai vốn thanh tịnh, tự nhiên, vô vi, nguyên không có thức. Lục thức do đâu mà khởi? Do tâm thức mà khởi lòng dục. Khi có thức nên phân biệt, vào vòng khổ đau sanh tử luân hồi. Lục thức bị thu hút tiêu trần xa hoa, muôn ngàn ngoại cảnh hữu tình làm cho lục căn cảm nhiễm thành lục dục, lục thức thành lục tặc, do lục dục sanh thất tình cột vào phiền não, xa lìa cái Đạo.

Con người không thể tách rời nhân sinh xã hội. Cho nên thực hành pháp nội quán không chút xa rời mới mong đạt đến công phu đại định mà đắc thành đạo quả. Lúc hòa mình

³⁴³ Đức Bát Nhã Thiên Sư; Bát Nhã Tịnh Đường, 18-05 Ất Mão (27-06-1975); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³⁴⁴ Đức Bát Nhã Thiên Sư; Bát Nhã Tịnh Đường, Tuất thời, 26-05 Bính Thìn (23-06-1976); Thánh Giáo Nguyên Bản.

vào cuộc sống nhân sinh nhưng luôn luôn tâm niệm với lòng là hướng thượng, vượt ngoài những chói sáng của danh lợi tình tiền xô đẩy con người vào vực thẳm. Hãy lo những cái vĩnh cửu; đừng phí uông tâm lực một đời người để tô bồi những cái giả tạm thế gian.

Trong Đạo Học Chỉ Nam, Đức Thánh Trần và Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã dạy:

*“Tri giác pháp môn vô lượng, hướng tâm vào nơi tối thượng đỉnh, qua sông phải nhờ đò, đến bến phải rời đò. Tất cả không còn một bóng mờ nào lưu trong tâm linh con người giác ngộ. Lành thay đạo pháp cứu cánh vạn linh!”*³⁴⁵

Con người phải thể hiện sự tu luyện của mình, trong xã hội nhân sinh, phải bồi đắp tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả, vì *“tình thương sẽ cứu chuộc mọi nguồn tội lỗi, sẽ là liều thuốc thần đơn trị lành mọi bệnh tình nhân loại. Tình thương là chìa khóa giải thoát con người ra khỏi bể trần lụy, là con đường đưa con người lên nấc thang tiến hóa. Ngôi vị Chơn linh Tiên Phật được định giá bởi tình thương”*.³⁴⁶

4.3. Đạo pháp là con đường bảo thân

Con người ngoài linh hồn còn có thể xác. Thể xác cũng là vấn đề quan trọng trên con đường Đạo pháp. Thể xác giúp cho con người tu luyện để tiến hóa. Thể xác do tứ đại (đất, nước, gió, lửa) giả hiệp tạo thành và do sự chuyển động âm dương ngũ hành nên thân xác được bảo tồn. Người tu luyện phải biết bảo dưỡng, giữ gìn thân xác trọn vẹn, phải trân trọng giữ gìn nó cho tới nơi tới chốn, không bị hư hỏng, chìm đắm hay ngưng trệ. Bởi vì thể xác là phương tiện, nếu

³⁴⁵ Đạo Học Chỉ Nam, chương 4, tiết 4, mục 3.

³⁴⁶ Đạo Học Chỉ Nam, chương 4, tiết 3, mục 3.

thiếu phương tiện này khó huàn Kim Thân. Thở xác ví như chiếc đò, chiếc tàu vượt trùng dương khổ hải về nơi bến ngạn Chơn Như.

Sở dĩ thể xác lúc con người đang sống không bị tan rã, hư hoại là do Bản thể tuyệt đối là Đấng chúa tể của muôn loài cũng là căn nguyên của thần khí linh động trong con người và vạn vật. Thần Khí ấy bao trùm tất cả không chỗ nào không có. Nguyên khí hạo nhiên trong vũ trụ và nguyên khí trong con người là một. Nguyên khí ấy trở thành Tiên Thiên Khí khi con người luyện đạo. Hư Tâm khiến cho thần minh, do đó khí nương theo thần mà thông linh đắc đạo.

Y học Đông Phương dạy con người phải hiểu biết, bồi dưỡng thân tâm cho tinh ba trong thân người đầy đủ, để thần minh linh, khí linh hoạt, tinh trong thân người sung mãn, làm cho thân hình tươi nhuận, hình chất đẹp đẽ, tướng mạo ung dung siêu thoát.

Ba báu ấy luân động thể nào trong cơ thể và quan hệ ra sao trong cơ thể? Y học nói: Máu huyết là gốc của tinh, Tinh là nguồn cội của khí. Trong cơ thể vì một lý do nào đó, thần không đủ minh để dẫn khí, khí không mạnh để bảo tinh, tinh không hóa khí, ắt mất thăng bằng, sinh bệnh hoạn; ngay cả thân tâm cũng không vững vàng, khí lực yếu kém, hưởng hồ là nói đến luyện đơn.

Ngoài công phu nội công để bảo tồn tinh, khí, thần, còn có phương pháp ngoại công thể dục và phép lấy tân dịch trợ giúp con đường luyện đạo. Đó là sự toàn diện tu tánh luyện mạng của chánh pháp Đại Đạo.

5. NHỮNG ĐIỀU KIỆN KHI VÀO ĐẠO PHÁP

Đây là những quy điều cho người muốn vào Thiên đạo. Những quy điều này nhằm mục đích nhắc nhở cho người

mới vào con đường tu luyện. Ngay từ đầu tự xác định tư tưởng, ý chí để về sau không vương mắc khó khăn. Ít nhất phải đủ các điều sau:

1. Nhập môn Cao Đài. Đức Lý Giáo Tông dạy:

*“Những người vào trường Đạo pháp, điều trước tiên là đến trước Cao Đài gõ cửa Cao Đài. Cửa Cao Đài sẽ mở khi người có duyên Cao Đài được đến.”*³⁴⁷

2. Giữ quy giới và luật lệ. Đức Lý Giáo Tông dạy:

*“Điều hai là học luật lệ Cao Đài và điều sau nữa là phải giữ giới luật quy điều Đại Đạo.”*³⁴⁸

3. Có nhân duyên từ tiền kiếp. Đức Bát Nhã Thiên Sư dạy:

*“Chư đạo hữu đã may duyên được trực thọ đạo pháp chân truyền để tu tiến thượng thừa quả vị và toàn thể nhân sanh cũng may duyên gặp thời Đại ân xá vào cuối chu kỳ tam nguơn chuyển thế.”*³⁴⁹

4. Phải có đại chí, đoạn tuyệt ái ân, danh lợi, oán thù,... Trong khẩu khuyết Dự Bị Huyền Công do Đức Hà Tiên Cô dạy, có đoạn:

*“Việc thế sự ngoài tai gác bỏ,
Phép tu hành, gấn bó công phu;
Thoát thân ra khỏi trần tù,
Ái ân, danh lợi, oán thù đoạn xa.”*³⁵⁰

5. Quyết tâm cầu đạo, trường chay tuyệt dục. Đại Thừa Chơn Giáo viết:

³⁴⁷ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hợp thời, 15-01 Tân Dậu (19-02-1981); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³⁴⁸ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hợp thời, 15-01 Tân Dậu (19-02-1981); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³⁴⁹ Đức Bát Nhã Thiên Sư; Bát Nhã Tịnh Đường, Hợp thời, 21-05 Quý Sửu (21-06-1973); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³⁵⁰ Đức Hà Tiên Cô; Căn Bản Dự Bị Huyền Công.

*“Sự ăn chay là bỏ cho tiên thiên, còn ăn mặn là bỏ cho hậu thiên. Các con nếu ăn mặn mà luyện đạo thì Chơn Thần bị khí hậu thiên làm như bấn nặng nề khó xuất ra khỏi vùng trung giới được”.*³⁵¹

6. Dày công quả, cao công trình.

Công quả là nền tảng của công phu. Công trình là sự gắn bó bền chí thực hiện một điều gì đó. Hai công này là nền tảng vững vàng cho công phu; nếu yếu kém, bước Đại Thừa sẽ không vững.

7. Càng bước sớm càng tốt.

Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn đã từng nhắc nhở:

*“Những ai đã vào học chánh pháp Đại Đạo, nhưt là hàng tuổi trẻ, sinh lực đủ đầy, khí lực sung mãn, nên dễ tu chứng (...).”*³⁵²

Đức Bát Nhã Thiên Sư cũng đã từng nhấn mạnh:

*“Thật sự trong Tam Kỳ Phổ Độ nói riêng, về Đạo pháp ở Việt Nam này, dân tộc này rất cần những hàng thánh thiện tự ầu xuất gia để có giá trị tương xứng với Thiên ân sứ mạng trong Tam Kỳ Phổ Độ.”*³⁵³

8. Trình độ dễ tiếp nhận khẩu khẩu tương truyền, tâm tâm tương ứng. Đức Vô Cực Từ Tôn dạy:

“Đạo rất huyền bí cao siêu, nhưng Đạo cũng rất trống không dễ thấy. Sở dĩ truyền đạo mà phải khẩu khẩu tương truyền như lúc trước, là vì e con chưa dứt lòng phàm, công

³⁵¹ Đức Nam Phương Giáo Chủ; 22-09 Bính Tý (5 Novembre 1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1956), bài “Điều Cần Yếu Của Người Luyện Đạo”, tr.46.

³⁵² Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hội thời, 12-11 Tân Dậu (07-12-1981); Thánh Giáo Nguyên Bản.

³⁵³ Đức Bát Nhã Thiên Sư; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hội thời, 12-11 Tân Dậu (07-12-1981); Thánh Giáo Nguyên Bản.

phu trật lỏi, sai lạc căn bản, rồi phải rước họa vào thân, nên do đó mới có việc tương truyền Đạo pháp.”

9. Phải được sự điểm Đạo. Đức Đông Phương Chuông Quân dạy:

*“Kỳ trung sứ mạng cứu cánh trong Tam Kỳ Phổ Độ không phải như thời xưa, chánh giáo tự tay phạm truyền thọ nữa, mà phải cần có sự điểm đạo của Thiêng Liêng.”*³⁵⁴

6. NHỮNG NẮC THANG ĐẠO PHÁP

Chánh pháp Đại Đạo do Đức Thượng Đế truyền ban gồm những nấc thang tu luyện, từ khi bắt đầu tu luyện cho đến những cấp nâng cao trong Đạo pháp. Mục đích là để người tu luyện tuân tự nhi tiến, chớ không hề có pháp môn này thấp, hay pháp môn kia cao. Mà mỗi pháp môn theo trình tự với mục đích luyện hình, luyện tâm, luyện đức hạnh trước rồi mới luyện đôn. Người hành giả tu luyện dễ dàng, vững chắc không vướng vào những điều như:

Không nên quá chậm trễ và khoảng cách giữa cấp đạo pháp này với cấp đạo pháp kế tiếp quá xa, làm gián đoạn không liên tục (thí dụ như cách nhau đến 15-20 năm mới học tiếp lớp kế). Thời gian trôi qua rất nhanh, tuổi đời chông chất, tinh khí hao mòn, khi thiết tha với đường tu luyện, sợ e tử thần đến rước.

Cũng không nên quá nóng vội, chưa đủ ngày tháng mà đã lên cấp; ví như “chuối non dú ép” vì do lòng ham muốn vọng động, cũng khó tu chứng quả.

Cũng không nên vượt cấp, vào ngang mà không đi từ cấp đầu tiên, vì lòng phân biệt thấp cao, không rèn

³⁵⁴ Đức Đông Phương Chuông Quân; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 28-05 Tân Hợi (20-06-1971); Thánh Giáo Nguyên Bản.

~~ĐẠO~~ PHÁP TỔNG QUÁT

luyện đức hạnh mà muốn tu luyện cấp cao, cũng là cản trở đường tu.

Đức Chí Tôn ban truyền chánh pháp Đại Đạo, để cho nhân sanh tu luyện đắc thành chánh quả, thoát vòng sanh tử luân hồi. Ngài cũng muốn cứu độ tận cùng nhân loại, nên đồng thời với sự truyền ban chánh pháp Đại Đạo, Ngài cũng mở cơ cứu độ Kỳ ba Đại Ân Xá. Những ai vào tu theo chánh pháp Đại Đạo đều được cứu rỗi hoặc hưởng ân phước hoặc giải ác nghiệp tiền khiên. Chánh pháp Đại Đạo được sắp đặt theo thứ tự từng cấp và mỗi cấp mang một ý nghĩa trau luyện công phu, đức hạnh siêu thoát. Mỗi cấp bậc đều có vị hướng dẫn đạo pháp giảng về giáo pháp để lãnh hội mà thi hành. Những vị này được sự điểm đạo của thiêng liêng, được ban đặc ân giảng giáo pháp và theo dõi bước đường tu tiến của các tịnh sĩ. Tất cả đều được sự ban truyền từ các đấng thiêng liêng. Có nghĩa là học Đạo vô vi, Sư vô vi cùng với sự nhắc nhở của những vị có trách nhiệm. Đó là thể hiện tính Thiên Nhân hiệp nhất trong đạo Cao Đài, rất đặc biệt và rất ý nghĩa.

Chánh pháp Đại Đạo được truyền khắp các Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Chiếu Minh Tâm Pháp cũng từ chánh pháp Đại Đạo mà ra. Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, các cấp Đạo pháp ở được sắp đặt theo trình tự như dưới đây:

Cấp Dự Bị dạy người tu luyện lấy việc điều thân, điều tức, điều tâm làm chủ;

Cấp Sơ Thiên Cửu Cửu dạy luyện thân, khẩu, ý và bệ ngũ quan;

Cấp Sơ Thiên Cảm Đoạn, Sơ Thiên Tiến Đạo bậc 1 và bậc 2 dạy luyện hình cho Thần hình tươi nhuận, thân thể tráng kiện;

Cấp Nhị Cơ dạy thông hai đường Nhâm Đốc;
Cấp Ngũ hành âm dương dạy đả thông khí huyết;
Cấp Bá Nhật Trúc Cơ và Thập Ngoạt Hoài Thai dạy
luyện kỹ;
Cấp Tam Niên Nhũ Bộ dạy luyện đơn;
Cấp Cửu Niên Diện Bích kết thành Đơn tiên;
Và cao hơn nữa.v.v...

Tất cả các cấp đều có sự phối hợp giữa Cựu pháp và Tân pháp Đại Đạo, sự phối hợp hoàn hảo nhất cho con đường tu luyện đạo pháp.

7. ÍCH LỢI CỦA ĐẠO PHÁP

Nếu người tu luyện tuân thủ đúng theo chánh pháp Đại Đạo, một mực tu trì, hết lòng khổ luyện, chuyên tâm từng giờ, từng phút, từng giây vào công phu thiền định, sẽ có một số kết quả:

Kết quả 1:

Bách bệnh tiêu trừ,
Hòa hợp cùng vũ trụ và nhân sinh trong tinh thần siêu thoát,
Minh triết trong cuộc sống cho đến khi kết thúc cuộc đời.

Kết quả 2:

Chúng đắc tại tiền (Thánh nhân) có khả năng hướng dẫn cho nhân loại đi vào con đường thánh thiện,
Chúng đắc kim thân thoát vòng sanh tử luân hồi.

Kết quả 3:

Chúng đắc lục thông, ra vào khắp các cõi, cứu độ chúng sanh,

ĐẠO PHÁP TỔNG QUÁT

Đon thành thượng cửu thiên: có năng lực tiếp xúc cõi
thiên thượng,

Suốt thông tam giới: công năng đặc đạo thông suốt vào
ra mọi cõi.

Tất cả những điều trên chỉ là bao quát. Những ai có duyên
sẽ được thọ truyền chánh pháp Đại Đạo. Hãy bước lên nấc
thang Đạo pháp để tiến hóa tâm linh siêu việt, tìm hạnh
phúc vĩnh cửu cho chính mình và cho mọi người.

8. KẾT LUẬN

Trời Đất vạn vật đều bắt đầu từ Nhất, từ ngôi Trung, gọi là
Đạo, là Căn Nguyên của vũ trụ vạn vật. Muôn loài vạn vật
do đây mà xuất sinh, bởi đây mà tồn tại, do đây mà vận
hành trong trật tự điều hòa, linh động biến hóa. Trong đó,
con người là vật tối linh. Bằng con đường tu luyện Đạo
Pháp, con người dễ dàng chứng đắc hơn các loài vật khác
trở về cùng Thượng Đế.

Sự tu luyện Đạo Pháp đối với con người rất cần thiết. Vào
đường Đạo Pháp, phải biết bỏ ngọn tìm gốc, không bị chi
phối bởi những ngoại cảnh vốn chỉ là ảo ảnh phù du, giả
tạm. Hãy hướng vào nội tâm, chủ sử tình thức, bảo dưỡng
thân tâm, tô bồi đức hạnh. Trong cuộc sống thì xây dựng
cuộc đời thái bình thanh trị; lấy Tứ Vô Lượng Tâm: Từ Bi,
Hi Xả tiếp nhân xử thế. Có như vậy, con người mới đứng
vững trên cái thế Tam Tài của Càn Khôn.

Và có như vậy, con người mới đạt đến điểm đích của sự
tiến hóa, là nơi cuối cùng của cuộc hành trình, chứng Phật
vị, đắc Kim Tiên, hay trở nên hiền nhân quân tử để dẫn dắt
nhân sanh. Đó là kết quả của sự hành thâm đạo pháp, cứu
độ vạn linh qua chánh pháp Đại Đạo.

TỔNG LUẬN

Các yếu điểm giáo lý Đại Đạo giống như những mặt cắt của một viên kim cương, tùy theo từng góc độ mà phản ánh từng tia sáng chân lý của Đại Đạo. Các yếu điểm chan hòa nhau như vẻ đẹp của viên kim cương, phải là sự tổng hòa những tia sáng rực rỡ muôn vẻ muôn màu phát ra từ những mặt cắt của nó. Những vấn đề mà các yếu điểm đã lần lượt nêu ra, dù cho ở cạnh khía này hay phương diện khác, tự mỗi yếu điểm đều không lẻ loi riêng biệt. Không có một yếu điểm nào có thể độc lập, mà luôn luôn có liên quan, dính líu tới một hoặc nhiều vấn đề khác, và ngược lại.

Nhận định như vậy để thấy rằng, tuy đã phân chia thành chương mục, mà xét cho cùng thì hầu như các chương các mục đều tự nhiên muốn quyện vào nhau, khó mà tách bạch. Nhưng một khi đã thấu triệt toàn bộ các yếu điểm, tổng hòa chung mọi chương mục, thì có thể nhận ra rằng, nội dung cơ bản nhất của sự trình bày phong phú qua các yếu điểm trên đây là ba mối tương quan chủ yếu:

Tương quan vũ trụ với con người

Tương quan Thượng Đế với con người

Tương quan con người cá thể với con người xã hội

1. Tương quan vũ trụ với con người là mối tương quan nhất nguyên, nhất bản, và nhất thể. Nhất nguyên vì cùng xuất phát từ một Bản Thể là Đạo, là Khí Hư Vô, là Vô Cực. Nhất thể vì cùng là những điểm Linh Quang của một khối Đại Linh Quang Thái Cực. Con người như vậy là một phần tử hữu cơ, khăng khít gắn liền với vũ trụ. Sự góp mặt của

con người trong vũ trụ là để hợp cùng vũ trụ, điểm tô cho vũ trụ, và thúc đẩy sự tiến hóa của vũ trụ, trong đó có sự tiến hóa chính của con người.

2. Tương quan Thượng Đế với con người là tương quan đồng thể (Linh Quang). Do đó, Thượng Đế có mặt khắp nơi (vô sở bất tại), và có ẩn tàng trong tự thân của con người, gọi là Thượng Đế Tính (Tính Trời). Đức tin hướng về Thượng Đế không phải để định hình những nghi thức thờ phượng của tôn giáo, mà là để khai phóng Thượng Đế Tính đang tiềm tàng nơi con người. Để có thể nhận thức sự hiện hữu của Thượng Đế, con người phải biết hướng về nội tâm để tìm thấy Thượng Đế nội tại. Cảm nhận được Thượng Đế nội tại là bước tiến căn bản để con người bắt đầu phát huy Thượng Đế Tính và nhận thấy Thượng Đế ngoại tại ở khắp nơi nơi, nơi mọi người, mọi vật.

3. Mối tương quan con người cá thể và con người xã hội là hệ quả đương nhiên của hai tương quan trên. Con người nhận thức rằng mọi phần tử của cộng đồng con người đều đồng thể với Thượng Đế, đều nhất bản (nhất nguyên) và nhất thể với vũ trụ, ai ai cũng có Thượng Đế Tính. Như vậy thì sự tiến hóa của từng con người cá thể nhất thiết phải gắn với sự tiến hóa chung của xã hội loài người, hay nói khác đi, tương quan con người cá thể với con người xã hội là tương quan tâm linh và nhân sinh.

Cơ tiến hóa vận hành chung khắp cả vũ trụ Càn Khôn. Dù muốn hay không muốn thì mỗi cá thể và từng xã hội đều chịu sự tác động, chi phối. Đứng về phương diện cá thể, con người đang tiến hóa là con người làm sáng Nhân bản, sống và hành động đúng nhân vị, xứng danh là con NGƯỜI. Con người thể hiện được Nhân bản là hạt mầm, là chất keo ở giữa xã hội nhân sinh điên đảo ly tán, sẽ làm nảy nở các cộng đồng và gắn thành một xã hội tiến hóa, và con

người xã hội tiến hóa là con người sống trong tình thương nhân hòa, đại đồng. Đó là tình thương con người biết thọ nhận từ Thượng Đế và noi gương Thượng Đế chan hòa cho đồng bào, đồng loại chí đến cả chúng sanh.

Nhận thức ba mối tương quan căn bản nêu trên không phải đơn thuần để thỏa mãn về mặt tri thức, mà là để vận dụng tri thức đó để chỉ đạo, dẫn dắt hành động cho cụ thể trong cuộc sống. Nói cụ thể hơn, nhờ nhận thức rõ ba mối tương quan căn bản nêu trên mà con người:

Tự khẳng định được căn cội, giòng dõi sang cả của mình;

Biết mình từ đâu đến và phải làm gì để xứng đáng với địa vị Thiên-Địa-Nhơn *tam tài đồng đẳng*;

Biết *sứ mạng vi nhân* phải hoàn thành để tạo hạnh phúc cho chính mình, cho đồng bào, đồng loại, cho chúng sanh;

Và biết *sứ mạng đại thừa* được vinh dự đảm trách trong thế *Thiên Nhân hiệp nhất*, cộng tác, góp sức với Trời để thực hiện cơ tận độ kỳ ba;

Sau cùng là để *quy nguyên phản bản*, khép kín chu trình:

*Một sứ mạng Thầy dành hai ngõ,
Một ra đi một trở lại Thầy.*

Suốt cuộc hành trình ra đi và trở lại Thầy, nhờ giáo lý soi đường và đạo pháp trợ lực, từng bước thực hiện đầy đủ công quả, công trình và công phu theo phương pháp Tam công của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, con người của Đại Đạo quyết tâm vượt qua các nấc thang tiến hóa và giúp vạn linh tiến hóa, vươn lên để trở lại Thầy. Nhân bản của con người khi được phát huy tột cùng, trọn vẹn, thì đó chính là Thượng Đế Tính đã được khai phóng, phát triển, hiển lộ

trong con người Đại Đạo, tạo nên *quyền pháp* của thực thể Đạo cứu thế kỳ ba.

Muốn cho các xã hội loài người sẽ hạnh phúc trong tình thương không ranh giới, chẳng những không ranh giới giữa các dân tộc, giai cấp, mà còn giữa loài người và chúng sanh vạn vật. Muốn thể nghiệm cho được *nguyên lý Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể*, chứng thật rằng tất cả đều là anh em trước sau trên con đường tiến hóa, thể hiện tình thương yêu *đại đồng* lan rộng khắp biên cương với đầy đủ ý nghĩa của nó, thì *Nhân bản chính là chủ vị của con người Đại Đạo*.

Để đạt được phương diện *giải thoát* thì *thiên đạo đại thừa* – bao gồm Đạo pháp *tánh mạng song tu* và sứ mạng *tận độ* – chính là *chánh pháp Đại Đạo* hay *Tân pháp Cao Đài*, sẽ hoàn tất mục tiêu cứu độ toàn diện con người và toàn thể nhân loại của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Danh mục tài liệu tham khảo dưới đây được sắp xếp theo thứ tự mà theo đó các tài liệu đã được trích dẫn lần đầu tiên trong quyển sách này.

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo: Thánh Giáo Nguyên Bản; tài liệu lưu trữ nội bộ, từ 1960 đến 1989.

Minh Lý Thánh Hội: “Đạo Học Chi Nam”; bản đánh máy, lưu hành nội bộ.

Tòa Thánh Tây Ninh: “Thánh Ngôn Hiệp Tuyển”, 2 quyển; quyển 1, bản in Kỷ Dậu 1969; quyển 2, bản in Canh Tuất 1970.

Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất: “Đạo Lý”, tập số 37, tài liệu phổ biến trong nội bộ Cao Đài giáo, bản quay ronéo, tháng 11 năm Mậu Thân 1968.

Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất: “Kinh Bình Minh”, 3 quyển; quyển 1 (đệ nhất), bản in Mậu Thân 1968; quyển 2 (đệ nhị), bản in Canh Tuất 1970; quyển 3 (đệ tam), bản in Nhâm Tý 1972.

Cao Đài Đại Đạo, Chiêu Minh Đan: “Đại Thừa Chơn Giáo”, 2 bản in; bản in lần thứ nhì (song ngữ Việt Pháp), nhà in Ng. Văn Huân, Sài gòn, năm Canh Dần 1950; bản in “Trước Tiết Tàng Thơ (Thủ Thiêm – Gia Định)”, giấy phép xuất bản số 1594 TXB, ngày 23-11-1956.

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo): “Thánh Giáo Sưu Tập”, 4 quyển; quyển Bính Ngọ và Đinh Mùi (1966-1967), ấn quán Phổ Thông, Sài gòn, 1968; quyển Mậu Thân và Kỷ Dậu (1968-1969); ấn quán Phổ Thông, Sài gòn, 1972; quyển Canh Tuất và Tân Hợi (1970-1971), ấn quán Phổ Thông, Sài gòn, 1973; quyển Nhâm Tý và Quý Sửu (1972-1973), ấn quán Phổ Thông, Sài gòn, 1974.

Minh Lý Thánh Hội: “Giáo Huân Khuyến Tu Thi Văn”, quyển Thượng, bản đánh máy.

Tòa Thánh Tây Ninh: “Pháp Chánh Truyền” (với phần chú giải Bát Quái Đài – Hiệp Thiên Đài – Cửu Trùng Đài của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc), bản in lần thứ sáu, Bính Ngọ 1966.

Tòa Thánh Tây Ninh: “Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo”, bản in Nhâm Thân 1992.

Minh Lý Đạo (Minh Lý Thánh Hội): “Minh Lý Chơn Giải” (do Minh Thiện kết tập các Thánh ngôn của Ngài Trần Hưng Đạo và chư Tiên Phật mà đại thành và chú sớ); bản đánh máy năm Tân Mùi; tháng 06-1967.

Cao Đài Đại Đạo Tiên Thiên Hư Vô: “Trời Tiếng Chuông Vàng” (đàn ra kinh: Thanh Tịnh Đan, Tam Thanh Bửu Điện, Nguyệt Thanh Cung, Chiêu Thanh Quang, Thanh Phong Đan, Thanh Liên Đan, Lư Bồng Đạo Đức), bản in 1950.

Tam Thanh Bửu Điện: “Chơn Pháp Lưu Truyền Thiên Kinh Diệu Dụng”, bản đánh máy.

Tòa Thánh Tiên Thiên “Châu Minh”: “Thánh Huấn Hiệp Tuyển”, 2 quyển, bản in Tân Sửu 1961.

Minh Lý Đạo (Minh Lý Thánh Hội): “Dịch Kinh Huyền Nghĩa, Quẻ Kiền” (do Trần Hưng Đạo Đại Vương ngự bút), bản quay ronéo, Tam Tông Miếu, tháng 12-1965.

Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài (thuộc Tòa Thánh Tây Ninh): Luật Tam Thể, tài liệu kết tập các đàn cơ tại tư gia của nhân viên Bộ Pháp Chánh để học tập nội bộ; bản được download từ web site <http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/tam.htm> vào tháng 12-2001.

Phan Bội Châu: “Chu Dịch”, quyển 1, bản in 1969.

Minh Lý Thánh Hội: “Bài giảng Quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhon” (rút trong quyển Châu Dịch Đại Toàn, do Nguyễn Minh Thiện phiên dịch và Bề Trên giảng bút phụ nghĩa thêm), tháng 8-1968.